

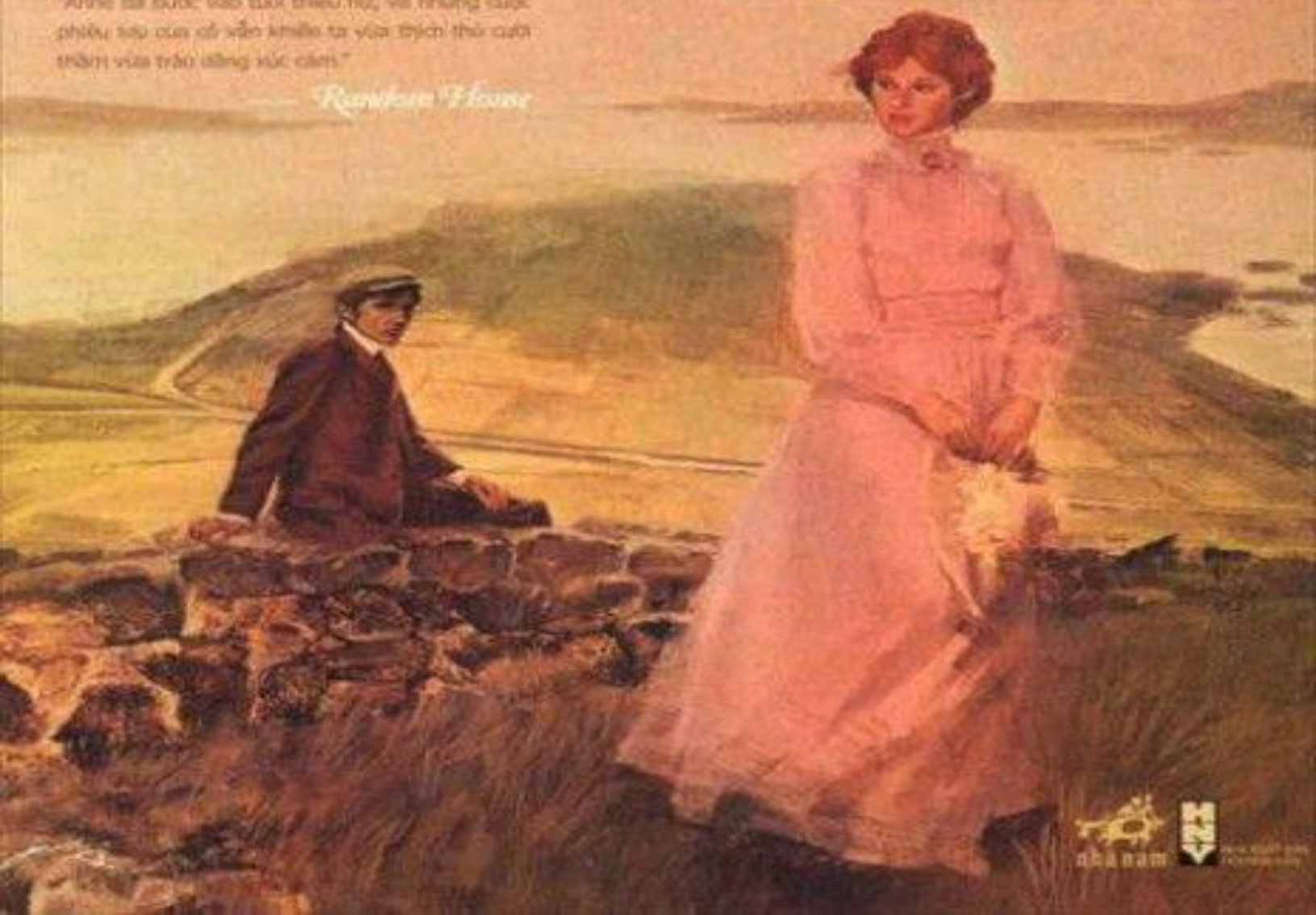
L. M. MONTGOMERY

Anne

tóc đỏ ở đảo
Hoàng tử Edward

"Anne đã bước vào tuổi thiếu nữ, và những cuộc phiêu lưu của cô vẫn khiến ta vừa thích thú vừa thêm vào trái tim nỗi cảm."

Rainbow House



Anne tóc đỏ ở quần đảo Hoàng tử Edward

Lucy Maud Montgomery

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Table of Contents

[Chương 1: Bóng dáng của sự đổi thay](#)

[Chương 2: Vòng hoa mùa thu](#)

[Chương 3: Chào đón và tạm biệt](#)

[Chương 4: Quý bà Tháng Tư](#)

[Chương 5: Thư nhà](#)

[Chương 6: Trong công viên](#)

[Chương 7: Trở về nhà](#)

[Chương 8: Lời cầu hôn đầu tiên dành cho Anne](#)

[Chương 9: Người yêu không được chào đón và người bạn được hoan nghênh](#)

[Chương 10: Nhà Patty](#)

[Chương 11: Vòng quay cuộc đời](#)

[Chương 12: “Averil chuộc lỗi”](#)

[Chương 13: Con đường dẫn tới sa ngã](#)

[Chương 14: Lời gọi của Chúa](#)

[Chương 15: Giấc mơ đảo lộn](#)

[Chương 16: Điều chỉnh các mối quan hệ](#)

[Chương 17: Lá thư của Davy](#)

[Chương 18: Cô Josephine nhớ đến Anne](#)

[Chương 19: Khoảng lặng](#)

[Chương 20: Gilbert thổ lộ](#)

[Chương 21: Hoa hồng của ngày hôm qua](#)

[Chương 22: Mùa xuân và Anne quay trở lại Chái Nhà Xanh](#)

[Chương 23: Paul không tìm lại được những người trên vách đá](#)

[Chương 24: Jonas xuất hiện](#)

[Chương 25: Bạch mã hoàng tử xuất hiện](#)

[Chương 26: Christine xuất hiện](#)

[Chương 27: Trao đổi tâm sự](#)

[Chương 28: Một chiều tháng Sáu](#)

[Chương 29: Đám cưới của Diana](#)

[Chương 30: Chuyện tình của bà Skinner](#)

[Chương 31: Anne gửi Philippa](#)

[Chương 32: Tiệc trà với bà Douglas](#)

[Chương 33: “Anh ấy cứ tới chơi tới chơi”](#)

[Chương 34: John Douglas cuối cùng cũng cầu hôn](#)

[Chương 35: Năm cuối cùng ở Redmond bắt đầu](#)

[Chương 36: Nhà Gardner đến thăm](#)

[Chương 37: Cử nhân chính thức](#)

[Chương 38: Bình minh huyệt](#)

[Chương 39: Vất vả với các đám cưới](#)

[Chương 40: Sách Khải huyền](#)

[Chương 41: Tình yêu lấp đầy khoảng cách thời gian](#)

Giới thiệu

Anne tóc đỏ ở đảo hoàng tử Edward là cuốn thứ 3 trong xê ri truyện về cô bé Anne mồ côi gồm 8 tập này.

Tác phẩm mở đầu với lời đề: “Tặng mọi cô bé khắp trên thế giới đã muốn “biết thêm nữa” về Anne”.

Ở phần này, “Anne đã bước vào tuổi thiếu nữ, và những cuộc phiêu lưu của cô vẫn khiến ta vừa thích thú cười thầm vừa trào dâng xúc cảm”.

Cô bé tóc đỏ duyên dáng, lãng mạn vẫn gắn với tình bạn thân thiết cùng Diana Barry, với Chái Nhà Xanh và hồ Lấp Lánh.

Câu chuyện cũng “lớn dần” lên với một thiếu nữ Anne đã biết yêu, ghen tuông và đau khổ. Và cả diễn biến cuộc đời của những nhân vật đã gắn bó với Anne trong hai tập đầu tiên, như cậu bé Paul với những người trên vách đá, cậu nhóc Davy với các lá thư ngộ nghĩnh....

Series Anne tóc đỏ gồm 8 quyển:

Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh (đã xuất bản ở Việt Nam)

Anne tóc đỏ làng Avonlea (đã xuất bản ở Việt Nam)

Anne tóc đỏ ở đảo Hoàng Tử Edward (đã xuất bản ở Việt Nam)

Anne tóc đỏ dưới mái nhà Bạch Dương (đã xuất bản ở Việt Nam)

Anne tóc đỏ và Ngôi Nhà Mơ Ước (đã xuất bản ở Việt Nam)

Anne dưới mái nhà Bên Ánh Lửa (đã xuất bản ở Việt Nam)

Thung lũng Cầu Vòng (chưa xuất bản ở Việt Nam)

Rilla dưới mái nhà Bên Ánh Lửa (chưa xuất bản ở Việt Nam)

Mục lục

Chương 1: Bóng dáng của sự đổi thay

Chương 2: Vòng hoa mùa thu

Chương 3: Chào đón và tạm biệt

Chương 4: Quý bà Tháng Tư

Chương 5: Thư nhà

Chương 6: Trong công viên

Chương 7: Trở về nhà

Chương 8: Lời cầu hôn đầu tiên dành cho Anne

Chương 9: Người yêu không được chào đón và người bạn được hoan nghênh

Chương 10: Nhà Patty

Chương 11: Vòng quay cuộc đời

Chương 12: “Averil chuộc lỗi”

Chương 13: Con đường dẫn tới sa ngã

Chương 14: Lời gọi của Chúa

Chương 15: Giấc mơ đảo lộn

Chương 16: Điều chỉnh các mối quan hệ

Chương 17: Lá thư của Davy

Chương 18: Cô Josephine nhớ đến Anne

Chương 19: Khoảng lặng

Chương 20: Gilbert thổ lộ

Chương 21: Hoa hồng của ngày hôm qua

Chương 22: Mùa xuân và Anne quay trở lại Chái Nhà Xanh

Chương 23: Paul không tìm lại được những người trên vách đá

Chương 24: Jonas xuất hiện

Chương 25: Bạch mã hoàng tử xuất hiện

Chương 26: Christine xuất hiện

Chương 27: Trao đổi tâm sự

Chương 28: Một chiều tháng Sáu

Chương 29: Đám cưới của Diana

Chương 30: Chuyện tình của bà Skinner

Chương 31: Anne gửi Philippa

Chương 32: Tiệc trà với bà Douglas

Chương 33: “Anh ấy cứ tới chơi tới chơi”

Chương 34: John Douglas cuối cùng cũng cầu hôn

Chương 35: Năm cuối cùng ở Redmond bắt đầu

Chương 36: Nhà Gardner đến thăm

Chương 37: Cử nhân chính thức

Chương 38: Bình minh hụt

Chương 39: Vất vả với các đám cưới

Chương 40: Sách Khải huyền

Chương 41: Tình yêu lấp đầy khoảng cách thời gian

Lời khen tặng dành cho tác phẩm:

“Vẫn luôn như vậy, Anne lại đối mặt những thách thức trong cuộc sống và trong các mối quan hệ với sự dữ dội, cảm tính và sức hút lạ kỳ, vốn là đặc trưng mà không ai còn lạ lẫm ở cô.” - *Resident Scholar*

“Anne đã bước vào tuổi thiếu nữ, và những cuộc phiêu lưu của cô vẫn khiến ta vừa thích thú cười thầm vừa trào dâng xúc cảm.” - *Random House*

“Dành cho tất cả những ai muốn được trải nghiệm cảm giác vui vẻ, hài hước trong khi đọc; và đặc biệt dành cho tất cả những ai từng yêu thích Anne Tóc đỏ dưới Chái nhà xanh.” - *Resident Scholar*

Lời đề tặng

Tặng mọi cô bé khắp trên thế giới đã muốn “biết thêm nữa” về ANNE

Những điều quý báu muộn màng

Tâm thành truy cứu nòng nài đến sau.

Ái tình Duyên phận theo nhau

Rửa cho xán lạn ngọc châu lấm bùn.

TENNYSON

Chương 1: Bóng dáng của sự đổi thay

“Vụ mùa kết thúc, hạ đã trôi đi,” Anne Shirley lẩm nhẩm đọc một câu^[1], mơ màng nhìn ra cánh đồng trơ gốc rạ. Cô và Diana Barry vừa hái táo trong vườn Chái Nhà Xanh, nhưng giờ thì họ đang nghỉ ngơi lấy sức ở một góc vườn đơm nắng, nơi từng cụm bông kế lững lờ trôi trên cánh gió còn đượm hương mùa hạ ngọt ngào, thấm đẫm mùi dương xỉ trong rừng Ma Ấm.

[1]. Cựu ước, sách Jeremiah 8:20.

Nhưng cảnh vật xung quanh họ đâu đâu cũng đậm không khí mùa thu. Biển gầm gừ ầm ì xa xa, những cánh đồng trơ trọi héo úa, phủ gốc rạ vàng rục, hoa cúc tây tím mơ màng nở rộ nơi vùng trũng có dòng suối chảy qua phía dưới Chái Nhà Xanh và hồ Lấp Lánh thì xanh, xanh, xanh biếc, không phải màu xanh biển ảo của mùa xuân, không phải màu xanh ngăn ngắt của mùa hạ, mà là màu xanh trong trẻo, thanh thản và trầm lặng, cứ như mặt nước đã qua tuổi bông bột, nay lắng xuống với một sự tĩnh lặng chẳng bị giấc mơ bốc đồng nào phá vỡ.

“Mùa hè vừa qua thật đẹp,” Diana mỉm cười xoay xoay chiếc nhẫn mới tinh nơi tay trái. “Và đám cưới của cô Lavendar chính là đỉnh sự kiện tuyệt vời nhất. Tớ nghĩ ông bà Irving giờ đang ở bờ Thái Bình Dương rồi.”

“Tớ thấy họ đi lâu cứ như đi vòng quanh cả thế giới ấy,” Anne thở dài. “Tớ không tin được là họ chỉ mới cưới có một tuần thôi. Mọi thứ đều thay đổi hết cả. Cô Lavendar, ông bà Allan đều đã rời đi, ôi, ngôi nhà mục sư trông cô đơn biết bao khi cửa chớp đóng kín cả! Tối qua tớ đi ngang qua và cảm thấy cứ như mọi người trong đó đã chết hết rồi ấy.”

“Chúng ta sẽ chẳng bao giờ có được vị mục sư nào tốt như ông Allan nữa,” Diana bi quan khẳng định như đinh đóng cột. “Tớ chắc mùa đông này sẽ có đủ kiểu mục sư thử việc ghé qua, và phân nửa số ngày Chủ nhật sẽ chẳng có buổi lễ nào cho coi. Mà câu với Gilbert lại đi xa nữa chứ, sẽ buồn chán đến chết mất thôi.”

“Fred sẽ luôn có mặt mà,” Anne bóng gió một cách lấu lỉnh.

“Khi nào thì bà Lynde dọn vào?” Diana hỏi cứ như chẳng hề nghe thấy lời bóng gió của Anne.

“Ngày mai. Tớ mừng là bà ấy sẽ tới, nhưng sẽ lại thêm một sự thay đổi nữa. Hôm qua bác Marilla và tớ đã dọn hết mọi thứ ra khỏi phòng dành cho khách. Cậu biết tớ ghét việc đó đến nhường nào không? Đương nhiên như thế thật ngốc nghếch, nhưng cứ như là bác cháu tớ phải làm chuyện gì đó tội lỗi lắm vậy. Cái phòng dành cho khách cũ kỹ ấy lúc nào cũng giống như một nơi thiêng liêng đối với tớ. Khi còn nhỏ, tớ nghĩ đó là căn phòng tuyệt vời nhất trên thế giới. Cậu nhớ tớ đã khao khát muốn ngủ trên một chiếc giường dành cho khách đến phát rồ lên không, nhưng đương nhiên không phải là trong căn phòng ở Chái Nhà Xanh. Ồ, không, trong đó thì không bao giờ! Sẽ rất khủng khiếp, tớ sẽ không tài nào chợp mắt nổi vì kính sợ. Tớ chẳng bao giờ bước qua căn phòng ấy mỗi khi bác Marilla sai tớ vào có việc, không, tớ lúc nào cũng rón rén và nín thở đi từng bước, cứ như là đang ở trong nhà thờ ấy, và tớ cảm thấy nhẹ cả người khi ra khỏi căn phòng đó. Có ảnh chân dung George Whitefield và công tước Wellington treo trên tường ở hai bên tấm gương, họ nghiêm khắc cau mày nhìn tớ từ lúc bước vào đến lúc bước ra, nhất là nếu tớ dám nhìn lên vào gương, đó là cái gương duy nhất trong nhà không làm mặt tớ bị vẹo đi một tẹo. Tớ lúc nào cũng tò mò không biết bác Marilla lấy đâu ra can đảm để mà dọn dẹp căn phòng ấy nữa. Giờ thì căn phòng không những được lau chùi mà còn bị dọn sạch sẽ rồi. George Whitefield và ngài công tước đã bị đày lên treo ở hành lang trên lầu. ‘Vậy đó, mọi vinh quang trên thế giới này đều đến hồi kết thúc’,” Anne kết luận rồi phá lên cười tuy giọng cười có chút tiếc nuối. Chẳng bao giờ vui được khi chốn thiêng liêng xưa cũ của ta bị mạo phạm, dẫu ta đã qua thuở thơ ngây đó rồi.

“Cậu đi rồi tớ sẽ cô đơn đến chết mất thôi,” Diana rên rỉ đến lần thứ một trăm. “Cứ nghĩ mà xem, tuần sau là cậu đi rồi!”

“Nhưng lúc này chúng ta vẫn đang ở bên nhau mà,” Anne vui vẻ nói. “Chúng ta không nên để tuần kế tiếp lấy đi niềm vui của tuần này. Tớ cũng chẳng thích nghĩ tới chuyện rời đi tí nào, quê nhà là người bạn rất thân thiết của tớ. Cô đơn ư? Chính tớ mới là người phải rên rỉ đây. Cậu sẽ ở lại với đủ bạn đủ bè, và cả Fred nữa! Trong khi tớ một mình đối mặt với cả biển người lạ, chẳng biết ai cả!”

“Ngoại trừ Gilbert, và Charlie Sloane,” Diana bắt chước kiểu nhấn giọng láu lỉnh của Anne.

“Charlie Sloane sẽ an ủi tớ được nhiều đấy, hẳn là thế,” Anne mĩa mai đồng ý, khiến cho hai cô nàng vô trách nhiệm cùng phá lên cười. Diana biết rõ Anne nghĩ gì về Charlie Sloane, nhưng qua bao câu chuyện tâm sự tầm phào, cô không biết chắc Anne cảm thấy thế nào về Gilbert Blythe. Rõ ràng là Anne cũng chẳng biết điều này.

“Bọn con trai có thuê nhà ở đầu bên kia Kingsport thì với tớ cũng chẳng khác gì,” Anne tiếp. “Tớ mừng là mình sắp vào trường Redmond học và tớ chắc là mình sẽ thích nó sau một thời gian. Nhưng trong mấy tuần đầu, tớ biết là tớ sẽ không thích đâu. Tớ còn chẳng được an ủi bằng niềm trông đợi đến cuối tuần để về nhà như hồi đi học ở Queen nữa. Giáng sinh thì còn cả ngàn năm nữa mới tới.”

“Mọi thứ đều đang thay đổi, hay là sắp sửa thay đổi,” Diana buồn bã nói. “Tớ cảm thấy mọi việc sẽ chẳng bao giờ như xưa nữa, Anne à.”

“Chúng ta đã đi đến ngã ba đường rồi, tớ nghĩ thế,” Anne trầm tư. “Chúng ta phải đến lúc đó thôi. Cậu nghĩ làm người lớn có thích như tưởng tượng của chúng ta thuở nhỏ không hở Diana?”

“Tớ chẳng biết nữa, cũng có vài điều hay đấy chứ,” Diana đáp, một lần nữa lại mân mê chiếc nhẫn với nụ cười tủm tỉm lúc nào cũng khiến cho Anne đột nhiên cảm thấy mình thật trẻ con và bị bỏ rơi. “Nhưng cũng có nhiều chuyện đáng băn khoăn. Thỉnh thoảng tớ cảm thấy làm người lớn khiến tớ run sợ, và sẵn sàng đánh đổi bất cứ thứ gì để trở lại thành một cô bé.”

“Tớ cho rằng từ từ thì chúng ta cũng sẽ quen với việc là người lớn thôi,” Anne vui vẻ nói. “Sẽ không có nhiều chuyện bất ngờ xảy ra nữa, dẫu tớ vẫn ngờ rằng chính những điều bất ngờ mới là thứ đem lại gia vị cho cuộc đời. Chúng ta mười tám tuổi rồi, Diana ạ. Hai năm nữa chúng ta sẽ hai mươi. Hồi mười tuổi, tớ nghĩ hai mươi là già lắm rồi. Chẳng bao lâu nữa, cậu sẽ là một bà nội trợ đứng tuổi trầm tính, còn tớ sẽ là dì Anne, cô gái già hiền hậu hay đến thăm cậu vào các dịp lễ. Cậu sẽ luôn chừa một góc nhà cho tớ, phải không Di yêu dấu? Đương nhiên không phải là phòng dành cho khách rồi, các cô gái già làm gì đủ tiêu chuẩn bước vào đó, tớ sẽ ‘khúm núm’ y hệt Uriah Heep^[2] và hài lòng với căn gác xép ọp ọp hay căn phòng chứa đồ đằng sau phòng khách.”

[2]. Nhân vật trong cuốn tiểu thuyết *David Copperfield* của Charles Dickens, có tính khúm núm, xun xoe, khiêm nhường giả tạo.

“Cậu nói chuyện nhảm nhí quá đi, Anne ạ,” Diana phá lên cười. “Cậu sẽ cưới một chàng trai vừa tuyệt vời, vừa đẹp trai, vừa giàu có, và chẳng có căn phòng dành cho khách nào ở Avonlea đủ hào nhoáng cho cậu đâu, và cậu sẽ hất mũi cười nhạo vào đám bạn cũ của cậu.”

“Thật đáng tiếc, cái mũi của tớ đẹp thế này, nhưng cứ hất mũi lên hoài thì sẽ mất đẹp đi,” Anne vỗ vỗ vào cái mũi đẹp đáng của mình. “Tớ không có bao nhiêu ưu điểm để mà hoang phí, cho nên dẫu có cưới ông hoàng của đảo Ấn thì người thì tớ hứa tớ cũng không hất mũi lên cười nhạo cậu đâu, Diana ạ.”

Phá lên cười rộn rã thêm lần nữa, hai cô gái chia tay nhau. Diana về lại Dốc Vườn Quả, Anne đi bộ đến bưu điện. Cô thấy có một lá thư đang chờ mình ở đó, và khi Gilbert Blythe bắt gặp cô trên cây cầu bắc qua hồ Lấp Lánh, cô đang hớn hở trước tin bất ngờ mà nó đem lại.

“Priscilla Grant cũng đến Redmond đấy,” cô kêu lên. “Có tuyệt vời không? Tớ cứ mong là cậu ấy sẽ đi, nhưng cậu ấy sợ ba không đồng ý. Nhưng giờ thì ba cậu ấy đồng ý rồi, và bọn tớ sẽ thuê nhà cùng ở với nhau. Tớ cảm thấy tớ có thể đối diện với cả một đạo quân đầy gươm giáo - hay một binh đoàn khủng khiếp gồm tất cả các giáo sư của Redmond nếu có người bạn thân như Priscilla bên cạnh.”

“Tớ nghĩ chúng ta sẽ thích Kingsport,” Gilbert nói. “Ai cũng nói đó là một thị trấn cổ dễ thương, và có khu bảo tồn thiên nhiên đẹp nhất thế giới. Nghe nói phong cảnh ở đó hết sức ấn tượng.”

“Tớ tự hỏi liệu nó có - nó có thể - đẹp hơn thế này không,” Anne lẩm bẩm, nhìn quanh với đôi mắt yêu thương thán phục của những người luôn cho rằng “quê nhà” là nơi chốn tuyệt vời nhất trên đời, dẫu có bao nhiêu vùng đất diệu kỳ khác nơi những tinh cầu xa xôi.

Bọn họ tựa vào cây cầu cũ vắt ngang hồ nước, thu vào tầm mắt vẻ đẹp mê hồn của buổi chiều tà, ở đúng nơi Anne trèo ra khỏi con thuyền đáy bằng đang chìm vào ngày Elaine trôi xuống Camelot. Màu đỏ tía dịu dàng của nắng chiều vẫn rọi sáng bầu trời phía Tây, nhưng trăng đang mọc và mặt nước lặng yên như một giấc mơ bạc mệnh

mông dưới ánh trăng. Hoài niệm tựa như bùa mê ngọt ngào và huyền ảo quấn lấy hai người trẻ tuổi.

“Cậu yên lặng quá, Anne à,” cuối cùng Gilbert cũng lên tiếng.

“Tớ sợ không dám lên tiếng hay cử động, để tránh cho vẻ đẹp tuyệt vời này khỏi biến mất khi bầu yên lặng bị phá tan,” Anne thở hắt ra.

Gilbert đột nhiên đặt tay lên bàn tay trắng muốt thon thả đang tựa hồ lên thành cầu. Đôi mắt nâu nhạt của anh thắm lại, đôi môi vẫn còn non nớt mở ra định nói đến giấc mơ và niềm hy vọng đang rạo rục trong tâm hồn. Nhưng Anne rút mạnh tay ra và quay vội đi. Phép màu của chiều tà không còn tác dụng với cô nữa.

“Tớ phải về nhà thôi,” cô kêu lên với vẻ vô tâm khá là giả tạo. “Bác Marilla bị nhức đầu từ chiều, và tớ tin chắc là hai đứa sinh đôi đã kịp bày trò khùng khiếp gì nữa đây. Lẽ ra tớ không nên rong chơi lâu quá thế này.”

Cô nói huyền thuyên không ngừng cho đến khi họ đi tới lối vào Chái Nhà Xanh. Gilbert đáng thương chẳng có cơ hội mở miệng nói xen vào tiếng nào. Anne cảm thấy nhẹ người hẳn khi họ chia tay. Tim cô bỗng cảm nhận một sự e dè mới mẻ kỳ lạ đối với Gilbert kể từ thoáng thấu hiểu trong khu vườn Nhà Vọng. Có thứ gì đó xa lạ đã xâm nhập vào tình bạn lâu năm hoàn hảo thời đi học - thứ gì đó đang đe dọa phá vỡ nó đi.

“Trước đây mình chưa bao giờ cảm thấy vui khi tiễn Gilbert,” cô nghĩ bụng, nửa hối hận, nửa âu sầu trong lúc bước dọc theo lối đi. “Tình bạn của bọn mình sẽ mất đi nếu cậu ấy cứ làm những điều vớ vẩn như thế. Nó sẽ không mất đi được, mình sẽ không để cho điều đó xảy ra đâu. Ôi, tại sao bọn con trai không thể lý trí một chút chứ!”

Anne rối bời nhận ra cảm giác ấm áp lúc này vẫn đang rõ mồn một trên tay cô y như trong thoáng ngẩn ngủ Gilbert đặt tay lên chẳng thể nào gọi là lý trí được, và một thực tế còn ít lý trí hơn nữa là cảm giác đó chẳng hề khó chịu chút nào, hoàn toàn khác hẳn khi Charlie Sloane làm điều tương tự lúc hai người ngồi chầu rìa trong buổi vũ hội ở White Sands ba ngày trước đây. Anne rùng mình nhớ lại cảm giác khó chịu khi ấy. Nhưng mọi rắc rối liên quan đến những chàng trai say men tình ái bay

mất sạch khi cô bước vào bầu không khí ẩm cúng chất phác của căn bếp Chái Nhà Xanh, nơi một cậu bé tám tuổi đang khóc nức nở trên ghế dựa.

“Chuyện gì vậy Davy?” Anne ôm lấy cậu bé. “Bác Marilla và Dora đâu rồi?”

“Bà Marilla cho Dora đi ngủ,” Davy nức nở, “cháu khóc là bởi vì Dora trượt chân ngã lộn vòng ở bậc thang ngoài trời dẫn xuống tầng hầm, mũi bị xước hết cả da và...”

“Ôi, thôi đừng khóc nữa cưng à. Đương nhiên là cháu thương em, nhưng khóc lóc cũng chẳng giúp gì cho em được. Mai là em sẽ ổn thôi. Khóc chẳng có tác dụng gì cả, nhóc Davy à, và...”

“Cháu có khóc vì Dora bị té đâu,” Davy cắt ngang lời thuyết giảng thiện ý của Anne với giọng mỗi lúc một chua chát. “Cháu khóc vì không được tận mắt nhìn nó té. Cháu lúc nào cũng bỏ lỡ những dịp vui vẻ, hình như thế.”

“Ôi, Davy!” Anne cố nhịn để không phá ra cười sằng sặc rất không đúng đắn. “Nhìn Dora tội nghiệp bé bỏng trượt té và bị thương thì vui vẻ lắm sao?”

“Nó có bị nặng đâu,” Davy bào chữa. “Đương nhiên, nếu nó chết thì cháu sẽ buồn lắm, cô Anne à. Nhưng người họ Keith chẳng dễ chết đâu. Giống như mấy người nhà Blewett vậy, cháu nghĩ thế. Thứ tư tuần trước Herb Blewett ngã từ vựa cỏ khô xuống, lăn thẳng qua chỗ trút củ cải vào máng ăn, nơi họ nuôi một con ngựa vừa hung hãn vừa khó thuần, rồi lăn ngay xuống dưới chân con ngựa ấy nữa. Ấy thế mà anh ta vẫn sống nhăn chỉ bị gãy có ba cái xương. Bà Lynde nói có nhiều người dùng dao phay chém cũng chẳng chết. Mai bà Lynde sẽ tới đây phải không cô Anne?”

“Đúng rồi, Davy ạ, và cô mong là cháu sẽ luôn ngoan ngoãn và đối xử tốt với bà ấy.”

“Cháu sẽ ngoan và cư xử đàng hoàng. Nhưng liệu mỗi tối bà ấy có cho cháu đi ngủ không cô Anne?”

“Có thể. Thì sao?”

“Bởi vì,” Davy quả quyết, “nếu bà ấy cho cháu đi ngủ, cháu sẽ không cầu nguyện trước mặt bà ấy như vẫn làm với cô Anne đâu.”

“Vì sao?”

“Vì cháu nghĩ không nên nói chuyện với Chúa trước mặt người lạ như thế, cô Anne ạ. Dora muốn làm sao thì làm, nhưng cháu thì đừng hòng. Cháu sẽ đợi bà ấy đi rồi mới cầu nguyện. Vậy có được không hở cô Anne?”

“Được, nếu cháu chắc là cháu sẽ không quên cầu nguyện, Davy ạ.”

“Ồ, cháu không quên đâu, thề luôn. Cháu thấy cầu nguyện rất vui. Nhưng cầu nguyện một mình thì chẳng vui như khi cầu trước mặt cô. Cháu ước gì cô ở nhà hoài, cô Anne ơi. Cháu chẳng biết cô ra đi bỏ rơi mọi người như thế để làm cái gì nữa.”

“Không hẳn là cô muốn đi, Davy ạ. Nhưng cô nghĩ là cô nên đi.”

“Nếu không muốn thì cô chẳng cần làm làm gì. Cô là người lớn mà. Cháu mà lớn rồi ấy, cháu sẽ chẳng bao giờ làm chuyện cháu không muốn đâu, cô Anne ơi.”

“Davy ạ, rồi có lúc trong đời cháu sẽ thấy cháu phải làm nhiều việc mà cháu không muốn.”

“Không đâu,” Davy nói thẳng. “Cứ thử ép cháu xem! Giờ thì cháu phải làm những việc cháu không muốn, bởi vì cô và bà Marilla bắt cháu đi ngủ nếu cháu không chịu đi. Nhưng khi cháu lớn rồi thì cô không làm vậy được nữa, và chẳng ai chỉ trở gù cháu nữa. Lúc đó thì sướng biết bao! Cô Anne ơi, Milty Boulter kể mẹ nó nói cô đi học đại học để kiếm chồng. Phải vậy không cô Anne? Cháu muốn biết.”

Trong một thoáng, Anne bùng bùng tức giận. Rồi cô phá lên cười, tự dặn lòng rằng những suy nghĩ và lời nói dung tục của bà Boulter chẳng thể làm cô tổn thương được.

“Không, không phải vậy, Davy ạ. Cô sẽ đi học, trưởng thành và hiểu biết nhiều điều.”

“Điều gì cơ?”

“*Giày, thuyền và xi găng. Cùng bắt cải và các vị vua.*”^[3]

Anne ngậm nga.

[3]. Bài thơ Hải mã và thợ giày của Lewis Carroll.

“Nhưng nếu cô muốn kiếm chồng thì cô làm thế nào? Cháu muốn biết,” Davy lảng nhảng, rõ ràng chủ đề này khá hấp dẫn cậu.

“Cháu đi mà hỏi bà Boulter ấy,” Anne buột miệng. “Có vẻ bà ấy biết nhiều hơn cô.”

“Lần sau gặp cháu sẽ hỏi,” Davy nghiêm túc đáp.

“Davy! Liệu hồn!” Anne kêu lên, nhận ra mình đã sai lầm.

“Nhưng cô vừa bảo cháu làm thế mà,” Davy bực tức phản đối.

“Đến giờ đi ngủ rồi đó,” Anne tuyên bố để thoát khỏi trò nhì nhằng của cu cậu.

Sau khi Davy đi ngủ, Anne vẫn vợ đi xuống đảo Victoria và ngồi đó một mình, ánh trăng mịn màng bao phủ lấy cô, làn nước cười khúc khích quanh cô trong bản đồng ca suối và gió. Anne lúc nào cũng yêu dòng suối đó. Trong những tháng ngày qua, cô đã dệt bao nhiêu giấc mơ trên làn nước lấp lánh. Cô quên đi những cậu trai si tình sầu muộn, quên lời xỉa xối của những người láng giềng ác ý cũng như mọi rắc rối trong cuộc đời con gái của mình. Trong tưởng tượng, cô giương buồm đi giữa vùng biển cổ tích, nơi sóng dạt vào bờ biển óng ánh của “vùng đất thần tiên trợ trợ”, nơi lục địa Atlantis và Elysium tồn tại ngoài thế giới, có sao Hôm làm hoa tiêu, đi tới miền đất Trái Tim Khao Khát. Và trong những giấc mơ đó, cô giàu có hơn hẳn thực

tế, vì những gì ta thấy đều trôi đi, còn những gì mắt không thấy được luôn tồn tại mãi mãi.

Chương 2: Vòng hoa mùa thu

Tuần tiếp đó trôi qua nhanh, dồn dập bởi vô số “việc cuối cùng” như Anne vẫn hay gọi. Phải đi viếng thăm chia tay và đón khách ở nhà, tuy nhiên thoải mái hay không là tùy theo khách hay chủ có nồng nhiệt thông cảm với ước mơ của Anne hay không, hay lại nghĩ cô quá chảnh vì chuyện đi học đại học và cho rằng nhiệm vụ của họ là phải “kéo cô trở về mặt đất” một tí.

Hội Cải tạo Làng quê tổ chức tiệc chia tay Anne và Gilbert vào một buổi tối ở nhà Josie Pye, họ chọn nơi đó một phần vì nhà ông Pye khá rộng và tiện, một phần bởi vì ai cũng nghi ngờ mấy cô nàng nhà Pye sẽ không thềm tham gia nếu mọi người không chấp nhận lời đề nghị cho mượn nhà tổ chức tiệc của họ. Khoảng thời gian ngắn ngủi đó khá dễ chịu, vì mấy cô họ Pye tỏ ra lịch thiệp, không làm gì hay nói gì ảnh hưởng đến không khí hài hòa của buổi họp mặt - một điều hiếm thấy ở họ. Josie thân thiện khác thường - đến mức cô nàng còn trịch thượng nói với Anne:

“Cái váy mới khá hợp với cậu đấy, Anne ạ. Thực đấy, cậu trông có vẻ xinh đẹp khi mặc nó.”

“Cậu thật dễ thương khi nói thế,” Anne đáp với ánh mắt lấp lánh. Khiếu hài hước của cô ngày càng tiến bộ, những lời nói từng làm cô tổn thương hồi mười bốn tuổi giờ chỉ là trò giải trí cho cô mà thôi. Josie nghi ngờ Anne đang giấu tiếng cười chế nhạo phía sau đôi mắt tinh quái, nhưng cô nàng tạm hài lòng với việc chỉ thì thầm với Gertie lúc đi xuống cầu thang, rằng Anne Shirley càng lúc càng chảnh khi biết sắp đi học đại học, cứ nhìn xem thì biết!

Cả đám “bạn lâu năm” đều có mặt, cười đùa phấn khởi, tràn đầy sự vô tư lự của tuổi trẻ. Diana Barry, má lúm đồng tiền hồng hào, luôn được chàng Fred trung thành bám dính đằng sau, Jane Andrews, gọn gàng, thực tế và giản dị, Ruby Gillis nhìn hết sức xinh đẹp và sáng sủa trong chiếc áo lụa màu kem và hoa phong lữ đỏ cài trên tóc, Gilbert Blythe và Charlie Sloane, cả hai đều cố hết sức xán lại gần cô nàng Anne đang lẩn như chạch, Carrie Sloane nhìn xanh xao và buồn thảm, vì nghe đồn là ba cô nàng không cho Oliver Kimball tiếp cận, Moody Spurgeon MacPherson, khuôn mặt tròn và đôi tai vĩnh viễn trông vẫn tròn và vĩnh như thuở nào, Bill Andrews ngồi trong góc suốt cả buổi tối, cười khùng khục mỗi khi có ai bắt chuyện, quan sát Anne Shirley với nụ cười toe toét trên khuôn mặt rộng lấm tẩm tàn nhang.

Anne biết là sẽ có tiệc, nhưng cô không ngờ rằng cô và Gilbert, với vai trò là người sáng lập hội, sẽ được tặng quà một cách “trân trọng” với những lời “tán tụng” chân thành. Quà của cô là cuốn tuyển tập kịch Shakespeare, còn Gilbert là một cây bút mực. Cô thật bất ngờ và cảm động khi lắng nghe những lời lẽ tốt lành trong bài diễn văn tán tụng, được đọc bởi giọng trang nghiêm y hệt mực sự của Moody Spurgeon, đến nỗi nước mắt thiếu điều đã nhấn chìm ánh lấp lánh trong đôi mắt xám to của cô. Cô đã tích cực hoạt động cho Hội Cải tạo, mọi góc ngách trong tim cô đều ấm áp khi thấy các thành viên đánh giá cao nỗ lực của mình một cách chân thành đến thế. Và mọi người ai cũng dễ thương, thân thiện và vui vẻ, ngay cả đám con gái nhà Pye cũng có ưu điểm riêng, vào lúc ấy, Anne yêu toàn thể thế giới.

Cả buổi tối Anne rất vui, nhưng cuối buổi suýt nữa lại làm hỏng tất cả. Gilbert một lần nữa lại phạm sai lầm khi nói vài lời suýt soát với cô khi họ ăn tối ngoài hiên dưới ánh trăng, và Anne trừng phạt anh bằng cách cư xử hòa nhã với Charlie Sloane và cho phép cậu chàng đưa mình về nhà. Nhưng rồi cô phát hiện ra rằng việc trả thù chỉ khiến bản thân người trả thù đau đớn nhất mà thôi. Gilbert ung dung đi về với Ruby Gillis, và Anne có thể nghe thấy tiếng họ vừa cười đùa trò chuyện vừa la cà trên đường trong bầu không khí tĩnh lặng se se lạnh của mùa thu. Rõ ràng họ hết sức vui vẻ, trong khi cô bị Charlie Sloane làm cho buồn chán đến chết đi được, anh chàng cứ huyền thuyên không dứt, và chẳng bao giờ, dù cố ý hay vô ý, nói được điều gì đáng lắng nghe. Anne lơ đãng nói vài ba tiếng “ừ”, “không” và luôn nghĩ tới vẻ đẹp của Ruby tối hôm đó, cùng với đôi mắt tròn tròn của Charlie dưới ánh trăng - trông còn tệ hơn lúc ban ngày nữa - và cảm thấy thế giới này dường như không tươi đẹp như cô từng nghĩ lúc đầu.

“Mình chỉ mệt chút thôi, vấn đề là ở chỗ đó,” cô nói, vui mừng vì được ở một mình trong phòng riêng. Và cô thành thật tin điều đó. Nhưng chiều hôm sau, một dòng cảm xúc vui sướng nhỏ nhoi tuôn trào trong trái tim cô, như thể tràn ra từ nguồn suối bí mật vô danh nào đó, khi cô nhìn thấy Gilbert sải chân băng qua rừng Ma Ám, vượt qua cây cầu gỗ với những bước đi thoăn thoắt và tự tin. Vậy là cuối cùng, Gilbert cũng không đến chơi với Ruby Gillis vào buổi tối cuối cùng này!

“Nhìn cậu mệt mỏi đấy, Anne ạ,” anh nói.

“Tớ mệt, và còn tệ hơn nữa, tớ đang bất mãn đây. Tớ mệt vì phải đóng hành lý và khâu vá suốt cả ngày. Nhưng tớ bất mãn vì có tới sáu phụ nữ hôm nay đến đây chào tạm biệt tớ, và ai cũng đều tìm ra câu gì đó để quét sạch mọi màu sắc ra khỏi cuộc đời, khiến cho nó xám xịt, ỉu xìu và âm u như một buổi sáng tháng Mười một.”

“Đám mèo già hần học ấy mà!” Gilbert tao nhã bình luận.

“Ồ không, bọn họ không có ý xấu,” Anne nghiêm túc cải chính. “Đó mới là vấn đề. Nếu bọn họ chỉ là mèo già hần học thì tớ chẳng thèm để ý đâu. Nhưng họ lại là những người dễ thương, tốt bụng, đầy mẫu tính, họ thương tớ, tớ cũng thương họ, và đó là lý do mà những điều họ nói, hay ám chỉ, lại trĩu nặng trong lòng tớ. Họ cho tớ hiểu là họ nghĩ tớ thật điên khùng khi đi Redmond học đại học, và cho tới giờ tớ đang tự hỏi có phải tớ điên khùng thật không. Bà Peter Sloane thở dài nói là bà hy vọng tớ đủ sức chống chọi tới cùng, và ngay lập tức, tớ tưởng tượng mình là nạn nhân vô vọng của chứng kiệt quệ tinh thần vào cuối năm thứ ba; bà Eben Wright nói là học trọn bốn năm ở Redmond thì hao tiền khủng khiếp, và tớ cảm thấy ngay tắp lự rằng tớ không đáng được tha thứ khi vung vút tiền của mình và bác Marilla cho những trò vô bổ như thế. Bà Jasper Bell nói bà hy vọng tớ sẽ không bị hổng người vì đại học như nhiều kẻ khác, và tớ nhận ra từ tận xương tủy rằng cuối năm thứ tư ở Redmond tớ sẽ trở thành một sinh vật khó chịu nhất trên đời, nghĩ là mình biết tuốt, coi thường mọi vật và mọi người ở Avonlea; bà Elisha Wright nói rằng theo bà biết các cô gái học ở Redmond, nhất là những người sống ở Kingsport, ‘ăn mặc hết sức thời trang và chải chọe’, bà đoán là tớ sẽ cảm thấy cô độc khi ở với bọn họ, và thế là tớ nhìn thấy mình, con bé nhà quê ăn mặc luộm thuộm, bị xa lánh và coi thường, lê bước trên hành lang kiểu cổ trường Redmond trong đôi bốt màu đồng.”

Anne kết thúc bằng một nụ cười xen lẫn tiếng thở dài. Với bản tính nhạy cảm, mọi lời phản đối đều đè nặng trong cô, dẫu đó là lời phản đối của những người cô vốn không đánh giá cao về mặt khuyên bảo cho lắm. Ngay vào lúc này, cuộc đời thật vô vị, mọi tham vọng đã tắt phụt như đèn cạn dầu.

“Cậu hần là không quan tâm tới những điều họ nói chứ,” Gilbert phản đối. “Cậu biết rõ họ có tầm nhìn hạn hẹp thế nào mà, dẫu họ có là người tốt tới đâu đi nữa. Làm chuyện gì mà họ chưa bao giờ làm, đều là phản lại Chúa trời. Cậu là cô gái Avonlea đầu tiên đi học đại học, và cậu biết đấy, những người tiên phong đều bị cho là mắc bệnh hoang tưởng cả.”

“Ồ, tớ biết chứ. Nhưng cảm thấy thì khác hẳn với nhận thấy. Lý trí của tớ khuyên tớ y như cậu vừa nói, nhưng có lúc lý trí cũng phải bó tay. ‘Vô lý trí’ đã chiếm lấy toàn bộ linh hồn của tớ rồi. Thật đó, sau khi bà Elisha đi rồi, tớ chẳng còn tinh thần nào gói ghém đồ đạc cho xong nữa.”

“Cậu chỉ mệt mỗi chút thôi, Anne ạ. Đi nào, quên hết mọi thứ và đi dạo với tớ đi, làm một chuyến ngao du trong rừng phía bên kia đầm lầy. Có lẽ sẽ có một thứ mà tớ muốn cậu nhìn thấy đấy.”

“Có lẽ? Cậu không biết chắc à?”

“Không. Tớ chỉ biết là có lẽ nó sẽ có ở đó, nhờ một thứ khác tớ bắt gặp hồi mùa xuân. Đi nào. Chúng ta sẽ vờ như chúng ta trở lại thành hai đứa trẻ, và đi theo lối mòn của gió.”

Hai người vui vẻ lên đường. Anne nhớ lại những bực dọc tối qua nên cư xử rất dễ thương với Gilbert, và Gilbert khôn ngoan, cố không nói gì khác ngoài việc bày tỏ tình bạn bè như trước. Bà Lynde và Marilla dõi theo họ từ cửa sổ nhà bếp.

“Một cặp tương lai đấy,” bà Lynde tỏ vẻ tán đồng.

Bà Marilla hơi cau mày. Trái tim bà cũng hy vọng thế, nhưng phải nghe giọng bà tám của bà Lynde khẳng định trần trụi thế thì quá sức chịu đựng của bà.

“Chúng còn là con nít,” bà gắt.

Bà Lynde cười hiền hòa.

“Anne mười tám tuổi rồi, hồi tuổi đó thì tôi đã lấy chồng. Những người già như chúng ta, Marilla ạ, hay có thói quen nghĩ rằng đám con nít chả bao giờ lớn lên, thế đấy. Anne là một thiếu nữ, Gilbert là một người đàn ông, cậu ta tôn thờ từng miếng đất con bé đặt chân lên, ai cũng thấy thế cả. Cậu ta là một chàng trai tốt, Anne chẳng kiếm ai hơn được đâu. Tôi hy vọng con bé sẽ không yêu đương vớ vẩn ở Redmond. Tôi không thích nam nữ học chung một chỗ, chẳng bao giờ cả, thế đấy. Tôi chẳng tin nổi,” bà Lynde long trọng kết luận, “rằng đám sinh viên ở mấy trường đại học đó làm được chuyện gì khác ngoài trừ đi tán tỉnh nhau.”

“Chắc bọn họ cũng học hành chút ít chứ,” bà Marilla mỉm cười.

“Tí tẹo thôi,” bà Rachel khịt mũi. “Dù sao thì tôi cũng tin là Anne sẽ học đàng hoàng. Con bé không có thói trăng hoa. Nhưng con bé không đánh giá đúng giá trị của Gilbert, thế đấy. Ôi, tôi biết tổng mấy cô nàng mà! Charlie Sloane cũng mê con bé tí thò lò, nhưng tôi thì không bao giờ khuyên nó cưới một người họ Sloane. Nhà Sloane ai cũng tử tế, trung thực và đáng kính trọng, đương nhiên. Nhưng nói gì thì nói, bọn họ Sloane chết đi được.”

Bà Marilla gật đầu. Với người ngoài, câu nói người nhà Sloane thì Sloane lắm không dễ dàng hiểu được, nhưng bà thì hiểu. Ngôi làng nào cũng có một gia đình như vậy, tốt, trung thực và đáng trọng, có thể là thế, nhưng họ luôn luôn rất là Sloane, hầu nói chuyện bằng các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần^[4].

[4]. Tân ước, Thư 1 gửi tín hữu Corinth: “Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm chọe xoang xoảng.”

Không hề biết chuyện tương lai của mình đã được sắp xếp đâu vào đó dưới miệng bà Rachel, Gilbert và Anne vui vẻ thơ thẩn đi dưới bóng cây trong rừng Ma Ám. Bên ngoài, những ngọn đồi thu hoạch xong đang tắm mình trong ánh chiều hổ phách, dưới bầu trời nhạt nhòa nhẹ bồng nửa hồng nửa xanh. Những cụm vân sam đàng xa ánh nâu bóng loáng, đổ bóng dài thướt đần xen trên đồng cỏ trên cao. Nhưng xung quanh họ, một ngọn gió nhẹ cất tiếng hát giữa những chùm linh sam, và trong tiếng hát vang lên giai điệu mùa thu.

“Khu rừng này giờ đã thực sự có ma rồi, những bóng ma kỷ niệm,” Anne cúi xuống hái một nhánh dương xỉ đã bị sương giá nhuộm trắng như sáp. “Dường như hai cô bé là Diana và tó vẫn còn hay chơi ở đây, ngồi bên bờ suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng dưới ánh chạng vạng, hẹn hò với các hồn ma. Cậu biết không, tó chẳng thể nào đi trên con đường này dưới ánh chiều mà không cảm thấy một chút run rẩy và sợ hãi thuở xưa. Có một bóng ma đặc biệt đáng sợ mà bọn tó đã nghĩ ra, bóng ma của đứa bé bị giết, chuyên rón rén tới sau lưng cậu và đặt những ngón tay lạnh giá lên tay cậu. Thú thật là cho tới tận bây giờ, tó vẫn không thể không tưởng tượng ra tiếng chân khê khàng lén lút của nó sau lưng mỗi khi tó qua đây vào buổi tối. Tó không sợ Quý Bà Áo Trắng hay người đàn ông không đầu hay những bộ xương khô, nhưng ước gì tó đã không tưởng tượng ra bóng ma đứa bé ấy. Bác Marilla và bà Barry đã giận điên lên khi nghe bọn tó kể lại,” Anne kết luận cùng với nụ cười hoài niệm.

Cánh rừng đầu đầm lầy chi chít những vệt sáng màu tím nhạt đan xen với tơ nhện. Đi qua một đồn điền ủ rũ đầy vân sam xương xẩu rồi một thung lũng ẩm hơi nắng có cây thích viền quanh, họ nhìn thấy được “một thứ” mà Gilbert đang tìm.

“À, nó đây rồi,” anh kêu lên thỏa mãn.

“Một cây táo, ở tận đây cơ à!” Anne kêu lên sung sướng.

“Đúng vậy, một cây táo trĩu đầy quả táo chính hiệu, ở giữa rừng thông và sồi, cách vườn cây ăn trái cả dặm. Mùa xuân rồi tớ có ghé qua đây và nhìn thấy nó, trắng muốt đầy hoa. Thế là tớ quyết định sẽ quay lại vào mùa thu xem nó có đậu quả không. Nhìn này, quả trĩu trĩt. Nhìn cũng ngon nữa, ngả màu nâu như táo da nâu nhưng vỏ màu đỏ sậm. Táo dại thì thường xanh lè chẳng hấp dẫn gì.”

“Có lẽ nó nảy mầm từ một hạt giống tình cờ nào đó cách đây nhiều năm,” Anne mơ màng. “Và nó đã lớn lên, đơm hoa kết trái, tự lập vững vàng giữa những kẻ xa lạ, đúng là một cái cây hết sức dũng cảm và kiên cường!”

“Ở đây có một thân cây gãy với lớp nệm rêu này. Ngồi xuống đi Anne, chẳng kém gì ngai vàng rừng núi đâu. Tớ sẽ leo lên hái vài trái táo. Chúng đều mọc tít trên cao cả, cây phải ráng ngoi lên để lấy ánh nắng mà.”

Mấy trái táo quả thật ngon tuyệt. Dưới lớp vỏ rám nắng là ruột táo trắng muốt có lẫn gân đỏ, và bên cạnh vị táo, chúng còn có một mùi đặc trưng vừa hoang dã vừa thú vị mà chẳng trái táo nhà nào có được.

“Trái táo định mệnh ở vườn Địa Đàng cũng chẳng có vị đặc biệt hơn thế này đâu,” Anne bình luận. “Nhưng đến lúc chúng ta phải về nhà rồi. Nhìn kia, mới cách đây ba phút vẫn còn chạng vạng, giờ thì trăng đã lên rồi. Thật tiếc là ta không nắm bắt được phút giao thời. Nhưng những giây phút như thế thì chẳng thể nào nắm bắt được, tớ nghĩ thế.”

“Chúng ta vòng qua đầm lầy về nhà theo đường Tình Nhân đi. Cậu có còn cảm thấy bất mãn như lúc khởi hành nữa không Anne?”

“Không đâu. Những trái táo đó đúng là nguồn sinh lực cho một linh hồn đói khát. Tớ cảm thấy mình sẽ yêu quý Redmond và sống bốn năm tuyệt vời ở đó.”

“Và sau bốn năm đó thì thế nào?”

“Ồ, sẽ là một khúc quanh nữa thôi,” Anne trả lời một cách ơ hờ. “Tớ chẳng biết đằng sau nó là gì, tớ cũng chẳng cần biết. Không biết thì tốt hơn mà.”

Tối đó đường Tình Nhân thật thân thương, yên tĩnh và mờ ảo một cách bí ẩn dưới ánh trăng nhạt nhòa lấp lánh. Họ thơ thẩn đi dọc con đường trong sự tĩnh lặng thân thiết và dễ chịu, chẳng ai buồn cất tiếng.

“Nếu Gilbert lúc nào cũng cư xử như tối nay thì mọi việc sẽ tốt đẹp và đơn giản biết mấy,” Anne nghĩ bụng.

Gilber nhìn Anne khi cô bước đi. Trong chiếc váy nhẹ, dáng vóc thanh mảnh tinh tế, cô khiến anh nghĩ tới một đóa diên vĩ trắng.

“Chẳng biết mình có bao giờ khiến nàng nghĩ đến mình được hay không nữa,” tim anh nhói lên.

Chương 3: Chào đón và tạm biệt

Charlie Sloane, Gilbert Blythe và Anne Shirley rời Avonlea vào sáng thứ Hai tuần sau đó. Anne cứ hy vọng trời đẹp. Theo dự định, Diana sẽ đánh xe đưa cô ra ga, và hai cô gái muốn chuyển đi chung cuối cùng trong thời gian tới sẽ là một chuyến đi dễ chịu. Nhưng khi Anne đi ngủ vào tối Chủ nhật, gió Đông rên rỉ quanh Chái Nhà Xanh mang lại lời tiên đoán đen tối được chứng thực vào sáng hôm sau. Anne thức dậy trong tiếng mưa tạt lộp độp vào cửa sổ, những giọt mưa phủ lên mặt hồ xám xịt những vòng sóng mở rộng, các ngọn đồi và biển chìm trong sương mù, cả thế giới dường như đều thấm đẫm và bi thương. Anne thay quần áo trong ánh bình minh u ám buồn bã, vì cô phải đi sớm cho kịp chuyển tàu ra bến phà. Cô cố gắng nén những giọt lệ cứ mãi dâng trào trong mắt trái với ý muốn của cô. Cô sắp rời căn nhà quá ư thân thiết với mình, và có điều gì đó cho cô biết rằng cô sẽ rời xa nó mãi mãi, ngoại trừ những dịp lễ tết ngắn ngủi. Mọi thứ sẽ chẳng bao giờ trở lại như xưa, trở về mỗi dịp nghỉ khác hẳn với thực sự sống ở đó. Và ôi, mọi thứ gần gũi và đáng yêu biết chừng nào - căn phòng nhỏ bé màu trắng trên gác xép, đối tượng tôn sùng trong những giấc mơ thời con gái, cây táo Nữ Hoàng Tuyết ngoài cửa sổ, con lạch nơi thung lũng, suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng, rừng Ma Ám, đường Tình Nhân, ngàn lẻ một nơi chốn chất đầy kỷ niệm thời xưa cũ. Liệu cô có thể thực sự hạnh phúc ở bất cứ nơi nào khác không?

Bữa sáng ở Chái Nhà Xanh hôm đó là một bữa ăn sầu thảm. Davy, có lẽ lần đầu tiên trong đời, không ăn nổi thứ gì mà chỉ rơi nước mắt lã chã lên món cháo đặc, không hề xấu hổ chút nào. Chẳng ai cảm thấy đói bụng, ngoại trừ Dora vẫn ăn hết sạch phần của mình. Dora, như nàng Charlotte bất tử, cực khôn ngoan, vẫn “tiếp tục cắt bánh mì và bơ” khi xác của người từng yêu nàng điên cuồng được khiêng qua cửa chớp^[5], là loại người may mắn hiếm khi bị bất cứ chuyện gì làm ảnh hưởng. Dora mới tám tuổi, nhưng sự trầm tĩnh của cô bé không dễ bị phá vỡ. Cô bé đương nhiên buồn bã vì Anne đi xa, nhưng đó có phải lý do khiến cô không thể thưởng thức món trứng chần và bánh mì nướng không? Đương nhiên là không rồi. Và khi thấy Davy không ăn nổi, Dora bèn ăn giùm anh.

[5]. Ám chỉ nàng Charlotte trong tiểu thuyết Nỗi đau của chàng Werther của Goethe, nhân vật chính đã tự tử vì không hy vọng chiếm được tình yêu của nàng. Thackeray viết một bài đoản thi châm biếm, miêu tả Charlotte điềm nhiên, thấy xác Werther được mang qua cửa sổ vẫn “tiếp tục cắt bánh mì và bơ”.

Đúng giờ, Diana xuất hiện trên xe ngựa kéo, khuôn mặt hồng hào rạng rỡ phía trên chiếc áo mưa. Giờ thì phải tìm cách nói lời tạm biệt rồi. Bà Lynde từ phòng mình bước ra ôm hôn Anne thăm thiết và nhắc cô nhớ giữ gìn sức khỏe cẩn thận, dù có làm gì đi nữa. Bà Marilla, khô khan chẳng có giọt lệ nào, hôn phớt lên má Anne và nói bà mong sẽ nhận được thư cô khi ổn định xong chỗ ở. Một người quan sát lơ là có thể kết luận là chuyến đi của Anne chẳng mấy ảnh hưởng đến bà, nhưng chỉ là khi người ấy không nhìn kỹ vào mắt bà thôi. Dora nghiêm trang hôn Anne và ráng nhỏ ra hai giọt nước mắt nhỏ xíu làm cảnh, nhưng Davy đã khóc nức nở ở hiên sau kể từ khi họ rời bàn ăn, nhất định không chịu nói lời tạm biệt. Khi thấy Anne đi về phía mình, cậu đứng bật dậy, chạy ào ào lên cầu thang phía sau, giấu mình trong một tủ áo và cương quyết không chịu ra ngoài. Tiếng gào khóc nghẹn ngào của cậu là âm thanh cuối cùng Anne nghe thấy khi rời khỏi Chái Nhà Xanh.

Trời mưa nặng hạt trên quãng đường đến ga Sông Bright, phải đi từ đó vì tuyến tàu xuất phát từ Carmody không liên thông với tàu ra phà. Charlie và Gilbert đã đợi ở sân ga khi họ tới nơi, và con tàu đã huýt còi ầm ĩ. Anne chỉ đủ thời giờ lấy vé và gửi hành lý, vội vàng nói lời tạm biệt với Diana rồi hấp tấp lên tàu. Cô ước mình có thể quay lại Avonlea cùng Diana, cô biết cô sẽ chết vì nhớ nhà mất. Và ôi chao, giá như cái cơn mưa buồn thảm này có thể dùng trút nước xuống cứ như cả thế giới đang khóc lóc vì mùa hè đã qua và niềm vui khuất bóng! Ngay cả sự có mặt của Gilbert cũng chẳng làm cô dễ chịu hơn, vì Charlie Sloane cũng có mặt ở đó, mà cái tính cách của họ nhà Sloane thì chỉ có thể chịu đựng nổi khi thời tiết tốt thôi. Trong cơn mưa thì hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Nhưng khi chiếc phà khởi hành rời khỏi bến cảng Charlottetown, mọi việc bắt đầu tốt đẹp hơn. Mưa tạnh và mặt trời thỉnh thoảng lộ đầu ra vàng rực giữa những kẽ mây, phủ lên mặt biển xám xịt ánh hào quang màu đồng, thấp sáng đám sương mù phất phơ trên bờ biển đỏ bao quanh đảo bằng những tia vàng óng ánh, báo hiệu hôm nay rất cuộc cũng là một ngày đẹp trời. Bên cạnh đó, Charlie Sloane bắt đầu bị say sóng kinh khủng đến mức phải đi xuống dưới, chỉ còn mình Anne và Gilbert đứng trên boong.

“Mình rất mừng là tất cả những người họ Sloane đều bị say sóng ngay khi đặt chân lên tàu,” Anne nghĩ có phần tàn nhẫn. “Mình chắc là mình không thể nào ngắm nhìn lần cuối ‘quê nhà’ nếu có Charlie đứng ngay đây giả vờ như cũng đang ngắm một cách đầy ủy mị.”

“Thế đấy, chúng ta lên đường rồi,” Gilbert nhận xét một cách chẳng hề ủy mị.

“Ừ, tớ cảm thấy như ‘Hiệp sĩ Harold’ của Byron ấy, chỉ có điều đây không phải thực sự là ‘nơi chôn nhau cắt rốn’ của tớ,” Anne không ngừng chớp chớp đôi mắt xám. “Tớ sinh ra ở Nova Scotia cơ. Nhưng nơi chôn nhau cắt rốn là nơi mà ta yêu quý nhất, và với tớ đó chính là đảo Hoàng Tử Edward thân thương. Không thể tin nổi là có lúc tớ từng sống ở đâu khác. Mười một năm rông trước khi đến đây chẳng khác nào một giấc mơ buồn với tớ. Đã bảy năm rồi kể từ ngày tớ băng qua biển bằng con phà này, cái buổi chiều bà Spencer đưa tớ tới đây từ Hopetown. Tớ như còn nhìn thấy mình lúc đó, trong chiếc váy len cũ mèm và chiếc mũ thủy thủ bạc màu, đang háo hức tò mò thám hiểm boong phà và ca bin. Đó là một buổi chiều đẹp trời, và bãi biển màu đỏ của đảo mới lấp lánh làm sao dưới ánh mặt trời. Giờ tớ lại rời đi theo đường cũ. Ôi, Gilbert, tớ thực sự hy vọng mình sẽ thích Redmond và Kingsport, nhưng tớ biết là mình sẽ chẳng ưa chúng đâu!”

“Bao triết lý xử thế của cậu đâu mất hết rồi hả Anne?”

“Nó đã bị làn sóng cô đơn và nhớ nhà khổng lồ ảm ướt đê bẹp rồi. Tớ mong mỗi suốt ba năm rông để có cơ hội tới Redmond - và giờ tớ đã được đi - thế mà tớ ước giá như mình đừng đi! Thôi kệ! Tớ sẽ trở nên vui vẻ và biết điều trở lại sau khi khóc đã đòi một trận. Nhất định phải khóc một trận, như là ‘truyền thống’ ấy mà, nhưng tớ phải đợi đến khi leo lên giường trong phòng trọ vào tối nay đã, dù nó ở chốn nào đi nữa. Rồi Anne sẽ trở lại là chính mình. Tớ tự hỏi không biết Davy đã chui ra khỏi tủ áo chưa.”

Chín giờ tối hôm ấy chuyển phà của bọn họ mới tới Kingsport, và họ thấy mình đứng giữa ánh trắng xanh lóa mắt từ cả trạm ga đông đúc. Anne cảm thấy lúng túng không sao tưởng nổi, nhưng chỉ một giây sau cô đã bị tóm chặt trong tay Priscilla Grant, vừa mới tới Kingsport hôm thứ Bảy.

“Cậu đây rồi, bé cưng! Và tớ cho rằng cậu cũng mệt y chang tớ khi tớ tới đây vào tối thứ Bảy.”

“Mệt ấy à! Priscilla, đừng nhắc đến làm gì. Tớ mệt, nhớ nhà, quê mùa và chỉ mới có mười tuổi đời. Xin hãy rủ lòng thương đưa cô bạn nghèo khó tội nghiệp này đến nơi nào đó để cô nàng có thể lắng nghe được suy nghĩ của mình đi.”

“Tớ sẽ đưa ngay cậu đến nhà trọ của bọn mình. Tớ có xe đợi sẵn bên ngoài rồi.”

“Ơn Chúa vì có cậu ở đây, Prissy. Nếu không có cậu, tớ nghĩ tớ sẽ ngồi xuống va li, ngay vào lúc này, và khóc một cách chua chát. Một khuôn mặt thân quen đem lại biết bao an ủi giữa đám người xa lạ đáng sợ!”

“Gilbert Blythe ở đằng kia hả Anne? Năm nay cậu ấy cao lên nhiều quá! Khi tớ dạy ở Carmody thì cậu chàng chỉ mới là một tên học trò. À, còn có Charlie Sloane nữa kìa. Cậu ấy thì chẳng thay đổi gì, chẳng thể thay đổi gì! Khi mới sinh cũng bộ dạng như thế mà khi tám mươi tuổi cũng bộ dạng như thế. Lối này, cưng à. Chúng ta sẽ đến nhà trong hai mươi phút nữa.”

“Nhà ư!” Anne rên rỉ. “Ý cậu là chúng ta sẽ đến một căn nhà trọ khủng khiếp gì đó, trong căn phòng ngủ còn khủng khiếp hơn ở trong góc, nhìn ra sân sau bẩn thỉu.”

“Không hề là một căn nhà trọ khủng khiếp, cô bé Anne à. Đây là xe của chúng ta. Nhảy lên đi, anh đánh xe sẽ khuân rương cho cậu. Ồ, đúng rồi, nhà trọ, đó là một căn nhà trọ khá dễ thương so với những chỗ khác, sáng mai cậu sẽ đồng ý như thế sau khi giặc ngủ nhuộm hồng cơn nhớ nhà của cậu. Đó là một căn nhà đá xám lớn kiểu cũ trên đường St. John, chỉ cách Redmond một thoáng đi bộ. Đó từng là ‘dinh thự’ của những người nổi tiếng thời thượng đã rời bỏ đường St. John, những căn nhà ở đó chỉ còn biết mơ đến những ngày tươi đẹp xưa cũ. Chúng rộng đến nỗi những người sống nơi đó phải cho thuê phòng chỉ nhằm làm cho căn nhà có sinh khí một chút. Ít nhất đó là lý do mà các bà chủ nhà vội vã muốn áp đặt cho bọn tớ. Khá là ngon mắt, Anne ạ, ý tớ là các bà chủ nhà của chúng ta ấy.”

“Có bao nhiêu bà?”

“Hai thôi. Cô Hannah Harvey và cô Ada Harvey. Họ là cặp song sinh được sinh ra vào khoảng năm mươi năm về trước.”

“Dường như tớ không thể thoát khỏi các cặp song sinh,” Anne mỉm cười. “Đi đâu tớ cũng đụng mặt họ cả.”

“Ồ, giờ thì họ không còn là một cặp song sinh nữa đâu, cưng ạ. Sau khi đến tuổi ba mươi thì họ chẳng còn là song sinh nữa. Cô Hannah già đi theo cái lối chẳng mấy yêu kiều, cô Ada thì vẫn mãi ba mươi tuổi, còn ít yêu kiều hơn nữa. Tớ chẳng biết cô Hannah có biết cười hay không, ít nhất thì tớ chả bắt gặp cô cười bao giờ, nhưng cô

Ada thì lúc nào cũng cười, thế còn tệ hơn. Dù sao thì họ cũng là những người dễ thương tốt bụng, năm nào cũng nhận hai khách trọ vì bản tính tiết kiệm của cô Hannah không chịu nổi việc ‘lãng phí phòng ở’, chứ không phải bởi vì họ cần hay phải cho thuê, như cô Ada đã lặp lại với tớ cả bảy lần kể từ tối thứ Bảy. Về phòng của chúng ta thì, phải thú nhận là chúng đều nằm trong góc, và phòng tớ đúng là nhìn ra sân sau thật. Phòng của cậu ở đằng trước và nhìn ra nghĩa địa Cựu St. John, ngay ở bên kia đường thôi.”

“Nghe ớn quá,” Anne rùng mình. “Tớ nghĩ thà là nhìn sân sau còn hơn.”

“Ồ không đâu. Đợi mà xem. Nghĩa địa Cựu St. John là một nơi rất dễ thương. Nó cũ đến mức chẳng còn là nghĩa địa nữa, và giờ đã trở thành một địa điểm đáng tham quan ở Kingsport. Hôm qua tớ đã đi qua đó một lượt để tập thể dục. Có một bức tường đá lớn, và hàng cây cổ thụ bao quanh, vô số cây cối trồng thẳng hàng ngay lối ở bên trong, và những bia mộ cũ quái gở hết sức cùng những lời ghi độc đáo và kỳ cục nhất trên đời. Cậu sẽ đến đọc chúng cho xem, Anne ạ, tớ cá đấy. Đương nhiên, giờ thì chẳng còn ai chôn ở đó nữa. Nhưng cách đây vài năm họ dựng lên một đài kỷ niệm tuyệt đẹp cho các chiến sĩ Nova Scotia hy sinh trong cuộc chiến ở Crime. Nó ở ngay trước cổng vào, và có rất nhiều ‘khoảng trống dành cho trí tưởng tượng’, như cậu thường hay nói ấy. Cái rương của cậu đây rồi, và bọn con trai đến nói lời tạm biệt. Tớ có phải bắt tay với Charlie Sloane không hả Anne? Tay cậu ấy lúc nào cũng lạnh và nhóp nháp như cá ấy. Chúng ta phải mời họ thỉnh thoảng ghé chơi. Cô Hannah nghiêm trang nói với tớ rằng chúng ta có thể mời các ‘chàng trai’ đến chơi hai tối một tuần, nếu họ ra về vào một giờ phải phép, và cô Ada vừa cười vừa đề nghị tớ là đừng để họ ngồi lên mấy cái đệm ghế xinh đẹp của cô. Tớ hứa sẽ giữ lời, nhưng Chúa mới biết họ có thể ngồi ở đâu khác nữa, trừ ở dưới sàn, vì ở đâu cũng có đệm cả. Cô Ada thậm chí còn đặt một cái nệm hình bánh ngọt trên nắp đàn dương cầm.”

Giờ thì Anne cũng phải phá lên cười. Những chuyện tầm phào vui nhộn của Priscilla đã thực hiện tròn bốn phận làm cô vui lên, cơn nhớ nhà lúc này đã biến mất, và nó cũng không còn da diết như trước khi cô ở lại một mình trong căn phòng ngủ nhỏ xíu. Cô bước đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Con đường bên dưới tối om và tĩnh lặng. Mặt trăng sáng rực bên trên hàng cây trong nghĩa địa Cựu St. John, ngay phía sau khối đen cái đầu sư tử to đùng trên đài kỷ niệm. Anne tự hỏi có phải mình chỉ mới rời Chái Nhà Xanh hồi sáng nay thôi không. Một ngày thay đổi và di chuyển khiến cô thấy thời gian trôi qua dài đằng dặc.

“Mình nghĩ mặt trăng đó cũng đang nhìn xuống Chái Nhà Xanh,” cô lẩm bẩm. “Nhưng giờ thì mình không nghĩ thế nữa, sẽ làm cơn nhớ nhà trào dâng thôi. Mình

cũng chẳng cần khóc cho thỏa thích nữa. Mình sẽ để dành nó cho một dịp thuận tiện hơn, còn giờ thì mình sẽ bình tĩnh và lý trí leo lên giường đi ngủ.”

Chương 4: Quý bà Tháng Tư

Kingsport là một thị trấn cổ duyên dáng, được thành lập từ thời kỳ đồ hồ đầu tiên, và chìm đắm trong bầu không khí cổ xưa cứ như một quý bà xinh đẹp lớn tuổi vẫn ăn mặc như thuở còn thiếu nữ. Có đôi chỗ lộ vẻ hiện đại, nhưng từ trong bản chất, thị trấn vẫn còn nguyên vẹn như xưa, đầy những dấu tích kỳ dị và lấp lánh hào quang của những truyền thuyết trong quá khứ. Xưa kia đây chỉ là một tiền trạm mấp mé vùng hoang dã, và có thời người da đỏ đã giúp cho cuộc sống của những người định cư nơi này bớt phần đơn điệu. Rồi nó lớn lên, trở thành khúc xương bị giành giật giữa người Anh và người Pháp, lúc thì bị bên này chiếm, lúc thì bị bên kia chiếm, mỗi lần lại xuất hiện thêm vài vết sẹo mới do các quốc gia tham chiến khắc lên.

Trong công viên có một tháp canh bị du khách ký tên khắp bốn bề, một pháo đài Pháp cũ đã bị dỡ sạch trên đồi bên ngoài thị trấn, và vài ba khẩu đại bác cổ lỗ sĩ đặt ở các quảng trường công cộng. Thị trấn cũng có vài ba di tích lịch sử có thể tìm thấy được nếu đủ tò mò, và chẳng có nơi nào duyên dáng và đẹp đẽ như nghĩa địa Cựu St. John ở ngay trung tâm thị trấn, hai phía là những con đường san sát những căn nhà cũ kỹ yên tĩnh, và hai phía còn lại là đường phố hiện đại bận bịu ồn ã. Mỗi cư dân của Kingsport đều tự hào về Cựu St. John, vì nếu quả thật là người “có gốc có rễ”, họ sẽ có tổ tiên được chôn ở đó, với một tấm bia kỳ dị cong oằn trên đầu, hay trải rộng ra bảo vệ cả ngôi mộ, ở trên ghi chi chít những chi tiết cuộc đời của người nằm bên trong. Đa số các tấm bia mộ chẳng hề được chạm trổ khéo léo nghệ thuật gì. Phần lớn chỉ là mấy tảng đá địa phương màu nâu hay xám bị đẽo gọt vụng về, hiếm hoi lắm mới được điêu khắc trang hoàng thêm chút ít. Một vài bia mộ được tô điểm đầu lâu xương chéo, mẫu trang trí ghê rợn này lại thường đi kèm với đầu thiên sứ. Nhiều bia đã ngã rạp và hư hại nghiêm trọng. Hầu hết bia mộ đều bị hàm răng Thời gian gặm nhấm, cho đến khi chữ viết bên trên bị xóa đi hoàn toàn, những chữ còn sót lại khó khăn lắm mới nhận ra được. Nghĩa địa rộng đầy chật mộ và rợp bóng cây, những hàng du và liễu mọc đan xen bao quanh nghĩa địa, dưới bóng cây, người quá cố nằm ngủ say không mộng寐, được gió và lá ngậm nga hát ru trong một giai điệu vĩnh cửu, chẳng hề bị làm phiền bởi tiếng xe cộ ồn ào bên ngoài.

Buổi chiều hôm sau, Anne bắt đầu chuyến thăm đầu tiên mở đầu cho nhiều chuyến nữa tới nghĩa địa Cựu St. John. Hồi sáng, cô và Priscilla đến Redmond để đăng ký nhập học, sau đó thì họ chẳng còn nhiệm vụ gì khác trong ngày. Hai cô gái vui sướng khi thoát khỏi đó, vì bị hàng đồng người lạ vây quanh thì chẳng đáng phấn khởi chút nào, nhất là bọn họ hầu như đều có bề ngoài xa lạ, cứ như chẳng biết là họ đến từ đâu cả.

Mấy cô nàng “ma mới” đứng túm tụm thành nhóm hai ba người, e dè nhìn nhau, đám ma mới nam sinh thì có vẻ thạo đời hơn, tụ tập nơi cầu thang lớn ở tiền sảnh, hát hò và gào hét sức từ lồng ngực trẻ trung như một hành động thách thức kẻ thù truyền thống của bọn họ: sinh viên năm hai. Vài sinh viên năm hai trích thượng lảng vảng một ở gần đó, đầy vẻ khinh bỉ đám “vắt mũi chưa sạch” trên cầu thang. Chẳng thấy Gilbert và Charlie đâu.

“Tớ chẳng bao giờ nghĩ là có thể vui sướng nổi khi nhìn thấy một tay họ Sloane,” Priscilla nói khi họ băng qua khuôn viên trường, “nhưng bây giờ tớ sẵn sàng vui mừng đón tiếp đôi mắt lồi của Charlie. Ít nhất thì đó cũng là một đôi mắt quen thuộc.”

“Ôi,” Anne thở dài. “Tớ chẳng diễn tả nổi cảm giác của mình khi đứng chờ đăng ký - tầm thường như một giọt nước bé tí tẹo trong một xô nước khổng lồ. Cảm thấy mình tầm thường đã tẻ rồi, nhưng bị cái mác tầm thường đẩy in sâu vào linh hồn, cảm thấy tớ sẽ chẳng bao giờ, chẳng bao giờ có thể vượt qua khỏi cái mức tầm thường ấy, thì không chịu đựng nổi, mà đó chính là cảm giác khi nãy của tớ, cứ như tớ vô hình nếu không dùng kính lúp mà soi, và vài tay sinh viên năm hai sẽ giẫm lên tớ mà đi. Tớ biết tớ sẽ đi xuống mồ, chẳng được ai khóc thương, chẳng được ai tôn trọng, chẳng được ai ca ngợi.”

“Đợi tới sang năm đi,” Priscilla an ủi. “Khi ấy chúng ta sẽ có vẻ ngoài chán chường và thạo đời chẳng kém gì bọn sinh viên năm hai bây giờ. Đương nhiên, cảm thấy tầm thường nhỏ nhoi thì khá là tẻ, nhưng còn hơn là cảm thấy to đùng vụng về như tớ, cứ như tớ phình tướng ra choán hết Redmond vậy. Đó là cảm giác của tớ đấy, có lẽ vì tớ cao hơn đám đông cả hai phân. Tớ không sợ bị các tay sinh viên năm hai giẫm đạp, tớ sợ họ tưởng tớ là một con voi, hay là điển hình một dân Đảo ăn toàn khoai tây quá cỡ.”

“Tớ nghĩ vấn đề nằm ở chỗ chúng ta không chấp nhận nổi thực tế trường Redmond to lớn này không thể giống y hệt trường Queen nhỏ bé,” Anne cố gắng gom góp những mảnh vụn triết lý lạc quan cũ của mình lại để che đi cảm giác trần trụi của linh hồn. “Khi rời Queen, chúng ta biết hết mọi người ở đó và biết vị trí riêng của mình. Tớ cho là trong vô thức, chúng ta mong là cuộc sống của Redmond nối tiếp cuộc sống ở Queen, và giờ thì ta cảm thấy như đất đang bị trượt dưới chân vậy. Tạ ơn Chúa là bà Lynde và bà Elisha Wright không biết và chẳng bao giờ biết suy nghĩ của tớ hiện giờ. Họ sẽ hả hê mà nói ‘đã bảo rồi mà không nghe’, và tin chắc rằng đây là bắt đầu của sự kết thúc. Trong khi đây chỉ là kết thúc của sự khởi đầu mà thôi.”

“Chính xác. Giống Anne hơn rồi đấy. Một thời gian nữa, chúng ta sẽ quen nước quen cái, quen bạn quen bè, mọi việc sẽ ổn thôi. Anne, cậu có để ý cô gái đứng một mình bên ngoài cửa phòng thay đồ chung cả buổi sáng không, cô nàng xinh đẹp mắt nâu môi hơi trề ra ấy?”

“Có chứ. Tớ để ý đến cô nàng vì cô nàng dường như là sinh vật duy nhất nơi này trông có vẻ cô độc và lạc lõng y như cảm giác của tớ. Tớ có cậu, nhưng cô nàng thì chả có ai cả.”

“Tớ nghĩ cô nàng chắc cũng cảm thấy cô đơn. Thỉnh thoảng tớ thấy cô nàng dợm chân định bước về phía chúng ta, nhưng rồi lại thôi, quá nhút nhát, tớ nghĩ thế. Tớ ước cô nàng chịu đi qua đây. Nếu không cảm thấy quá giống con voi cỡ bự, tớ đã đến chỗ cô nàng rồi. Nhưng tớ không thể hùng hục băng qua cái sảnh to đùng ấy trong khi bọn con trai đang hú hét trên cầu thang. Cô nàng là ma mới xinh đẹp nhất mà tớ thấy hôm nay, nhưng có lẽ thiên ân là lừa dối, nhan sắc chẳng có giá trị gì^[6] trong ngày đầu tiên ở Redmond,” Priscilla kết thúc và phá lên cười.

[6]. Cựu ước, sách Cách Ngôn, 31:30.

“Sau bữa trưa tớ sẽ đi đến Cựu St. John,” Anne nói. “Tớ không nghĩ nghĩa địa là nơi phù hợp để lên dây cót tinh thần, nhưng đó là nơi duy nhất trong tầm chân mà có nhiều cây cối, tớ cần phải ở gần cây thôi. Tớ sẽ ngồi trên một phiến đá cũ, nhắm mắt lại và tưởng tượng rằng mình đang ở trong rừng Avonlea.”

Thế nhưng Anne không có dịp làm vậy, vì ở Cựu St. John cô phát hiện ra có quá nhiều thứ thú vị đáng cho cô mở to mắt ngắm nhìn. Họ đi vào từ cổng chính, băng qua vòm đá đơn giản đồ sộ có con sư tử biểu tượng Anh quốc cưỡi lên phía trên.

“*Ở Inkerman, bụi gai đại vấy máu, Và những đỉnh cao hoang vắng từ nay sẽ nổi tiếng trong truyền thuyết.*”^[7] Anne ngậm nga và nhìn quanh đầy hứng khởi. Họ thấy mình đang đứng ở một khoảng xanh âm u mát mẻ, tiếng gió ngân nga. Đi lên đi xuống dọc những lối đi cỏ mọc cao, họ thông thả đọc những đoạn văn bia cổ kính dài dòng, được khắc chạm vào thời kỳ cuộc sống thông thả hơn hẳn hiện giờ.

[7]. Trích truyện thơ Lucile của Owen Meredith.

“Nơi đây an nghỉ ông Albert Crawford,” Anne đọc từ một bia mộ màu xám đã mòn, “từng là người quản lý hậu cần của hoàng gia ở Kingsport nhiều năm liền. Ông phục vụ trong quân đội cho đến khi hòa bình lập lại vào năm 1763, rồi ông xuất ngũ vì sức khỏe kém. Ông là một sĩ quan dũng cảm, người chồng tốt nhất, người cha tốt nhất, người bạn tốt nhất. Ông qua đời ngày 29 tháng Mười, năm 1792, hưởng thọ 84 tuổi.’ Một bài văn bia hết chỗ chê, Prissy ạ. Rõ ràng là có nhiều ‘khoảng trống cho tưởng tượng’ trong đó. Cuộc đời của ông ấy chắc phải tràn đầy phiêu lưu mạo hiểm. Về các ưu điểm cá nhân, tờ tin văn bia nhân loại không thể đi xa hơn thế. Tớ tự hỏi hỏi ông ấy còn sống người ta có khen ông ấy cái gì cũng là nhất hay không.”

“Một bài khác nữa này,” Priscilla nói. “Nghe này: ‘Tưởng niệm Alexander Ross, mất vào ngày 22 tháng Chín, 1840, 43 tuổi. Bia này được dựng để biểu lộ tình cảm của người được ông phục vụ tận tâm suốt 27 năm ròng, coi ông như một người bạn, xứng đáng với sự tin tưởng và gắn bó tuyệt đối.’”

“Một văn bia rất có ý nghĩa,” Anne trầm tư. “Tớ chẳng mong được gì hơn thế. Chúng ta đều là người phục vụ, về mặt nào đó, và nếu sự tận tâm của chúng ta có thể được ghi lại một cách chân thực trên bia mộ thì chẳng cần ghi thêm gì nữa. Đây là một bia mộ xám buồn thảm, Prissy ạ, ‘Tưởng niệm đứa con yêu dấu.’ Và đây nữa ‘Dựng lên để tưởng niệm người chôn thân nơi khác.’ Tớ tự hỏi ngôi mộ thực của người đó nằm ở đâu. Thiệt tình, Pris ạ, nghĩa địa thời nay chẳng được thú vị thế này. Cậu nói đúng, tớ sẽ thường ghé qua đây. Tớ thích nó rồi đấy. Tớ thấy chúng ta không cô độc, có một cô gái ở cuối đường kia.”

“Ừ, và tờ tin đó chính là cô gái chúng ta nhìn thấy ở Redmond sáng nay. Tớ đã quan sát cô nàng năm phút rồi. Cô nàng dậm chân bước đến đây được cả năm, sáu lần, rồi năm, sáu lần đều xoay người quay trở lại. Hoặc là cô nàng cực kỳ nhút nhát, hoặc là lương tâm cô nàng đang cắn rứt vì chuyện gì đó. Chúng ta đến gặp cô nàng đi thôi. Làm quen trong nghĩa địa thì dễ hơn là ở Redmond, tớ nghĩ thế.”

Họ đi dọc theo đường mái vòm cỏ mọc đầy về phía cô gái lạ đang ngồi trên một phiến đá xám dưới cây liễu khổng lồ. Cô nàng rõ ràng là hết sức xinh đẹp, một vẻ đẹp sống động, bất thường và quyến rũ hút hồn. Mái tóc mịn như nhung sáng bóng như hạt dẻ, đôi má bầu bĩnh ửng mọng dịu dàng. Đôi mắt cô nàng to, màu nâu và thẫm như nhung, chân mày đen sắc nhọn lạ thường, đôi môi hơi trề đỏ thắm. Cô nàng vận bộ váy nâu thanh lịch, hai mũi giày nhỏ đúng mốt thò ra bên dưới, mũ rơm màu hồng sẫm, vòng hoa anh túc vàng sậm đan quanh, chiếc mũ mang vẻ duyên dáng khó gọi thành lời, rõ ràng là “sáng tạo” của một nghệ nhân may vá. Priscilla lập tức bối rối nhớ ra chiếc mũ mình mua của một thợ may làng, Anne thì bất an không biết

chiếc áo cô tự may và bà Lynde đo cắt có vẻ quá quê mùa và tầm thường trước bộ đồ đúng mốt của cô gái lạ hay không. Trong một thoáng, hai cô gái đều muốn quay lưng đi.

Nhưng họ đã dừng lại và quay về phía bia mộ màu xám. Rút lui bây giờ thì quá trễ, vì cô gái mắt nâu rõ ràng đã kết luận rằng họ đến để nói chuyện với mình. Cô lập tức đứng bật dậy, đi tới trước mặt họ với bàn tay chìa ra và nụ cười vui vẻ thân thiện chẳng có dấu ấn nào của sự nhút nhát hay lương tâm bị cắn rứt.

“Ồ, tớ rất muốn biết hai cậu là ai,” cô hào hứng kêu lên. “Tớ muốn biết đến chết được. Sáng nay tớ nhìn thấy các cậu ở Redmond. Nói xem, ở đó khủng khiếp quá phải không? Lúc đó tớ ước gì tớ ở nhà lấy chồng cho rồi.”

Anne và Priscilla không nén được tiếng cười trước câu kết luận bất ngờ này. Cô gái mắt nâu cũng phá lên cười.

“Thật đó. Tớ có thể đã làm vậy, các cậu biết đấy. Lại đây, chúng ta ngồi xuống tấm bia này mà làm quen với nhau đi. Không khó khăn gì đâu. Tớ biết ngay là chúng ta sẽ thích mê nhau mà, tớ biết ngay từ lúc nhìn thấy các cậu ở Redmond sáng hôm nay. Tớ hết sức mong muốn được chạy ngay lại và ôm chầm lấy các cậu.”

“Sao cậu không làm vậy?” Priscilla hỏi.

“Bởi vì đơn giản là tớ không thể quyết định làm vậy được. Tớ chẳng thể tự quyết định được bất cứ việc gì, tớ lúc nào cũng bị sự do dự xâm chiếm. Ngay khi quyết định làm chuyện gì đó, tớ cảm thấy từ trong xương tủy rằng làm khác đi mới là đúng. Đó đúng là một sự bất hạnh khủng khiếp, nhưng bẩm sinh tớ là thế, có trách móc tớ cũng chẳng có tác dụng gì, dù nhiều người trách móc lắm rồi. Thế nên tớ không thể quyết định đến nói chuyện với các cậu được, dù tớ rất muốn.”

“Bọn tớ tưởng là cậu quá nhút nhát,” Anne nói.

“Không, không, cưng à. Nhút nhát không phải là một trong những khuyết điểm, hay là ưu điểm, của Phillipa Gordon, gọi tắt là Phil. Cứ gọi luôn tớ là Phil đi. Nào, còn các cậu tên là gì?”

“Cô ấy là Priscilla Grant,” Anne chỉ sang bạn.

“Còn cô ấy là Anne Shirley,” Priscilla chỉ lại sang Anne.

“Và chúng tớ đều là dân Đảo,” cả hai đồng thanh.

“Tớ sống ở Bolingbroke, Nova Scotia,” Philippa nói.

“Bolingbroke!” Anne kêu lên. “Ôi, đó là nơi tớ sinh ra.”

“Thật không? Ôi, thế thì cậu là dân Mũi xanh rồi.”^[8]

[8]. Biệt hiệu của dân Nova Scotia.

“Không đời nào,” Anne phản đối. “Chẳng phải Dan O’Connell từng nói người sinh ra ở trong tàu ngựa cũng không biến thành ngựa sao? Tớ là dân Đảo từ trong xương đấy nhé.”

“Ôi, dù sao thì tớ cũng mừng là cậu sinh ra ở Bolingbroke. Chúng ta gần như là láng giềng, nhỉ? Tớ thích thế, vì nếu tớ kể những chuyện bí mật cho cậu nghe, tớ sẽ không có cảm giác đang kể cho người lạ. Tớ phải kể hết bí mật ra thì mới chịu được. Tớ chẳng giữ được bí mật đâu, cổ cũng chẳng có tác dụng gì. Đó là khuyết điểm tệ hại nhất của tớ, và cả sự thiếu quyết đoán nữa, như đã nói lúc này. Các cậu có tin nổi không? Tớ tốn đến nửa tiếng để quyết định xem nên đội cái mũ nào để đi đến đây, đến đây, đến nghĩa địa! Lúc đầu tớ ưa cái mũ nâu đính lông hơn, nhưng vừa đội lên thì tớ nghĩ cái mũ hồng vành mềm này sẽ hợp hơn. Nhưng khi đội nó lên tớ lại thích cái màu nâu. Thế là cuối cùng tớ đặt cả hai cái lên giường, nhắm tịt mắt và chọc cái đinh gài mũ. Cái đinh đâm vào cái mũ hồng, thế là tớ bèn đội nó. Nó khá hợp đấy chứ, phải không? Trả lời tớ xem, các cậu thấy trông tớ thế nào?”

Trước câu hỏi ngây thơ với giọng điệu hoàn toàn nghiêm túc đó, Priscilla phá lên cười. Nhưng Anne bốc đồng siết chặt lấy tay Philippa.

“Sáng nay bọn tớ đã nghĩ cậu là cô gái xinh đẹp nhất mà bọn tớ thấy ở Redmond.”

Đôi môi mọng của Philippa hé ra một nụ cười hết sức quyến rũ, để lộ hàm răng trắng bóng.

“Tớ cũng nghĩ thế,” đó là câu tuyên bố bất ngờ thứ hai của cô, “nhưng tớ muốn tham khảo ý kiến của người khác để duy trì suy nghĩ của tớ. Tớ thậm chí còn chẳng quyết định được về vẻ ngoài của mình nữa. Ngay khi vừa cho rằng mình xinh đẹp, tớ lại lập tức đau khổ cảm thấy mình chẳng xinh chút nào. Hơn nữa, có một bà dì già cỗi khủng khiếp cứ lúc nào cũng thở dài thườn thượt bảo tớ, ‘Hồi nhỏ cháu xinh lắm. Nhưng khi lớn lên thì sao mà con nít thay đổi nhiều thế.’ Tớ thương các dì, nhưng tớ căm ghét các bà dì. Làm ơn hãy thường nói với tớ là tớ xinh đi nhé, nếu các cậu không phiền. Tớ cảm thấy dễ chịu hơn rất nhiều khi tớ tin rằng mình xinh đẹp. Và tớ sẵn sàng làm điều tương tự với các cậu nếu các cậu muốn, tớ có thể mà, với một lương tâm trong sạch.”

“Cảm ơn,” Anne phá lên cười, “nhưng Priscilla và tớ hoàn toàn tin chắc vào vẻ ngoài xinh đẹp của mình mà chẳng cần đến sự xác thực nào, nên không phiền cậu đâu.”

“Ôi, các cậu lại cười tớ. Tớ biết các cậu nghĩ tớ là một kẻ tự phụ hão huyền, nhưng không phải vậy đâu. Tớ chẳng có một tí ti tự phụ nào hết. Và tớ cũng chẳng bao giờ cảm thấy miễn cưỡng khi khen những cô gái khác nếu họ xứng đáng. Tớ rất mừng được làm quen với các cậu. Tớ vừa tới hôm thứ Bảy, và thế rồi suýt chết vì nhớ nhà. Đúng là một cảm giác khủng khiếp, phải không? Ở Bolingbroke, tớ là nhân vật quan trọng, còn ở Kingsport tớ là kẻ vô danh! Có lúc tớ cảm giác được linh hồn của tớ chuyển sang màu xanh buồn thảm nữa cơ. Các cậu ở đâu?”

“Số ba mươi tám đường St. John.”

“Tốt quá tốt quá. Ôi, tớ ở ngay đường Wallace qua ngã tư. Nhưng tớ chẳng ưa nhà trọ của mình tí nào. Nó ảm đạm và buồn bã lắm, phòng của tớ nhìn ra sân sau thật kinh khủng. Đó là nơi xấu xí nhất trên thế giới. Còn mèo nữa, ôi, rõ ràng là tất cả mèo ở Kingsport không thể tụ tập hết ở đó được, nhưng ít nhất là phân nửa bọn chúng đều có mặt. Tớ thích mèo nằm trên thảm trải trước lò sưởi, gù gù trước ngọn lửa ấm áp thân thiện, nhưng mèo ở sân sau vào giữa khuya là một giống vật hoàn toàn khác hẳn. Hôm đầu mới tới, tớ khóc suốt đêm, bọn mèo cũng rú cả đêm. Các cậu phải nhìn

mũi tó vào sáng hôm sau mới hiểu. Lúc đó tó chỉ ước gì mình chưa từng rời nhà ra đi!”

“Tó chẳng hiểu làm sao cậu có thể quyết định đi học ở Redmond, nếu cậu là người hay do dự như thế,” Priscilla hứng thú hỏi.

“Cưng à, Chúa phù hộ cho cưng, tó có quyết định đâu. Ba tó muốn tó đi học đấy chứ. Ba tó quyết chí như thế, vì sao ư, tó chả biết nữa. Tó học để lấy bằng đại học, thật ngớ ngẩn phải không? Được rồi, không phải vì tó không học được. Tó có nhiều nỗi lo.”

“Ồ!” Priscilla mơ hồ đáp.

“Ừ. Nhưng dùng đến nó chẳng dễ dàng gì. Cử nhân đại học là những kẻ thông thái, thông minh, nghiêm túc và đáng trọng, nhất định là thế. Không, tó không muốn đi học ở Redmond. Tó làm vậy để chiều ba tó thôi. Ba tó dễ thương lắm nhé. Hơn nữa, nếu ở nhà thì tó phải đi lấy chồng là cái chắc. Mẹ tó muốn thế, kiên quyết muốn như thế. Mẹ tó có dư tính quả quyết mà. Nhưng tó ghét phải đi lấy chồng, ít nhất là trong vài năm tới. Tó muốn chơi cho thỏa đã trước khi dừng chân ổn định. Và, cứ nghĩ đến chuyện tó là người có bằng đại học thì thấy thật ngớ ngẩn, nhưng vẫn không vớ vẩn bằng việc tưởng tượng ra tó là một bà vợ đứng tuổi, phải không? Tó mới mười tám. Không, tó rút ra là thà đi học ở Redmond còn hơn lấy chồng. Hơn nữa, làm sao mà tó có thể quyết định được là lấy ai cơ chứ?”

“Có nhiều người để chọn không?” Anne phá lên cười.

“Cả đồng. Bọn con trai thích tó khủng khiếp, thật đó. Nhưng chỉ có hai người đáng để chọn thôi. Số còn lại hoặc quá trẻ hoặc quá nghèo. Tó phải lấy một người giàu có, các cậu biết đấy.”

“Vì sao?”

“Cưng à, cậu có thể tưởng tượng tó là vợ của một người nghèo được không? Tó chẳng làm trò gì nên hồn, và lại cực kỳ phung phí nữa. Ô, không, chồng tó phải có cả đồng tiền. Cho nên số người để chọn giới hạn lại còn có hai thôi. Nhưng chọn một

trong hai chẳng dễ hơn chọn một trong hai trăm. Tớ biết chắc chắn rằng dù chọn ai thì cả đời tớ cũng sẽ hối hận vì không cưới người còn lại.”

“Cậu... yêu... cả hai người à?” Anne hỏi, hơi ngần ngừ. Nói chuyện với người lạ về những bí ẩn và biến đổi của cuộc đời chẳng dễ dàng chút nào.

“Ôi trời, không. Tớ chẳng yêu nổi ai đâu. Bản chất tớ là thế. Hơn nữa tớ cũng chẳng muốn thế. Yêu sẽ biến ta thành một kẻ nô lệ, tớ nghĩ thế. Và nó sẽ trao cho người đàn ông rất nhiều quyền lực để làm tổn thương ta. Tớ e là thế. Không, không, Alec và Alonzo là hai cậu bạn dễ thương, tớ thích họ nhiều đến mức tớ chẳng biết là tớ thích ai hơn. Đó là vấn đề. Đương nhiên, Alec đẹp trai hơn, và tớ chẳng thể cưới một người đàn ông xấu trai được. Anh ấy cũng tốt tính nữa, và có mái tóc xoăn đen tuyệt đẹp.

Anh ấy có vẻ hơi quá hoàn hảo, tớ không nghĩ là tớ thích có một người chồng hoàn hảo mà tớ chẳng thể tìm ra được khuyết điểm nào.”

“Vậy sao không cưới Alonzo?” Priscilla nghiêm túc hỏi.

“Nghĩ đến việc cưới người mang tên Alonzo coi!” Phil u sầu đáp. “Tớ không tin là tớ chịu đựng nổi điều đó. Nhưng anh ấy có một cái mũi đẹp theo kiểu cổ điển, và thật dễ chịu nếu trong gia đình có một cái mũi đẹp để nương tựa vào. Tớ không thể tin tưởng vào cái mũi của tớ. Cho tới giờ thì nó giống kiểu mũi của người họ Gordon, nhưng tớ e là khi tớ già đi thì nó sẽ giống người họ Byrne. Ngày nào tớ cũng kiểm tra một lượt để chắc là nó vẫn mang họ Gordon. Mẹ tớ họ Byrne và có mũi kiểu Byrne ở mức độ Byrne nhất. Các cậu đợi xem đi rồi biết. Tớ mê tí những cái mũi đẹp. Cái mũi của cậu đẹp khủng khiếp, Anne Shirley ạ. Cái mũi của Alonzo suýt nữa đã giúp anh ấy chiến thắng. Nhưng mà Alonzo sao! Không, tớ không thể quyết định được. Giá như tớ có thể làm như khi chọn mũ ấy, để hai người họ đứng kế nhau, nhắm mắt lại và chọn đính ghim, thì sẽ dễ dàng biết mấy.”

“Alec và Alonzo nghĩ gì khi cậu đi?” Priscilla hỏi.

“Ồ họ vẫn còn hy vọng mà. Tớ bảo họ hãy đợi đến khi tớ có thể quyết định được. Họ sẵn sàng chờ đợi mà. Các cậu biết đó, họ tôn thờ tớ. Trong lúc ấy, tớ quyết tâm phải chơi cho thỏa. Tớ hy vọng tớ sẽ có hàng đồng bạn trai ở Redmond. Các cậu biết

đấy, không có bạn trai thì tớ chẳng vui nổi. Nhưng các cậu có nghĩ rằng đám con trai năm nhất nhìn quê kinh khủng không? Tớ chỉ thấy có một tay thực sự đẹp trai thôi. Anh ta đi trước khi các cậu đến. Tớ nghe bạn anh ta gọi anh ta là Gilbert. Bạn của anh ta có đôi mắt lồi ra đến thế này này. Các cô gái, các cậu định đi à? Khoan đi mà.”

“Tớ nghĩ bọn tớ phải đi thôi,” Anne đáp khá lạnh nhạt. “Trễ rồi và tớ còn có việc.”

“Nhưng các cậu sẽ đến chơi với tớ phải không?” Philippa hỏi, đứng dậy nắm tay hai người. “Và cho tớ đến thăm các cậu nhé. Tớ muốn làm thân với các cậu. Tớ đã mê các cậu rồi. Và tớ không làm các cậu muốn ới vì tính khí màu mè của tớ, phải không?”

“Không hẳn,” Anne phá lên cười và thân tình trở lại, siết chặt tay đáp lại Phil.

“Vì tớ không ngốc bằng nửa bề ngoài của tớ đâu, các cậu biết đấy. Các cậu cứ chấp nhận Philippa Gordon như Chúa đã tạo ra cô ấy, cùng mọi khuyết điểm của cô ấy, và tớ tin là các cậu sẽ mến cô ấy thôi. Nghĩa địa này thật dễ thương phải không? Tớ thích được chôn ở đây. Đây là một ngôi mộ tớ chưa thấy trước đây, nằm bên hàng rào sắt, ồ, các cô gái, nhìn này, trên bia mộ ghi đây là mộ của một chuẩn úy hải quân hy sinh trong trận chiến giữa tàu Shannon và tàu Chesapeake đấy. Tưởng tượng xem!”

Anne dừng lại bên hàng rào, nhìn tấm bia đã bị thời gian bào mòn, mạch đập dồn dập bởi cảm giác phấn khởi bất ngờ. Khu nghĩa địa cũ, với những hàng cây đan xen và những lối đi râm mát, từ từ biến mất khỏi tầm mắt cô. Thay vào đó, cô nhìn thấy cảng Kingsport cách đây gần một thế kỷ. Một chiếc tàu chiến chậm chậm xuất hiện giữa màn sương, “lá cờ sao băng Anh quốc” tung bay phần phật phía trên. Theo sau là một con tàu khác, trên bệ chỉ huy là một thi thể anh hùng bất động, được lá cờ đầy sao của quốc gia mình bọc quanh, là Lawrence anh dũng. Ngón tay thời gian lần giở từng trang sách, đó chính là con tàu Shannon đắc thắng hải quân cùng với chiến lợi phẩm là tàu Chesapeake.

“Trở lại, Anne Shirley, trở lại đi,” Philippa phá lên cười, kéo kéo tay cô. “Cậu cách bọn tớ cả trăm năm thời gian lận. Quay lại thôi.”

Anne trở lại hiện thực với một tiếng thở dài, mắt cô long lanh.

“Tớ lúc nào cũng ưa thích câu chuyện xưa cũ đó,” cô nói, “và dẫu người Anh chiến thắng, tớ thích câu chuyện chỉ vì người thuyền trưởng chiến bại nhưng vẫn tràn đầy can đảm. Ngôi mộ này khiến câu chuyện trở nên gần gũi và thực tế hơn biết mấy. Chàng chuẩn úy hải quân đáng thương chỉ mới mười tám tuổi. Chàng ‘hy sinh vì vết thương trầm trọng trong cuộc chiến đấu anh hùng’, đó là văn bia của chàng. Người lính chỉ mong có vậy thôi.”

Trước khi quay đi, Anne tháo chùm hoa păng xê tím cài trên áo và nhẹ nhàng thả xuống nấm mộ của chàng trai trẻ hy sinh trong trận thủy chiến vĩ đại.

“Sao, cậu nghĩ gì về người bạn mới của chúng ta?” Priscilla hỏi sau khi Phil chia tay bọn họ.

“Tớ thích cô nàng. Cô nàng có vẻ gì đó rất đáng yêu, mặc cho mọi trò lơ lửng khác. Tớ tin, cũng như lời cô nàng nói, rằng cô nàng chỉ ngốc bằng phân nửa vẻ ngoài thôi. Cô nàng là một đứa bé dễ thương chỉ nhìn thôi đã muốn hôn rồi, và tớ chẳng biết liệu cô nàng có bao giờ trưởng thành hay không nữa.”

“Tớ cũng thích cô nàng,” Priscilla quả quyết. “Cô nàng tán nhảm về bọn con trai y như Ruby Gillis vậy. Nhưng nghe Ruby nói thì lúc nào tớ cũng tức điên lên hay là muốn ói, trong khi tớ chỉ muốn phá lên cười vui vẻ với Phil. Nào, vì sao lại như vậy?”

“Có khác biệt chứ,” Anne ngẫm nghĩ. “Tớ nghĩ bởi vì Ruby quá để tâm đến bọn con trai. Cậu ấy đùa giỡn với tình yêu và hay tán tỉnh. Hơn nữa, cậu cảm thấy mỗi khi cậu ấy khoe khoang về số bạn trai của mình, cậu ấy có ý muốn nhấn mạnh với cậu rằng cậu chẳng có đến phân nửa số bạn trai của cậu ấy. Còn bây giờ, khi Phil nói đến đám bạn trai, nghe như cô nàng đang kể về bạn bè thân vậy. Cô nàng quả thật coi bọn con trai là bạn bè, và vui sướng khi có hàng đồng con trai theo đuôi, chỉ vì cô nàng thích được ngưỡng mộ và thích được coi là đáng ngưỡng mộ. Cả Alex và Alonzo nữa - về sau tớ sẽ chẳng thể nào tách riêng hai cái tên này ra được - họ chỉ là hai người bạn muốn cô nàng chơi cùng đến suốt cuộc đời thôi. Tớ mừng vì chúng ta gặp được cô nàng, và mừng vì chúng ta đã đến Cựu St. John. Tớ tin là tớ đã bén một cái rễ tâm hồn nhỏ xíu xuống mảnh đất Kingsport chiều nay. Tớ hy vọng thế. Tớ ghét cảm giác lỏng gổc lắm.”

Chương 5: Thư nhà

Trong ba tuần kể tiếp, Anne và Priscilla tiếp tục cảm thấy mình là người lạ giữa một vùng đất chưa quen. Rồi đột nhiên mọi việc trở nên đầu vào đó, Redmond, giáo sư, giờ học, sinh viên, học tập, giao tế. Cuộc sống trở lại liên tục, không còn là những mảnh vỡ rời rạc nữa. Sinh viên năm nhất, thay vì là tập hợp những cá nhân đơn lẻ, giờ đã chuyển mình thành một lớp, có tinh thần đồng đội, khẩu lệnh, sở thích, kẻ thù và tham vọng chung. Họ chiến thắng sinh viên năm hai trong trận giao đấu hữu nghị nghệ thuật hằng năm, nhờ vậy chiếm được sự tôn trọng của các lớp còn lại, cộng thêm cảm giác tự tin khổng lồ về bản thân. Trong ba năm liền, sinh viên năm hai đều chiến thắng trận giao đấu, và chiến thắng năm nay của lớp sinh viên năm nhất là nhờ vào sự lãnh đạo đầy chiến lược của Gilbert Blythe, người tổ chức chiến dịch và phát minh ra những kế sách mới, làm lớp năm hai mất tinh thần và đưa lớp năm nhất đến chiến thắng. Để tưởng thưởng, anh được bầu làm lớp trưởng, một chức vụ đầy vinh dự và trách nhiệm được bao người thèm muốn, ít nhất là trong mắt sinh viên năm nhất. Anh cũng được mời gia nhập câu lạc bộ Lamb, tiếng gọi tất của dân Redmond cho tên Lamba Theta, một vinh dự hiếm khi dành cho sinh viên năm nhất. Để thử thách trước khi chính thức gia nhập, anh phải đi diễu hành trên các đường phố chính của Kingsport suốt cả ngày trời, đội mũ rộng vành và mặc tạp dề làm bếp thùng thành bằng vải trúc bầu hoa hòe hoa sói. Anh vui vẻ làm theo yêu cầu, nhắc mũ rộng vành với vẻ lịch thiệp mỗi khi gặp phải các quý bà quý cô quen biết. Charlie Sloane, vốn không được mời gia nhập hội Lamb, nói với Anne là anh chẳng hiểu nổi làm sao Blythe có thể vượt qua nỗi thử thách, và chính anh đây sẽ chẳng bao giờ hạ thấp bản thân như thế.

“Tưởng tượng Charlie Sloane trong một cái tạp dề ‘khoa khòe’ và một chiếc nón ‘rộng vành’ xem,” Priscilla cười khúc khích. “Cậu ta sẽ giống y hệt bà nội Sloane. Gilbert nhìn vẫn rất đàn ông, chẳng kém khi cậu ấy mặc lễ phục là bao nhiêu.”

Anne và Priscilla bị cuốn vào vòng xoay giao tế ở Redmond. Họ hòa nhập nhanh chóng như vậy đa phần là nhờ vào Philippa Gordon. Philippa là con gái của một người giàu có và nổi tiếng, thuộc về một gia đình “Mũi xanh” danh giá lâu đời. Điều này kết hợp với vẻ đẹp và sức quyến rũ của cô, sức quyến rũ mà ai gặp cô rồi cũng phải công nhận, đã mở toang mọi cánh cửa của các hội đoàn, câu lạc bộ và lớp học ở Redmond, và nơi nào cô đặt chân tới thì Anne và Priscilla cũng cùng đi theo. Phil “mê tít” Anne và Priscilla, đặc biệt là Anne. Cô là một cô bé cực kỳ trung thành, hoàn toàn không có tí tẹo trịch thượng nào. “Chơi với tớ thì phải chơi với cả bạn tớ,” hình như là tôn chỉ không nói ra lời của cô. Không cần nỗ lực chút nào, cô kéo hai người bạn vào vòng tròn xã giao ngày càng mở rộng của mình, và hai cô gái làng Avonlea thấy

các mối quan hệ xã hội đến với mình rất dễ dàng và vui vẻ, khiến các nữ sinh ma mới còn lại không khỏi ngưỡng mộ và ghen tỵ. Bọn họ không được Philippa bảo trợ nên bị ra rìa trong suốt năm học đầu tiên.

Trước quan điểm sống chín chắn hơn của Anne và Priscilla, Phil vẫn là một cô bé đáng yêu dễ mến như cô đã thể hiện trong lần gặp đầu tiên. Thế nhưng, đúng như cô cũng đã nói, cô có “hàng đồng” nào. Thời gian và địa điểm học hành của cô vẫn là một bí mật, vì lúc nào cô cũng được lôi kéo tham dự một trò “vui thú” nào đó, các buổi tối nhà cô chật kín những kẻ viếng thăm. Cô có vô số “người ngưỡng mộ” đủ đáp ứng khao khát của mọi cô gái, vì chín phần mười đám nam sinh năm nhất và một tỷ lệ khá lớn các lớp còn lại tranh giành từng nụ cười của cô. Cô vui sướng một cách hết sức trong sáng về việc này, và hớn hờ kể từng cuộc chinh phục mới cho Anne và Priscilla nghe, kèm theo bình luận có thể khiến cho lỗ tai chàng si tình kém may mắn bồng rạn vì xấu hổ.

“Alec và Alonzo xem ra vẫn chưa có đối thủ nào đáng kể,” Anne trêu.

“Chẳng có ai,” Philippa đồng ý. “Tớ viết thư cho cả hai mỗi tuần và kể cho họ nghe về tất cả các chàng trai theo đuổi ở đây. Tớ chắc là họ cũng lấy làm thú vị lắm. Nhưng, đương nhiên, người tớ thích nhất thì tớ chẳng chiếm được. Gilbert Blythe chẳng thèm để ý gì đến tớ cả, anh ta có nhìn tớ thì cũng chỉ như nhìn con mèo con đáng được vuốt ve thôi. Tớ biết rõ lý do mà. Nữ hoàng Anne, tớ thù cậu lắm đấy nhé. Lẽ ra tớ phải ghét cậu, thế mà tớ lại yêu cậu chết đi được, và tớ sẽ phát rồ nếu không nhìn thấy cậu mỗi ngày. Cậu khác hẳn với các cô gái tớ biết trước giờ. Khi cậu nhìn tớ theo một kiểu nào đó, tớ cảm thấy mình đúng là một con quái vật tầm thường phù phiếm, tớ ước gì tớ có thể trở nên mạnh mẽ, tốt đẹp và thông minh hơn. Thế là tớ quyết tâm thay đổi bản thân, nhưng chỉ cần một anh chàng đẹp trai xuất hiện trong tầm mắt là tớ quên hết tất cả. Cuộc đời sinh viên tuyệt vời quá phải không? Thật tức cười khi nhớ lại là ngày đầu tiên tớ ghét nó biết bao. Nhưng nếu tớ không cảm thấy như vậy, chắc tớ chẳng bao giờ thực sự làm quen được với cậu. Anne ơi, làm ơn nói với tớ một lần nữa là cậu thích tớ một chút xíu đi. Tớ khao khát được nghe câu nói đó.”

“Tớ thích cậu rất nhiều xíu, và tớ nghĩ cậu là một... con mèo con dễ thương, ngọt ngào, đáng yêu, mịn như nhung và chẳng có chút móng vuốt nào,” Anne phá lên cười, “nhưng tớ không biết cậu học bài vào lúc nào nữa.”

Phil rõ ràng là có dành thời gian để học, vì cô được điểm cao trong tất cả các môn học. Ngay cả vị giáo sư Toán già khó tính căm ghét việc nam nữ học chung, chua chất phản đối việc cho phép nữ sinh vào Redmond, cũng không thể đánh rớt được cô. Cô dẫn đầu các nữ sinh năm nhất trong tất cả các môn, trừ môn Văn, môn này thì Anne Shirley bỏ xa cô. Chính Anne cũng thấy các môn học năm nhất rất dễ dàng, chủ yếu nhờ cô và Gilbert đã không ngừng chăm chỉ ôn tập suốt hai năm vừa qua ở Avonlea.

Nhờ vậy, cô có nhiều thời gian cho các hoạt động xã giao mà cô rất thích thú. Nhưng chẳng giây phút nào cô quên được Avonlea và bạn bè của mình ở nhà. Đối với cô, giây phút vui sướng nhất mỗi tuần là khi nhận được thư nhà. Cho đến khi nhận được những lá thư đầu tiên, cô mới bắt đầu nghĩ mình có thể yêu Kingsport và cảm thấy gần gũi với nơi này. Trước khi nhận được thư, Avonlea dường như cách nơi này cả ngàn dặm, nhưng những lá thư kéo nó lại gần hơn, gắn kết cuộc sống cũ và mới lại với nhau khiến chúng chỉ là một và duy nhất, chứ không phải là hai cuộc sống tách biệt không có chút liên hệ nào. Đợt thư đầu tiên có sáu lá, của Jane Andrews, Ruby Gillis, Diana Barry, Marilla, bà Lynde và Davy. Lá thư của Jane chẳng khác nào một bản in mẫu, mỗi chữ "t" đều gạch ngang chân chu, và mỗi chữ "i" có một dấu chấm ngay ngắn, trong thư chẳng có một câu nào thú vị cả. Cô chẳng hề nhắc đến trường học, điều mà Anne khao khát muốn biết, cô thậm chí chả hề trả lời câu hỏi nào trong thư của Anne. Nhưng cô kể cho Anne nghe cô đã móc được bao nhiêu thước đăng ten, thời tiết ở Avonlea thế nào, kiểu váy mới cô định may, và cảm giác của cô khi đầu bị nhức. Ruby Gillis viết hẳn một bài văn dài thườn thượt than thở về sự vắng mặt của Anne, khẳng định ai cũng nhớ cô muốn chết, hỏi xem các "bạn học" Redmond thế nào, phần còn lại của lá thư là bản kê khai về những kinh nghiệm đau đớn của cô với hàng đồng người ngưỡng mộ. Đó là một lá thư ngớ ngẩn vô hại, Anne hẳn đã lấy nó làm trò vui nếu không đọc đến phần tái bút. "Theo mấy lá thư của Gilbert thì cậu ấy có vẻ thích Redmond đấy," Ruby viết. "Tớ không nghĩ là Charlie thích nơi đó."

Vậy là Gilbert có liên lạc với Ruby! Tốt lắm. Đương nhiên, anh ta có quyền làm thế mà. Chỉ là...!!! Anne không biết rằng Ruby đã viết thư trước, Gilbert chỉ trả lời theo phép lịch sự thôi. Cô khinh bỉ quăng lá thư của Ruby sang một bên. Nhưng nỗi nhức nhối do dòng tái bút đó gây nên chỉ phai nhạt đi sau lá thư phấn khởi đầy những tin tức thú vị của Diana. Thư của Diana nhắc đến Fred có phần nhiều hơn mức cần thiết, nhưng dù sao cũng tràn đầy những điều đáng quan tâm, và Anne cảm thấy như mình đang ở Avonlea khi đọc bức thư đó. Lá thư của bà Marilla khá cứng nhắc và vô vị, hoàn toàn chẳng có chút buồn chuyện hay chút tình cảm nào. Nhưng bằng cách nào đó, nó vẫn gọi lại cho Anne chút hơi hướm của cuộc sống đơn giản lành mạnh ở Chái Nhà Xanh, với mùi vị thanh thảo cổ xưa và tình yêu vĩnh viễn không hề thay đổi dành cho cô. Thư của bà Lynde thì đầy tin tức về công việc nhà thờ. Sau khi thoát khỏi

công việc nội trợ, bà Lynde có nhiều thời gian hơn hẳn để cống hiến cho nhà thờ, và dành hết trái tim cùng sức lực vào đó. Hiện giờ, bà đang khá bức bối vì những “người thử việc” kém cỏi nhăm nhe vị trí giảng đạo đang bỏ trống ở Avonlea.

“Ta nghĩ giờ chắc chỉ có những tay khờ khạo mới làm linh mục,” bà chua chát viết. “Họ đã gửi tới cho chúng ta những loại ứng cử viên nào cơ chứ, và những bài giảng khủng khiếp làm sao! Phân nửa đều sai toét cả, và còn tệ hơn thế, nghe chẳng có vẻ đạo mạo chút nào. Ứng cử viên hiện tại là tệ hại nhất. Ông ta cứ trích ra một đoạn kinh, xong rồi lại giảng giải về một vấn đề khác. Và ông ta nói mình không tin tất cả bọn ngoại đạo đều phải xuống địa ngục. Ối trời ơi! Nếu không phải vậy thì số tiền chúng ta đóng góp cho hội truyền giáo quá phí phạm đi, thế đấy! Tối Chủ nhật trước, ông ta tuyên bố Chủ nhật tới ông ta sẽ giảng về lưỡi rìu nổi lên mặt nước. Ta nghĩ ông ta tốt nhất hãy tự giới hạn mình trong Kinh Thánh và tránh xa các chủ đề giật gân ra. Thế giới này đảo lộn từng پہلو lên cả rồi, mục sư mà lại không thể tìm được chủ đề nào đó để giảng giải trong Kinh Thánh, thế đấy. Anne, cháu đi nhà thờ nào? Ta mong cháu đi nhà thờ thường xuyên. Người ta thường quên bẵng việc đi nhà thờ khi xa nhà, ta biết đám sinh viên đại học toàn là những con chiên tội lỗi về vấn đề này. Ta nghe nói có nhiều đứa còn học bài vào Chủ nhật nữa chứ. Ta hy vọng cháu sẽ chẳng bao giờ tệ đến mức ấy, Anne ạ. Nhớ lấy chúng ta đã nuôi dạy cháu thế nào. Và hãy cẩn thận khi làm quen với bạn mới. Cháu chẳng biết được loại người nào đi học đại học đâu. Bên ngoài thì trắng tinh tươm như bia mộ ấy, nhưng bên trong thì y hệt con sói đen sì, thế đấy. Tốt nhất là cháu đừng có nói chuyện với đám trai trẻ không phải dân Đảo.

“Ta quên không kể cho cháu nghe chuyện xảy ra hôm mục sư đến thăm nhà. Đó là chuyện tức cười nhất mà ta từng thấy. Tôi bảo Marilla, ‘Nếu Anne có ở đây, chắc nó cười dữ lắm đấy.’ Ngay cả Marilla cũng phá lên cười. Cháu biết đấy, ông mục sư khá nhỏ con, lùn, mập, chân vòng kiềng. Và, cái con lợn già nhà ông Harrison, cái con vừa to vừa cao ấy, hôm đó đi lang thang sang nhà mình, xông vào sân, chui vào hiên sau mà chẳng ai biết, nó xuất hiện ngay đó khi viên mục sư bước vào cửa. Nó nhào mạnh tới để thoát ra, nhưng chẳng có chỗ nào để thoát ngoại trừ khoảng trống giữa đôi chân vòng kiềng của ông mục sư. Thế là nó chui ra theo lối ấy, nhưng vì nó quá to, mà ông mục sư lại quá nhỏ con, nó công luôn ông ta lên lưng và phóng đi. Mũ ông ta văng một đằng, gậy văng một ngả ngay khi Marilla và ta ra đến cửa. Ta chẳng bao giờ quên được bộ dạng ông ta lúc đó. Và con lợn tội nghiệp thì sợ phát khiếp. Ta sẽ chẳng bao giờ có thể đọc đoạn Kinh Thánh nói về bầy lợn chạy điên cuồng xuống dốc lao xuống biển^[9] mà không tưởng tượng ra cảnh con lợn nhà ông Harrison chạy hết tốc lực xuống đồi với ông mục sư. Ta đoán con lợn nghĩ là nó đang cõng Quỷ sứ trên lưng chứ không phải mang hấn trong mình. Thật may là hai đứa sinh đôi không có mặt. Để chúng nhìn thấy một mục sư trong tình trạng chẳng đường hoàng chút nào

thì thật không đúng đắn. Ngay trước khi đến dòng suối, ông mục sư nhảy ra, hay là bị té lăn ra thì đúng hơn. Con lợn điên cuồng băng qua dòng suối và chạy thẳng vào rừng. Marilla và ta chạy xuống giúp ông mục sư đứng dậy và phủ áo cho ông ta. Ông ta không bị thương nhưng tức điên lên. Dường như ông ta cho rằng Marilla và ta bày ra mọi chuyện, dẫu bọn ta nói rõ con lợn không phải là của nhà, và nó phá phách nhà chúng ta suốt cả mùa hè rồi. Hơn nữa, ông ta vòng ra cửa sau làm quái gì? Cháu sẽ chẳng bao giờ thấy ông Allan làm điều đó. Cũng còn lâu lắm chúng ta mới kiếm được một người như ông Allan. Nhưng trong cái xui cũng có cái hên. Bọn ta chẳng bao giờ thấy một cọng lông hay một vết chân của con lợn ấy nữa, và ta tin là bọn ta đã được giải thoát khỏi nó.

[9]. Tân ước, Phúc âm theo thánh Matthew 8, Phúc âm theo thánh Mark 5: Jesus gặp người bị quỷ ám, lệnh cho quỷ rời khỏi người ấy và nhập vào đàn lợn đang ăn gần đó; cả đàn lợn lao xuống biển chết.

“Mọi chuyện diễn ra khá êm đềm ở Avonlea. Ta không thấy Chái Nhà Xanh quá cô độc như ta từng nghĩ. Ta định làm một cái chăn bông nữa cho mùa đông này.

Bà Silas Sloane có một mẫu thêu lá táo mới nhìn rất đẹp.

“Khi ta muốn có chút hứng khởi, ta đọc các vụ án mạng đăng trên tờ báo Boston cháu gái ta gửi. Ta chưa làm thế bao giờ, nhưng chúng thật hấp dẫn. Nước Mỹ hẳn là một nơi thật khủng khiếp. Hy vọng cháu chẳng bao giờ phải đi đến đó, Anne ạ. Nhưng bọn con gái ngày nay đi khắp trái đất, thật khủng khiếp. Nó luôn gọi cho ta nhớ đến Satan trong sách Job, đi qua đi lại, đi lên đi xuống. Ta nghĩ Chúa trời không hề muốn như vậy đâu, thế đấy.

“Kể từ khi cháu đi thì Davy khá là ngoan. Có một hôm nó hư nên bị Marilla phạt đeo tạp dề của Dora suốt ngày, sau đó nó cắt nát hết tất cả tạp dề của Dora. Ta đánh nó một trận, thế là nó đuổi theo con gà trống của ta cho đến khi con gà chết ngắc.

“Gia đình MacPherson đã chuyển đến nhà cũ của ta. Bà MacPherson là một người nội trợ giỏi giang tuy có phần kỳ quặc. Bà ấy nhổ sạch mấy bông loa kèn tháng Sáu của ta vì chúng làm khu vườn lộn xộn quá. Hoa ấy Thomas trồng khi chúng ta cưới nhau. Chồng bà ta coi cũng tử tế, nhưng bà ta hình như chưa tỉnh lại từ thời kỳ làm gái già, thế đấy.

“Đừng học hành vất vả quá, nhớ để ý mặc quần áo ấm ngay khi thời tiết trở lạnh. Marilla lo lắng cho cháu lắm, nhưng ta bảo bà ấy là cháu khôn ngoan hơn hẳn so với trước kia ta vẫn tưởng, và cháu sẽ ổn thôi.” Thư của Davy bắt đầu bằng lời kêu rên.

“Cô anne yêu dấu, xin hãy viết thư bảo bà marilla đừng trói cháu vào trụ cầu khi cháu đi câu cá bọn con trai trêu chọc cháu dữ lắm khi bà ấy làm thế. Không có cô thì buồn khủng khiếp nhưng ở trường thì đất vui. Jane andrews dữ hơn cô. Cháu bắt ma trơi dọa bà lynde tối qua. Lúc nào bà ấy cũng bực bội, bà ấy bực vì cháu dí con gà trống già chạy vòng vòng quanh sân cho tới khi nó chết ngắc. Cháu không muốn làm nó chết mà. Cô anne, sao nó lại chết, cháu muốn biết. bà lynde ném nó vào chuồng lợn bà ấy có thể bán nó cho ông blair. ông blair mua gà trống chết còn ngon lành với giá 50 su. Cháu nghe bà lynde nhờ mục sư cầu nguyện giùm cho bà ấy. Bà ấy làm chuyện xấu gì vậy hả cô anne, cháu muốn biết. Cháu có một con diều với cái đuôi hết xẩy, cô anne ạ. Milt bolter kể cho cháu nghe một chuyện đất hay trong lớp hôm qua. chuyện thật đấy. ông già Joe Mosey và Leon đang chơi bài đêm tuần qua trong rừng. Bài đặt trên một gốc cây và một người đàn ông to lớn đen thùi to hơn cái cây đi tới chộp lấy bài và gốc cây và biến mất với tiếng động rầm rầm như sấm. Cháu đoán là họ sợ hết hồn. Milt nói người đàn ông đen là quý xứ đấy, phải vậy không hở cô anne, cháu muốn biết. Ông kimball ở spenservale bệnh nặng và phải đi bệnh viện. đợi cháu chút để cháu hỏi bà marilla coi viết vậy đúng chưa. Bà marilla nói là ông ta đi bệnh viện tâm thần thì có. Ông ta nghĩ có một con rắn trong người, có con rắn trong người là sao hở cô anne. Cháu muốn biết. bà lawrence bell cũng bị bệnh. bà lynde nói vấn đề duy nhất của bà ta là bà ta nghĩ quá nhiều về những thứ bên trong bà ấy.”

“Mình tự hỏi,” Anne nói khi gấp các lá thư lại, “bà Lynde sẽ nghĩ gì về Phillippa đây.”

Chương 6: Trong công viên

“Các cô nàng định làm gì hôm nay nào?” Philippa hỏi khi ló đầu vào phòng Anne vào một buổi chiều thứ Bảy.

“Bọn tớ định đi dạo ngoài công viên,” Anne đáp. “Lẽ ra tớ phải ở nhà khâu cho xong cái áo. Nhưng tớ chẳng thể may vá gì vào một ngày thế này. Có thứ gì trong không khí đã chui vào máu tớ, khiến cho linh hồn tớ lảng lảng. Tay tớ cứ giật giật và thế là đường may bị méo. Thế là, đi công viên thăm hàng thông thôi.”

“Bọn tớ có bao gồm ai khác ngoài cậu và Priscilla không?”

“Có chứ, có Gilbert và Charlie, và chúng tớ rất vui nếu cậu tham gia.”

“Nhưng,” Philippa u sầu đáp, “nếu tớ đi tớ sẽ trở thành kỳ đà cản mũi, mà Philippa Gordon chưa từng làm kỳ đà bao giờ.”

“À, phải thử một lần mới biết. Đi với bọn tớ đi, rồi cậu sẽ thông cảm với những linh hồn tội nghiệp cứ phải làm kỳ đà cản mũi mãi. Mà đám nạn nhân của cậu đâu rồi?”

“Ôi, tớ chán tất cả bọn họ và chẳng thể chịu nổi bất kỳ ai trong ngày hôm nay. Hơn nữa, tớ đang cảm thấy chán đời tí xíu xiu, như màu trời xanh nhờ nhờ ấy. Không đến nỗi đen tối lắm đâu. Tuần trước tớ viết thư cho Alec và Alonzo. Tớ bỏ thư vào phong bì, ghi tên nhưng chưa dán lại. Chiều hôm ấy, có một chuyện tức cười diễn ra. Alec sẽ thấy tức cười, nhưng Alonzo thì không đâu. Tớ đang vội, thế là tớ lôi lá thư gửi Alec ra - ít nhất là tớ nghĩ thế - và viết vội một hàng tái bút. Sau đó tớ gửi hai lá thư đi. Tớ nhận được thư trả lời từ Alonzo sáng nay. Các cô gái ơi, tớ đã viết dòng tái bút vào thư của anh chàng, và anh chàng tức điên lên. Đương nhiên là anh chàng sẽ qua cơn thôi - tớ cũng cóc thèm để ý nếu anh chàng còn giữ cơn tức giận - nhưng một ngày của tớ thế là xong. Thế là tớ nghĩ tớ sẽ đi tìm các cậu để vui vẻ hơn một chút. Mùa bóng bắt đầu là tớ chẳng có buổi chiều thứ Bảy rảnh rỗi nào nữa đâu. Tớ mê đá bóng lắm. Tớ có cái mũ và áo len tuyệt vời kẻ sọc các màu Redmond để mặc tới các trận đấu. Đương nhiên, nhìn xa thì tớ trông giống như là cái trụ đèn ba màu ở hiệu cắt tóc

ấy. Cậu có biết là Gilbert của cậu đã được bầu là đội trưởng đội bóng năm nhất không?”

“Có, cậu ấy kể cho bọn tớ nghe chiều qua,” Priscilla kể khi thấy Anne giận đến mức không trả lời nổi. “Cậu ấy và Charlie ghé chơi. Bọn tớ biết là họ sẽ tới, nên đã khổ sở cắt hết đám đệm ghế của cô Ada ra khỏi tầm nhìn hay tầm tay. Cái đệm thêu nổi cầu kỳ ấy, tớ dúm nó xuống sàn trong góc đằng sau cái ghế. Tớ nghĩ nó sẽ sống an toàn ở đó. Nhưng cậu có tin nổi không? Charlie Sloane tiến tới cái ghế đó, để ý thấy cái đệm đằng sau, nghiêm trang kéo nó lên và ngồi lên đó suốt cả buổi chiều. Sau đó nhìn nó thảm đến chết được! Hôm nay, cô Ada đáng thương hỏi tớ, vẫn mỉm cười nhưng nụ cười sao mà đầy trách móc, rằng vì sao tớ lại để người ta ngồi lên nó. Tớ đáp rằng tớ không cho ai làm thế cả, chỉ là ý trời kết hợp với tính nhà Sloane mà thôi, và tớ thì làm sao chống lại cặp đôi ấy nổi.”

“Mấy cái đệm ghế của cô Ada bắt đầu làm tớ phát khùng rồi đấy,” Anne nói. “Tuần trước, cô ấy làm xong hai cái mới, đường thêu chẳng chịt đến mức chẳng còn thêu thêm chỗ nào nữa. Không còn chỗ nào thiếu đệm nữa, cô ấy dựng sát vào tường trên chiếu nghỉ cầu thang. Hở chút là chúng lại đổ xuống, và cứ đi lên xuống cầu thang trong bóng tối là bọn tớ lại bị vấp. Chủ nhật vừa rồi, khi tiến sĩ Davis cầu nguyện cho những người phải đối mặt với những hiểm nguy ngoài biển cả, tớ thầm thêm vào, ‘và cho những kẻ sống trong những ngôi nhà mà đệm ghế không những được yêu mến mà còn được tôn thờ!’ Nay, bọn tớ sẵn sàng rồi, và tớ đã thấy bọn con trai đang đi vòng qua Cự St. John. Cậu có gia nhập không, Phil?”

“Đi chứ, nếu tớ được đi chung với Priscilla và Charlie. Làm kỳ đà cản mũi cho cặp này thì cũng chịu đựng được. Chàng Gilbert của cậu dễ thương lắm, Anne ạ, nhưng vì sao chàng lúc nào cũng đi chung với cái tên mắt ốc nhồi kia thế?”

Anne cứng người. Cô không ưa Charlie Sloane cho lắm, nhưng anh ta là dân Avonlea, cho nên không có người ngoài nào được quyền cười nhạo anh ta cả.

“Charlie và Gilbert là bạn từ nhỏ,” cô lạnh lùng đáp. “Charlie là một cậu trai dễ thương. Cậu ấy đâu có lỗi vì đôi mắt của mình.”

“Đừng có nói thế! Cậu ta có lỗi chứ! Kiếp trước chắc cậu ta phải phạm tội gì ghê gớm lắm nên kiếp này mới phải mang cặp mắt như thế. Chiều nay Pris và tớ sẽ đùa cậu ta ra trò. Bọn tớ sẽ trêu chọc cậu ta thẳng mặt mà cậu ta chẳng bao giờ hiểu.”

Đương nhiên, “hai cô nàng P bị bỏ rơi”, như Anne hay gọi, đã tiến hành ý định đáng yêu của mình. Nhưng may mắn thay Sloane chẳng biết tí gì, anh ta nghĩ thật oách khi được đi chung với hai nữ sinh như thế, nhất là Philippa Gordon, hoa khôi của lớp. Nhất định Anne sẽ ấn tượng lắm đây. Cô ấy sẽ thấy là cũng có người đánh giá đúng giá trị của anh ta.

Gilbert và Anne la cà đằng sau, tận hưởng vẻ đẹp tĩnh lặng buổi chiều thu dưới hàng thông trong công viên, trên con đường quanh co vòng qua bến cảng.

“Nơi đây tĩnh lặng như một lời cầu nguyện vậy, phải không?” Anne ngẩng mặt lên bầu trời đầy nắng. “Tớ yêu những hàng thông quá! Chúng cắm rễ thật sâu, xuyên qua những truyền thuyết lãng mạn của các thời đại. Thỉnh thoảng tới đây trò chuyện với chúng thì thật dễ chịu. Lúc nào tớ cũng cảm thấy rất hạnh phúc ở nơi này.”

“Và dãy núi cô đơn bỗng chìm đắm. Như bùa mê thuốc say. Lo âu rơi khỏi họ như muôn lá. Gió giữ hàng thông bay.”^[10]

[10]. “Dickens ở trại”, thơ Bret Harte, kể về những người thợ mỏ nghe đọc Dickens bên lửa trại.

Gilbert ngâm nga.

“Chúng khiến cho những tham vọng của chúng ta trông thật nhỏ nhen, phải không Anne?”

“Tớ nghĩ, nếu có chuyện gì thật buồn xảy đến với tớ, tớ sẽ tìm an ủi ở hàng thông,” Anne mơ màng.

“Tớ mong là chẳng có chuyện gì buồn xảy ra với cậu cả, Anne à,” Gilbert không thấy có mối liên hệ nào giữa nỗi buồn và cô nàng sống động vui vẻ bên cạnh anh, anh không biết rằng người biết bay lên đỉnh cao nhất thì cũng có thể lao xuống vực sâu nhất, và những kẻ tột cùng yêu mến cuộc đời cũng là những kẻ đau khổ nhiều nhất.

“Nhưng phải có thôi, một ngày nào đó,” Anne lẩm bẩm. “Cuộc đời giờ chẳng khác gì ly rượu nồng kề sát môi tớ. Nhưng luôn có chút cay đắng trong mỗi ly rượu. Tớ sẽ nếm trải một ngày nào đó. Ôi, tớ hy vọng mình sẽ đủ mạnh mẽ để đón nhận. Và tớ mong đó sẽ không phải là do lỗi của tớ. Cậu có nhớ tối Chủ nhật tuần trước tiến sĩ Davis đã nói gì không, rằng những buồn thương mà Chúa gửi tớ mang theo cả sự an ủi và sức mạnh, trong khi những buồn thương chúng ta tự chuốc lấy vì ngu ngốc hay xấu xa mới là khó chịu nhất? Nhưng chúng ta không nên nhắc đến những chuyện buồn đau vào một buổi chiều thế này. Nó chỉ dành riêng cho niềm vui cuộc sống tuyệt đối thôi, phải không?”

“Nếu có thể, tớ sẽ giữ cho cuộc đời cậu chỉ tràn đầy niềm vui và hạnh phúc thôi, Anne à,” Gilbert nói với một giọng “cảnh báo nguy hiểm”.

“Vậy thì cậu thật ngốc,” Anne vội cắt ngang. “Tớ chắc chắn là chẳng có cuộc đời nào hoàn chỉnh nếu không có vài rắc rối và buồn đau, mặc dù tớ cho rằng chúng ta chỉ nói thế khi đang hạnh phúc mà thôi. Đi nào, mấy người kia đã đi đến chòi nghỉ mát và đang vẫy gọi chúng ta kìa.”

Họ ngồi xuống bên trong chòi nghỉ mát ngắm cảnh hoàng hôn mùa thu đỏ thắm màu lửa xen lẫn ánh vàng lấp lánh. Bên trái họ là Kingsport, mái nhà và tháp nhọn lơ lửng dưới lớp sương tím. Bên phải là cảng biển, ửng màu hồng pha đồng trái dài đến tận nơi mặt trời lặn. Trước mặt họ, mặt nước lấp lánh màu xám bạc mịn như nhung, xa hơn nữa, đảo William nhẵn nhụi nhô ra khỏi làn sương, chẳng khác gì chú chó bun cường tráng đang canh gác cho thị trấn. Ánh đèn hải đăng lóe sáng trong làn sương như ngôi sao báo bão, đối ứng với một ngôi sao khác ở tít tận chân trời.

“Cậu có bao giờ nhìn thấy một nơi nào nhìn có vẻ vững vàng như thế chưa?” Philippa hỏi. “Tớ không hẳn là muốn sở hữu đảo William, nhưng tớ tin chắc dù tớ có muốn thì cũng chẳng được. Nhìn chàng lính canh trên chóp pháo đài kia, ngay bên cạnh ngọn cờ đấy. Trông cứ như là bước ra từ một truyền thuyết Trung cổ ấy nhỉ?”

“Nói đến truyền thuyết,” Priscilla thốt lên, “bọn tớ đang tìm ít thạch nam, nhưng đương nhiên là không tìm được rồi. Tớ nghĩ là quá mùa rồi.”

“Thạch nam!” Anne kêu lên. “Thạch nam làm gì có mọc ở châu Mỹ?”

“Trên cả lục địa chỉ có hai chỗ mà thôi,” Phil đáp, “một ở ngay trong công viên này, và một ở chỗ nào đó tận Nova Scotia mà tớ quên mất tiêu rồi. Một năm nọ Trung đoàn cao nguyên nổi danh Black Watch đến đây cắm trại, và khi những người lính giũ rơm khỏi giường vào mùa xuân, vài hạt thạch nam đã nảy mầm.”

“Ôi, tuyệt quá!” Anne kêu lên sung sướng.

“Chúng ta vòng qua đại lộ Spofford về nhà đi,” Gilbert đề nghị. “Chúng ta sẽ tha hồ ngắm ‘những ngôi nhà đẹp đẽ nơi các nhà quý tộc giàu có cư ngụ.’ Đại lộ Spofford là con đường dân cư đẹp nhất ở Kingsport này đây. Không ai xây nổi căn nhà nào ở đây nếu không phải là triệu phú đâu.”

“Ôi, đi đi,” Phil nói. “Có một chốn nhỏ nhắn đáng yêu đến chết được tớ muốn cho cậu xem, Anne ạ. Chủ của nó không phải triệu phú đâu. Nó nằm ngay sau chỗ cậu rời công viên đấy, chắc mọc lên ở đó từ thuở đại lộ Spofford vẫn còn là một con đường làng. Nó mọc lên thật đấy, không phải được xây nên đâu! Tớ chẳng ưa những căn nhà khác trên đại lộ. Nhìn chúng mới tinh tươm và trông như hàng mẫu ấy. Nhưng chốn nhỏ nhắn này là một giấc mơ, và tên của nó nữa chứ, nhưng đợi chút chính mắt cậu sẽ thấy.”

Họ nhìn thấy nó khi leo từ công viên lên ngọn đồi thông xanh viền quanh. Ngay trên đỉnh, nơi đại lộ Spofford thu nhỏ thành một con đường bình thường, một căn nhà khung trắng mái thấp nằm dưới vòng tay che chở của cụm thông ở hai bên. Dây leo vàng đỏ phủ kín căn nhà, lấp ló đằng sau là những ô cửa sổ với cửa chớp sơn xanh. Đằng trước là một khu vườn bé tí teo lọt giữa bức tường đá thấp. Dẫu trời đã vào tháng Mười, khu vườn vẫn tươi thắm với những bông hoa và cây bụi kiểu xưa thanh tao đáng yêu: táo gai, ngải bụi, cỏ roi chanh, cải gió, thuốc lá cảnh, vạn thọ và cúc đại đóa. Một bức tường gạch xếp chữ chi dẫn từ cổng vào tận hiên trước. Nơi này cứ như là được bưng rể từ một làng quê xa xôi nào đó đến đây, nhưng ở ngôi nhà vẫn có nét đặc biệt khiến cho lảng giềng gần nhất, tòa lâu đài to đùng với bãi cỏ viền quanh của một ông vua thuốc lá, nhìn cực kỳ thô lỗ, lòe loẹt và thiếu trau chuốt. Đúng như Phil nói, đó là sự khác biệt giữa tự nhiên và nhân tạo.

“Đây là nơi ở tuyệt vời nhất mà tớ từng thấy,” Anne vui sướng thốt lên. “Nó khiến tim tớ lại quặn lên rất kỳ cục và hân hoan, cứ như hồi xưa ấy. Nó trông còn thân thương và đặc biệt hơn cả căn nhà đá của cô Lavendar nữa kìa.”

“Tớ muốn cậu đặc biệt chú ý đến tên của nó,” Phil lên tiếng. “Nhìn kia, chữ màu trắng, xung quanh cổng tò vò bên trên cửa. ‘Nhà Patty’. Có chết người không chứ? Nhất là trên đại lộ toàn Đồi Thông, Trại Tuyết Tùng và Khoảnh Du? ‘Nhà Patty’, thế cơ chứ! Tớ nhìn mà mê tít mắt.”

“Cậu có biết Patty là ai không?” Priscilla hỏi.

“Patty Spofford là tên của quý bà chủ nhà, tớ hỏi rồi. Bà ấy sống ở đây với cô cháu gái, họ đã ở đây cả trăm năm rồi, lâu cỡ đó đó, chỉ xê xẩy chút ít thôi, nhưng có lẽ là thua vài ba năm, Anne ạ. Cường điệu chỉ là một khoảnh khắc thăng hoa thơ ca thôi. Tớ biết đám nhà giàu đã nhiều lần tìm cách mua khu đất này, cậu biết đấy, giờ thì nó đắt bằng cả một gia tài, nhưng ‘Patty’ cương quyết không bán với bất cứ giá nào. Và nó không có sân sau mà thay vào đó là một khu vườn táo ở đằng sau nhà, lát nữa đi qua cậu sẽ thấy, một vườn táo thực thụ ngay trên đại lộ Spofford!”

“Tối nay tớ sẽ nằm mơ thấy ‘Nhà Patty,’” Anne nói. “Ôi, tớ cảm thấy như tớ thuộc về nơi này ấy. Tớ tự hỏi, không biết chúng ta có may mắn được ngó qua một lượt bên trong không.”

“Khó đấy,” Priscilla đáp.

Anne mỉm cười bí ẩn.

“Ừ, khó lắm. Nhưng tớ tin là sẽ có dịp thôi. Tớ có một cảm giác kỳ lạ ớn xương sống, cậu có thể gọi đó là linh cảm, nếu thích, rằng ‘Nhà Patty’ và tớ sẽ trở thành bạn bè với nhau.”

Chương 7: Trở về nhà

Ba tuần đầu tiên ở Redmond có vẻ dài đằng đặc, nhưng học kỳ còn lại lại trôi qua nhanh như gió. Trước khi kịp ý thức được, các sinh viên Redmond đã thấy mình bị cuốn vào vòng quay của các kỳ thi trước khi nghỉ lễ, rồi thoát khỏi nó một cách vinh quang, dẫu nhiều hay ít. Vinh dự đứng đầu sinh viên năm nhất các môn chia đều giữa Anne, Gilbert và Philippa; thành tích của Priscilla rất tốt, Charlie Sloane lê gót mãi cũng qua được cầu, rồi tự an ủi mình một cách vênh vác cứ như anh ta luôn đứng đầu trong mọi môn học vậy.

“Tớ không tin nổi là giờ này ngày mai tớ sẽ có mặt ở Chái Nhà Xanh,” Anne thốt lên vào đêm trước khi quay về nhà. “Nhưng đó là sự thật. Và cậu, Phil ạ, sẽ ở Bolingbroke cùng với Alec và Alonzo.”

“Tớ cũng muốn gặp bọn họ lắm,” Phil thú nhận trong lúc nhấm nháp sô cô la. “Bọn họ là những cậu trai rất đáng yêu, cậu biết đấy. Tha hồ mà khiêu vũ, đi dạo, tiệc tùng đàn đúm liên miên. Tớ sẽ không bao giờ tha thứ cho cậu, Nữ hoàng Anne ạ, vì tội không chịu đến nhà tớ chơi vào dịp nghỉ lễ.”

“Không bao giờ’ đối với cậu chỉ là ba ngày thôi, Phil ạ. Cậu thật dễ thương khi mời tớ, và tớ cũng thích đi Bolingbroke lắm. Nhưng năm nay thì không được, tớ phải về nhà. Cậu không biết tim tớ khao khát điều đó đến nhường nào đâu.”

“Chẳng có gì hay ho ở đó đâu,” Phil coi thường đáp. “Ừ thì tớ nghĩ chắc cũng có vài bữa họp mặt đan lát, và những bà già lắm chuyện sẽ tha hồ lèm bèm trước mặt và sau lưng cậu. Cậu sẽ chết vì cô đơn mất, bé cưng.”

“Ở Avonlea sao?” Anne thấy hết sức thú vị trước lời nói của bạn.

“Còn nếu cậu đi với tớ, cậu sẽ có một khoảng thời gian không thể nào tuyệt vời hơn được. Bolingbroke sẽ điên lên vì cậu, Nữ hoàng Anne ạ, tóc của cậu, phong cách của cậu, và ôi, tất cả mọi thứ! Cậu thật khác biệt. Cậu sẽ thành công dữ lắm, và tớ sẽ dựa hơi cậu, ‘không phải hoa hồng nhưng ở cạnh hoa hồng’. Dù gì thì cũng đi với tớ đi, Anne ạ.”

“Bức tranh về những trò vui xã giao đó khá là hấp dẫn đấy, Phil ạ, nhưng tớ sẽ vẽ một bức tranh khác để cậu so sánh nhé. Tớ trở về nhà, một ngôi nhà kiểu trang trại miền quê cũ kỹ, từng được sơn xanh nhưng giờ đã phai màu, nhô lên giữa vườn táo trụi lá. Có một con suối phía dưới và một cánh rừng linh sam thán Mười hai ở đằng xa, nơi tớ từng nghe tiếng đàn hạc vẳng lên dưới những ngón tay của gió cùng mưa. Cái hồ gần đây mùa này đã chuyển màu xám xịt ử ử. Có hai quý bà lớn tuổi bên trong căn nhà, một vừa cao vừa ốm, một vừa thấp vừa béo, và còn hai đứa nhóc sinh đôi, một thì ngoan ngoãn kiểu mẫu, một thì đến ‘quỷ sứ cũng phải sợ’, theo cách nói của bà Lynde. Căn phòng nhỏ trên lầu nhìn ra cổng vòm giếng mắc đầy những giấc mơ xưa, một cái giường nệm lông dày cộm tuyệt vời, đỉnh cao của xa hoa so với tấm nệm nơi nhà trọ. Cậu thấy bức tranh của tớ thế nào hả Phil?”

“Có vẻ chán đời lắm,” Phil nhăn mặt.

“Ồ, nhưng tớ chưa kể đến những thứ vô hình.” Anne dịu dàng tiếp. “Sẽ có tình yêu ở đó, Phil ạ, thứ tình yêu dịu dàng như nhất mà tớ chẳng thể tìm thấy được ở bất kỳ nơi nào khác trên cả thế giới này, tình yêu đang chờ đợi tớ quay về. Nó phải chẳng đã khiến cho bức tranh của tớ trở thành một danh tác, dấu màu sắc không được chói lọi lắm?”

Phil lặng lẽ đứng dậy, quăng hộp sô cô la qua một bên, bước tới bên Anne và choàng tay quanh người cô.

“Anne, ước gì tớ được như cậu,” cô trịnh trọng nói.

Tối hôm sau Diana đón Anne ở trạm Carmody, họ đánh xe về nhà dưới màn trời êm ả, sâu thẳm đính đầy sao. Chái Nhà Xanh tràn đầy không khí lễ hội khi họ đánh xe dọc theo lối vào. Cửa sổ nào cũng sáng đèn, ánh sáng xuyên qua màn đêm cứ như những đóa hoa đỏ rực đung đưa, đối chọi hẳn với cái nền sẫm màu của rừng Ma Ám. Và ở giữa sân là một đồng lửa to đùng với hai bóng trẻ con đang vui sướng nhảy nhót xung quanh, một đứa hú lên ghê rợn khi chiếc xe ngựa rẽ vào dưới tàng bạch dương.

“Davy bảo đó là tiếng rú xung trận của mọi da đỏ,” Diana nói. “Tên nhóc giúp việc của ông Harrison dạy cho cu cậu, cu cậu tập luyện mãi để hú lên đón cậu về. Bà Lynde nói tiếng rú đó làm dây thần kinh của bà ấy tả tơi cả ra. Cậu biết không, cu cậu toàn lên đến sau lưng bà Lynde rồi bắt thần hú lớn lên. Cu cậu cũng đòi bằng được

phải thắp lửa để đón cậu. Cu cậu nhặt nhanh củi khô suốt hai tuần liền rồi kỳ kèo bác Marilla xin đổ dầu hôi lên trước khi thắp lửa. Ngửi mùi thì tớ đoán bác Marilla đã đồng ý, dẫu bà Lynde cứ đinh ninh là Davy sẽ làm nổ tung chính cu cậu và tất cả mọi người nếu được phép thích làm gì thì làm.”

Lúc này thì Anne đã nhảy ra khỏi xe, Davy nồng nhiệt ôm chặt lấy đầu gối cô và cả Dora lúc này cũng bấu lấy tay cô.

“Đống lửa ngon lành quá phải không cô Anne? Để cháu chỉ cô cách cời lửa nhé, thấy tia lửa bắn lên không? Cháu đốt lửa mừng cô đấy, vì cháu rất sung sướng khi cô về nhà.”

Cửa bếp mở ra, thân hình mảnh khảnh của bà Marilla hiện ra tối sẫm giữa ánh sáng đằng sau. Bà thích đón Anne trong bóng tối, vì sợ khủng khiếp rằng mình sẽ òa khóc vì vui sướng - chính bà Marilla đây, con người nghiêm khắc luôn biết tự kiềm chế, luôn cho rằng biểu lộ cảm xúc thực sự ra ngoài thì chẳng phải phép chút nào. Bà Lynde ở ngay phía sau, phốp pháp, thân mật, chính tề vẫn như mọi khi. Tình yêu chờ đợi Anne mà cô từng kể với Phil bao bọc lấy cô một cách ngọt ngào và tràn đầy chúc phúc. Cuối cùng, chẳng có gì so sánh nổi với những mối dây thân tình, bạn bè và Chái Nhà Xanh cũ xưa! Đôi mắt Anne lấp lánh như sao trời khi mọi người ngồi xuống bàn ăn tối nặng trĩu, má cô ửng hồng, giọng cười của cô trong trẻo như chuông bạc! Và Diana cũng ngủ lại qua đêm nữa. Ôi, y hệt như thời thơ ấu thân yêu! Và bộ đồ trà hoa hồng ngự trị trên bàn ăn nữa chứ! Với Marilla thì cơn bão tình thâm chỉ quét đến đó là dừng.

“Ta chắc cháu và Diana sẽ lại thì thà thì thăm suốt đêm chứ gì,” Marilla nói với giọng chế nhạo khi hai cô gái lên cầu thang. Sau mỗi lần để lộ tình cảm ra ngoài, lúc nào Marilla cũng xù lông lên như vậy.

“Đúng thế,” Anne vui vẻ đáp, “Nhưng cháu sẽ cho Davy đi ngủ cái đã. Cu cậu cứ nằng nặc đòi cháu.”

“Chứ còn gì nữa,” Davy nói lúc họ đi dọc theo hành lang. “Cháu muốn lại được đọc lời cầu nguyện với ai đó. Cầu nguyện một mình chán phèo.”

“Cháu có cầu nguyện một mình đâu, Davy. Chúa luôn ở bên cạnh lắng nghe cháu.”

“À, cháu có nhìn thấy Người đâu,” Davy phản đối. “Cháu muốn cầu nguyện với ai mà cháu có thể nhìn thấy được ấy, nhưng cháu không cầu nguyện với bà Lynde hay bà Marilla đâu, thế đấy!”

Tuy nhiên, sau khi chui vào bộ quần áo ngủ vải flanel xám, cu cậu chưa vội cầu nguyện. Nó đứng trước mặt Anne, di di hết chân phải đến chân trái, về mặt lưỡng lự.

“Nào, bé cưng, quỳ xuống,” Anne gọi.

Davy chạy tới dụi đầu vào lòng Anne nhưng không quỳ.

“Cô Anne,” nó nói với giọng nghèn nghẹn. “Cháu chẳng muốn cầu nguyện tí nào. Cả tuần rồi cháu chả có hứng thú cầu nguyện. Cháu... cháu không cầu nguyện tối hôm qua lẫn tối hôm kia.”

“Vì sao vậy Davy?” Anne dịu dàng hỏi.

“Cô... cô sẽ không nổi khùng chứ?” Davy nằng nặc.

Anne nhắc thân hình bé bỏng trong bộ đồ flanel xám lên gối và đưa hai tay ôm lấy đầu cậu bé.

“Cô có bao giờ ‘nổi khùng’ khi cháu kể chuyện đâu nào?”

“Khônggggg, cô chẳng bao giờ như thế. Nhưng cô sẽ buồn, và thế còn tệ hơn. Cô sẽ buồn khùng khiếp khi nghe cháu kể, Anne ạ, và cô sẽ xấu hổ vì cháu, cháu nghĩ thế.”

“Cháu làm chuyện xấu gì hả Davy, đó là lý do mà cháu không cầu nguyện được sao?”

“Không, cháu đâu có làm chuyện gì xấu... vẫn chưa làm. Nhưng cháu muốn làm lắm.”

“Chuyện gì cơ, Davy?”

“Cháu... cháu muốn nói một từ bậy, cô Anne ơi,” Cố gắng hết sức, Davy cũng bật ra. “Cháu nghe anh giúp việc của ông Harrison nói tuần rồi, và kể từ đó, lúc nào cháu cũng muốn nói từ bậy đó, kể cả lúc đang cầu nguyện.”

“Vậy thì cứ nói đi, Davy.”

Davy kinh ngạc ngược khuôn mặt đỏ bừng lên.

“Nhưng cô Anne ơi, đó là một từ bậy khủng khiếp.”

“Cứ nói đi!”

Davy nhìn cô lần nữa vẻ không thể tin nổi rồi hạ giọng nói ra cái từ khủng khiếp đó. Ngay lập tức, nó lại dụi mặt sát vào người Anne.

“Ôi, cô Anne ơi, cháu sẽ không bao giờ nói từ đó nữa, không bao giờ. Cháu sẽ không bao giờ muốn nói từ bậy đó nữa. Cháu biết nó bậy, nhưng cháu không nghĩ rằng nó... nó... Cháu không nghĩ rằng nó tệ đến thế.”

“Không, cô không nghĩ cháu sẽ muốn nói lại, hay nghĩ về nó lần nữa. Và nếu cô là cháu, cô sẽ chẳng thèm chơi với anh chàng giúp việc của ông Harrison nữa đâu.”

“Anh ấy hú tiếng rú chiến tranh hay dễ sợ,” Davy lộ vẻ tiếc nuối.

“Nhưng cháu không muốn tâm trí cháu đầy những từ bậy, phải không Davy? Những từ sẽ hủy hoại đầu óc cháu và xua đuổi những gì tốt đẹp và nam tính?”

“Không đâu,” Davy mở to mắt cố quan sát tâm trí của mình.

“Vậy thì đừng có chơi với những người hay nói bậy nữa. Giờ thì cháu cảm thấy có thể cầu nguyện được chưa hả Davy?”

“Ồ, được rồi,” Davy hào hứng bò xuống quỳ gối, “Giờ thì cháu cầu nguyện được rồi. Giờ cháu chả sợ khi nói câu ‘nếu con chết đi trong lúc ngủ’ như lúc cháu vẫn còn muốn nói bậy nữa.”

Có lẽ Anne và Diana đã dốc hết bầu tâm sự cho nhau nghe vào đêm đó, nhưng chẳng có nguồn nào ghi chép lại những câu chuyện tâm tình của họ. Cả hai trông tươi tắn mắt sáng rực trong bữa sáng, chỉ có tuổi trẻ mới được như thế sau khi thức khuya lâu khủng khiếp để cười đùa và tâm sự. Tới giờ tuyết vẫn chưa rơi, nhưng khi Diana băng qua cây cầu gỗ cũ trên đường về nhà, những bông tuyết trắng bắt đầu phấp phới phủ xuống cánh đồng và rừng cây nâu ửng xám xịt trong giấc ngủ không mộng mị. Chẳng mấy chốc, những dốc núi và ngọn đồi đằng xa mờ dần và thoát ẩn thoát hiện qua tấm khăn choàng mỏng mảnh, cứ như mùa thu xanh xao đã tung một tấm voan cô dâu mờ ảo lên mái tóc, chờ đợi chú rể mùa đông. Cuối cùng thì họ cũng có được một Giáng sinh tuyết trắng, và đó là một ngày hết sức dễ chịu. Buổi sáng, thư và quà của cô Lavender và Paul đã đến nơi, Anne mở ra xem trong gian phòng bếp vui vẻ của Chái Nhà Xanh, nơi tràn đầy mùi thơm “ngon lành” như Davy hay vừa gọi vừa đánh hơi với vẻ ngây ngất.

“Cô Lavendar và ông Irving đã yên ổn trong căn nhà mới của bọn họ rồi,” Anne thuật lại. “Cháu chắc chắn là cô Lavendar đang hết sức hạnh phúc - đọc lời thư của cô ấy là biết rồi - nhưng còn có thêm lời nhắn của Charlotta Đệ Tứ nữa. Cô bé chẳng thích Boston chút nào và nhớ nhà khủng khiếp. Cô Lavendar nhờ cháu khi nào rảnh thì ghé qua Nhà Vọng để đốt bếp lò cho thoáng khí, đồng thời xem xem nệm ghế có bị mốc không. Cháu định rủ Diana đi cùng tuần sau, sau đó thì ghé thăm Theodora Dix vào buổi tối luôn. Cháu muốn gặp Theodora. Nhân tiện, Ludovic Speed có còn theo đuổi chị ấy không?”

“Người ta bảo vẫn còn,” bà Marilla đáp, “và anh chàng coi bộ vẫn cứ tiếp tục đường ta ta đi. Mọi người đã đầu hàng, không dự đoán nổi kết quả của cuộc tình này nữa.”

“Nếu ta là Theodora thì ta sẽ khéo léo thúc giục anh chàng, thế đấy,” bà Lynde lên tiếng. Không nghi ngờ gì, nhất định bà Lynde sẽ làm như vậy.

Còn có một bức thư viết tháu rất đặc trưng từ Philippa nữa, đầy thông tin về Alec và Alonzo, họ nói gì, họ làm gì, trông họ thế nào khi họ gặp cô.

“Nhưng tớ vẫn chưa quyết định được là nên cưới ai,” Phil viết. “Tớ ước gì có cậu đi cùng để quyết định cho tớ. Phải có ai đó làm chuyện này thôi. Khi tớ thấy Alec, tim tớ đập mạnh một phát và tớ nghĩ, ‘Chắc là anh ấy rồi.’ Và rồi khi Alonzo tới, tim tớ lại nhảy lên một phát nữa. Thế là chẳng căn cứ vào nhịp đập trái tim được nữa, dẫu lẽ ra nó khá là đáng tin theo tất cả những tiểu thuyết tớ từng đọc. Này, Anne, trái tim của cậu chắc sẽ chỉ đập mạnh trước mỗi mình Bạch Mã Hoàng Tử thôi, phải không? Tim của tớ chắc bị hư từ gốc rễ mất rồi. Nhưng tớ đã sống những ngày hoàn toàn tuyệt vời. Ôi, tớ ước gì cậu đang ở đây! Hôm nay tuyết rơi, tớ phát điên vì vui sướng. Tớ cứ sợ là sẽ có một Giáng sinh xanh, tớ ghét thể loại Giáng sinh đấy lắm. Cậu biết đấy, khi Giáng sinh chỉ là một ngày nửa xám nửa nâu buồn tẻ bẩn thỉu, cứ như đã cũ mấy trăm năm và bị trấn nước trong suốt thời gian ấy, thế mà như thế lại được gọi là Giáng sinh xanh! Đừng hỏi tớ tại sao. Cũng như Huân tước Dundreary từng nói, ‘có những thứ chẳng ai hiểu nổi.’”

“Anne, cậu có bao giờ nhảy lên xe điện rồi phát hiện ra mình không đem tiền theo để trả tiền vé không? Tớ thì có, ngày hôm trước ấy. Thật khủng khiếp. Lúc lên xe thì tớ có một xu. Tớ nghĩ nó nằm trong túi áo khoác trái. Khi ngồi xuống thoải mái rồi, tớ mới lần tìm nó. Nó không có trong túi. Tớ sợ đến lạnh toát người. Tớ sờ vào túi bên kia. Cũng không có nốt. Một cơn lạnh khác lại ập tới. Rồi tớ sờ vào túi áo trong. Vô ích. Tớ chịu hai cơn lạnh cùng lúc.”

“Tớ tháo găng ra, đặt lên ghế rồi mò tất cả các túi. Nó không có ở đó. Tớ đứng dậy, lắc lắc người rồi nhìn xuống sàn xe. Xe đầy nhóc người vừa coi nhạc kịch về, họ nhìn chăm chăm vào tớ, nhưng lúc đấy thì tớ còn tâm trí đâu mà để ý tới nữa.”

“Nhưng tớ vẫn chẳng thể tìm ra tiền. Cuối cùng, tớ kết luận là tớ đã đút nó vào miệng và nuốt mất mà không biết.”

“Tớ chẳng biết phải làm gì nữa. Tớ tự hỏi liệu ông soát vé có dừng xe lại đuổi tớ xuống trong sự nhục nhã đáng xấu hổ hay không? Liệu tớ có thể thuyết phục ông ấy rằng tớ chỉ là nạn nhân của thói đãng trí chứ không phải là một kẻ vô đạo đức đối trá

đi xe chùa? Ôi, tớ ước ao giá như Alec hay Alonzo có mặt ở đó. Nhưng dẫu tớ có muốn thì bọn họ cũng không có mặt. Nhưng nếu tớ không cần thì bọn họ có mặt đủ cả tá. Và tớ chẳng quyết định được là nên nói gì khi ông soát vé đến thu tiền. Ngay khi óc tớ nảy ra một lời giải thích, tớ lại cảm thấy lời đó thật khó tin và phải sáng tác ra một lời giải thích mới. Dường như chẳng còn gì khác để làm ngoại trừ đặt lòng tin vào đẳng tối cao, và giá trị an ủi của đẳng tối cao với tớ thì cũng chỉ như với quý bà lớn tuổi trong cơn bão, được viên thuyền trưởng khuyên hãy đặt lòng tin vào Chúa, bà ta đã kêu lên, ‘Ôi chao, thưa thuyền trưởng, tình hình tệ hại đến thế rồi sao?’

“Vào đúng giây phút sinh tử ấy, khi mọi hy vọng đã vỗ cánh bay xa và ông soát vé đang chìa hộp tiền ra cho hành khách ngồi kế bên tớ, tớ chợt nhớ ra nơi tớ cất cái đồng xu đáng thương. Hóa ra tớ đâu có nuốt mất. Tớ nhu mì rút nó ra khỏi ngón trỏ trong găng tay và bỏ vào trong hộp. Tớ mỉm cười với mọi người xung quanh và cảm thấy thế giới thật tươi đẹp.”

Chuyến viếng thăm Nhà Vọng cũng là một buổi đi chơi đáng nói trong số những buổi đi chơi thú vị trong kỳ nghỉ. Anne và Diana lần theo con đường mòn trong rừng sồi để quay lại Nhà Vọng, cầm theo một giỏ đồ ăn trưa. Nhà Vọng đóng cửa kể từ đám cưới của cô Lavendar, nay được mở rộng tất cả cửa nẻo ra trong một khoảng thời gian ngắn để đón gió và ánh mặt trời, ánh lửa lấp lánh thêm lần nữa trong những căn phòng nhỏ nhắn xinh xẻo. Mùi hương từ bát hoa hồng của cô Lavendar vẫn còn phảng phất quanh đây. Thật khó mà tin rằng không còn thấy cô Lavendar lập tức nhẹ nhàng bước vào phòng, đôi mắt nâu lấp lánh đón mừng, và Charlotta Đệ Tứ, nơ xanh và nụ cười rộng mở, chạy tọt vào. Paul dường như cũng luẩn quẩn quanh đó với những điều tưởng tượng về chốn thần tiên.

“Tớ có cảm giác giống như một bóng ma đang quay lại viếng thăm mặt trăng thời xưa cũ,” Anne phá lên cười. “Chúng ta ra ngoài xem những tiếng vọng có ở nhà không đi. Cầm theo cái còi cũ ấy. Nó vẫn nằm sau cửa bếp đấy.”

Những tiếng vọng vẫn có ở nhà, bên trên dòng sông trắng, vẫn trong trẻo và đông đảo như thuở nào, và khi chúng đã dừng không đáp lại, các cô gái khóa trái Nhà Vọng lần nữa và ra về trong nửa tiếng giao thời hoàn hảo nối tiếp ánh hồng và vàng nghệ của buổi xế chiều mùa đông.

Chương 8: Lời cầu hôn đầu tiên dành cho Anne

Năm cũ không lặng lẽ lướt đi trong buổi chạng vạng xanh non cùng với ánh chiều tà và vàng hồng. Thay vào đó, nó rời đi trong cơn bão tuyết nhọn nhạo hoang dại. Đó là một đêm gió bão rít gào trên những cánh đồng cỏ lạnh cứng và thung lũng tối om, rên rỉ quanh chóp nhà như một con thú lặc lối và hất mạnh tuyết vào những ô cửa run lẩy bẩy.

“Những đêm như đêm nay người ta chỉ thích cuộn mình trong chăn đếm những hạnh phúc của mình,” Anne nói với Jane Andrews khi cô bạn đến chơi vào buổi chiều rồi ở lại qua đêm. Nhưng khi họ cuộn mình trong chăn ở căn phòng nhỏ nhìn ra cửa của Anne, Jane không hề nghĩ đến những điều hạnh phúc trong đời mình.

“Anne,” cô nói với vẻ hết sức nghiêm túc, “tớ muốn nói với cậu một chuyện. Có được không?”

Anne cảm thấy khá buồn ngủ sau bữa tiệc Ruby Gillis tổ chức vào đêm hôm trước. Cô thà đi ngủ còn hơn là lắng nghe tâm sự của Jane, chắc chắn sẽ làm cô chán chết đi được. Cô chẳng hề có chút ý niệm mơ hồ tiên tri về chuyện sắp được nghe. Có lẽ là Jane cũng đính hôn rồi, mọi người đồn là Ruby Gillis đã đính hôn với một thầy giáo ở Spencerville, nghe đồn đám con gái cô nào cũng phát rồ vì anh này.

“Mình sẽ sớm trở thành cô gái độc thân vô tư lự duy nhất trong nhóm bốn người bọn mình,” Anne nghĩ bụng trong cơn buồn ngủ. Cô lên tiếng, “Đương nhiên rồi.”

“Anne,” giọng của Jane còn nghiêm túc hơn nữa, “cậu nghĩ gì về anh trai Billy của tớ?”

Anne há hốc miệng kinh ngạc trước câu hỏi bất ngờ và lúng túng một cách đáng thương tìm hiểu suy nghĩ của mình. Trời ơi, cô nghĩ gì về Billy Andrews? Cô chẳng bao giờ nghĩ gì về anh chàng cả, cái anh chàng Billy Andrews mặt tròn, gốc nghếch, cười không nghĩ, tốt tính ấy. Có ai thèm nghĩ gì về Billy Andrews cơ chứ?

“Tớ... tớ không chắc lắm, Jane ạ,” cô lắp bắp. “Ý cậu... chính xác ấy, là sao?”

“Cậu có thích Billy không?” Jane hỏi toạc.

“À, à, ừ, đương nhiên là tớ mến anh ấy rồi,” Anne há hốc miệng, tự hỏi liệu mình có nói đúng nghĩa của từ mến hay không. Đương nhiên là cô không ghét Billy rồi. Nhưng sự chấp nhận thờ ơ của cô đối với anh chàng mỗi khi anh chàng tự dưng xuất hiện trong tầm mắt có đủ tích cực để tính là mến hay chẳng? Jane đang cố nói chuyện gì đây?

“Cậu có nghĩ anh ấy thích hợp làm chồng không?” Jane bình tĩnh hỏi tiếp.

“Chồng á!” Nãy giờ Anne ngồi thẳng trên giường, tư thế tốt nhất để vật lộn với vấn đề: đánh giá chính xác của cô về Billy Andrews là gì. Giờ thì cô nằm ngã lộn ra trên gối, hơi thở như tắt lịm. “Chồng của ai cơ?”

“Của cậu, hẳn là thế rồi,” Jane trả lời. “Billy muốn cưới cậu. Anh ấy lúc nào cũng phát điên lên vì cậu, và giờ ba tớ đã chuyển quyền sở hữu trang trại phía trên cho anh ấy, chẳng gì ngăn cản kế hoạch kết hôn của anh ấy nữa. Nhưng anh ấy quá nhút nhát không dám hỏi ý cậu nên anh ấy mới nhờ đến tớ. Tớ từ chối nhưng anh ấy chẳng để tớ yên cho đến khi tớ đồng ý hỏi giúp nếu có dịp. Thế cậu nghĩ sao hả Anne?”

Đây có phải là một giấc mơ không? Loại ác mộng trong ấy ta thấy mình đính hôn hay kết hôn với ai đó mà ta ghét hay chẳng biết tí gì, mà chẳng hiểu vì sao lại ra nông nỗi ấy? Không, cô, Anne Shirley, đang nằm đó, hoàn toàn tỉnh táo trên giường của mình, và Jane Andrews nằm ngay cạnh, bình tĩnh cầu hôn cô giùm cho anh trai Billy. Anne không biết mình nên cảm thấy đau đớn hay nên phá lên cười, nhưng cô chẳng làm gì được, để tránh làm tổn thương Jane.

“Tớ... tớ không thể cưới Bill được, cậu biết mà, Jane,” cô cố gắng lắm mới thốt nên lời. “Ôi, tớ chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó, chưa bao giờ!”

“Tớ cũng cho là thế,” Jane đồng ý. “Billy lúc nào cũng quá nhút nhát chẳng dám nghĩ đến chuyện tán tỉnh con gái. Nhưng cậu cứ suy nghĩ kỹ đi, Anne à. Billy là một người đàn ông tốt. Tớ phải nói thế, dẫu anh ấy có là anh tớ hay không. Anh ấy không

có tật xấu nào, làm việc chăm chỉ và cậu có thể tin tưởng anh ấy. ‘Một con chim trong tay bằng hai con chim ngoài bụi.’ Anh ấy bảo tớ nói với cậu là anh ấy sẵn sàng đợi đến khi cậu học xong, nếu cậu muốn, dù ý anh ấy thì thích cưới sớm vào mùa xuân này trước khi bắt đầu gieo hạt. Anh ấy lúc nào cũng đối xử tử tế với cậu, tớ chắc chắn điều đó, và cậu biết đấy, Anne ạ, tớ rất vui nếu được làm chị em với cậu.”

“Tớ không thể cưới Billy đâu,” Anne quả quyết. Giờ thì cô đã tĩnh trí lại và thậm chí còn cảm thấy có chút tức giận nữa. Đúng là quá sức lố bịch mà. “Suy nghĩ cũng chẳng để làm gì, Jane ạ. Tình cảm của tớ với anh ấy chẳng phải là tình yêu, cậu hãy nói với anh ấy như thế.”

“Ôi, tớ cũng nghĩ là cậu từ chối,” Jane thở dài cam chịu, cảm thấy mình đã cố hết sức rồi. “Tớ bảo với Billy là có hỏi cậu cũng chẳng ích gì, nhưng anh ấy cứ nặng nề nhờ tớ. Ừ, cậu đã quyết định rồi thì thôi, Anne ạ, tớ mong là cậu sẽ chẳng bao giờ phải hối hận.”

Jane nói năng có vẻ lạnh nhạt. Cô cũng hoàn toàn tin chắc là ông anh Billy si tình chẳng có chút cơ hội nào thuyết phục Anne cưới mình. Tuy nhiên, cô vẫn cảm thấy đôi chút oán giận khi Anne Shirley, nói cho cùng chỉ là một trẻ mồ côi được nhận nuôi, chẳng có họ hàng tài sản gì, lại từ chối anh trai của mình, một trong những người thuộc dòng họ Andrews danh giá ở Avonlea. Ôi chao, thích trèo cao thì sẽ té đau thôi, Jane ác ý nghĩ bụng.

Anne cho phép mình mỉm cười trong bóng đêm trước ý nghĩ rằng cô sẽ có lúc hối hận vì không đồng ý cưới Billy Andrews.

“Tớ mong là Billy sẽ không quá buồn bã về chuyện này,” cô tế nhị tiếp.

Jane cử động như thể đang hắt đầu trên gối.

“Ồ, trái tim anh ấy sẽ chẳng tan vỡ đâu. Billy đủ lý trí mà. Anh ấy cũng khá là mến Nettie Blewett, mẹ tớ muốn anh ấy lấy Nettie nhất đấy. Chị ấy tiết kiệm và là người nội trợ giỏi. Tớ nghĩ khi Billy biết chắc là cậu không ưng anh ấy, anh ấy sẽ hỏi cưới Nettie. Xin cậu đừng kể chuyện này với ai nhé, được không Anne?”

“Đương nhiên rồi,” Anne cũng chẳng có chút khao khát rêu rao chuyện Billy Andrews muốn cưới cô, và nói cho cùng, thích cô hơn là thích Nettie Blewett. Nettie Blewett!

“Và giờ thì tớ nghĩ chúng ta đi ngủ được rồi đấy,” Jane đề nghị.

Thế là Jane chìm vào giấc ngủ một cách dễ dàng và nhanh chóng, tuy nhiên, mặc dù hoàn toàn khác biệt với Macbeth về các mặt khác, Jane đã thành công trong việc giết chết giấc ngủ của Anne^[11]. Cô tiểu thư vừa được cầu hôn nằm mở mắt thao láo bên gối cho tới khi trời sáng, nhưng những suy nghĩ của cô chẳng có tí xíu lãng mạn nào. Dù sao, cô cũng chẳng có cơ hội phá lên cười thỏa thích cho tới tận sáng ngày hôm sau. Khi Jane rời đi, vẫn có chút lạnh giá trong giọng nói và thái độ vì Anne đã từ chối một cách quá quả quyết và thẳng thừng vinh dự được kết minh với gia tộc Andrews, Anne quay trở về phòng, đóng cửa lại và phá lên cười thỏa thích.

[11]. Macbeth của Shakespeare, hồi 2, chương 2: sau khi ám sát vua Duncan trong khi ngủ, Macbeth cảm thấy như có tiếng người thét vào tai mình: “Đừng ngủ nữa! Macbeth đã giết chết giấc ngủ.”

“Giá như mình có thể kể câu chuyện tức cười này với ai đó!” cô nghĩ. “Nhưng mình không thể làm vậy. Diana là người mình muốn tâm sự nhất, nhưng dẫu không thể giữ bí mật với Jane, mình cũng chẳng thể kể nhiều chuyện cho Diana nghe được. Chuyện gì cậu ấy cũng nói với Fred cả, mình biết chắc là thế. Ôi chao, mình đã nhận được lời cầu hôn đầu tiên. Mình cứ nghĩ rồi cũng sẽ đến lúc thôi, nhưng rõ ràng là mình chẳng bao giờ ngờ sẽ được cầu hôn thông qua người đại diện. Thật tức cười phát khiếp được, nhưng dù sao thì cũng có chút chua chát trong đó.”

Anne biết rất rõ vì sao cô lại cảm thấy chua chát, dẫu không nói rõ ra thành lời. Cô vẫn ôm ấp giấc mơ riêng về lần đầu tiên người nào đó sẽ hỏi cô câu hỏi tuyệt vời này. Và trong những giấc mơ đó, mọi chuyện luôn diễn ra hết sức mỹ lệ và lãng mạn: “người ấy” sẽ hết sức đẹp trai, mắt sẫm màu, vẻ ngoài ưu tú, nói chuyện hùng hồn, cho dù chàng có là Bạch Mã Hoàng Tử được nghe tiếng “vâng” sung sướng, hay một lời từ chối dịu dàng khéo léo nhưng vẫn hết sức dứt khoát. Trong trường hợp sau, lời từ chối sẽ được diễn đạt một cách tế nhị đến mức chỉ kém lời chấp nhận một tí xíu thôi, “chàng” sẽ quay đi sau khi hôn tay cô, khẳng định lại với cô mối tình vĩnh cửu của mình. Và đó sẽ luôn là một kỷ niệm đẹp, để cô có thể tự hào, và thêm chút buồn bã nữa.

Nhưng giờ thì sự kiện cảm động đó hóa ra chỉ hết sức lố bịch. Billy Andrews nhờ em gái cầu hôn giúp vì bố anh chàng đã cho anh chàng trang trại phía trên, và nếu Anne “không thềm” thì Nettie Blewett sẽ luôn sẵn sàng thôi. Thế đấy, sự lãng mạn mà cô mong muốn cao hơn hẳn mong đợi! Anne phá lên cười, rồi thở dài. Đóa hoa đã bị dứt khỏi một giấc mơ thiếu nữ non trẻ. Quá trình lột xác đau đớn này sẽ còn tiếp tục cho đến khi mọi thứ đều trở nên dung tục và buồn tẻ hay sao?

Chương 9: Người yêu không được chào đón và người bạn được hoan nghênh

Học kỳ thứ hai ở Redmond trôi qua nhanh chẳng kém học kỳ đầu, đúng như Philippa hay nói: “bay vèo như viên đạn”. Anne tha hồ tận hưởng mọi mặt của cuộc sống sinh viên: ganh đua cùng tiến giữa các lớp, kết bạn và vun đắp thêm cho tình bạn, những trò thách đố giao lưu vui vẻ, hoạt động trong những hội đoàn mà cô là thành viên, mở rộng tầm hiểu biết và sở thích. Cô học hành chăm chỉ vì quyết tâm giành bằng được học bổng văn chương Thorburn. Nếu được học bổng này, cô có thể học tiếp năm sau ở Redmond mà không phải động vào khoản tiền dành dụm ít ỏi của bà Marilla, điều mà Anne quyết không bao giờ làm.

Gilbert cũng đang tích cực theo đuổi học bổng, nhưng anh vẫn có khá nhiều thời gian để đến chơi nhà số ba mươi tám đường St. John. Anh tháp tùng Anne đến hầu hết mọi buổi hội họp ở trường, và cô biết hội ngồi lê đôi mách ở Redmond vẫn coi hai người là một cặp. Cô tức điên lên nhưng chẳng làm được gì, cô không thể lờ đi một người bạn cũ như Gilbert, nhất là khi anh đột ngột trở nên thông thái và cẩn trọng vì bị mối nguy hiểm cận kề sát gót đe dọa: có không ít chàng trai Redmond sẵn sàng chiếm lấy chỗ anh bên cạnh cô sinh viên tóc đỏ thon thả có đôi mắt xám hóp hờn như ánh sao đêm. Những người theo đuổi Anne không đông như những nạn nhân tự nguyện dưới gót giày chinh phục của Philippa suốt năm nhất, nhưng cũng có một cậu năm nhất gầy lêu nghêu đầu óc thông thái, một chàng năm hai thấp bé vui vẻ cùng một anh năm ba cao to bác học luôn sẵn sàng đến thăm số ba mươi tám đường St. John để thảo luận những vấn đề học thuật lẫn các chủ đề khác nhẹ nhàng hơn với Anne trong căn phòng khách chất đầy đệm ghế. Gilbert chẳng ưa ai trong số đó nên cư xử cực kỳ thận trọng, tránh không biểu lộ cảm xúc thực sự của mình đối với Anne vào những lúc không phù hợp, cương quyết không cho bọn họ vượt qua mình. Đối với cô, anh lại trở thành cậu bạn chơi cùng thuở còn ở Avonlea, và chỉ thế thôi cũng dư sức chống lại những chàng trai si tình khờ khạo đang tìm cách cạnh tranh với anh. Với tư cách một người bạn, Anne công nhận thực lòng là chẳng ai hợp với cô như Gilbert, cô luôn tự nhủ rằng mình rất vui sướng vì anh chàng đã bỏ qua mọi ý nghĩ vớ vẩn, dẫu cô cũng tốn khá nhiều thời gian tự hỏi vì sao.

Chỉ có một sự cố khó chịu diễn ra trong mùa đông đó. Một đêm nọ, Charlie Sloane, người thẳng đứng trên cái nệm yêu quý nhất của cô Ada, đã hỏi Anne xem cô có muốn “trở thành bà Charlie Sloane một ngày nào đó” hay không. Tiếp theo nỗ lực cầu hôn thông qua em gái của Billy Andrews, câu hỏi của cậu chàng không đến mức gây sốc cho tính đa cảm lãng mạn của Anne như lẽ ra đã phải thế, nhưng dù sao cũng khiến cô vỡ mộng đến thót cả tim. Cô cũng cảm thấy tức giận, vì tự thấy mình chưa bao giờ khuyến khích Charlie chút xíu nào để cậu chàng ảo tưởng như thế. Nhưng có thể

trông đợi gì ở một tay họ Sloane đây? bà Lynde hẳn sẽ thốt lên một cách đầy khinh miệt như thế. Mọi thái độ, giọng nói, dáng điệu, từ ngữ của Charlie đều đậm vẻ nhà Sloane đến chết đi được. Anh ta đang ban tặng một vinh dự lớn lao, không có chút nghi ngờ gì về chuyện đó. Và khi Anne, tỏ ra hoàn toàn đứng đưng trước vinh dự này, từ chối anh chàng, một cách tế nhị và cảm thông hết mức có thể, vì ngay cả một người họ Sloane cũng có lòng tự ái không thể quá sức xúc phạm, cái tính nhà Sloane vẫn có cách biểu lộ ra ngoài thêm nữa. Rõ ràng là Charlie không chấp nhận bị từ chối như những chàng trai theo đuổi trong tưởng tượng của Anne. Thay vào đó, anh chàng phát khùng lên, và không ngại bày tỏ ra ngoài; anh chàng nói vài ba câu khá cay nghiệt, Anne nổi cơn tam bành và phản pháo lại bằng một bài diễn văn ngắn gọn gắt, sắc sảo đủ để cắt xuyên qua lớp vỏ bọc đặc trưng nhà Sloane của Charlie, thủng cả ruột gan anh chàng; anh chàng tóm lấy mũ rồi chạy vụt ra khỏi nhà, mặt đỏ bừng; Anne chạy ào lên cầu thang, hai lần vấp ngã bởi mấy tấm đệm của cô Ada, quăng mình lên giường nức nở vì nhục nhã và tức giận. Làm sao mà cô lại hạ thấp mình đi tranh cãi với một người họ Sloane cơ chứ? Chẳng lẽ có điều gì mà Charlie Sloane lại có đủ sức làm cô tức giận hay sao? Ôi, đúng là mất giá quá đi, tệ hơn việc trở thành tình địch của Nettie Blewett nữa!

“Ước gì mình chẳng bao giờ phải nhìn mặt cái tên đáng ghét ấy nữa,” cô nức nở hậm hực với chiếc gối.

Cô không thể tránh gặp mặt anh chàng, nhưng anh chàng Charlie tức tối tìm cách cho hai người không bao giờ ở quá gần nhau. Những chiếc đệm của cô Ada từ đó được an toàn tránh khỏi sự hủy diệt của anh chàng, và mỗi khi gặp Anne trên đường hay trên hành lang Redmond, điệu chào của anh chàng lạnh lùng đến tột độ. Quan hệ giữa hai bạn học cũ cứ căng thẳng như thế suốt gần cả năm trời! Rồi Charlie chuyển mớ tình cảm héo úa của mình sang cho một cô nàng năm hai thập bé tròn trịa hồng hào mắt xanh mũi hếch biết đánh giá đúng giá trị đáng có của mớ tình cảm đấy, nhờ vậy anh ta tha thứ cho Anne và chịu hạ cố đối xử lịch sự lại với cô bằng thái độ trịch thượng, quyết tâm muốn cho cô thấy cô đã mất đi một người theo đuổi xuất sắc thế nào.

Một ngày nọ, Anne hấp tấp chạy vào phòng Priscilla vẻ vui sướng.

“Đọc đi,” cô kêu lên, ném một lá thư cho Priscilla. “Thư của Stella, cậu ấy sẽ đến Redmond vào năm sau, và cậu nghĩ sao về lời đề nghị của cậu ấy? Tớ nghĩ nó hoàn hảo tuyệt vời, nếu chúng ta có thể thực hiện. Cậu nghĩ chúng ta làm được không hả Pris?”

“Tớ sẽ trả lời cho cậu sau khi đọc thư xong,” Priscilla quăng quyển từ điển tiếng Hy Lạp qua một bên rồi cầm lấy lá thư của Stella. Stella Maynard là một trong những người bạn thân của họ ở Học viện Queen và đi dạy học ngay sau khi tốt nghiệp.

“Nhưng tớ sắp bỏ dạy rồi, Anne yêu quý,” cô viết, “để đi học đại học vào năm sau. Vì đã học năm thứ ba ở Queen nên tớ có thể vào thẳng năm hai ở Redmond. Tớ chán dạy học ở một trường làng hẻo lánh rồi. Một ngày nào đó tớ sẽ viết một luận án về ‘Những thử thách của một cô giáo làng’. Nó sẽ là một mẫu chủ nghĩa hiện thực sát muối vào lòng người đọc đấy. Dường như ai cũng đinh ninh rằng chúng ta toàn ngồi mát ăn bát vàng, chẳng làm gì ngoài ngửa tay nhận tiền lương hằng quý. Bài viết của tớ sẽ mở mắt cho thiên hạ. Ôi chao, nếu một tuần trôi qua mà không có ai đó bảo là tớ có việc nhàn hạ lương cao, tớ sẽ đặt may áo trắng chuẩn bị lên trời ‘ngay tắp lự’^[12]. ‘Ôi chao, cô kiếm tiền dễ thế,’ một vài kẻ nộp thuế nói với tớ về trích thượng. ‘Cô chỉ cần ngồi đó nghe tụi nhỏ đọc bài thôi.’ Ban đầu thì tớ còn thông thái từng nói, nó chả cứng đầu bằng một nửa ảo tưởng. Thế nên tớ chỉ mỉm cười kiêu ngạo trong sự im lặng hùng hồn. Ôi chao, trường tớ có tới chín lớp khác nhau, tớ phải dạy mỗi thứ một chút, từ nghiên cứu nội tạng của giun đến thám hiểm hệ mặt trời. Học trò nhỏ nhất của tớ bốn tuổi, mẹ cu cậu gửi cu cậu đến trường để đỡ ‘vướng chân vướng tay’, còn học trò lớn nhất thì hai mươi tuổi, anh chàng ‘đột nhiên ngộ ra’ đi học lấy kiến thức thì dễ dàng hơn là đi cày ruộng. Trong nỗ lực điên cuồng để nhồi sọ đủ thể loại kiến thức sáu tiếng mỗi ngày, tớ chẳng lấy làm lạ khi bọn nhóc cảm thấy như thăng bé được dẫn đi xem chiếu phim quay tay. ‘Con phải xem hình kế tiếp mới biết được hình chót là hình gì,’ nó phàn nàn. Chính tớ còn cảm thấy vậy nữa là.

[12]. Vào đầu thế kỷ 19, William Miller tiên đoán Đức Kitô sẽ trở lại và ngày tận thế sẽ đến vào năm 1843, thu hút lượng người tin theo có khi đến 500000. Giai thoại đàm tiếu đương thời kể họ mặc áo trùm trắng trèo lên đỉnh núi, đợi Kitô đưa mình bay lên trời.

“Còn những lá thư mà tớ nhận được nữa chứ, Anne ơi là Anne! Mẹ của Tommy viết cho tớ nói là Tommy không tiếp thu môn số học nhanh như bà muốn. Cậu bé chỉ mới biết mấy phép rút gọn đơn giản, trong khi Johnny Johnson đã học đến phân số rồi, mà Johnny thì chẳng thông minh bằng một nửa Tommy, bà ấy chẳng hiểu nổi nữa. Và ba Susy thì muốn biết vì sao Susy không thể viết nổi lá thư mà không sai chính tả quá nửa, dì của Dick thì muốn tớ đổi chỗ cho cu cậu, bởi vì nhóc Brown ngồi cạnh hư hỏng và toàn dạy cu cậu nói bậy.

“Còn về mặt tài chính, thôi, tớ không nói chuyện này nữa. Các vị thần mong muốn hủy diệt ai thì trước hết cứ biến họ thành cô giáo làng đi!

“Phù, sau khi trút bầu tâm sự, tớ cảm thấy khá hơn rồi. Nói cho cùng thì tớ sống cũng khá vui vẻ trong suốt hai năm vừa qua. Nhưng tớ sắp tới Redmond rồi.

“Và bây giờ, Anne ạ, tớ có một kế hoạch nhỏ. Cậu biết tớ ghét ở nhà trọ thế nào rồi đấy. Tớ ở trọ bốn năm rồi và ngán đến tận cổ. Tớ không muốn phải chịu đựng thêm ba năm nữa.

“Này, tại sao tớ, cậu và Priscilla không chung tiền với nhau thuê hẳn một căn nhà nhỏ nằm đâu đó ở Kingsport? Như thế còn rẻ tiền hơn nữa. Đương nhiên, chúng ta cần một bà quản gia, và tớ thì có sẵn một người đây. Cậu có nghe tớ nhắc tới dì Jamesina chưa? Dì ấy là người dì dễ thương nhất trên đời, dù cái tên thì hơi khó chịu một tẹo. Dì ấy đâu có quyết định được tên của mình! Dì ấy bị đặt tên là Jamesina vì ba dì ấy tên James bị đắm tàu một tháng trước khi dì ấy ra đời. Tớ lúc nào cũng gọi dì ấy là dì Jimsie. Chuyện là, cô con gái duy nhất của dì vừa kết hôn và đi truyền đạo ở nước ngoài. Dì Jamesina ở một mình trong căn nhà to đùng và cô đơn khủng khiếp. Dì ấy sẽ tới Kingsport coi sóc nhà cửa cho chúng ta nếu chúng ta muốn, và tớ biết chắc là các cậu sẽ yêu dì ấy thôi. Càng nghĩ tớ càng thấy thích kế hoạch này. Chúng ta sẽ có những khoảng thời gian vừa tự do vừa thoải mái.

“Này, nếu cậu và Priscilla đồng ý, vì các cậu đang ở đó, có lẽ các cậu nên đi vòng vòng xem thử coi có căn nhà phù hợp nào trong mùa xuân này không? Như vậy sẽ tốt hơn là đợi đến mùa thu. Nếu các cậu tìm được nhà có sẵn đồ đạc thì quá tốt, nhưng nếu không, chúng ta có thể gom góp được vài món đồ đạc từ nhà mình và từ gác xép nhà người quen. Dù sao chẳng nữa, các cậu cứ quyết định sớm đi rồi viết thư cho tớ, để dì Jamesina biết kế hoạch năm tới.”

“Tớ nghĩ đó là một ý kiến hay đấy,” Priscilla nói.

“Tớ cũng vậy,” Anne hớn hờ đồng ý. “Đúng là nhà trọ hiện giờ của chúng ta khá tốt, nhưng nói cho cùng, nhà trọ chẳng phải là nhà. Cho nên chúng ta hãy đi tìm nhà ngay đi, trước đợt thi cử sắp tới.”

“Tớ e là rất khó tìm một căn nhà thực sự phù hợp,” Priscilla cảnh cáo. “Đừng đặt mục tiêu cao quá, Anne ạ. Nhà tốt ở khu tốt có lẽ sẽ đắt quá tầm tay của chúng ta. Rất có thể chúng ta phải hài lòng với một căn nhà nhỏ xíu tồi tàn ở con đường vô danh cùng với chủ nhân vô danh và những người hàng xóm vô danh. Chỉ có cách chịu khó trang hoàng phòng ốc bên trong để bù cho bề ngoài khủng khiếp thôi.”

Thế là hai người họ đi tìm nhà, nhưng tìm được ngôi nhà như ý hóa ra còn khó hơn mức mà Priscilla sợ hãi tiên đoán hồi đầu nữa. Nhà thì nhiều vô kể, có đồ đạc lẫn không có đồ đạc, nhưng căn thì quá to, căn thì quá nhỏ, chỗ này thì quá mắc, chỗ kia thì quá xa Redmond. Kỳ thi bắt đầu rồi kết thúc, tuần cuối cùng của học kỳ đã đến, thế mà “ngôi nhà mơ ước” của họ, như Anne hay gọi, vẫn là một lâu đài trên mây.

“Chúng ta đành bó tay chờ đến mùa thu thôi, tớ e là thế,” Priscilla mệt mỏi thốt lên khi họ đi dạo xuyên qua công viên vào một ngày tuyết vời tháng Tư, gió nhẹ trời xanh ngắt, bến cảng sóng sánh lấp lánh dưới lớp sương mù ánh bạc lơ lửng trôi. “Chúng ta sẽ tìm được một mái nhà che thân thôi, nếu không thì luôn luôn có nhà trọ chờ sẵn mà.”

“Dù sao thì bây giờ tớ chẳng thêm bận tâm về nó đâu, không thể làm hỏng buổi chiều đẹp đẽ này được,” Anne vui sướng ngắm nghía xung quanh. Bầu không khí tươi mới se lạnh thoáng mùi nhựa thông, bầu trời phía trên trong veo xanh ngắt, tựa như chiếc cốc hạnh phúc khổng lồ dốc ngược. “Hôm nay mùa xuân đang reo vang trong máu tớ, và nét quyến rũ của tháng Tư tràn đầy trong không khí. Pris ơi, tớ đang nhìn thấy những ảo ảnh và mơ thấy những giấc mơ. Đó là vì gió từ hướng Tây thổi đến đây. Tớ thích gió Tây lắm. Nó hát lên bài ca của niềm vui và hy vọng, có phải thế không? Mỗi khi gió Đông thổi, tớ luôn nghĩ tới tiếng mưa buồn bã nhỏ giọt trên mái chóp và những ngọn sóng buồn nơi bãi biển xám xịt. Khi già đi, tớ sẽ bị đau khớp mỗi khi gió thổi từ hướng Đông mất.”

“Và chẳng phải dễ chịu lắm sao khi chúng ta lần đầu tiên vứt bỏ áo lông cùng quần áo mùa đông và ung dung đi dạo trong trang phục mùa xuân thế này?” Priscilla cười vang. “Cậu có cảm thấy mình như được lột xác không?”

“Mọi thứ đều lột xác vào mùa xuân,” Anne nói. “Các mùa xuân cũng luôn mới tinh tươm cả đấy thôi. Không có mùa xuân nào là giống mùa xuân nào. Nó luôn có gì đó riêng biệt để tạo nên nét ngọt ngào đặc trưng. Quan sát cái hồ nhỏ xíu kia, nhìn xem cỏ xanh chưa kìa, và những nụ liễu căng mọng nữa chứ.”

“Và kỳ thi đã tới và đã trôi qua - ngày hội trường sắp đến rồi, thứ Tư tuần sau. Ngày này tuần sau chúng ta có mặt ở nhà rồi.”

“Tớ hạnh phúc lắm,” Anne mơ màng thốt lên. “Có quá nhiều chuyện tớ muốn làm. Tớ muốn ngồi trên bậc thềm sau nhà, cảm nhận làn gió mát thổi qua cánh đồng của ông Harrison. Tớ muốn lùng kiếm dương xỉ trong rừng Ma Ám và hái hoa violet trong thung lũng Tím. Cậu có nhớ ngày dã ngoại hoàng kim của chúng ta không, Priscilla? Tớ muốn nghe đàn đồng ca ếch và tiếng thì thào của hàng bạch dương. Nhưng tớ cũng đã học được cách yêu Kingsport và tớ mừng là mùa thu tới tớ sẽ tiếp tục học ở đây. Nếu không giành được học bổng Thorburn tớ không tin là tớ đi học tiếp được. Tớ không thể cầm đủ chỉ một đồng trong khoản tiền dành dụm nhỏ nhoi của Marilla.”

“Ước gì bọn mình tìm được một căn nhà!” Priscilla thở dài. “Nhìn xung quanh Kingsport đi, Anne, nhà chỗ này, nhà chỗ nọ, nhưng chẳng có căn nào cho chúng ta.”

“Thôi mà, Pris. ‘Điều tốt đẹp nhất còn chưa tới.’ Như người La Mã cổ, chúng ta sẽ tìm được hoặc xây nên một căn nhà thôi. Trong một ngày như thế này, không có từ ‘thất bại’ trong quyển từ điển chói lợi của tớ.”

Bọn họ thơ thẩn trong công viên cho đến lúc chiều tà, đắm mình trong cảnh huyền diệu huy hoàng rực rỡ của mùa xuân, và họ đi theo lối cũ về nhà, dọc theo đại lộ Spofford, nơi họ có thể thỏa lòng ngắm nghía Nhà Patty.

“Tớ cảm thấy như có thứ gì bí ẩn sắp sửa diễn ra ngay bây giờ, ‘ngón tay cái của tớ đang giật giật đây,’” Anne nói khi họ leo lên dốc. “Đó là một cảm giác dễ thương như trong truyện cổ tích ấy. Ôi, ôi, ôi! Priscilla Grant, nhìn đằng kia và nói với tớ đó là thực chứ không phải tớ đang ảo giác đi?”

Priscilla nhìn theo hướng Anne chỉ. Ngón tay cái và đôi mắt Anne đã không đánh lừa cô. Phía trước cổng vòm Nhà Patty đứng dựa một tấm biển nhỏ bé khiêm tốn. Tấm biển viết: “Cho thuê, đủ đồ đạc. Liên hệ bên trong.”

“Priscilla,” Anne thì thầm, “cậu có nghĩ rằng chúng ta có thể thuê Nhà Patty không?”

“Không, không đời nào,” Priscilla quả quyết. “Điều quá tốt không thể thành hiện thực. Chuyện cổ tích không xảy ra nơi đời thường đâu. Tớ chẳng hy vọng đâu, Anne. Sự thất vọng sẽ quá khủng khiếp so với sức chịu đựng của tớ. Chắc chắn là họ sẽ đòi

nhiều tiền hơn khả năng chi trả của chúng ta. Đừng quên, nó nằm trên đại lộ Spofford nhé.”

“Dù sao thì chúng ta cũng phải hỏi cho biết,” Anne cương quyết. “Giờ mà gõ cửa thì đã quá trễ, nhưng mai chúng ta sẽ quay lại. Ôi, Pris, giá chúng ta có thể thuê nơi ở đáng yêu này! Tớ luôn cảm thấy vận may của tớ gắn liền với Nhà Patty, kể từ khi tớ nhìn thấy nó lần đầu tiên.”

Chương 10: Nhà Patty

Buổi chiều hôm sau, hai cô gái bước từng bước dứt khoát trên lối đi chữ chi xuyên qua khu vườn bé tí. Gió tháng Tư đông đầy hàng thông với điệp khúc muôn thuở, hàng cây rộn rã lên vì những chú chim cổ đỏ lanh lợi béo mập, khệnh khạng dạo bước trên lối đi. Hai cô gái nhút nhát bấm chuông và được một bà giúp việc già nghiêm nghị dẫn vào. Cửa mở thẳng vào một phòng khách rộng, hai quý bà ngồi bên ngọn lửa lách tách vui tươi, cả hai đều có vẻ già lão và nghiêm nghị. Hai người họ trông chẳng mấy khác nhau, dẫu một người có vẻ đã bảy mươi, còn người kia thì mới năm mươi tuổi. Cả hai đều có cặp mắt xanh lơ to đến lạ lùng đằng sau gọng kính thép, cả hai đều đội mũ trùm đầu và choàng khăn xám, cả hai đan len không hấp tấp nhưng cũng không ngừng nghỉ, cả hai vừa đu đưa ghế vừa nhìn hai cô gái mà chẳng nói tiếng nào; và ngay đằng sau mỗi người là một con chó sù màu trắng, thân lốm đốm những vệt tròn màu xanh, mũi xanh, tai xanh. Hai con chó lập tức thu hút hứng thú của Anne, chúng trông y hệt các vị thần che chở cho Nhà Patty vậy.

Trong vài phút, chẳng ai lên tiếng. Hai cô gái quá lúng túng chẳng nói nên lời, và chẳng ai trong số các quý bà già lão và hai chú chó sù có vẻ thích trò chuyện cả.

Anne liếc nhìn quanh phòng. Một nơi đáng yêu làm sao! Một cánh cửa khác mở thẳng ra hàng thông, những chú chim cổ đỏ bạo dạn ngấp nghé ngay bậc thềm. Sàn trải những tấm thảm bện hình tròn y hệt loại bà Marilla hay tết ở Chái Nhà Xanh, nhưng loại thảm này đã lỗi thời rồi, kể cả ở Avonlea cũng thế. Vậy mà chúng lại có mặt ở đại lộ Spofford! Một đồng hồ quả lắc to đùng bóng lộn kêu tích tắc âm ỉ và trang trọng ở trong góc. Những tủ chén nhỏ bé thật đáng yêu nằm phía trên bệ lò sưởi, sau cửa kính lấp lánh những món đồ sứ hay hay là lạ. Tường nhà treo đầy những bức tranh in cũ và hình cắt bóng. Trong góc là cầu thang dẫn lên lầu, ở khúc quanh đầu tiên thấp thoáng một ô cửa sổ dài với bệ cửa đầy mời gọi. Mọi thứ trông đúng như Anne đã tưởng tượng.

Đến giờ thì bầu không khí yên lặng đã trở nên quá khủng khiếp, Priscilla khều Anne để nhắc cô lên tiếng.

“Bọn cháu... bọn cháu đọc tấm biển đằng trước nói là nhà cho thuê,” Anne yếu ớt lên tiếng với quý bà lớn tuổi hơn, rõ ràng đó chính là bà cô Patty Spofford rồi.

“Ừ, đúng,” bà Patty đáp. “Tôi định tháo biển xuống hôm nay.”

“Thế... thế là bọn cháu tới trễ rồi,” Anne buồn bã nói. “Bà đã cho người khác thuê rồi sao?”

“Không, nhưng chúng tôi quyết định không cho thuê nữa.”

“Ôi, tiếc quá,” Anne kêu lên không suy nghĩ. “Cháu yêu nơi này vô cùng. Cháu cứ mãi hy vọng là thuê được nó.”

Giờ đến lượt bà Patty đặt que đan xuống, lấy kính ra, chùi kính, đeo vào lại và lần đầu tiên nhìn thẳng vào Anne như nhìn một con người. Quý bà còn lại rậm rạp làm theo, hoàn hảo đến mức chẳng khác gì chiếc bóng trong gương.

“Cô yêu ngôi nhà này,” bà Patty nhấn giọng. “Có nghĩ là cô thực lòng yêu nó? Hay chỉ là thích vẻ ngoài của nó thôi? Bọn con gái thời nay có cái thói hay thói phồng, đến mức chẳng ai biết được ý thực sự là gì cả. Thời tôi còn trẻ thì chẳng thế đâu. Thời đó một cô gái chẳng nói câu tôi yêu củ cải cùng một giọng với câu tôi yêu mẹ hay yêu Chúa trời.”

Lương tâm của Anne hoàn toàn trong sạch.

“Cháu thực lòng yêu nó mà,” cô dịu dàng nói. “Cháu yêu nó kể từ lần nhìn thấy nó hồi mùa thu năm ngoái. Cháu và hai người bạn học định thuê hẳn một căn nhà thay vì ở trọ vào năm tới, nên chúng cháu đang tìm một căn nhà nhỏ để thuê. Khi thấy căn nhà này cho thuê, cháu đã vui sướng biết bao.”

“Nếu cô yêu nó thì cô có thể thuê nó,” bà Patty nói. “Hôm nay tôi và Maria quyết định là cuối cùng không cho thuê nữa, vì chúng tôi chẳng ưa ai trong đám người đến thuê nhà. Chúng tôi chẳng cần cho thuê nhà. Chúng tôi đủ tiền đi châu Âu kể cả không cho thuê nhà. Tiền thuê sẽ giúp chúng tôi chút ít, nhưng có cho vàng tôi cũng chẳng để ngôi nhà của tôi lọt vào tay hạng người như những kẻ đã đến xem nhà. Cô thì khác. Tôi tin cô yêu nó và sẽ đối xử tốt với nó. Cô cứ thuê nó đi.”

“Nếu... nếu bọn cháu đủ khả năng trả tiền thuê,” Anne ngần ngừ.

Bà Patty nói giá. Anne và Priscilla nhìn nhau. Priscilla lắc đầu.

“Cháu e là chúng cháu không đủ tiền,” Anne cố nuốt nỗi thất vọng. “Bà thấy đấy, chúng cháu chỉ là sinh viên nghèo.”

“Thế các cô có thể trả được bao nhiêu?” bà Patty tay vẫn không ngừng đan.

Anne nói số tiền cô có thể trả. Bà Patty chậm chậm gật đầu.

“Thế đủ rồi. Như tôi nói hồi nãy, cho thuê nhà không phải là quá sức cần thiết với chúng tôi. Chúng tôi không giàu nhưng cũng đủ tiền đi châu Âu. Cả đời tôi chưa từng đặt chân đến châu Âu và chẳng bao giờ trông đợi hay khao khát được đi. Nhưng cháu gái tôi, Maria Spofford đây, lại nảy ra ý muốn đi. Giờ cô thấy đấy, một đứa con gái trẻ măng như Maria thì chẳng thể đi viễn du thế giới một mình được.”

“Đúng thế, cháu... cháu nghĩ là thế,” Anne lắp bắp, nhận thấy bà Patty hoàn toàn nghiêm túc.

“Đương nhiên rồi. Cho nên tôi phải đi cùng để trông nom nó. Tôi nghĩ tôi cũng sẽ thích chuyến đi này, tôi bảy mươi tuổi rồi nhưng vẫn còn chưa chán sống. Nếu nghĩ tới chuyện đi châu Âu từ trước thì dám tôi đã đi rồi đấy. Chúng tôi sẽ du lịch trong khoảng hai năm, có thể tới ba năm. Chúng tôi khởi hành vào tháng Sáu, khi đó sẽ gửi chìa khóa cho các cô và để lại mọi đồ đạc để các cô dùng khi cần. Chúng tôi chỉ đóng gói những thứ đặc biệt quý trọng, những thứ còn lại sẽ để nguyên.”

“Bà sẽ để lại hai con chó sứ chứ?” Anne rụt rè hỏi.

“Cô muốn không?”

“Ôi, đương nhiên là muốn rồi. Chúng thật đáng yêu.” Vẻ hài lòng thoáng hiện trên mặt bà Patty.

“Tôi thương hai con chó này lắm đấy,” bà nói vẻ tự hào. “Chúng đã hơn trăm tuổi rồi nhé, chúng nằm ở hai bên lò sưởi này kể từ năm mười năm trước khi ông anh Aaron mua từ London về. Đại lộ Spofford chính là được đặt theo tên ông anh Aaron của tôi đấy.”

“Chú ấy là một quý ông đáng trọng,” cô Maria lên tiếng lần đầu tiên kể từ đầu tới giờ. “À, giờ thì các cô không còn gặp được người như chú ấy nữa đâu.”

“Anh ấy là một người chú tốt, Maria ạ,” bà Patty nói đầy cảm xúc. “Cháu nhớ tới anh ấy là đúng.”

“Cháu lúc nào cũng nhớ tới chú ấy,” cô Maria nghiêm túc đáp. “Dường như cháu vẫn đang nhìn thấy chú ấy, đứng trước bếp lửa, tay đút dưới đuôi áo, mỉm cười với chúng ta.”

Cô Maria rút khăn tay lau mắt, nhưng bà Patty kiên quyết chấm dứt giây phút xúc động để quay về công việc nghiêm túc.

“Tôi sẽ để nguyên hai con chó nếu các cô hứa giữ gìn chúng cẩn thận,” bà nói. “Tên của chúng là Gog và Magog. Gog nhìn sang phải còn Magog thì nhìn sang trái. Và một điều nữa thôi. Tôi hy vọng các cô không phản đối chuyện ngôi nhà này được đặt tên là Nhà Patty chứ?”

“Không, hoàn toàn không. Chúng cháu cho đó là một trong những điểm đáng yêu nhất của ngôi nhà đấy chứ.”

“Các cô có khiếu thẩm mỹ đấy, tôi thấy vậy,” giọng bà Patty lộ vẻ hết sức hài lòng. “Các cô có tin nổi không? Tất cả những người đến hỏi thuê đều muốn biết có thể tháo bảng tên xuống trong thời gian ở đây hay không. Tôi nói thẳng với bọn họ rằng tên đi cùng với căn nhà. Đây đã là Nhà Patty kể từ khi anh Aaron để lại cho tôi thừa kế, nó vẫn sẽ là Nhà Patty cho đến khi tôi chết và Maria chết. Sau đó thì người chủ kế tiếp có thể đặt bất cứ cái tên gốc gác gì hấn muốn,” bà Patty kết luận giọng chẳng khác gì như nói, “Sau đó là ngày tận thế.”

“Còn bây giờ các cô có muốn đi xem một vòng trước khi ký kết hợp đồng không?”

Càng xem thì hai cô gái càng thích thú. Bên cạnh phòng khách lớn, có một nhà bếp và một phòng ngủ nhỏ dưới tầng trệt. Trên lầu có ba phòng, một lớn và hai nhỏ. Anne đặc biệt ưa thích một trong hai căn phòng nhỏ nhìn ra hàng thông cổ thụ và ước ao mình sẽ được ở phòng đó. Giấy dán tường màu xanh nhạt cùng một bàn phấn nhỏ kiểu xưa có đế cắm nến. Ô cửa sổ chắn song hình thoi có bệ ngồi dưới diềm màn bằng muslin xanh, một nơi thoải mái để học tập hay mơ mộng.

“Mọi thứ tuyệt vời đến nỗi tớ tin là chúng ta sẽ giật mình thức dậy và tưởng là vừa gặp ảo giác,” Priscilla nói khi họ trở về nhà.

“Bà Patty và cô Maria chẳng có chút gì dính dáng đến mộng ảo đâu,” Anne phá lên cười. “Cậu có thể tưởng tượng ra cảnh bọn họ ‘viễn du thế giới’, nhất là trong bộ khăn choàng và mũ trùm đầu không?”

“Tớ cho rằng họ sẽ tháo ra khi bắt đầu viễn du,” Priscilla đáp, “nhưng tớ biết chắc là đi đâu họ cũng đem theo bộ đan len cho mà xem. Họ không thể rời tay khỏi nó. Họ sẽ vừa đi dạo quanh tu viện Westminster vừa đan len, tớ chắc chắn như thế. Trong lúc đó, Anne, chúng ta sẽ sống ở Nhà Patty, ngay trên đại lộ Spofford. Bây giờ tớ đã thấy mình là một nữ triệu phú rồi.”

“Tớ thì thấy như một ngôi sao mai đang ca hát vì vui sướng,” Anne nói.

Tối hôm đó, Phil Gordon lê gót vào nhà số ba mươi tám đường St. John rồi quăng mình lên giường Anne.

“Các cô nàng ơi, tớ mệt muốn chết đây. Tớ cảm thấy như một người không có tổ quốc... hay là người không có bóng đấy nhỉ? Tớ quên khuấy mất. Nói tóm lại, tớ đang gói ghém đồ đạc.”

“Tớ nghĩ cậu mệt nhoài vì chẳng quyết định được nên đóng gói món nào trước hay để chúng ở đâu,” Priscilla phá lên cười.

“Trăm phần trăm. Và khi tớ tìm được cách nhét tất tần tật vào hòm rồi bà chủ nhà cùng cô giúp việc ngồi lên trên để tớ khóa lại, tớ mới phát hiện ra là mình đã nhét rất nhiều thứ cần dùng cho Hội trường ở dưới đáy hòm. Tớ phải mở khóa hòm, dúm đầu lục lọi cả tiếng để lôi những thứ mình cần ra. Mỗi khi tớ túm lấy được thứ gì đó giống giống như thứ tớ đang tìm, kéo tuột nó ra thì nó lại biến thành món khác. Không, Anne ạ, tớ chẳng chửi thề đâu.”

“Tớ có nói cậu chửi thề đâu nào.”

“À, trông vẻ mặt cậu thì biết. Nhưng tớ phải thú nhận là những suy nghĩ của tớ đã nằm ở ven bờ báng thần bổ thánh rồi. Và đầu tớ lại nặng trĩch vì cảm lạnh nữa chứ, tớ chả làm được gì cả trừ hít mũi rồn rột, thở phì phò và ách xì lia chia. Đúng là nỗi đau gồm toàn những từ láy, cậu có thấy vậy không? Nữ hoàng Anne, nói gì làm tớ phấn khởi lên chút đi.”

“Đừng quên là tối thứ Năm tới cậu sẽ quay về vùng đất của Alec Alonzo,” Anne gợi ý.

Phil lắc đầu vẻ buồn thảm.

“Lại một từ láy khác nữa. Không, tớ không cần Alec Alonzo khi tớ bị cảm đâu. Nhưng chuyện gì xảy ra với hai cậu thế? Nhìn kỹ mới thấy hai cậu sáng rõ lên như có bóng đèn ngũ sắc trong người ấy. Ôi, các cậu quả thực là đang lấp lánh! Chuyện gì thế?”

“Mùa đông tới bọn tớ sẽ đến sống ở Nhà Patty,” Anne đắc thắng tuyên bố. “Nghe cho kỹ nhé, sống, chứ không phải ở trọ! Bọn tớ đã thuê nơi đó, Stella Maynard cũng tới ở chung, và dì cậu ấy sẽ trông coi nhà cửa cho bọn tớ.”

Phil bật dậy, lau mũi rồi quỳ gối trước mặt Anne.

“Các cô nàng ơi, cho tớ ở chung với. Ôi, tớ sẽ rất ngoan ngoãn. Nếu không đủ phòng thì tớ sẽ ngủ trong ổ chó nhỏ xíu ngoài vườn, tớ có nhìn thấy nó rồi. Chỉ cần cho tớ tới ở chung thôi.”

“Đứng dậy đi, cô bé gốc ghếch.”

“Tớ sẽ không di chuyển bộ xương già này trừ phi cậu cho phép tớ sống với các cậu mùa đông tới.”

Anne và Priscilla nhìn nhau. Sau đó Anne chậm rãi giải thích, “Phil yêu quý, bọn tớ rất muốn có cậu ở chung. Nhưng bọn tớ muốn nói thẳng ra mọi chuyện trước đã. Tớ nghèo, Pris nghèo và Stella Maynard cũng nghèo nốt. Nhà cửa bọn tớ sẽ hết sức đơn giản và bữa ăn thì thanh đạm. Cậu phải sống y hệt như bọn tớ. Nhưng cậu thì giàu có và hóa đơn nhà trọ của cậu chứng tỏ điều đó.”

“Ôi, tớ thèm vào quan tâm đến những thứ ấy,” Phil kêu lên đầy bi kịch. “Ăn cỏ với bạn bè còn hơn xoi tái cả con bò mộng trong căn nhà trọ cô đơn. Các cô gái, đừng nghĩ tớ chỉ biết ham ăn nhá. Tớ sẵn sàng ăn bánh mì uống nước lã để sống, thêm vào tí tẹo tè teo mút nữa, nếu các cậu cho tớ ở chung.”

“Và còn, có rất nhiều việc phải làm” Anne tiếp tục. “Dì của Stella không thể quán xuyến hết được. Bọn tớ ai cũng phải giúp một tay. Còn cậu thì...”

“Không kéo sợi cũng không dệt vải,” Philippa nói chen vào. “Nhưng tớ sẽ học mà. Cậu chỉ cần chỉ cho tớ một lần thôi. Ít nhất thì tớ cũng biết dọn giường của mình. Và nhớ kỹ nhé, dẫu tớ không thể nấu ăn, tớ luôn bình tĩnh đối diện với mọi thứ. Không dễ đâu nhé. Và tớ chẳng bao giờ cầu nhàu cần nhần về thời tiết. Một ưu điểm nữa. Ôi, ừ đi mà, ừ đi mà! Cả đời tớ chưa bao giờ khao khát cái gì đến thế, và cái sàn này cứng quá thế.”

“Còn một chuyện nữa,” Priscilla cương quyết tiếp. “Cậu, Phil, như cả Redmond này biết rõ mồn một, tối nào cũng tiếp khách tới chơi. Nhưng ở Nhà Patty thì bọn tớ không để thế được. Bọn tớ quyết định rằng chỉ tiếp khách vào tối thứ Sáu thôi. Nếu cậu đến ở với bọn tớ thì cậu phải theo luật.”

“Ôi chao, cậu không nghĩ là tớ bận tâm vì mấy chuyện nhỏ nhặt đó chứ? Xời, tớ còn thích nữa là. Tớ cũng muốn sống kỷ luật lắm, nhưng tớ chả đủ cương quyết để lập ra hay tuân theo quy tắc nào cả. Trút hết trách nhiệm sang các cậu tớ nhẹ bồng cả người. Nếu các cậu không cho tớ góp gạo chung thì tớ sẽ chết vì thất vọng, xong

rời tứ thành ma ám các cậu. Tớ sẽ đóng đô ngay trên bậc thềm Nhà Patty và các cậu đừng hòng đi ra đi vào mà không bước qua hồn ma của tớ.”

Một lần nữa Anne và Priscilla thăm lặng trao đổi suy nghĩ bằng ánh mắt.

“Ừ,” Anne nói, “đương nhiên bọn tớ chẳng hứa được gì với cậu cho tới khi hỏi qua ý của Stella, nhưng tớ nghĩ cậu ấy chả phản đối đâu, và riêng với bọn tớ thì cậu cứ đến ở chung, rất vui được đón cậu đến.”

“Nếu cậu thấy chán cuộc sống đơn giản của bọn tớ thì cậu có thể rời đi không ai trách móc gì đâu,” Priscilla nói thêm.

Phil bật dậy, vui sướng ôm chầm lấy hai bạn và hạnh phúc quay trở về.

“Tớ hy vọng mọi chuyện sẽ ổn thỏa,” Priscilla điềm đạm lên tiếng.

“Bọn mình sẽ khiến cho mọi chuyện ổn thôi,” Anne hạ quyết tâm. “Tớ nghĩ Phil sẽ hòa nhập nhanh chóng vào ngôi nhà hạnh phúc bé nhỏ của chúng ta.”

“Ồ, Phil là một cô nàng dễ thương nếu cần tám chuyện và cần bạn bè. Và đương nhiên, càng nhiều người thì cái túi tiền lép xẹp của bọn mình sẽ càng dễ thở hơn. Nhưng sống chung với cô nàng thì sẽ thế nào nhỉ? Cậu phải trải qua mùa hè lẫn mùa đông thì mới đánh giá được ai đó có dễ sống cùng hay không.”

“Ôi chao, về chuyện đó thì tất cả chúng ta sẽ cùng trải qua thử thách. Và chúng ta phải thoát khỏi thử thách như những quý cô khôn ngoan, biết cách sống và hưởng thụ cuộc sống. Phil không hề ích kỷ, dẫu cậu ấy có hơi vô tâm một tẹo, tớ tin là bọn mình sẽ sống hết sức hòa thuận ở Nhà Patty.”

Chương 11: Vòng quay cuộc đời

Anne trở lại Avonlea, hào quang của học bổng Thorburn sáng rõ trên gương mặt. Mọi người bảo rằng cô vẫn như xưa, và nghe giọng điệu cũng đoán được họ khá ngạc nhiên và có đôi chút thất vọng khi cô chẳng thay đổi gì cả. Avonlea cũng vẫn y nguyên như cũ. Ít nhất là ở cái nhìn đầu tiên. Nhưng trong ngày Chủ nhật đầu tiên sau khi trở về nhà, Anne ngồi ở hàng ghế dành riêng cho Chái Nhà Xanh và nhìn lướt qua toàn bộ giáo đoàn, nhiều thay đổi nhỏ cùng lúc đập vào mắt cô, khiến cô nhận ra là thời gian chẳng hề đứng yên một chỗ, ngay cả ở Avonlea. Một mục sư mới trên bục giảng. Không chỉ một gương mặt quen thuộc đã biến mất mãi mãi nơi hàng ghế. “Bác Abe” già nua chấm dứt những lời tiên đoán, bà Peter Sloane thở dài cầu chúc lần cuối cùng cho Timothy Cotton, người mà theo như lời bà Rachel Lynde “cuối cùng cũng quyết định ra đi sau khi thực tập hấp hối suốt hai mươi năm ròng”, và cụ Josiah Sloane nằm trong quan tài với bộ râu tĩa gọn gàng khiến chẳng ai nhận ra được, tất cả đang say ngủ trong nghĩa địa nhỏ phía sau nhà thờ. Và Billy Andrews đã cưới Nettie Blewett! Họ “ra mắt” công chúng vào ngày Chủ nhật đó. Khi Billy, mặt sáng rỡ đầy tự hào và hạnh phúc, dẫn cô dâu mới cưới ăn diện điệu đà bước vào hàng ghế nhà Harmon Andrews, Anne hạ mi mắt giấu ánh nhìn tinh nghịch. Cô nhớ đến đêm đông bão táp trong kỳ nghỉ Giáng sinh, lúc Jane cầu hôn giùm cho Billy. Rõ ràng trái tim anh chàng không hề tan vỡ sau khi bị từ chối. Anne tự hỏi liệu có phải Jane cũng cầu hôn Nettie giúp anh chàng không, hay anh chàng đã gom góp đủ can đảm để tự hỏi cô nàng câu hỏi định mệnh ấy. Cả nhà Andrews dường như cũng chia sẻ niềm tự hào và hạnh phúc của anh chàng, từ bà Harmon ngồi nơi hàng ghế cho đến Jane đứng trong ca đoàn. Jane đã xin nghỉ dạy ở trường Avonlea và định đi miền Tây vào mùa thu này.

“Không kiếm được bồ ở Avonlea, thế đấy,” bà Rachel Lynde tuyên bố đầy khinh miệt. “Cô ả bảo là đến miền Tây thì sức khỏe sẽ được cải thiện. Ta chưa hề nghe nói sức khỏe cô ả không tốt bao giờ.”

“Jane là một cô gái dễ thương,” Anne trung thành khẳng định. “Cậu ấy chả bao giờ tìm cách thu hút sự chú ý như một số cô nàng khác.”

“Ừ, cô ả chả bao giờ đi cua trai, nếu đó là ý cháu muốn nói,” bà Rachel thừa nhận. “Nhưng cô ả muốn có chồng, như tất cả mọi người khác, thế đấy. Thử hỏi còn điều gì khác có thể lôi cô ả đến một nơi khỉ ho cò gáy ở miền Tây, mà ưu điểm duy nhất là nam thừa nữ thiếu? Cháu có giỏi thì cho ta biết đi!”

Nhưng ánh nhìn đầy bất ngờ và lo lắng của Anne ngày hôm đó không phải là dành cho Jane. Mà là cho Ruby Gillis, người ngồi bên cạnh cô trong ca đoàn. Chuyện gì đã xảy ra với Ruby vậy? Cô thậm chí còn xinh đẹp hơn bao giờ hết; đôi mắt xanh lơ của cô quá lấp lánh và rực sáng, và đôi má đỏ hồng một cách quá sức rạng rỡ; nhưng trông cô rất gầy; bàn tay cầm quyển thánh ca mảnh khảnh đến mức gần như trong suốt.

“Ruby Gillis bệnh sao?” Anne hỏi bà Lynde trên đường từ nhà thờ về.

“Ruby Gillis đang chết dần chết mòn vì bệnh lao cấp tính,” bà Lynde đáp thẳng tuột. “Mọi người đều biết điều đó ngoại trừ bản thân con bé và gia đình. Họ cương quyết không đầu hàng. Nếu cháu hỏi ý bọn họ thì họ sẽ nói con bé hoàn toàn khỏe mạnh. Con bé không đủ sức dạy học kể từ cơn sung huyết hồi mùa đông, nhưng con bé nói là mùa thu này sẽ đi dạy lại, nó định chọn trường White Sands. Khi trường White Sands khai giảng thì con bé đáng thương chắc đã nằm trong mộ rồi, thế đấy.”

Anne lắng nghe trong sự im lặng sững sờ. Ruby Gillis, người bạn thân thuở đi học, sắp chết ư? Làm sao có thể như thế được? Những năm sau này họ không thân thiết như trước nữa; nhưng mối gắn bó thân tình của bạn học thời thơ ấu vẫn còn, khiến cho tim Anne đau nhói khi lắng nghe tin dữ. Ruby, cô nàng thông minh, vui tính, điệu đà! Chẳng có mối liên hệ nào giữa cô và những thứ tương tự như cái chết cả. Cô chào Anne một cách vui vẻ chân thành sau buổi lễ, và kỳ kèo mời cô đến nhà chơi vào tối hôm sau.

“Tớ sẽ đi vắng vào tối thứ Ba và thứ Tư,” cô hân hoan thì thầm. “Có một buổi hòa nhạc tại Carmody và một bữa tiệc tại White Sands. Herb Spencer sẽ tháp tùng tớ. Anh chàng là người theo đuổi tớ mới nhất. Ngày mai nhớ đến chơi nhé. Tớ thèm được tâm sự với cậu đến nhường nào. Tớ muốn nghe cậu kể về mọi chuyện cậu làm ở Redmond.”

Anne biết Ruby muốn tâm sự với cô về những cuộc yêu đương lãng nhãng gần đây nhất của mình, nhưng cô vẫn nhận lời, và Diana đề nghị đi cùng.

“Tớ muốn đi thăm Ruby lâu lắm rồi,” cô nói với Anne, khi họ rời Chái Nhà Xanh vào buổi tối hôm sau, “nhưng tớ thực sự không thể đi một mình. Thật khủng khiếp khi nghe Ruby huyền thuyên như không, và giả vờ chẳng có chuyện gì xảy ra với cậu

ấy, ngay cả khi cậu ấy ho đến mức không nói nổi nữa. Cậu ấy nỗ lực biết bao để níu giữ sự sống, nhưng người ta nói rằng cậu ấy chẳng có cơ hội nào qua khỏi đâu.”

Hai cô gái lặng lẽ đi dọc theo con đường đất đỏ trong ánh chiều chạng vạng. Những con chim cổ đỏ líu lo bản thánh ca chiều trên ngọn cây cao ngất, giọng hát hân hoan dâng đầy không trung vàng óng ả. Tiếng sáo bạc của đám ếch vắng lại từ ao và đầm lầy, lướt qua những cánh đồng nơi hạt bắt đầu cựa mình sống dậy, hào hứng đón chào ánh nắng và làn mưa dịu dàng lướt qua. Không khí thoảng mùi thơm hoang dại, ngọt lành của những vật mầm xôi non. Làn sương trắng lơ lửng trên những thung lũng yên ắng và những ngôi sao tím lấp lánh ánh xanh ven khe suối.

“Đúng là một buổi hoàng hôn đẹp tuyệt,” Diana thốt lên. “Nhìn kia, Anne, trông cứ như một miền đất khác ấy, chẳng phải thế sao? Đám mây tím dài la đà kia là bờ biển, còn bầu trời trong vắt đằng xa tựa như mặt biển dát vàng.”

“Giá chúng mình có thể giương buồm đến đó trên chiếc thuyền làm từ ánh trăng - đúng như Paul từng viết trong bài tập làm văn, cậu còn nhớ chứ? - thì sẽ tuyệt vời biết nhường nào,” Anne giật mình bừng tỉnh khỏi giấc mơ. “Cậu có nghĩ rằng bọn mình có thể tìm thấy mọi ngày hôm qua ở nơi đó không, Diana, cả những bông hoa và mùa xuân thời xưa cũ nữa? Các luống hoa mà Paul trông thấy nơi ấy phải chẳng là những đóa hoa hồng từng nở rộ cho bọn mình?”

“Đừng mà!” Diana kêu lên. “Cậu làm cho tớ cảm thấy như thể bọn mình là những bà già đã bỏ lại sau lưng mọi thứ trên đời vậy.”

“Tớ nghĩ tớ cảm thấy gần như thế kể từ khi nghe tin về Ruby tội nghiệp,” Anne đáp. “Nếu đúng là cậu ấy đang chết dần chết mòn thì bất cứ chuyện buồn nào khác cũng có thể trở thành hiện thực.”

“Cậu không phiền nếu bọn mình ghé qua nhà Elisha Wright một chút chứ?” Diana hỏi. “Mẹ tớ nhờ tớ mang đĩa thạch này sang cho bà dì Atossa.”

“Bà dì Atossa là ai?”

“Ồ, cậu không nghe nói sao? Bà ấy là vợ ông Samson Coates ở Spencervale - dì của bà Elisha Wright. Bà ấy cũng là dì của ba tớ. Chồng bà mất hồi mùa đông vừa rồi, bà ấy còn lại một mình, rất nghèo và cô đơn, do đó nhà Wright đã mời bà đến sống cùng. Mẹ tớ nghĩ là nên mời bà dì đến nhà, nhưng ba tớ kiên quyết phản đối. Thà chết còn hơn sống với bà dì Atossa.”

“Khủng khiếp đến vậy sao?” Anne lơ đãng hỏi.

“Cậu có lẽ sẽ biết bà ấy là người thế nào trước khi bọn mình tìm được dịp lẩn đi,” Diana nhấn giọng. “Ba nói mặt bà dì như lưỡi hái - nó cứa ngang không khí. Nhưng lưỡi của bà dì còn bén hơn nữa.”

Dù đã khá trẻ, bà dì Atossa vẫn đang thái khoai tây giống trong bếp nhà Wright. Bà mặc chiếc áo choàng cũ đã sờn, và mái tóc muối tiêu trông hết sức lôi thôi. Bà dì Atossa không thích bị bắt gặp trong tình trạng tệ hại như thế nên cố ý khó ưa hơn hẳn lúc bình thường.

“Ồ, cô là Anne Shirley sao?” bà lên tiếng khi Diana giới thiệu Anne. “Tôi có nghe nói đến cô.” Giọng điệu của bà ngụ ý bà chẳng nghe được điều gì tốt đẹp cả. “Bà Andrews nói với tôi rằng cô vừa về nhà. Bà ấy nói cô đã khá ra hẳn.”

Hẳn là bà dì Atossa cho rằng cô cần phải cải thiện thêm nhiều hơn. Bà vẫn không dừng tay hùng hục thái khoai.

“Có cần mời các cô ngồi xuống không nhỉ?” bà hỏi vẻ khinh miệt. “Tất nhiên, ở đây chẳng có gì để các cô giải trí cả. Mọi người khác đều đi vắng.”

“Mẹ cháu gửi cho bà một nồi thạch đại hoàng nhỏ,” Diana vui vẻ lên tiếng. “Mẹ vừa làm xong hôm nay và nghĩ là chắc bà cũng thích.”

“Ồ, cảm ơn nhé,” bà dì Atossa chua chát đáp. “Tôi chẳng bao giờ ưa món thạch mẹ cô làm - lúc nào cũng quá ngọt. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng nuốt một ít. Mùa xuân này khẩu vị của tôi tệ hại chưa từng thấy. Tôi chẳng khỏe chút nào,” bà dì Atossa nghiêm nghị tiếp, “nhưng tôi vẫn làm không ngớt tay. Ở đây ai không làm nổi việc thì đều là người thừa. Nếu không quá phiền, cô có thể hạ cố cất nồi thạch vào trong kho lương

thực được không? Tôi đang dở tay thái cho hết đám khoai tây này tối nay. Tôi cho rằng hai quý cô như các cô chẳng bao giờ làm bất cứ điều gì như thế này. Các cô sợ hư tay mà.”

“Cháu vẫn hay thái khoai tây giống trước khi nhà cho thuê trang trại,” Anne cười đáp lời.

“Giờ thì cháu vẫn làm đó thôi,” Diana vui tươi tiếp. “Tuần trước cháu thái củ giống ba ngày liền. Đương nhiên,” cô nói thêm về trêu chọc, “cháu xoa nước chanh vào tay rồi xỏ vào găng tay da dê mỗi tối sau khi thái khoai tây xong.”

Bà dì Atossa khịt mũi.

“Tôi cho rằng cô bày trò đó là bắt chước theo đồng tặc chí ngớ ngẩn mà các cô hay ngốn ngấu. Tôi tự hỏi tại sao mẹ cô lại để cô làm như thế. Nhưng bà ta lúc nào cũng cưng chiều cô quá đáng. Khi George lấy mẹ cô, chẳng ai trong chúng tôi cho rằng bà ta sẽ là một người vợ phù hợp.”

Bà dì Atossa thở dài nặng nề, như thể tất cả các linh tính bất thường về cuộc hôn nhân của George Barry đã trở thành hiện thực hắc ám đúng như dự đoán.

“Muốn về rồi hả?” bà hỏi khi hai cô gái đứng dậy. “Ừ, tôi cho rằng các cô chẳng tìm thấy chút hứng khởi nào khi nói chuyện với một bà già như tôi. Thật tiếc là bọn con trai không có nhà.”

“Chúng cháu muốn ghé qua thăm Ruby Gillis một chút,” Diana giải thích.

“Ôi, viện cớ nào mà chẳng được, hẳn thế rồi,” bà dì Atossa hòa nhã đáp. “Chạy ào vào rồi lại vọt ngay ra, ở chẳng đủ lâu để mà chào hỏi hân hoan. Tôi cho rằng đó là kiểu cách của dân đại học. Các cô có khôn thì đừng lại gần Ruby Gillis. Các bác sĩ nói bệnh lao dễ lây lắm. Tôi biết chắc con nhỏ Ruby sẽ mắc bệnh gì đó mà, long nhong đi chơi tới tận Boston vào mùa thu vừa rồi. Những người không chịu ở yên tại nhà thì sẽ mắc bệnh thôi.”

“Không đi chơi cũng mắc bệnh mà. Đôi khi còn chết nữa,” Diana trịnh trọng biện hộ.

“Vậy thì ít nhất đó cũng không phải lỗi của họ,” dì Atossa đắc thắng phản pháo. “Tôi nghe đồn tháng Sáu này cô lấy chồng, Diana à.”

“Tin đồn chẳng đúng đâu,” Diana đỏ mặt.

“Ừ, đừng trì hoãn lâu quá,” bà dì Atossa nhấn mạnh. “Nhan sắc của cô sẽ tàn phai sớm đấy - cô chỉ có tóc và da là coi được thôi. Người nhà Wright thì hay đổi ý lắm. Cô nên đội mũ, cô Shirley ạ. Mũi của cô đầy tàn nhang đến phát khiếp. Ôi chao, tóc cô đúng là đỏ ra đỏ! Ừ, tôi cho rằng Chúa cho thế nào thì ta nhận thế đấy! Gửi lời hỏi thăm đến Marilla Cuthbert giùm tôi nhé. Bà ta chưa hề đến thăm tôi kể từ khi tôi tới Avonlea, nhưng tôi nghĩ mình chẳng nên than phiền làm gì. Người nhà Cuthbert luôn nghĩ rằng mình cao quý hơn bất kỳ ai khác quanh đây.”

“Ôi, bà ấy đáng sợ quá hả?” Diana thở hổn hển trong lúc bỏ chạy ra ngoài đường.

“Bà ấy còn tồi tệ hơn cô Eliza Andrews nữa,” Anne nói. “Nhưng cứ nghĩ sống cả đời với cái tên Atossa đi! Ai cũng phải trở nên chua chát với cái tên ấy đấy chứ. Bà ấy nên thử tưởng tượng mình tên là Cordelia xem. Có thể sẽ giúp đỡ bà ấy được nhiều đấy. Ít nhất thì nó cũng làm tớ vui hơn trong những ngày tớ ghét cái tên Anne.”

“Sau này Josie Pye sẽ giống hệt như bà ấy thôi,” Diana nói. “Mẹ Josie và bà dì Atossa có họ hàng với nhau, cậu biết đấy. Ôi chao ơi, tớ mừng là đã xong chuyện. Bà ấy ác hiểm đến mức khiến tất cả mọi thứ bốc mùi. Ba tớ từng kể một câu chuyện rất tức cười về bà dì. Hồi đó, Spencervale có một mục sư rất tốt bụng và sùng đạo, chỉ có điều lại khá lãng tai. Ông ấy chẳng thể nghe thấy bất kỳ cuộc trò chuyện bình thường nào. Ừ, họ thường tổ chức một buổi hội họp cầu nguyện vào tối Chủ nhật, tất cả các thành viên nhà thờ lần lượt đứng dậy cầu nguyện hay phát biểu về một câu thánh kinh. Nhưng một buổi tối nọ, bà dì Atossa bật dậy. Bà không cầu nguyện hay thuyết giáo. Thay vào đó, bà chìa mũi dùi vào mọi người trong nhà thờ và mắng họ một trận ra trò, gọi thẳng tên từng người, phê phán cách hành xử của họ, bới lại các cuộc tranh cãi và các vụ bê bối suốt mười năm qua. Cuối cùng bà trát muối lên vết thương bằng cách tuyên bố mình quá cảm phần nhà thờ Spencervale và không bao giờ thêm đặt chân vào cửa nhà thờ nữa, bà mong một hình phạt khủng khiếp sẽ giáng xuống nhà thờ. Sau đó bà ấy ngồi xuống thở hồng hộc, và viên mục sư, chẳng nghe nổi một

câu của bà, ngay lập tức tuyên bố bằng giọng hết sức thành kính, ‘Amen! Xin Chúa hãy đáp ứng lời cầu nguyện của người chị em thân thương của chúng con!’ Cậu phải nghe ba kể câu chuyện này mới được.”

“Nhắc mới nhớ, Diana này,” Anne thổ lộ bằng giọng cho thấy đây là chuyện quan trọng, “cậu biết không, dạo gần đây tớ tự hỏi liệu mình có thể viết một truyện ngắn, đủ hay để được xuất bản hay không.”

“Ôi, tất nhiên là cậu dư sức làm vậy,” Diana kêu lên sau khi hiểu ra được ý định tuyệt vời của bạn. “Cậu từng viết những truyện ngắn hết sức ly kỳ xúc động cho câu lạc bộ sáng tác ngày xưa của bọn mình mà.”

“À, tớ không định nhắc đến thể loại ấy,” Anne mỉm cười. “Dạo gần đây tớ bắt đầu ấp ủ ý tưởng ấy nhưng gần như quá nhút nhát không dám thử, vì nếu thất bại thì nhục nhã quá.”

“Tớ nghe Priscilla kể rằng mọi truyện ngắn đầu tay của bà Morgan đều bị từ chối. Nhưng tớ chắc chắn rằng cậu không đến nỗi thế đâu, Anne ạ, vì hình như các biên tập viên ngày nay có khả năng thưởng thức hơn nhiều.”

“Margaret Burton, một nữ sinh năm ba ở Redmond, mùa đông vừa rồi đã viết một truyện ngắn và được xuất bản trên tạp chí Phụ nữ Canada đấy. Tớ thực sự nghĩ là tớ có thể viết một truyện ngắn ít nhất cũng hay ngang thế.”

“Và cậu sẽ đăng nó ở tạp chí Phụ nữ Canada chứ?”

“Đầu tiên chắc tớ sẽ thử một vài tạp chí lớn hơn. Tùy vào thể loại truyện mà tớ viết.”

“Nội dung là gì vậy?”

“Giờ thì tớ chưa biết. Tớ muốn nắm bắt được một cốt truyện tốt cái đã. Tớ tin rằng đây là điều rất cần thiết theo quan điểm của người biên tập. Điều duy nhất tớ đã xác định được là tên của nữ chính: Averil Lester. Khá đẹp, cậu đồng ý không? Đừng kể

với bất kỳ ai nhé, Diana. Tớ chưa kể với ai ngoài cậu và ông Harrison. Ông ấy chẳng mấy ủng hộ - bảo là ngày nay có quá nhiều thứ văn chương rác rưởi rồi, ông ấy trông đợi ở tớ nhiều hơn thế sau một năm học đại học.”

“Ông Harrison thì biết gì mà nói chứ?” Diana kêu lên khinh miệt.

Họ đến nhà Gillis, nhìn thấy căn nhà đang bừng sáng rộn ràng vì những người đến thăm. Leonard Kimball ở Spencervale và Morgan Bell ở Carmody đang hầm hè lờm nhau trong phòng khách. Máy cô gái vui tính cũng ghé qua chơi. Ruby mặc váy trắng, mắt và má cô như bừng sáng. Cô cười đùa huyền thuyên không ngừng, và sau khi các cô bạn gái khác ra về, cô dẫn Anne lên lầu để khoe mấy chiếc váy mùa hè mới.

“Tớ đang may dở một chiếc váy lụa xanh, nhưng nó hơi dày cho mùa hè. Tớ nghĩ tớ sẽ để dành nó cho mùa thu này. Tớ sẽ đi dạy ở White Sands, cậu biết đấy. Cậu thấy mũ tớ thế nào? Chiếc mũ cậu đội hôm qua ở nhà thờ trông duyên lắm. Nhưng tớ thích màu tươi hơn cơ. Cậu có để ý hai cậu nhóc ngốc nghếch dưới nhà không? Bọn họ quyết tâm thi xem ai ngồi lâu hơn. Cậu biết đấy, tớ chẳng ưa hai cậu đó tí ti nào. Tớ thích mỗi Herb Spencer thôi.

Thỉnh thoảng tớ thực sự nghĩ rằng anh ấy là hoàng tử trời định cho mình. Hồi Giáng sinh thì tớ lại tưởng anh thầy giáo ở Spencervale mới thật là người dành riêng cho mình cơ. Nhưng rồi tớ phát hiện ra một điều ở anh ta khiến tớ không ưa. Anh ta gần như phát điên khi bị tớ từ chối. Ước gì hai tên nhóc kia đừng tới tối nay. Tớ muốn tâm sự thỏa thích với cậu, Anne ạ, và kể cho cậu nghe thật nhiều thật nhiều chuyện. Cậu và tớ lúc nào cũng là bạn thân của nhau mà, phải không?”

Ruby quàng tay qua eo Anne cùng với tiếng cười khan khe khẽ. Nhưng trong một thoáng, mắt họ gặp nhau, và bên dưới ánh lấp lánh trong đôi mắt Ruby, Anne nhìn thấy điều gì đó khiến tim cô nhói đau.

“Đến đây thường nhé, Anne?” Ruby thì thầm. “Đi một mình thôi - tớ cần cậu.”

“Cậu cảm thấy khỏe không hở Ruby?”

“Tớ ấy à! Ôi, tớ hoàn toàn khỏe. Cả cuộc đời tớ chẳng bao giờ thấy khỏe hơn thế. Tất nhiên, cơn sung huyết mùa đông vừa rồi làm tớ mệt một tẹo. Nhưng chỉ cần nhìn sắc mặt của tớ xem. Chẳng giống người bệnh liệt giường tí nào, chắc chắn là thế.”

Giọng Ruby gần như gay gắt. Cô rời tay khỏi Anne, như thể bất mãn, rồi chạy xuống lầu, tỏ ra vui vẻ hơn bao giờ hết và dường như hết sức nhập tâm đùa giỡn với hai chàng si tình đến mức Diana và Anne cảm thấy bị bỏ mặc nên đành nhanh chóng từ biệt ra về.

Chương 12: “Averil chuộc lỗi”

“Cậu đang mơ mộng gì vậy hở Anne?”

Chiều hôm ấy hai cô gái tha thẩn dạo bước trong thung lũng đẹp như cổ tích bên dòng suối. Ở đó, dương xỉ đứng đưa, những ngọn cỏ mảnh mai xanh ngắt, lê đại giảng màn trắng thoảng hương xung quanh.

Anne bừng tỉnh khỏi cơn mơ với tiếng thở dài hạnh phúc.

“Tớ đang suy nghĩ về truyện ngắn của mình, Diana à.”

“Ôi, cậu bắt đầu viết thực rồi sao?” Diana kêu lên đầy hân hoan và hứng khởi.

“Ừ, tớ mới viết có vài trang thôi nhưng nội dung thì đã được xác định rõ ràng rồi. Tớ mất bao nhiêu thời gian mới tìm ra một cốt truyện phù hợp. Trong số những cốt truyện ghé thăm tớ thì chẳng có cái nào hợp với cô gái mang tên Averil cả.”

“Cậu không đổi tên cô ta được à?”

“Không, không thể nào. Tớ thử rồi nhưng không được, cũng y như tớ chẳng đổi tên của cậu được vậy. Averil chân thực với tớ đến mức dẫu cố đặt cho cô nàng những cái tên khác, tớ chỉ nghĩ đến cô nàng như là Averil mà thôi. Nhưng cuối cùng tớ đã nghĩ ra một cốt truyện phù hợp với cô nàng. Sau đó đến chuyện phấn khích cực kỳ là đặt tên cho tất cả các nhân vật. Cậu không tưởng được là việc đó thích thú đến nhường nào đâu. Tớ nằm trên giường thức đến hàng giờ để suy nghĩ về những cái tên đó. Nam chính tên là Perceval Dalrymple.”

“Cậu đặt tên tất cả các nhân vật rồi à?” Diana hỏi vẻ nuối tiếc. “Nếu chưa thì xin cậu cho tớ đặt một tên nhé, cho một nhân vật tầm thường nào đó cũng được. Tớ sẽ cảm thấy mình cũng có phần tham gia vào câu chuyện.”

“Cậu có thể đặt tên cho cậu bé làm thuê sống với nhà Lester,” Anne nhượng bộ. “Nó không phải nhân vật quan trọng nhưng chỉ có nó là chưa được đặt tên thôi.”

“Vậy gọi nó là Raymond Fitzosborne nhé,” Diana đề nghị, cô có sẵn một danh sách dài những cái tên như thế trong bộ nhớ của mình, di tích sót lại của câu lạc bộ sáng tác thuở còn đi học mà cô, Anne, Jane Andrews và Ruby Gillis từng là thành viên.

Anne lắc đầu không tán thành.

“Tớ e là cái tên đó quá quý tộc so với một cậu bé giúp việc, Diana ạ. Tớ chẳng thể tưởng tượng cảnh một chàng họ Fitzosborne cho lợn ăn hay nhặt củi khô, cậu có thấy vậy không?”

Diana không hề đồng ý tí nào, đã có trí tưởng tượng thì muốn mở rộng đến đâu mà chẳng được chứ; nhưng có lẽ Anne mới là chuyên gia trong việc này, thế là cậu bé giúp việc cuối cùng được đặt tên Robert Ray, gọi tắt Bobby nếu cần thiết.

“Cậu nghĩ sẽ nhận được bao tiền nhuận bút?” Diana hỏi.

Nhưng Anne chưa hề nghĩ tới chuyện này. Cô theo đuổi danh vọng chứ không phải là lợi nhuận bản thân, và những giấc mơ văn học của cô vẫn chưa bị vấy bẩn bởi động cơ vụ lợi.

“Cậu cho tớ đọc trước nhé, được không?” Diana năn nỉ.

“Khi viết xong tớ sẽ đọc cho cậu và ông Harrison nghe, và tớ muốn cậu phê bình thật khắt khe vào. Sẽ không ai khác được đọc cho tới khi truyện được xuất bản.”

“Vậy kết thúc truyện ra sao - buồn hay vui?”

“Tớ không chắc nữa. Tớ muốn kết thúc buồn vì như thế sẽ lãng mạn hơn rất nhiều. Nhưng tớ biết các biên tập viên thường có thành kiến với những truyện kết thúc buồn. Tớ nghe giáo sư Hamilton có lần nói rằng không phải thiên tài thì đừng cố mà

viết truyện kết thúc buồn làm gì. Và,” Anne kết luận một cách khiêm tốn, “tớ thì đâu phải là thiên tài.”

“Ồi tớ thích kết thúc có hậu nhất. Tốt nhất là cậu cứ để anh chàng cưới cô nàng,” Diana, đặc biệt kể từ khi đính hôn với Fred, cho rằng đó mới chính là kết thúc đáng có của mọi câu chuyện.

“Nhưng cậu muốn nhỏ lệ khi đọc truyện mà?”

“Ồ, đúng thế, ở giữa truyện mà thôi. Nhưng tớ muốn cuối cùng mọi chuyện đều tốt đẹp cơ.”

“Tớ phải tả một cảnh thật lâm ly bi đát mới được,” Anne trầm ngâm. “Tớ có thể cho Robert Ray bị thương trong một tai nạn và viết một cảnh hấp hối.”

“Không, cậu đừng giết Bobby mà,” Diana phá lên cười tuyên bố. “Cậu bé ấy là của tớ, tớ muốn cậu ta sống lâu và hạnh phúc cơ. Nếu cần thì cậu cho người khác chết đi vậy.”

Suốt hai tuần sau đó, tâm trạng Anne hết giằng xé đau đớn lại chuyển sang vui sướng hân hoan tùy theo nghiệp văn chương của mình. Lúc thì cô hớn hởi khi nghĩ ra một ý tưởng tuyệt vời, lúc thì tuyệt vọng bởi một số nhân vật khó bảo không chịu cư xử cho đúng cách. Diana không tài nào hiểu được điều này.

“Buộc họ cư xử như ý của cậu ấy,” cô nói.

“Tớ không làm được,” Anne buồn bã đáp. “Averil là một cô ả hết sức cứng đầu cứng cổ. Cô nàng cứ hành động nói năng tùy thích chẳng nghe theo ý tớ chút nào. Làm hỏng mọi thứ tớ viết trước đó khiến tớ phải viết lại từ đầu.”

Cuối cùng, truyện ngắn cũng viết xong, và Anne đọc cho Diana nghe trong căn gác xếp vắng vẻ. Cô đã viết thành công một “cảnh lâm ly bi đát” mà không cần hy sinh Robert Ray, mắt cô không rời khỏi khuôn mặt Diana trong suốt thời gian đọc câu

chuyện. Đúng như mong đợi, Diana òa lên khóc; tuy nhiên, khi truyện kết thúc, cô có vẻ hơi thất vọng.

“Tại sao cậu lại giết Maurice Lennox chứ?” cô hỏi đầy trách móc.

“Hắn là nhân vật phản diện mà,” Anne phản bác. “Hắn phải bị trừng phạt.”

“Tớ thích hắn ta nhất,” Diana bướng bỉnh khẳng định.

“À, nhưng hắn đã chết, và phải yên ổn mà chết,” Anne đáp trả với vẻ khá phẫn uất. “Nếu tớ để hắn sống thì hắn sẽ theo hành hạ Averil và Perceval mãi thôi.”

“Ừ... trừ phi cậu cải tạo hắn ta.”

“Thế thì chả lãng mạn chút nào, hơn nữa, nó sẽ kéo dài câu chuyện ra.”

“À, dù sao thì đây cũng là một truyện ngắn hết sức tinh tế, Anne ạ, và sẽ làm cho cậu nổi tiếng, tớ chắc chắn thế. Cậu đặt tên cho nó chưa?”

“Ồ, tớ đã quyết định tên cho nó từ lâu rồi. Tớ đặt tên là Averil chuộc lỗi. Nghe hay và khá vần điệu phải không? Bây giờ, Diana, nói thật cho tớ nghe đi, cậu thấy truyện của tớ có khuyết điểm gì không?”

“À,” Diana do dự, “theo tớ thì đoạn Averil làm bánh có vẻ thiếu lãng mạn so với phần còn lại của truyện. Ai mà chẳng làm bánh được chứ. Các nhân vật nữ chính chẳng cần nấu nướng làm gì, tớ nghĩ thế đấy.”

“Ôi chao, đó là đoạn để gây cười và là một trong những phần hay nhất của toàn bộ câu chuyện đấy,” Anne giải thích. Và phải nói rằng lần này thì cô nói không hề sai.

Diana thận trọng không dám chỉ trích gì thêm, nhưng ông Harrison thì không dễ dàng hài lòng như thế. Đầu tiên, ông bảo rằng truyện có quá nhiều đoạn tả tình tả cảnh.

“Cắt bỏ tất cả những đoạn màu mè hoa lá đi,” ông tàn nhẫn tuyên bố.

Anne có một niềm tin khó chịu rằng ông Harrison nói đúng, và thế là cô ép mình xóa đi hầu hết những đoạn tả tình tả cảnh yêu quý, mặc dù cô vẫn phải viết đi viết lại đến ba lần để làm hài lòng ông Harrison khó tính.

“Cháu đã bỏ đi tất cả các đoạn tả cảnh, trừ đoạn tả cảnh hoàng hôn,” cuối cùng cô lên tiếng. “Đơn giản là cháu không thể bỏ nó đi được. Đó là đoạn tả cảnh hay nhất truyện.”

“Nó chẳng liên quan gì tới cốt truyện cả,” ông Harrison đáp, “và cháu không nên đặt bối cảnh là những người giàu có nơi thành thị. Cháu biết gì về họ nào? Tại sao cháu không đặt câu chuyện ngay tại Avonlea này - tất nhiên là phải thay đổi tên rồi, nếu không có lẽ bà Rachel Lynde sẽ nghĩ mình là nữ chính đấy.”

“Ôi, không được đâu,” Anne phản đối. “Avonlea là nơi dễ thương nhất trên thế giới, nhưng không đủ lãng mạn để làm bối cảnh cho một câu chuyện tình.”

“Tôi dám nói là Avonlea này dư thừa lãng mạn và cũng chẳng kém bi kịch đâu,” ông Harrison tuyên bố tỉnh khô. “Nhân vật trong truyện của cháu chẳng giống người thật gì cả. Họ nói quá nhiều và lời nói thì quá hoa hòe hoa sỏi. Cái đoạn thằng nhóc Dalrymple nói không ngừng nghỉ suốt hai trang giấy mà chả cho cô nàng xen vào nổi một từ ấy. Nếu trong thực tế mà anh chàng làm vậy thì nữ chính sẽ xông tới đâm vào mặt anh chàng mất.”

“Cháu không nghĩ vậy đâu,” Anne thẳng thừng đáp. Trong góc khuất bí mật của linh hồn, cô cho rằng những lời đẹp đẽ đầy chất thơ dành cho Averil sẽ dễ dàng cướp lấy trái tim của bất kỳ cô gái nào. Hơn nữa, thật khủng khiếp khi nghĩ tới cảnh nàng Averil dài các như một nữ hoàng lại “đắm vào mặt” ai đó. Averil chỉ “khước từ lời tỏ tình” mà thôi.

“Nhưng dù sao,” ông Harrison tiếp tục một cách tàn nhẫn, “tôi chẳng hiểu vì sao Maurice Lennox không lấy được cô nàng. Anh ta đàn ông gấp hai lần tên kia. Anh ta

có làm chuyện xấu thật, nhưng ít nhất anh ta biết hành động. Tay Perceval thì từ đầu đến cuối chỉ ù ù cạc cạc.”

“Ù ù cạc cạc.” Thế còn tệ hơn là “đấm vào mặt” nữa!

“Maurice Lennox là nhân vật phản diện,” Anne nhấn mạnh vẻ phẫn nộ. “Cháu chẳng hiểu sao mọi người lại thích hẳn ta hơn Perceval.”

“Perceval quá tốt. Thằng nhóc ấy làm ta phát khùng. Lần tới cháu nêm chút bản chất thực sự của con người vào cho nhân vật nam chính nhé.”

“Averil không thể lấy Maurice được. Hẳn là người xấu.”

“Cô nàng có thể cảm hóa anh ta. Cháu có thể cảm hóa một người đàn ông; đương nhiên chẳng thể nào cảm hóa một con sứa được. Truyện của cháu không tệ - khá thú vị đấy, tôi phải thừa nhận thế. Nhưng cháu còn quá trẻ, chưa viết được một câu chuyện có giá trị đâu. Đợi mười năm nữa đi.”

Anne quyết định lần sau viết truyện sẽ không nhờ ai phê bình nữa. Nản lòng quá mà. Cô không đọc truyện này cho Gilbert nghe, mặc dù cô có kể qua với anh.

“Nếu thành công thì cậu sẽ đọc khi nó được xuất bản, Gilbert ạ, nhưng nếu thất bại thì chẳng ai được nhìn thấy nó nữa.”

Bà Marilla chẳng biết gì về nỗ lực của cô. Trong trí tưởng tượng, Anne nghĩ đến cảnh mình đọc một truyện ngắn đăng trên tạp chí cho bà Marilla nghe, dẫn dắt để bà khen nó - trong tưởng tượng thì mọi việc đều có thể xảy ra mà - rồi đắc thắng tuyên bố mình là tác giả.

Một ngày nọ Anne đem ra bưu điện một phong bì dài dầy cộm, gửi tới tạp chí lớn nhất trong số các tạp chí “danh tiếng”, tràn đầy niềm tự tin hứng khởi của những thanh niên còn thiếu trải nghiệm đường đời. Diana cũng hồi hộp chẳng kém gì Anne.

“Cậu nghĩ tớ phải đợi thư phúc đáp bao lâu?” cô hỏi.

“Chắc tối đa là hai tuần thôi. Ôi, nếu được chấp nhận thì tớ sẽ vui sướng và tự hào biết bao!”

“Đương nhiên là nó sẽ được chấp nhận mà, không chừng họ còn mời cậu gửi thêm bài nữa ấy chứ. Một ngày nào đó, có lẽ cậu sẽ nổi tiếng chẳng kém bà Morgan, Anne ạ, khi đó tớ sẽ tự hào biết bao khi là bạn của cậu.” Ưu điểm nổi bật của Diana là luôn biết chân thành ngưỡng mộ tài năng và danh vọng của bạn bè.

Một tuần đầy mơ mộng thú vị trôi nhanh rồi cú thức tỉnh cay đắng ập tới. Một buổi chiều nọ, Diana tìm thấy Anne ở gác xép nhìn ra hiên, với đôi mắt biểu cảm một cách đáng ngờ. Trên bàn đặt một phong bì dài và một bản thảo nhăn nhúm.

“Anne, truyện của cậu bị trả về sao?” Diana òa lên không tin nổi.

“Ừ, đúng thế,” Anne cụt lủn đáp.

“Ôi, tay biên tập ấy chắc bị khủng rồi. Lý do từ chối là gì?”

“Chẳng có lý do gì cả. Chỉ có một tờ giấy đánh máy nói là nó không phù hợp.”

“Dù sao thì tớ chẳng bao giờ đánh giá cao cuốn tạp chí ấy cả,” Diana nóng giận nói. “Truyện trong đó chẳng hay bằng một nửa trong tạp chí Phụ nữ Canada, mặc dù đắt hơn nhiều. Tớ cho rằng tay biên tập chỉ ưa dân Mỹ thôi. Đừng nản lòng, Anne à. Nhớ không, truyện của bà Morgan còn bị trả về nữa là. Gửi truyện của cậu tới tạp chí Phụ nữ Canada đi.”

“Ừ, tớ nghĩ tớ sẽ làm vậy,” Anne lấy hết can đảm thốt lên. “Và nếu được xuất bản tớ sẽ gửi một bản đặc biệt tới cho tay biên tập người Mỹ kia. Nhưng tớ sẽ cắt đoạn tả cảnh hoàng hôn. Tớ tin là ông Harrison nói đúng.”

Cảnh hoàng hôn bị lược bỏ; thế nhưng mặc cho hành động tự sát anh dũng này, biên tập viên của tạp chí Phụ nữ Canada gửi trả truyện ngắn Averil chuộc lỗi nhanh chóng đến mức Diana phải bất bình kêu lên rằng chắc họ còn chưa thèm đọc truyện

và tuyên bố sẽ ngừng đặt mua tạp chí này ngay lập tức. Anne chấp nhận lần từ chối thứ hai với thái độ trầm tĩnh tuyệt vọng. Cô giấu bản thảo trong rương nơi gác xép, chung với những câu chuyện thời Câu lạc bộ sáng tác ngày xưa, nhưng chỉ sau khi xiêu lòng trước những lời kẻo nài của Diana mà đưa một bản sao cho bạn.

“Đây là dấu chấm hết cho tham vọng văn chương của tớ,” cô cay đắng thốt lên.

Cô không hề kể chuyện này với ông Harrison, nhưng một buổi tối nọ, ông hỏi thẳng cô là truyện có được nhận đăng hay không.

“Không, biên tập viên không thích,” cô trả lời cộc lốc.

Ông Harrison liếc nhìn gương mặt thanh tú đỏ bừng của cô.

“À, tôi cho rằng cháu vẫn tiếp tục viết truyện chứ,” ông khuyến khích.

“Không, cháu sẽ không bao giờ thử sáng tác nữa,” Anne tuyên bố với sự dứt khoát tuyệt vọng của tuổi mười chín khi một cánh cửa dầm đóng ngay trước mặt mình.

“Tôi thì tôi sẽ không từ bỏ hoàn toàn vậy đâu,” ông Harrison trầm ngâm. “Thỉnh thoảng tôi sẽ viết vài ba truyện, nhưng chẳng thèm kỳ kèo dầm biền tập làm gì. Tôi sẽ viết về con người và nơi chốn mà tôi biết rõ, cho các nhân vật của tôi giao tiếp bằng ngôn ngữ đời thường; và để cho mặt trời hết mọc rồi lặn một cách lặng lẽ như thường lệ mà chẳng cần tô son trát phấn. Nếu có nhân vật phản diện, tôi sẽ cho họ một cơ hội, Anne ạ - tôi sẽ cho họ một cơ hội làm lại cuộc đời. Tôi nghĩ trên thế giới này có vài ba người tồi tệ khủng khiếp, nhưng chẳng phải dễ mà gặp họ đâu, dẫu bà Lynde tin rằng đàn ông đều cùng một giuộc. Nhưng đa số chúng ta ai cũng có chút gì tốt đẹp trong người. Cứ tiếp tục viết đi, Anne ạ.”

“Không. Cháu thật ngốc khi cố theo con đường này. Sau khi tốt nghiệp Redmond cháu sẽ tập trung dạy học. Cháu có thể dạy học được. Cháu chẳng thể sáng tác truyện được.”

“Tốt nghiệp Redmond là đến lúc kiếm chồng rồi,” ông Harrison khuyên. “Lập gia đình muộn thì chẳng tốt đâu - tôi là ví dụ đây này.”

Anne đứng dậy và xồng xộc chạy về nhà. Thỉnh thoảng cô chẳng thể nào chịu đựng nổi ông Harrison. “Đắm vào mặt”, “ù ù cạc cạc”, và “kiếm chồng”. Ôi chao ôi!!

Chương 13: Con đường dẫn tới sa ngã

Davy và Dora đã sẵn sàng đến trường học giáo lý.

Hôm nay hai đứa sẽ tự đi, một chuyện rất ư hiếm thấy, vì chẳng lúc nào bà Lynde không tới lớp giáo lý ngồi cùng. Nhưng sáng nay bà Lynde vừa bị trọ chân đi cà nhắc, đành phải ở nhà rồi. Hai đứa cũng sẽ là thành viên duy nhất của Chái Nhà Xanh đến lễ nhà thờ, vì Anne đã đi từ tối hôm trước tới Carmody để cả ngày hôm nay viếng thăm bè bạn, còn Marilla lại lên cơn đau đầu như mọi khi.

Davy chậm rì rì đi xuống dưới nhà. Dora đang đứng đợi cậu nơi hành lang, đã được bà Lynde sửa soạn tươm tất. Davy thì tự lo lấy thân. Túi cậu có một xu để quỳên góp cho lớp giáo lý, và năm xu cho quỹ nhà thờ; một tay cầm Kinh Thánh, một tay cầm bài học Kinh Thánh hằng quý; cậu đã thuộc như cháo bài học thuộc lòng, câu ghi nhớ và câu hỏi giáo lý. Chẳng phải cậu đã học chúng, dưới ách áp bức, trong nhà bếp của bà Lynde, suốt buổi chiều Chủ nhật tuần trước sao? Do vậy, tâm trí của Davy lẽ ra phải rất an nhàn thoải mái mới phải. Nhưng thực tế thì, mặc cho Kinh Thánh và câu hỏi giáo lý, lòng cậu vẫn sục sôi như một con sói đói.

Bà Lynde cà nhắc lết ra khỏi bếp khi cậu đến trước mặt Dora.

“Cháu tắm rửa sạch sẽ chưa?” bà nghiêm khắc hỏi.

“Rồi ạ - tất cả những chỗ thò ra ngoài,” Davy trả lời mặt sưng mày sía.

Bà Rachel thở dài. Bà nghi ngờ về độ sạch của cổ và tai Davy. Nhưng bà biết nếu mình đòi kiểm tra đến nơi đến chốn thì hẳn là Davy sẽ co giò chạy mất, mà hôm nay bà thì không thể đuổi theo kịp nó.

“Ừ, nhớ cư xử cho đàng hoàng nhé,” bà dặn dò. “Không giẫm chân vào bụi bẩn. Không ngừng trước hàng hiên để nói chuyện với mấy đứa trẻ con khác. Không xoay người nhấp nhóm trên ghế. Đừng quên các câu ghi nhớ. Đừng làm mất tiền quỳên góp hay quên bỏ vào thùng. Không xì xầm lúc cầu nguyện, và đừng quên phải tập trung lắng nghe bài giảng.”

Davy không thèm đáp trả. Cậu hùng hục đi ra đường, Dora lú lú theo sau. Nhưng linh hồn cậu bên trong vẫn sôi sục căm thù. Davy đã chịu đựng, hoặc nghĩ rằng mình phải chịu đựng, không ít khổ cực dưới bàn tay và cái lưỡi của bà Rachel Lynde kể từ khi bà tới sống ở Chái Nhà Xanh, bởi bà Lynde không thể sống với bất kỳ ai, dù họ chín hay chín mười tuổi, mà không cố tìm cách uốn nắn họ theo khuôn phép. Và chỉ mới buổi chiều hôm trước thôi, bà đã can thiệp để bà Marrilla không cho phép Davy đi câu cá với nhà Timothy Cotton. Davy hiện vẫn còn sôi máu vì chuyện này.

Ngay sau khi ra đến đường, Davy dừng lại làm mặt nhăn nhó biến dạng một cách quái dị khủng khiếp đến nỗi Dora sợ rằng cậu sẽ chẳng bao giờ kéo thẳng mặt ra như cũ được, dẫu cô bé thừa biết tài năng của anh trai trong trò này.

“Chết tiệt,” Davy rít lên.

“Ôi, Davy, đừng chửi thề,” Dora há hốc miệng sững sờ.

“‘Chết tiệt’ không phải là chửi thề - không hẳn thế. Có là chửi thề thật thì anh cũng chẳng quan tâm,” Davy phản pháo về bất cần.

“Ôi, nếu anh phải nói những lời khủng khiếp ấy thì cũng phải tránh ngày Chủ nhật đi chứ,” Dora van vỉ.

Davy vẫn chưa thấy có gì đáng hối hận, nhưng từ tận nơi sâu thẳm trong tâm hồn cậu cảm thấy rằng, có lẽ, mình đã đi hơi quá xa.

“Anh sẽ phát minh ra một từ chửi thề của riêng mình,” cậu tuyên bố.

“Thiên Chúa sẽ trừng phạt anh nếu anh làm thế,” Dora nghiêm mặt.

“Vậy thì anh cho rằng Thiên Chúa là một lão già cổ lỗ sĩ,” Davy bật lại. “Ngài không biết rằng là người thì phải có cách nào đó để diễn tả cảm xúc của mình chứ?”

“Davy!!!” Dora kêu lên. Cô bé gần như nghĩ Davy sắp bị sét đánh chết ngay tại chỗ. Nhưng không có gì xảy ra cả.

“Dù sao, anh sẽ không chấp nhận bị bà Lynde quản giáo nữa,” Davy lấp bắp. “Cô Anne và bà Marilla có quyền la mắng anh, nhưng bà ta thì không đời nào. Anh sẽ làm tất tần tật mọi chuyện mà bà ta không cho anh làm. Em cứ xem thì biết.”

Trong sự im lặng cố ý đến nghiệt ngã, khiến Dora lặng người dõi theo anh trai, sợ đến phát khiếp, Davy bước ra rìa cỏ xanh lè đường, chân lún đến tận mắt cá vào lớp bụi mịn hậu quả của bốn tuần liền trời không nhỏ một giọt mưa nào, rồi hùng hục đi dọc theo con đường, cố ý kéo lê bàn chân cho đến khi toàn thân cậu bị một đám mây bụi mù mịt bao bọc.

“Đó mới là khởi đầu thôi,” cậu tuyên bố vẻ đắc thắng. “Và anh sẽ dừng lại trước hiên và nói chuyện với bất kỳ ai ở đó chịu mở miệng. Anh sẽ uốn éo nhấp nhồm trên ghế, thì thầm nói chuyện, và tuyên bố mình không thuộc các câu ghi nhớ. Và anh sẽ vứt bỏ cả hai đồng tiền quyên góp ngay bây giờ.”

Thế là Davy ném tung hai đồng tiền qua hàng rào nhà ông Barry với niềm hứng thú cao độ.

“Satan làm anh ra nông nổi này,” Dora trách móc.

“Không phải hẳn,” Davy kêu lên căm phẫn. “Anh tự nghĩ ra đấy chứ. Và anh đã nghĩ ra điều khác để làm nữa. Anh sẽ không đi nhà thờ và trường giáo lý nữa đâu. Anh sẽ đi lên chơi với mấy đứa nhà Cotton. Tối qua tụi nó nói với anh rằng hôm nay sẽ không đi đến trường, vì mẹ tụi nó đi vắng và chẳng ai ép buộc tụi nó cả. Đi chung đi, Dora, chúng ta sẽ vui lắm cho mà xem.”

“Em không muốn đi,” Dora phản đối.

“Em phải đi,” Davy tuyên bố. “Nếu em không đi anh sẽ mách bà Marilla rằng Frank Bell hôn em ở trường thứ Hai tuần rồi.”

“Em có cố ý đâu. Em đâu ngờ là nó làm vậy,” Dora kêu lên, mặt đỏ bừng.

“À, em có tát nó hay làm ra vẻ tức giận tí tẹo nào đâu,” Davy vặn lại. “Anh sẽ mách cả chuyện đó nữa, nếu em không đi chơi cùng. Chúng ta đi đường tắt bằng qua cánh đồng này thôi.”

“Em sợ bò,” Dora đáng thương phản đối, nghĩ là mình đã tìm được lối thoát.

“Cái kiểu sợ bò của em thật vô lý,” Davy chế giễu.

“Tại sao phải sợ, chúng nhỏ tuổi hơn em nữa.”

“Chúng lớn hơn,” Dora giải thích.

“Chúng sẽ không động vào em đâu. Nào, đi thôi. Thật tuyệt quá đi mất. Khi lớn lên anh sẽ không thèm đi nhà thờ. Anh tin là tự mình cũng tìm được đường lên thiên đàng.”

“Anh sẽ phải đi tới nơi khác nếu không cư xử đúng đắn vào ngày Chủ nhật,” Dora buồn bã đi theo anh trai dù chẳng muốn chút nào.

Nhưng Davy không sợ - vẫn chưa sợ. Địa ngục còn xa lắm, mà niềm vui thích của chuyến đi câu cá với đám trẻ nhà Cotton lại rất gần. Cậu ước gì Dora gan dạ hơn chút xíu. Cô bé hờ chút lại ngoái đầu lại như sắp òa lên khóc, mà vậy thì còn vui gì nữa. Dù sao thì đám con gái toàn là đồ vô tích sự. Lần này thì Davy không chửi thề “chết tiệt” nữa, dẫu là trong ý nghĩ. Cậu không cảm thấy có lỗi - vẫn chưa - vì đã nói câu đó ra miệng, nhưng có lẽ không nên xúc phạm các đấng quyền lực vô hình quá nhiều lần trong một ngày.

Đám nhóc nhà Cotton đang chơi ở sân sau, chào đón sự xuất hiện của Davy bằng những tiếng hò reo nhiệt tình.

Chỉ có Pete, Tommy, Adolphus và Mirabel Cotton ở nhà. Mẹ và các chị gái chúng đi vắng. Dora ít nhất cũng cảm thấy an ủi khi thấy Mirabel có mặt. Cô bé sợ chỉ có một

mình giữa một bầy con trai. Mirabel cũng gần tẹt như một thằng bé - nó ồn ào rầm rập và liều lĩnh. Nhưng ít nhất nó cũng mặc váy.

“Chúng tớ đến đi câu cá đây,” Davy tuyên bố.

“Hoan hô,” đám trẻ nhà Cotton gào lên. Lập tức cả bọn đổ xô đi đào giun, Mirabel dẫn đầu cầm một hộp thiếc. Dora ước gì có thể ngồi xuống mà òa lên khóc. Ôi, giá như thằng Frank Bell đáng ghét đừng có hôn cô! Vậy thì cô bé đã có thể bắt chặp Davy và đi học trường giáo lý yêu quý của mình.

Đương nhiên, đám nhóc không dám đi câu ở ao, vì những người đi nhà thờ có thể nhìn thấy. Chúng đành phải đi đến con suối trong rừng phía sau nhà Cotton. Nhưng suối đó đầy cá hồi, và cả đám đã có một buổi sáng hết sức thú vị - ít nhất thì đám trẻ nhà Cotton chắc chắn là tận hưởng rất đã chuyển đi câu, và Davy dường như cũng rất vui vẻ. Vẫn chưa bắt cần mọi sự, cậu cất giày và tất của mình đi và mượn áo khoác của Tommy Cotton. Ăn mặc như thế thì bùn, đầm lầy và cây bụi chẳng có gì đáng sợ cả. Dora thực sự vô cùng khốn khổ và bề ngoài của cô bé cho thấy điều đó. Cô bé lẻo đẻo theo sau cuộc hành trình của đám bạn từ cái hồ này sang cái hồ khác, tay siết chặt Kinh thánh và bài học hàng quý, tâm hồn cay đắng nghĩ tới lớp học thân thương mà lẽ ra cô đang được tham dự và lắng nghe cô giáo yêu quý. Thay vào đó, giờ đây cô bé lang thang trong rừng với đám nhóc Cotton gần như man rợ, cố gắng giữ sạch đôi bốt và tránh cho chiếc váy trắng đẹp không bị rách và vấy bẩn. Mirabel đề nghị cho mượn tạp dề nhưng Dora đã cao ngạo từ chối.

Đám cá hồi cắn câu nhiều như mọi ngày Chủ nhật khác. Trong một giờ đám nhóc tội lỗi đã câu đủ số cá mong muốn, thế là chúng kéo về nhà, khiến Dora thở phào nhẹ nhõm. Cô bé ngồi ngay ngắn trên cái chuồng gà ngoài sân trong khi đám trẻ om sòm chơi trò đuổi bắt; rồi cả bọn trèo lên nóc chuồng lợn khắc tên mình lên xà ngang. Chuồng gà mái bằng và đồng rơm bên dưới giúp Davy nghĩ ra một trò mới. Đám trẻ dành cả nửa giờ hớn hờ leo lên mái chuồng rồi trượt xuống đồng rơm giữa những tiếng hò reo và la hét.

Nhưng mọi trò vui, dẫu là bất chính, cũng đến lúc phải kết thúc. Khi tiếng bánh xe lạo xạo vang lên trên cây cầu băng qua ao ra hiệu mọi người đang đi nhà thờ về, Davy biết hai đứa phải quay về nhà. Cậu cởi phăng áo khoác của Tommy, mặc vào trang phục hợp pháp của mình và ngoảnh mặt khỏi xâu cá hồi câu được với một tiếng thở dài náo nức. Đừng hòng mơ đến chuyện xách cá về nhà.

“Ôi chao, chơi đã đòi quá đi mất, phải không?” cậu ngang ngạnh hỏi khi hai đứa đi xuống đồi.

“Em thì không,” Dora thẳng thừng đáp trả. “Và em không tin anh vui vẻ thực sự, thế đấy,” cô bé nói thêm với một thoáng sáng suốt bất ngờ.

“Anh vui chứ,” Davy kêu lên nhưng với giọng khá là miễn cưỡng. “Em không vui cũng phải thôi - cứ ngồi yên ở đó như một - như một con la.”

“Em chẳng đòi nào thèm chơi với đám trẻ nhà Cotton,” Dora đáp với giọng trịch thượng.

“Đám nhà Cotton chơi được lắm,” Davy bật lại. “Và tụi nó sống vui vẻ hơn mình nhiều. Tụi nó muốn làm gì thì làm, nói gì thì nói trước mặt mọi người. Kể từ giờ, anh cũng sẽ làm y như vậy.”

“Có rất nhiều điều anh sẽ không dám nói trước mặt mọi người,” Dora quả quyết.

“Không, không hề.”

“Có chứ. Liệu anh,” Dora trịnh trọng hỏi, “liệu anh có dám nói chữ ‘mèo đực’ trước mặt mục sư không?”

Đây đúng là một cú nốc ao. Davy không ngờ bị hỏi một ví dụ cụ thể về chuyện tự do ngôn luận như vậy. Nhưng trước mặt Dora thì không cần giả vờ kiên định làm gì.

“Đương nhiên là không rồi,” cậu xịu mặt thừa nhận. “‘Mèo đực’ không phải là một từ thiêng. Dù sao thì anh sẽ chẳng bao giờ nhắc tới loại động vật đó trước mặt mục sư.”

“Nhưng nếu anh phải làm vậy thì sao?” Dora truy đến cùng.

“Anh sẽ gọi nó là mèo con trai,” Davy đáp.

“Em nghĩ gọi là ‘quý ông mèo’ thì lịch sự hơn,” Dora trầm ngâm.

“Em cũng biết nghĩ á!” Davy bật lại với vẻ khinh thường ra mặt.

Davy đang cảm thấy không thoải mái, mặc dù cậu thà chết chứ không thừa nhận với Dora. Bây giờ khi niềm vui sướng bốc đồng trốn học đã trôi đi, lương tâm cậu bắt đầu cắn rứt. Nói cho cùng, có lẽ đi học trường giáo lý và đến nhà thờ mới là phải lẽ. Bà Lynde khá độc đoán; nhưng tủ bếp của bà luôn có sẵn một hộp bánh quy và bà không hề keo kiệt tí nào. Tại thời điểm khá là không phù hợp này, Davy nhớ ra chuyện mình làm rách cái quần đi học tuần trước, bà Lynde đã vá lại rất khéo mà không hề mách bà Marilla.

Nhưng lý tội lỗi của Davy vẫn chưa đầy đặn. Cậu sắp phát hiện ra cần phạm thêm tội lỗi để che đậy tội lỗi mình đã phạm. Hôm đó hai đứa ăn trưa với bà Lynde và câu đầu tiên bà hỏi Davy là:

“Cả lớp cháu đều đến trường giáo lý ngày hôm nay chứ?”

“Dạ,” Davy nuốt nước bọt. “Tất cả - trừ một đứa.”

“Thế cháu có đọc câu ghi nhớ và câu hỏi giáo lý không?”

“Dạ có.”

“Thế cháu có quyên tiền không?”

“Dạ có.”

“Thế bà Malcolm MacPherson có đi nhà thờ không?”

“Cháu không biết.” Câu trả lời này, ít nhất, là sự thật, Davy đáng thương nghĩ bụng.

“Thế có thông báo họp mặt hội từ thiện tuần tới không?”

“Dạ có.” - câu trả lời run run.

“Còn hội họp cầu nguyện thì sao?”

“Cháu... cháu không biết.”

“Cháu phải biết chứ. Cháu phải chăm chú lắng nghe các thông báo mới đúng. Ông Harvey chọn giảng về đoạn nào trong Kinh thánh?”

Davy hốt hoảng hớp một hớp nước và nuốt vội cùng với lời kháng nghị cuối cùng của lương tâm. Cậu liến thoắng đọc một câu ghi nhớ cũ học từ mấy tuần trước. May mắn thay bà Lynde ngừng đặt câu hỏi ở đây; nhưng Davy chẳng thấy bữa ăn trưa có gì ngon lành nữa.

Cậu chỉ có thể nuốt nổi một phần bánh pudding.

“Chuyện gì xảy ra với cháu vậy?” bà Lynde có lý do để ngạc nhiên. “Cháu mệt sao?”

“Không mà,” Davy lí nhí.

“Nhìn cháu xanh xao đấy. Cháu nên tránh phơi nắng chiều nay,” bà Lynde trách.

“Anh có biết đã nói dối bà Lynde bao nhiêu lần rồi không?” Dora hỏi đầy trách móc ngay sau khi hai đứa bé ở một mình với nhau sau bữa trưa.

Davy, bị dẫn vật đến tuyệt vọng, bật lại đầy quyết liệt.

“Anh không biết và cũng không quan tâm,” cậu nói. “Em im đi, Dora Keith.”

Sau đó Davy đáng thương tự giấu mình trong góc khuất đằng sau đồng củi để ngẫm nghĩ về con đường dẫn đến sự sa ngã của mình.

Chái Nhà Xanh đã chìm trong bóng tối và tĩnh lặng khi Anne về đến nhà. Cô lập tức trèo lên giường vì đã rất mệt mỏi và buồn ngủ. Có vài cuộc vui tổ chức ở Avonlea vào tuần đó đều kết thúc khá trễ. Anne đã nửa tỉnh nửa mê trước khi đầu kịp chạm vào gối; nhưng ngay lúc ấy cửa phòng cô mở ra nhẹ nhàng và một giọng van vỉ gọi tên cô, “Cô Anne ơi.”

Anne ngồi dậy ngái ngủ.

“Davy, là cháu sao? Có chuyện gì vậy?” Một bóng trắng lướt qua sàn và nhảy lên giường.

“Cô Anne ơi,” Davy nức nở choàng tay qua cổ cô. “Cháu mừng khủng khiếp khi cô về nhà. Cháu không thể đi ngủ được cho đến khi nói được với ai đó.”

“Nói chuyện gì nào?”

“Chuyện cháu đau khổ thế nào.”

“Tại sao cháu lại đau khổ vậy, bé cưng?”

“Vì hôm nay cháu hư lắm, cô Anne ơi. Ôi, cháu hư khủng khiếp - chưa bao giờ cháu hư như thế.”

“Cháu làm gì nào?”

“Ôi, cháu không dám nói với cô. Cô sẽ không bao giờ thương cháu nữa, cô Anne ơi. Đêm nay cháu không cầu nguyện được. Cháu không thể kể với Chúa những gì cháu đã làm. Cháu xấu hổ không dám cho Người biết.”

“Nhưng dù sao thì Người cũng biết mà, Davy.”

“Dora cũng nói thế. Nhưng cháu nghĩ có thể lúc đó Người không kịp để ý. Dù sao, cháu vẫn muốn kể cho cô nghe trước.”

“Cháu đã làm những gì nào?”

Giờ thì mọi chuyện tuôn ra tất tần tật.

“Cháu trốn học trường giáo lý - và đi câu cá với bọn trẻ nhà Cotton - và nói xạo rất nhiều với bà Lynde - ôi! Ít nhất nửa tá lời nói xạo - và... và... cháu... cháu chửi thề, cô Anne ơi - chỉ là một từ khá gần với chửi thề - và cháu nói xấu Chúa.”

Tiếp đến là im lặng. Davy không hiểu thế là thế nào. Liệu cô Anne có quá sốc đến mức không thèm nói chuyện với cậu nữa không?

“Cô Anne ơi, cô sẽ phạt cháu thế nào?” cậu thì thầm.

“Không gì cả, bé cưng. Cháu đã bị trừng phạt rồi, cô nghĩ thế.”

“Không, chưa mà. Chả ai làm gì cháu cả.”

“Cháu đã hết sức buồn bã kể từ khi làm sai, phải không?”

“Chứ còn gì nữa!” Davy nhấn mạnh.

“Đấy là lương tâm của cháu trừng phạt cháu đấy, Davy.”

“Lương tâm là gì? Cháu muốn biết.”

“Nó là một thứ trong người cháu, Davy à, luôn luôn nhắc nhở cháu mỗi khi cháu làm sai và làm cho cháu khó chịu nếu cháu cứ tiếp tục phạm lỗi. Cháu không để ý thấy vậy sao?”

“Có, nhưng cháu không biết đó là lương tâm. Ước gì cháu không có lương tâm nhỉ. Cháu sẽ tha hồ mà chơi cho sướng. Lương tâm của cháu ở đâu vậy hở cô Anne? Cháu muốn biết. Trong dạ dày cháu à?”

“Không, nó nằm trong tâm hồn của cháu,” nhờ bóng tối, Anne vẫn giữ được vẻ nghiêm túc cần có trong những trường hợp quan trọng thế này.

“Cháu nghĩ là cháu không tổng khứ nó đi được rồi,” Davy thở dài. “Cô sẽ mách bà Marilla và bà Lynde phải không cô Anne?”

“Không, bé cưng à, cô sẽ không kể với bất cứ ai đâu. Cháu hối hận vì đã không nghe lời rồi, phải không?”

“Chứ còn gì nữa!”

“Và cháu sẽ không bao giờ hư như vậy nữa nhé.”

“Không, nhưng...” Davy thận trọng nói thêm, “cháu có thể hư theo kiểu khác.”

“Cháu sẽ không nói những từ xấu, trốn học ngày Chủ nhật, hoặc nói dối để trốn tội nữa chứ?”

“Không đâu. Chẳng đáng giá chút nào,” Davy đáp.

“Ừ, Davy, chỉ cần nói với Chúa rằng cháu rất hối hận và xin Người tha thứ cho cháu là xong.”

“Thế cô có tha thứ cho cháu không hở cô Anne?”

“Có chứ, bé cưng.”

“Vậy thì,” Davy vui sướng thốt lên, “cháu chẳng quan tâm chuyện Chúa có tha thứ cho cháu hay không nữa.”

“Davy!”

“Ôi - cháu sẽ xin Người - cháu sẽ xin Người,” Davy vội nói, trèo ra khỏi giường, qua giọng của Anne, cậu nghĩ mình đã nói điều gì đó rất khủng khiếp. “Cháu không ngại cầu xin Người đâu, cô Anne ạ. Xin Chúa, con hối hận khủng khiếp vì đã hư vào ngày hôm nay và con sẽ cố gắng để luôn luôn ngoan ngoãn vào ngày Chủ nhật và xin vui lòng tha thứ cho con. Được chưa cô Anne.”

“Ừ, bây giờ thì chạy nhanh đi ngủ như một cậu bé ngoan đi.”

“Được rồi. Nay, cháu không còn cảm thấy đau khổ nữa đâu. Cháu cảm thấy rất vui. Ngủ ngon nhé.”

“Ngủ ngon.”

Anne trượt xuống gối với một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Ôi, cô buồn ngủ đến nhường nào! Chỉ một giây sau đó...

“Cô Anne ơi!” Davy đã trở lại bên cạnh giường cô.

Anne cố mở mắt ra.

“Lại gì nữa hả bé cưng?” cô hỏi, cố gắng tránh không để lộ sự bực bội.

“Cô Anne ơi, cô có để ý thấy ông Harrison nhổ nước bọt giỏi thế nào không? Cô nghĩ nếu cháu tập luyện chăm chỉ, cháu có thể nhổ nước bọt như ông ấy được không?” Anne ngồi dậy.

“Davy Keith,” cô nói, “đi thẳng vào giường và đừng để cô bắt gặp cháu ló đầu ra khỏi giường lần nào nữa trong tối nay! Đi nào, ngay lập tức!”

Davy vội rời đi không dám cãi lệnh cô.

Chương 14: Lời gọi của Chúa

Anne ngồi với Ruby Gillis trong vườn nhà Gillis sau khi ngày đã rón rén lướt qua rồi biến mất. Đó là một buổi chiều hè ấm áp mơ màng. Thế giới rực rỡ với đủ các loài hoa. Sương mờ bảng lảng khắp những thung lũng nhàn rỗi. Nẻo rừng được những bóng râm tô điểm, hoa cúc tây tím ngát phủ khắp cánh đồng.

Anne từ bỏ chuyến đi chơi dưới ánh trăng đến bờ biển White Sands để ở lại suốt buổi tối với Ruby. Cô đã trải qua nhiều buổi tối mùa hè như vậy, mặc dù cô thường tự hỏi làm vậy có ích gì, và đôi khi trở về nhà, quyết định rằng cô không thể đến thăm bạn một lần nào nữa.

Ruby càng lúc càng tái nhợt khi mùa hè ứa tàn; cô không nhận dạy ở trường White Sands nữa - “cha cô nghĩ tốt nhất cô không nên đi dạy trước năm mới” - và món đồ thêu cô ưa thích càng lúc càng hay rời khỏi đôi tay đã trở nên quá mệt mỏi. Nhưng cô luôn luôn vui vẻ, luôn luôn hy vọng, luôn luôn huyền thuyên tâm sự về các chàng trai theo đuổi, về những ganh đua và thất vọng của họ. Điều này khiến cho những cuộc viếng thăm trở nên khó chịu đối với Anne. Những gì từng là ngó ngẩn hay buồn cười giờ trở nên khủng khiếp, chẳng khác gì thần chết đang lấp ló sau lớp mặt nạ cuộc sống găng sức đeo lên. Nhưng Ruby dường như càng trở nên phụ thuộc vào cô và chỉ cho cô về khi cô hứa sẽ sớm quay lại. Bà Lynde làu bàu phàn nàn khi Anne đến thăm bạn quá thường xuyên, và tuyên bố cô sẽ bị lây bệnh phổi cho mà xem; ngay cả bà Marilla cũng bị dao động.

“Mỗi lần đến thăm Ruby về, trông cháu có vẻ khá mệt mỏi,” bà nhận xét.

“Thật buồn và đáng sợ,” Anne hạ giọng. “Ruby dường như chẳng hề nhận ra bệnh trạng của mình. Thế nhưng không hiểu sao cháu lại cảm thấy bạn ấy cần giúp đỡ - khát khao được giúp đỡ - cháu muốn giúp bạn ấy nhưng không thể. Suốt thời gian bên bạn ấy, cháu cảm thấy như đang nhìn bạn ấy vật lộn với một kẻ thù vô hình, cố đẩy lùi nó bằng tất cả sức lực yếu ớt mà bạn ấy có. Đó là lý do tại sao cháu lại có vẻ mệt mỏi mỗi khi về nhà.”

Nhưng đêm nay Anne không cảm thấy điều đó một cách rõ rệt nữa. Ruby yên lặng một cách kỳ lạ. Cô chẳng đề cập một tiếng nào về các bữa tiệc, cuộc đi dạo, áo váy và các “chàng trai”. Cô nằm trên võng, khung thêu hững hờ để bên người, một tấm khăn

choàng trắng khoác quanh bờ vai mảnh mai. Những bím tóc dài vàng óng của cô - ôi, Anne từng biết bao ghen tỵ với những bím tóc tuyệt đẹp đó thời còn đi học! - buông thõng hai bên. Cô đã rút các ghim cài đầu ra - chúng làm đầu cô bị đau, cô nói vậy. Sắc đỏ viêm phổi tạm thời rời đi, khiến cô có vẻ xanh xao và nhỏ bé.

Mặt trăng nhô lên trên bầu trời ánh bạc, khiến vầng mây bao quanh sáng lên màu ngọc trai. Bên dưới, hồ nước lấp lánh trong ánh trăng huyền ảo. Bên ngoài khu đất nhà Gillis là nhà thờ cùng với nghĩa địa cũ kể bên. Ánh trăng chiếu sáng những bia đá trắng, khiến chúng nổi bật rõ ràng trên nền hàng cây tối sẫm đằng sau.

“Nghĩa địa dưới ánh trăng trông lạ biết bao!” Ruby đột nhiên lên tiếng. “Thật ma quái!” cô rùng mình. “Anne à, giờ thì chẳng còn bao lâu nữa tớ sẽ ra nằm ở đó. Cậu, Diana và tất cả những người còn lại vẫn sẽ tiếp tục cuộc sống, tràn đầy sinh khí - và tớ sẽ nằm đó - trong nghĩa địa cũ - chết cứng!”

Câu nói bất ngờ đó làm Anne sững sờ. Trong thoáng chốc cô không thể thốt nên lời.

“Cậu biết rồi mà, phải không?” Ruby khẳng khẳng.

“Ừ, tớ biết,” Anne hạ giọng đáp. “Ruby thân mến, tớ biết rồi.”

“Tất cả mọi người ai cũng biết cả,” Ruby cay đắng thốt lên. “Tớ biết chứ - tớ biết chuyện đó suốt mùa hè rồi, dẫu tớ cương quyết không đầu hàng. Và, ôi, Anne ơi” - cô vươn người kích động nắm chặt tay Anne, nói như van vỉ - “tớ không muốn chết. Tớ sợ chết.”

“Tại sao cậu lại sợ hãi Ruby?” Anne lặng lẽ hỏi.

“Bởi vì... vì... ôi, tớ không sợ vì chuyện đi đến thiên đàng, Anne ạ. Tớ là thành viên của nhà thờ mà. Nhưng... tất cả sẽ rất khác. Tớ hết nghĩ này - lại nghĩ nọ - và rồi tớ trở nên sợ hãi - và... và... nhớ nhà. Thiên đàng hẳn là rất đẹp, đương nhiên rồi, Kinh Thánh nói như vậy mà - nhưng, Anne ơi, nó không phải là nơi tớ từng quen thuộc.”

Tâm trí Anne chợt lảng đi nhớ tới một câu chuyện buồn cười Philippa Gordon từng kể - chuyện về một ông già nào đó từng nói y hệt như vậy về thế giới tương lai. Lúc ấy nó có vẻ khá buồn cười - cô nhớ mình và Priscilla đã phá lên cười thế nào. Nhưng giờ thì câu nói đó chẳng có chút gì đáng cười khi thốt lên từ đôi môi tái nhợt run rẩy của Ruby. Thật buồn bã, bi thảm - và chân thật! Thiên đường không phải là nơi Ruby từng quen thuộc. Chẳng có gì trong cuộc sống vui vẻ phù phiếm hay trong những lý tưởng và nguyện vọng nông cạn của cô có thể giúp cô thích ứng với sự thay đổi lớn ấy, làm cho cuộc sống nơi thiên đàng trở nên bớt xa lạ, bớt chán ngán và không thực. Anne bất lực tự hỏi nên nói gì để giúp bạn. Cô có thể nói được điều gì đây? “Tớ nghĩ thế này, Ruby à,” cô ngần ngừ mở lời - bởi thật khó khăn cho Anne khi nói thành lời những suy nghĩ sâu thẳm trong trái tim, hoặc diễn đạt những ý tưởng mới đang chậm rãi hình thành trong tâm trí cô, về những bí ẩn vĩ đại của cuộc sống ở hiện tại và tương lai, khác hẳn tất cả những khái niệm ngây thơ thuở bé, và điều khó khăn nhất là truyền đạt chúng cho một người như Ruby Gillis - “tớ nghĩ rằng, có lẽ, những ý tưởng về thiên đàng của chúng ta là rất sai lầm - thiên đàng là gì và chúng ta có thể trông đợi được gì ở đó. Tớ không cho rằng nơi đó sẽ quá khác biệt với cuộc sống trên trái đất như đa số chúng ta hay tưởng tượng. Tớ tin rằng chúng ta sẽ tiếp tục sống, cuộc sống khá là giống cuộc sống hiện thời - và vẫn là chính bản thân mình - chỉ có điều, sẽ dễ dàng sống tốt hơn, và vươn tới tầm cao nhất. Tất cả mọi trở ngại và rắc rối sẽ được dẹp sạch, và chúng ta sẽ thấy rõ ràng mọi thứ. Đừng sợ, Ruby ạ.”

“Tớ không thể không sợ được,” Ruby thốn thức. “Cho dù những gì cậu nói về thiên đàng đều là thật - và cậu không thể chắc chắn mình hoàn toàn đúng - đấy có thể chỉ là trí tưởng tượng của cậu - cuộc sống nơi đó sẽ không hệt như xưa. Không thể nào. Tớ muốn tiếp tục sống ở đây. Tớ còn quá trẻ, Anne ạ. Tớ chưa sống hết cuộc đời của mình. Tớ chiến đấu hết sức vất vả để tiếp tục sống - nhưng chẳng có ích gì - tớ phải chết - và rời bỏ tất cả mọi thứ tớ yêu quý.” Anne ngồi đó chìm đắm trong nỗi đau không sao chịu đựng được. Cô không thể thốt ra những lời nói dối thiện ý; và tất cả những gì Ruby nói đều là một sự thật khủng khiếp. Cô quả thực phải rời bỏ mọi thứ mà cô yêu quý. Cô đã đặt mọi thứ mình trân quý lên mặt đất này; cô sống chỉ vì những điều nhỏ nhoi của cuộc sống - sẽ trôi qua theo thời gian - mà quên đi những thứ tuyệt vời sẽ tiếp tục vĩnh cửu, làm thành cầu nối giữa hai cuộc sống và giúp cho cái chết chỉ tựa như đi từ nơi ở này sang nơi ở khác - từ ánh chạng vạng đến bình minh rực nắng. Nơi ấy Thiên Chúa sẽ chăm lo cho cô - Anne tin là thế - Ruby sẽ trưởng thành - nhưng bây giờ đây, rõ ràng là linh hồn của cô bám chặt vào những thứ duy nhất mà cô hiểu và yêu thương, một cách mù quáng và bất lực.

Ruby tì tay nhóm dậy và ngẩng đôi mắt xanh lơ tươi sáng mỹ lệ nhìn lên bầu trời lấp lánh ánh trắng.

“Tớ muốn sống,” cô nói, giọng run rẩy. “Tớ muốn sống như các cô gái khác. Tớ... tớ muốn kết hôn, Anne ạ - và... và... sinh những đứa con. Cậu biết tớ luôn luôn yêu quý trẻ con mà, Anne. Tớ không thể nói điều này với bất kỳ ai, trừ cậu. Tớ biết cậu hiểu. Và còn Herb đáng thương nữa - anh ấy... anh ấy yêu tớ và tớ yêu anh ấy, Anne ạ. Những người khác chẳng có ý nghĩa gì với tớ, nhưng anh ấy thì khác - và nếu tớ còn sống tớ sẽ là vợ anh ấy và hạnh phúc biết bao. Ôi, Anne, thật khó khăn quá.”

Ruby lại buông mình xuống gối và thốn thức không sao kìm nén được. Anne nắm chặt tay bạn trong nỗi thống khổ đầy cảm thông - sự cảm thông thâm lắng, có lẽ giúp được Ruby nhiều hơn những lời sáo rỗng lấp bắp; vì giờ đây cô đã bình tĩnh hơn và những giọt nước mắt đã ngừng rơi.

“Tớ mừng vì đã nói điều này với cậu, Anne ạ,” cô thì thầm. “Chỉ nói ra hết thôi cũng giúp được tớ nhiều lắm. Suốt mùa hè này, tớ rất muốn nói ra - mỗi khi cậu đến chơi. Tớ muốn tâm sự với cậu - nhưng tớ không thể. Dường như cái chết sẽ trở nên chắc chắn hơn nếu tớ nói rằng mình sắp chết, hay nếu bất kỳ ai nhắc tới hay gợi ý tới nó. Tớ không muốn nhắc tới, hoặc thậm chí nghĩ tới nó. Ban ngày, khi có mọi người vây quanh và tất cả mọi thứ đều thật vui vẻ, chẳng mấy khó khăn để tránh nghĩ tới cái chết. Nhưng đêm đến, khi tớ không ngủ được - cảm giác rất đáng sợ, Anne ạ. Khi đó, tớ không thể thoát khỏi nó. Thần chết cứ đến và nhìn chăm chăm vào mặt tớ cho đến khi tớ sợ đến mức muốn gào lên.”

“Nhưng giờ thì cậu sẽ không sợ hãi nữa, phải không Ruby? Cậu sẽ dũng cảm, và tin rằng mọi thứ sẽ tốt đẹp thôi.”

“Tớ sẽ thử. Tớ sẽ suy nghĩ về những gì cậu đã nói, và cố gắng tin vào chúng. Và cậu sẽ thường xuyên đến chơi những lúc có thể, phải không Anne?”

“Ừ, bạn yêu dấu ạ.”

“Sẽ... sẽ không còn bao lâu nữa đâu, Anne ạ. Tớ chắc chắn mà. Và tớ muốn gặp cậu hơn bất kỳ ai khác. Tớ luôn luôn thích cậu nhất trong tất cả các cô gái từng học chung. Cậu chẳng bao giờ ghen tỵ, ích kỷ, như một vài người khác. Em White tội nghiệp đến thăm tớ hôm qua. Cậu có nhớ Em và tớ từng chơi thân suốt ba năm rờng thời đi học không? Và rồi bọn tớ cãi nhau dịp trường tổ chức buổi hòa nhạc. Kể từ đó bọn tớ chả thèm nói chuyện với nhau. Ngớ ngẩn quá phải không. Giờ đây những thứ như thế thật ngớ ngẩn quá. Nhưng hôm qua Em và tớ đã làm hòa ngay. Cậu ấy nói lẽ

ra cậu ấy làm hòa từ nhiều năm trước rồi, chỉ có điều cậu ấy nghĩ rằng tớ sẽ không đồng ý. Và tớ không bao giờ nói chuyện với cậu ấy bởi vì tớ chắc chắn là cậu ấy sẽ không nói chuyện với tớ. Người ta hiểu lầm nhau nhiều lúc thật kỳ lạ phải không Anne?”

“Hầu hết các vấn đề trong cuộc sống đều bắt nguồn từ sự hiểu lầm, tớ nghĩ thế,” Anne đáp. “Giờ tớ phải đi đây, Ruby. Trễ rồi - và cậu không nên dầm sương.”

“Cậu sẽ lại đến thăm tớ sớm nhé.”

“Ừ, sớm thôi. Và nếu có bất cứ điều gì tớ có thể làm để giúp cậu, tớ sẽ rất sẵn lòng.”

“Tớ biết. Cậu đã giúp tớ rồi. Giờ thì chẳng có gì quá sức kinh khủng nữa. Ngủ ngon nhé, Anne.”

“Ngủ ngon, bạn thân yêu.”

Anne chậm chậm đi bộ về nhà dưới ánh trăng. Buổi tối hôm nay đã thay đổi điều gì đó trong cô. Cuộc sống nhuộm một ý nghĩa mới, một mục đích sâu sắc hơn. Bề ngoài thì nó vẫn tiếp tục y như cũ; nhưng nơi sâu thẳm nhất đã được khuấy động. Sau này cô sẽ không thể giống như Ruby phù phiếm đáng thương. Khi đi tới cuối cuộc đời này, cô sẽ không để mình đối diện với cuộc sống tiếp theo trong nỗi khủng hoảng đến co rúm người trước thứ gì đó hoàn toàn xa lạ - thứ mà những suy nghĩ, lý tưởng và khát vọng thường ngày không thể giúp cô thích nghi được. Những điều nhỏ nhặt của cuộc sống, dầu từng cái đều ngọt ngào và tuyệt vời, không phải là mục đích sống; chúng ta luôn phải tìm kiếm và vươn tới những lý tưởng cao thượng nhất; cuộc sống nơi thiên đàng phải được bắt đầu ngay từ trên trái đất này.

Lời chào tạm biệt trong khu vườn nhà Ruby cũng là lời vĩnh biệt. Anne không bao giờ gặp lại Ruby lần nào nữa. Đêm hôm sau, Hội Cải tạo Làng quê tổ chức tiệc chia tay với Jane Andrews trước khi cô này khởi hành đi miền Tây. Và, trong khi những đôi chân nhẹ nhàng nhảy múa, những đôi mắt lấp lánh khúc khích cười và những cuộc nói chuyện tầm xàm diễn ra vui vẻ, một linh hồn ở Avonlea nhận được lời gọi không thể nào bỏ qua hay né tránh. Sáng hôm sau, tin đồn truyền từ nhà này sang nhà nọ rằng Ruby Gillis đã qua đời. Cô đã ra đi trong giấc ngủ, không đau đớn và

bình thản, và khuôn mặt cô đọng lại một nụ cười - cứ như cuối cùng, thần chết đã đến như một người bạn tốt bụng, dẫn cô qua ngưỡng cửa, thay vì bóng ma xám xịt mà cô từng sợ hãi.

Bà Rachel Lynde nhấn mạnh sau lễ tang rằng Ruby Gillis là thi hài đẹp nhất mà bà từng thấy. Về mỹ lệ của cô, khi cô nằm đó, mặc tuyền một màu trắng, giữa những bông hoa thanh tú mà Anne đặt xung quanh, được nhớ đến và nhắc tới trong nhiều năm liền ở Avonlea. Ruby vẫn luôn xinh đẹp; nhưng sắc đẹp của cô thuộc về trái đất này, quá trần tục; có vẻ gì đó láo xược như thể đang cố khoe khoang trước mắt người nhìn; linh hồn chưa bao giờ chiếu sáng lấy nó, trí tuệ chưa bao giờ tôi luyện nó. Nhưng thần chết đã chạm vào sắc đẹp của cô và thần thánh hóa sắc đẹp đó, rút ra những hình mẫu tao nhã và đường nét tinh khiết chưa bao giờ được nhìn thấy khi trước - những điều mà cuộc sống, tình yêu, nỗi buồn to lớn và niềm vui sâu sắc của người phụ nữ trưởng thành có thể sẽ mang đến cho Ruby nếu cô còn sống. Anne, qua làn nước mắt, nhìn xuống người bạn chơi cùng thuở thơ ấu, nghĩ rằng mình đã thấy được gương mặt mà Thiên Chúa muốn ban cho Ruby, và luôn luôn nhớ đến bạn với gương mặt ấy.

Bà Gillis gọi Anne vào một căn phòng trống trước khi đám tang rời nhà, và đưa cho cô một gói nhỏ.

“Ta muốn cháu giữ cái này,” bà nức nở. “Ruby hẳn là muốn tặng cho cháu. Đó là tấm lót bàn thêu ren mà nó đang làm dở. Vẫn chưa hoàn thành đâu - kim khâu vẫn còn cắm như khi những ngón tay nhỏ bé yếu ớt của nó đặt xuống lần cuối cùng, buổi chiều trước khi nó qua đời.”

“Lúc nào cũng có việc gì đó dở dang còn sót lại,” bà Lynde thốt lên nước mắt rưng rưng. “Nhưng tôi cho rằng luôn luôn có ai đó tiếp tục hoàn thành phần dang dở ấy.”

“Thật khó khăn biết bao khi ý thức được một người mà chúng ta thật quen thuộc lại có thể thực sự ra đi,” Anne nói khi cùng đi về nhà với Diana. “Ruby là bạn học đầu tiên của chúng ta ra đi. Từng người một, sớm hay muộn, tất cả chúng ta sẽ phải nổi gót.”

“Ừ, tớ cũng nghĩ thế,” Diana hơi lúng túng. Cô không muốn nói về điều đó. Cô thích bàn tán về các chi tiết của đám tang hơn - chiếc hòm bọc nhung trắng lộng lẫy mà ông Gillis đòi bằng được cho Ruby - “nhà Gillis lúc nào cũng phô trương khoe của,

ngay cả trong đám tang,” bà Rachel Lynde đã tuyên bố - khuôn mặt buồn bã của Herb Spencer, nỗi đau cuồng loạn không kiểm soát nổi của một trong các em gái Ruby - nhưng Anne không chịu nói về những việc này. Dường như cô chìm đắm trong một cơn mơ khiến Diana cảm thấy thật cô đơn khi chẳng thể thấu hiểu và chia sẻ.

“Ruby Gillis là một cô gái vui tính thích cười,” Davy đột nhiên lên tiếng. “Nơi thiên đàng cô ấy có cười nhiều như ở Avonlea không hở cô Anne? Cháu muốn biết.”

“Ừ, cô nghĩ rằng Ruby sẽ cười rất nhiều,” Anne đáp.

“Ôi, Anne,” Diana phản đối với một nụ cười khá gượng.

“À, sao lại không chứ, Diana?” Anne nghiêm túc hỏi. “Cậu nghĩ rằng chúng mình sẽ không bao giờ cười nơi thiên đàng sao?”

“Ồ... tớ... tớ không biết,” Diana lắp bắp. “Dường như không ổn lắm thì phải. Cậu biết đấy, cười to trong nhà thờ thì thật là kỳ cục.”

“Nhưng thiên đàng sẽ không giống như nhà thờ mà - ít nhất là không phải luôn luôn giống,” Anne phản bác.

“Cháu hy vọng thiên đàng không giống nhà thờ,” Davy nhấn mạnh. “Nếu giống thì cháu chẳng đi đâu. Nhà thờ chán đến phát khiếp được. Dù sao thì cháu còn lâu lâu lắm mới đi đến đó. Cháu định sống ít nhất là một trăm tuổi, như ông Thomas Blewett ở White Sands ấy. Ông ấy nói rằng mình sống rất lâu vì hay hút thuốc, thuốc lá giết sạch hết vi trùng. Cháu có thể hút thuốc sớm được không hở cô Anne?”

“Không, Davy ạ, cô hy vọng cháu sẽ không bao giờ sử dụng thuốc lá,” Anne lơ đãng đáp.

“Vậy thì cô sẽ cảm thấy thế nào nếu đám vi trùng giết chết cháu đây?” Davy hỏi.

Chương 15: Giấc mơ đảo lộn

“Chỉ một tuần nữa thôi là bọn mình quay trở lại Redmond rồi,” Anne nói. Cô rất vui khi nghĩ đến chuyện trở về học tập, với lớp học và bạn bè ở Redmond. Những giấc mơ đầy thú vị quanh Nhà Patty cũng được dệt nên. Chỉ cần nghĩ đến nơi đó thôi là cô đã có cảm giác ấm cúng dễ chịu của tổ ấm rồi, dù cô vẫn chưa hề sống ở đó ngày nào.

Nhưng mùa hè này cũng là một mùa hè hết sức hạnh phúc - một khoảng thời gian vui sống dưới ánh dương và bầu trời mùa hạ, tha hồ tận hưởng thú làng quê lành mạnh; làm mới và thắt chặt thêm tình bạn; giúp cô học cách sống cao thượng hơn, làm việc kiên nhẫn hơn, vui chơi nhiệt tình hơn.

“Bài học cuộc sống không chỉ được học ở trường đại học,” cô nghĩ bụng. “Cuộc đời dạy ta ở khắp mọi nơi.”

Nhưng chao ôi, tuần cuối cùng của kỳ nghỉ thú vị đã bị phá hỏng bởi một sự cố tình quái chẳng khác gì giấc mơ bị đảo ngược.

“Dạo này có viết lách gì nữa không?” ông Harrison ân cần hỏi thăm vào một buổi tối khi Anne đến uống trà với ông và bà Harrison.

“Không,” Anne trả lời có phần cộc lốc.

“À, tôi chẳng có ý gì xấu đâu. Hôm trước bà Hiram Sloane nói với tôi là tháng trước bưu điện có nhận một phong bì lớn gửi đến công ty bột nở Rollings Đáng Tin Cậy ở Montreal, và bà ngờ rằng có ai đó đang cố giành giải thưởng cho truyện ngắn hay nhất giới thiệu nhãn hiệu bột nở của công ty này. Bà ấy nói chữ viết trên phong bì không phải của cháu, nhưng tôi đã đoán có lẽ là cháu gửi.”

“Thật ư, không đời nào! Cháu có đọc qua về cuộc thi, nhưng cháu chẳng mơ đến chuyện tham gia. Cháu nghĩ thật hết sức nhục nhã khi viết hẳn một truyện ngắn chỉ để quảng cáo cho sản phẩm bột nở. Tệ cũng chẳng kém vụ Judson Parker định đăng quảng cáo thuốc trên hàng rào.”

Anne kiêu hãnh đáp lại như thế mà chẳng thể ngờ được cả trời bẽ mặt sắp ập xuống đầu. Vào ngay tối hôm đó, Diana chạy ập vào căn gác xếp nhìn ra cổng, mắt sáng rực, má ửng hồng, mang theo một bức thư.

“Ôi, Anne ơi, có bức thư gửi cậu này. Khi này tớ đang ghé qua bưu điện nên cầm cho cậu luôn. Mở ra nhanh đi. Nếu đó đúng là điều tớ nghĩ thì tớ sẽ phát điên lên vì hạnh phúc mất.” Anne hoang mang mở thư và liếc qua nội dung của bức thư đánh máy.

Gửi cô Anne Shirley,

Chái Nhà Xanh,

Avonlea, đảo Hoàng Tử Edward.

“Thân gửi Quý cô: Chúng tôi rất hân hạnh được thông báo rằng truyện ngắn thú vị của cô ‘Averil chuộc lỗi’ đã đoạt giải thưởng trị giá hai mươi lăm đô trong cuộc thi vừa đây. Chúng tôi xin gửi kèm ngân phiếu trong lá thư này. Chúng tôi đang sắp xếp xuất bản truyện ngắn này trên một vài tờ báo nổi tiếng ở Canada, và chúng tôi cũng có ý định in thành tờ rơi để phân phối cho các khách hàng. Cám ơn cô đã quan tâm đến doanh nghiệp của chúng tôi.

Kính chào trân trọng,

Công ty bột nở Rollings Đáng Tin Cây.

“Tớ chẳng hiểu gì cả,” Anne ngắt ra.

Diana vỗ tay.

“Ôi, tớ biết nó sẽ giành được giải thưởng mà - tớ tin chắc thế. Tớ đã gửi truyện ngắn của cậu tham gia cuộc thi, Anne ạ.”

“Diana - Barry!”

“Ừ, tớ làm thế đấy,” Diana vui sướng khẳng định, ngồi ghé xuống giường. “Khi đọc được tin về cuộc thi, tớ nghĩ ngay đến truyện ngắn của cậu, ban đầu tớ định đề nghị cậu gửi truyện dự thi. Nhưng rồi tớ sợ cậu không chịu - cậu chẳng còn mấy niềm tin vào truyện ngắn ấy nữa. Thế là tớ quyết định gửi bản sao cậu cho tớ, và không hé răng gì với cậu. Vậy đó, nếu nó không đoạt giải, cậu sẽ không bao giờ biết tới và chẳng cần cảm thấy xấu hổ, bởi vì họ không trả lại những truyện ngắn không đoạt giải, mà nếu nó đoạt giải thật thì cậu sẽ có một bất ngờ thú vị.”

Diana không phải người tinh tế gì cho lắm, nhưng chính vào lúc này, cô chợt nhận ra Anne chẳng có vẻ gì là quá sức vui mừng cả. Bất ngờ thì quả là có, rõ là thế - nhưng vui sướng thì ở đâu?

“Sao vậy, Anne, trông cậu chẳng vui chút nào!” cô kêu lên.

Anne ngay lập tức nặn ra một nụ cười và đặt nó lên môi.

“Đương nhiên là tớ làm sao mà không vui sướng được trước hành động vô tư chỉ muốn làm tớ hạnh phúc của cậu chứ,” cô chậm rãi giải thích. “Nhưng cậu biết đấy - tớ quá sức ngạc nhiên - tớ không ý thức được nữa - và tớ chẳng hiểu đầu của tai nheo gì. Chẳng có từ nào trong truyện ngắn của tớ nói về... về...” Anne hơi nheo mắt - “bột nở.”

“Ồ, tớ viết thêm vào đấy,” Diana giờ đã hoàn toàn yên tâm. “Để như không ấy mà - và tất nhiên kinh nghiệm hồi tham gia câu lạc bộ sáng tác ngày xưa đã giúp tớ khá nhiều. Cậu có nhớ cảnh Averil làm bánh không? À, tớ chỉ thêm vào là cô ấy dùng bột nở Rollings Đáng Tin Cậy và đó là lý do khiến bánh ngon như vậy; và rồi ở đoạn cuối, chỗ Perceval ôm lấy Averil trong vòng tay, anh nói, ‘Tình yêu của anh, những năm tháng tươi đẹp sắp tới sẽ giúp cho ngôi nhà ước mơ của chúng ta ngày càng hoàn thiện,’ tớ thêm vào, ‘nơi ấy, chúng ta sẽ không bao giờ dùng bất kỳ loại bột nở nào khác ngoại trừ hiệu Rollings Đáng Tin Cậy.’”

“Ôi,” Anne đáng thương thở hắt ra như có ai đó dội nước lạnh vào người.

“Và thế là cậu đã giành được hai mươi lăm đô la tiền thưởng,” Diana hớn hờ tiếp tục. “Ôi chao, có lần tớ nghe Priscilla nói là tạp chí Phụ nữ Canada chỉ trả năm đô la cho một truyện ngắn thôi!”

Những ngón tay run rẩy của Anne chìa ra tấm séc màu hồng đáng ghét.

“Tớ không thể lấy tiền này được - nó là của cậu mới đúng, Diana ạ. Cậu gửi truyện đi và thay đổi nó cho phù hợp. Tớ... tớ chắc chắn là sẽ không bao giờ gửi nó đi. Thế nên cậu phải giữ tấm séc này thôi.”

“Tớ chỉ muốn thử một phen thôi mà,” Diana đáp trả giọng trách móc. “Ôi chao, những gì tớ làm có khó gì đâu. Vinh dự là bạn của người chiến thắng là quá đủ cho tớ rồi. Ôi, tớ phải đi đây. Lẽ ra tớ phải đi thẳng từ bưu điện về nhà, nhà tớ có khách. Nhưng tớ nhất định phải sang nhà cậu để biết tin chính xác. Tớ hạnh phúc khi cậu thắng giải lắm, Anne ạ.”

Anne đột nhiên chồm tới, choàng tay ôm lấy Diana, và hôn vào má bạn.

“Tớ nghĩ rằng cậu là người bạn đáng yêu và chân thành nhất trên thế giới này, Diana ạ,” cô nói với giọng hơi run rẩy, “và tớ đảm bảo với cậu là tớ rất biết ơn động cơ những hành động của cậu.”

Diana, vui sướng và hơi bối rối, cuối cùng cũng ra về, và Anne đáng thương, sau khi quăng tấm séc vô tội vào ngăn kéo bàn viết như thể đó là đồng tiền máu, đã quăng mình lên giường và òa khóc vì nhục nhã và vì tính đa cảm bị tổn thương. Ôi, cô không dám lộ mặt ra sau chuyện này nữa - không bao giờ!

Gilbert đến chơi lúc chạng vạng, tràn ngập những lời chúc mừng ấp ủ, vì anh vừa ghé qua Dốc Vườn Quả và nghe thấy tin vui. Nhưng lời chúc mừng sượng lại trên môi khi anh nhìn thấy khuôn mặt Anne.

“Sao vậy, Anne, chuyện gì vậy? Tớ ngỡ sẽ nhìn thấy cậu hớn hờ khi đạt giải thưởng của Rollings Đáng Tin Cậy chứ. Cậu giỏi lắm!”

“Ôi, Gilbert, lại cậu nữa sao,” Anne van nài chẳng khác gì lời cuối cùng của Caesar trước khi bị giết, Brutus, cả anh nữa sao? “Tớ cứ tưởng cậu sẽ hiểu chứ. Cậu không thấy chuyện đó khủng khiếp thế nào à?”

“Tớ phải thú nhận là không hiểu. Cái gì không ổn chứ?”

“Mọi thứ,” Anne rên rỉ. “Tớ cảm thấy như phải mang dấu ô nhục vĩnh viễn vậy. Cậu nghĩ một người mẹ sẽ cảm thấy thế nào nếu thấy đứa con thương yêu xăm trên mình một hình xăm quảng cáo bột nở? Tớ cảm thấy y như vậy đấy. Tớ yêu truyện ngắn đáng thương của tớ, và tớ đã dùng hết sức lực để viết ra nó. Và thật báng bổ khi hạ thấp nó xuống tầm một bài quảng cáo cho món bột nở. Cậu không nhớ những gì giáo sư Hamilton từng kể trong lớp văn học ở trường Queen sao? Thầy nói rằng chúng ta không bao giờ được đặt bút viết vì một động cơ thấp hèn không xứng đáng, và luôn luôn phải bám lấy những lý tưởng cao đẹp nhất. Thầy sẽ nghĩ gì khi biết tớ đã viết một truyện ngắn để quảng cáo cho hãng Rollings Đáng Tin Cậy? Và, ôi chao, cứ đợi đến khi Redmond biết được tin này! Cứ nghĩ xem tớ sẽ bị trêu chọc và đưa ra làm trò cười thế nào!”

“Chuyện ấy cậu đừng lo,” Gilbert an ủi, bồn chồn tự hỏi liệu có phải Anne đặc biệt chú trọng đến ý kiến của cái chàng năm ba chết tiệt kia hay không. “Dân Redmond sẽ nghĩ y hệt tớ - rằng cậu, cũng như chín phần mười số sinh viên, không có được mấy của cải trên thế gian này, đã dùng cách này kiếm ít tiền lương thiện để tiếp tục theo học. Tớ không thấy có gì thấp hèn không xứng đáng hoặc ngớ ngẩn ở đây cả. Đương nhiên ai chẳng muốn viết nên một tuyệt tác văn chương cơ chứ - nhưng trong lúc đó vẫn phải trả tiền học phí và tiền thuê nhà thôi.”

Cách nhìn thông thường lý trí này giúp Anne khá hơn một tẹo. Ít nhất nó giúp cô thoát khỏi nỗi sợ hãi bị đưa ra làm trò cười, dấu những tổn thương sâu sắc vì lý tưởng bị xúc phạm vẫn còn đó.

Chương 16: Điều chỉnh các mối quan hệ

“Đây là nơi thân thương nhất mà tớ từng thấy - còn thân thương hơn cả nhà của tớ nữa,” Philippa Gordon cảm thán và nhìn quanh một cách hứng thú. Lúc hoàng hôn, mọi người tụ tập lại trong phòng khách lớn của Nhà Patty - Anne và Priscilla, Phil và Stella, dì Jamesina, Mốc, Joseph, mèo Sarah, Gog và Magog. Ánh lửa nhảy múa trên tường; các chú mèo rên gừ gừ; một bát lớn đầy hoa cúc trồng trong nhà kính, quà tặng từ một nạn nhân của Phil, lấp lánh như những mặt trăng màu kem trong cảnh tranh tối tranh sáng nhuộm vàng.

Đã ba tuần kể từ khi họ sắp xếp ổn thỏa mọi thứ và cho đến giờ ai nấy đều tin tưởng cuộc thí nghiệm sống chung sẽ thành công tốt đẹp. Hai tuần đầu tiên sau khi quay lại trường đại học tràn đầy những chuyện kịch tính thú vị; họ bận bịu bày biện đồ nội thất, sắp xếp lại lãnh địa nhỏ bé của mình và điều hòa những ý kiến khác biệt.

Đến lúc quay lại trường, Anne rời khỏi Avonlea mà không quá sức lưu luyến. Những ngày cuối kỳ nghỉ chẳng mấy dễ chịu đối với cô. Truyện ngắn đoạt giải của cô đã được xuất bản trên báo Đảo; ông William Blair đặt ngay trên quầy hàng một chồng tờ rơi đủ màu hồng xanh vàng in truyện ngắn đó tặng kèm cho mọi khách hàng. Ông gửi tặng một xấp tờ rơi cho Anne, cô lập tức tống tất cả vào bếp lò. Nỗi nhục nhã cô cảm thấy chỉ là kết quả của lý tưởng bị tổn thương mà thôi, vì dân Avonlea nghĩ rằng cô thật tuyệt vời khi giành được giải thưởng ấy. Bạn bè chân thành ngưỡng mộ; số ít kẻ thù thì khinh thường nhưng vẫn ghen tỵ với cô. Josie Pye nói cô tin là Anne Shirley đạo văn; cô nhớ chắc từng đọc nó trên báo nhiều năm về trước rồi. Nhà Sloane, phát hiện ra hay đoán được chuyện Charlie bị “tờ chối”, cho biết họ thấy chẳng có gì đáng tự hào cả; chỉ cần cố thì ai mà không viết được truyện cơ chứ. Bà dì Atossa nói với Anne là mình rất lấy làm tiếc khi thấy cô theo nghiệp viết truyện; không ai sinh ra và lớn lên ở Avonlea hạ mình làm điều đó cả; đó chỉ là con đường của những đứa trẻ mồ côi được nhận nuôi, ra đời ở một nơi nào có trời mới biết, cha mẹ ruột là loại người gì thì chỉ có trời mới hay. Ngay cả bà Rachel Lynde cũng khá ngần ngại không biết việc viết tiểu thuyết là đúng hay sai, dẫu bà gần như hoàn toàn ủng hộ tám séc hai mươi lăm đô la.

“Thật quá sức bất ngờ trước cái giá người ta chịu trả cho những lời dối trá, thế đấy,” bà nói nửa tự hào nửa trách móc.

Tính đi tính lại, thật nhẹ nhõm khi đến lúc rời đi. Và thật là sung sướng khi trở lại Redmond với tư cách một sinh viên năm hai khôn ngoan đầy kinh nghiệm cùng hàng đồng bạn bè chào đón vào ngày khai trường vui nhộn. Pris, Stella và Gilbert đều có mặt, Charlie Sloane, khệnh khạng hơn bất cứ sinh viên năm hai nào, Phil, với câu hỏi lớn về Alec và Alonzo vẫn chưa tìm được lời giải đáp, và Moody Spurgeon MacPherson. Moody Spurgeon đi dạy học ngay sau khi rời trường Queen, nhưng mẹ anh kết luận rằng đã đến lúc anh gạt chuyện dạy học qua một bên để tập trung học cách làm một mục sư. Moody Spurgeon đáng thương gặp vận rủi ngay khi bắt đầu sự nghiệp học hành ở trường đại học. Nửa tá sinh viên năm hai tàn nhẫn, những kẻ cùng ở trọ chung với anh, đột ngột tấn công anh vào một đêm nọ và cạo hết nửa số tóc của anh. Moody Spurgeon xui xẻo phải giữ bề ngoài như thế cho đến khi tóc mọc dài ra như cũ. Anh cay đắng nói với Anne rằng có lúc anh tự hỏi mình thực sự có thiên hướng làm mục sư hay không.

Dì Jamesina chỉ đến nơi khi các cô gái đã chuẩn bị Nhà Patty sẵn sàng để chào đón dì. Bà Patty đã gửi chìa khóa cho Anne cùng một bức thư dặn dò rằng Gog và Magog được đóng gói trong cái hộp bên dưới giường phòng dành cho khách, nhưng nếu muốn thì có thể lấy ra trưng bày; trong dòng tái bút, bà nói thêm rằng bà hy vọng các cô gái cẩn thận khi đóng đinh treo ảnh. Phòng khách vừa được dán giấy lại năm năm trước, bà và cô Maria không muốn xuất hiện nhiều lỗ đinh hơn mức tuyệt đối cần thiết trên lớp giấy dán tường ấy. Còn lại thì bà tin tưởng hoàn toàn vào Anne.

Ôi, những cô gái thích thú cảm giác trang hoàng tổ ấm của mình đến dường nào! Như Phil nói, hạnh phúc chỉ kém kết hôn một tẹo. Tha hồ bày trí nhà cửa mà không bị đấng ông chồng làm phiền. Ai cũng đem theo thứ gì đó để trang hoàng hay giúp cho căn nhà nhỏ tiện nghi hơn.

Pris, Phil và Stella mang đến những đồ trang trí lật vạt và vô số tranh ảnh, họ treo ảnh lên tường theo gu riêng của mình chẳng thèm để ý gì đến lớp giấy dán tường mới của bà Patty.

“Chúng tớ sẽ lấp đầy các lỗ đinh khi dọn đi, bạn yêu quý - cô ấy sẽ không bao giờ biết đâu,” họ nói khi Anne phản đối.

Diana tặng Anne một chiếc nệm ghế nhồi lá thông, cô Ada cho cô và Priscilla một chiếc nệm khác được thêu tỉ mỉ đến phát khiếp. Marilla gửi đến một hộp mứt lớn và dọa dẫm ám chỉ sẽ có một thùng đồ ăn cho lễ Tạ ơn, bà Lynde cho Anne một chiếc

mền bông may ghép từ nhiều mảnh vải khác nhau và cho cô mượn thêm năm cái nữa.

“Cháu cầm hết đi,” bà kể cả tuyên bố. “Nếu không thì chúng cũng nằm trong hòm trên gác xếp để mỗi gặm mà thôi.”

Chẳng có con mồi nào dám mạo hiểm tiến gần mấy tấm chăn này vì chúng nồng nặc mùi long não đến mức phải treo ngoài vườn Nhà Patty suốt hai tuần liền mới có thể chịu đựng nổi ở trong nhà. Quả thực là đại lộ quý tộc Spofford hiếm khi nào được chứng kiến một cảnh tượng như thế. Ông triệu phú già nua cộc cằn sống “bên kia bờ giậu” ghé thăm và muốn mua tấm chăn “hoa văn tulip” màu đỏ và vàng tuyệt đẹp mà bà Rachel cho Anne mượn. Ông ta nói mẹ mình từng làm những tấm chăn như thế, và Chúa ơi, ông muốn mua một cái để tưởng nhớ đến mẹ. Ông ta khá thất vọng vì Anne không bán, nhưng cô viết thư cho bà Lynde kể rõ mọi chuyện. Quý bà hết sức tự hào ấy gửi thư đáp lại là bà có một cái y chang như vậy, thế là cuối cùng ông vua thuốc lá mua được tấm chăn và nhất định đòi trải nó trên giường, mặc cho bà vợ sành điệu chê bai ghê tởm.

Mấy tấm chăn của bà Lynde hết sức hữu ích vào mùa đông năm đó. Nhà Patty đâu có rất nhiều ưu điểm nhưng vẫn có khuyết điểm riêng. Nó thực sự là một ngôi nhà khá lạnh; và khi những đêm sương giá ập tới, các cô gái rất vui sướng được chui vào bên dưới tấm chăn của bà Lynde, và mong rằng Chúa sẽ đánh giá cao sự hào phóng của bà. Anne được ở trong gian phòng màu xanh mà cô mê tít ngay từ cái nhìn đầu tiên. Priscilla và Stella ở chung trong phòng ngủ lớn. Phil hoàn toàn lên mây khi chiếm được phòng ngủ nhỏ phía trên nhà bếp, còn dì Jamesina lấy phòng ngủ ở dưới nhà kề bên phòng khách. Mốc ban đầu phải ngủ trên bậc cửa.

Vài hôm sau ngày khai giảng, Anne đi bộ từ Redmond về nhà và phát hiện những người đi đối diện quan sát cô với một nụ cười khoan dung vụng trộm. Anne băn khoăn tự hỏi mình có bị gì không. Mũi lệch qua một bên? Dây thắt lưng bị tuột? Ngoái đầu lại kiểm tra, Anne lần đầu tiên nhìn thấy Mốc.

Chạy lon ton sát gót đằng sau cô là một mẫu vật đáng thương nhất của bộ tộc mèo mà cô từng để mắt. Con vật này đã quá thời bé con từ lâu, gầy gò ốm yếu, bề ngoài bẩn thỉu. Hai lỗ tai sứt sẹo, một mắt tạm thời không nhìn thấy gì và hàm thì sưng vù. Về màu sắc, nếu đem một con mèo đen ra hơ lửa kỹ càng thì lớp lông của nó sẽ loang lổ mỏng dính và xấu xí y hệt chú mèo vô chủ này.

Anne “suyt” đuổi, nhưng chú mèo không chịu bỏ đi. Mỗi khi cô đứng lại, nó ngồi xổm xuống và con mắt còn sót lại nhìn cô trách móc, khi cô tiếp tục bước đi, nó lập tức theo sau. Anne đành mặc nó đi cùng cho đến khi cô tới cổng Nhà Patty rồi lạnh lùng đóng sầm cửa lại ngay trước mũi nó, vui mừng tưởng bỏ rằng đó là lần cuối cùng phải nhìn thấy con vật. Nhưng mười lăm phút sau khi Phil mở cửa ra, chú mèo nâu mốc meo vẫn ngồi trên bậc cửa. Hơn nữa, nó nhanh chóng vọt vào và nhảy lên lòng Anne với tiếng meo meo nửa van vỉ nửa đắc thắng.

“Anne,” Stella nghiêm khắc hỏi, “cậu là chủ con vật ấy à?”

“Không, đời nào chứ,” Anne khinh bỉ phản bác. “Con vật này giữa đường tự dưng đi theo tớ về nhà. Tớ không tài nào đuổi nó đi được. Úi, xuống ngay. Ta tương đối thích những con mèo sạch sẽ đàng hoàng; nhưng ta không thích mấy con thú hoang màu sắc như nhà người.”

Thế nhưng chú mèo không chịu nhảy xuống. Nó thản nhiên cuộn người trong lòng Anne và bắt đầu rên gừ gừ.

“Nó nhận nuôi cậu rồi, rõ ràng là thế,” Priscilla phá lên cười.

“Tớ không đời nào để nó nhận nuôi đâu,” Anne ngoan cường đáp trả.

“Con vật đáng thương này đói ngấu rồi,” Phil thương hại nhận xét. “Chứ còn gì nữa, gần như là da bọc xương.”

“Được rồi, tớ sẽ cho nó ăn một bữa ra trò và sau đó nó phải quay trở lại chỗ của mình, dù ở đâu đi nữa,” Anne kiên quyết.

Chú mèo được cho ăn và đẩy ra khỏi nhà. Sáng hôm sau, nó vẫn còn nằm trên bậc cửa. Nó cứ tiếp tục ngồi trên bậc cửa, xông thẳng vào trong bất cứ khi nào cửa mở. Thái độ lạnh nhạt không chào đón chẳng ảnh hưởng gì đến nó, nó cũng chẳng thèm để ý đến bất kỳ ai ngoài Anne. Xuất phát từ lòng từ bi nên các cô gái vẫn cho nó ăn; nhưng sau một tuần họ quyết định phải làm gì đó mới được. Bề ngoài của chú mèo đã cải thiện khá khá. Mắt và mặt nó đã trở lại bình thường; nó không còn quá gầy nữa và bắt đầu chịu liếm láp sửa soạn.

“Nhưng dù sao chẳng nữa chúng ta cũng không thể giữ nó lại được,” Stella nói. “Dì Jimsie sẽ đến vào tuần tới và dì sẽ mang theo mèo Sarah. Chúng mình không thể nuôi hai con mèo được; nếu không thì con mèo mốc meo này sẽ đánh nhau mãi với mèo Sarah mất. Nó là một chiến binh bẩm sinh. Nó đã chiến một trận ra trò với mèo nhà ông trùm thuốc lá tối qua và đánh bại cậu chàng toi bời không còn manh giáp.”

“Chúng ta phải tống khứ nó đi thôi,” Anne đồng ý, lườm lườm nhìn sang chủ đề của cuộc thảo luận, chú mèo vẫn đang nằm trên tấm thảm trải trước lò sưởi, rên gừ gừ với vẻ ngoan ngoãn chẳng kém cừu non. “Nhưng câu hỏi là - làm thế nào? Bốn phụ nữ chân yếu tay mềm làm sao có thể tống khứ một con mèo kiên quyết không chịu bị tống khứ?”

“Chúng mình phải đánh thuốc mê nó,” Phil nhanh nhẩu đề nghị. “Đó là cách nhân đạo nhất.”

“Ai trong chúng ta biết cách đánh thuốc mê một con mèo nào?” Anne rầu rĩ hỏi.

“Tớ biết, cưng à. Đây là một trong những thành tựu ít ỏi, đếm được trên đầu ngón tay của tớ. Tớ đã xử lý vài ba con như thế ở nhà rồi. Cậu dựng con mèo dậy vào buổi sáng và cho nó ăn một bữa ngon lành. Sau đó cậu lấy một túi vải bạt cũ - có một cái ở hiên sau đó - đặt con mèo lên rồi úp một cái hộp gỗ vào. Sau đó lấy một chai thuốc mê, mở nắp rồi chuôi vào dưới mép hộp. Đặt một vật gì đó thật nặng lên trên hộp và để nguyên đó tới tối. Con mèo sẽ chết, cuộn người yên ả như đang ngủ. Không đau đớn - không chống cự.”

“Nghe có vẻ dễ dàng đấy,” Anne ngò vực nhận xét.

“Dễ thật mà. Cứ để tớ lo. Tớ sẽ xử lý đầu vào đó,” Phil an ủi.

Thế là thuốc mê được mua về, và sáng hôm sau Mốc bị dụ dỗ đến địa điểm thi hành án. Nó ăn sáng, liếm mép rồi nhảy vào lòng Anne. Trái tim Anne chột ngằn ngừng. Sinh vật đáng thương này yêu cô - tin cậy cô. Làm sao cô có thể tham gia hành động hủy diệt này được chứ?

“Đây này, giữ lấy nó,” cô vội vàng gọi Phil. “Tớ cảm thấy mình như một tay giết người ấy.”

“Nó sẽ không đau đớn gì đâu, cậu biết mà,” Phil an ủi, nhưng Anne đã bỏ chạy.

Hành động định mệnh được thực hiện ở hiên sau.

Không ai dám lại gần nơi ấy trong ngày hôm đó. Nhưng lúc chạng vạng Phil tuyên bố phải chôn con mèo mốc đi.

“Pris và Stella ra đào mộ trong vườn,” Phil ra lệnh, “và Anne phải cùng nhấc cái hộp lên với tớ. Đó là việc tớ ghét nhất.”

Hai kẻ đồng mưu miễn cưỡng rón rén đi ra hiên sau. Phil cẩn thận nâng tảng đá đặt trên hộp. Đột nhiên, một tiếng meo yếu ớt nhưng rõ ràng không thể làm lẫn được vang lên bên dưới cái hộp.

“Nó... nó chưa chết,” Anne thở hắt ra rồi thẫn thờ ngồi xuống bậc cửa nhà bếp.

“Nó phải chết rồi mới đúng,” Phil thốt lên không sao tin nổi.

Một tiếng meo khe khẽ nữa chứng tỏ nó vẫn chưa chết. Hai cô gái nhìn nhau chăm chăm.

“Chúng mình phải làm gì bây giờ?” Anne hỏi.

“Sao các cậu còn chưa ra thế?” Stella hỏi, xuất hiện nơi ngưỡng cửa. “Chúng tớ đã đào xong mộ rồi. ‘Im lặng, im lặng thôi, im lặng mãi?’” cô tinh nghịch đọc^[13].

“Ôi, không, âm thanh của người đã khuất. Vọng lại tựa tiếng nước chảy nơi xa,” Anne lập tức đọc tiếp hai câu thơ tiếp theo, long trọng chỉ vào cái hộp.

[13]. Trích bài “Đảo Hy Lạp” của Byron.

Tiếng cười giòn tan phá vỡ bầu không khí căng thẳng.

“Chúng ta phải để yên nó ở đây cho đến sáng thôi,”

Phil đặt tảng đá vào vị trí cũ. “Nó không kêu suốt năm phút rồi. Có lẽ tiếng meo meo bọn mình nghe hồi nãy là tiếng rên hấp hối. Hay có khi đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng vì lương tâm trĩu nặng cắn rứt của chúng ta.”

Nhưng khi hộp được nhắc lên vào buổi sáng hôm sau, Mốc vui sướng nhảy vọt ngay lên vai Anne và bắt đầu liếm mặt cô vẻ triu mến. Chưa có con mèo nào tràn đầy sức sống như nó.

“Đây này, một khe hở trên hộp,” Phil rên rỉ. “Hôm qua tớ không nhìn thấy. Đó là lý do tại sao nó vẫn chưa chết. Bây giờ chúng ta phải làm lại tất cả từ đầu.”

“Không, không cần,” Anne đột ngột tuyên bố. “Con Mốc sẽ không bị giết một lần nào nữa. Nó là mèo của tớ - và các cậu ráng mà chấp nhận sự thật ấy đi.”

“Ôi, được rồi, cậu tự dàn xếp với dì Jimsie và mèo Sarah đi nhé,” Stella phũ tay chối bỏ trách nhiệm.

Từ hôm đó Mốc trở thành thành viên của gia đình. Nó ngủ suốt đêm trên tấm thảm chùi chân ngoài hiên sau và tự sẵn bắt kiếm ăn. Lúc dì Jamesina đến nơi, nó đã mập ú, lông bóng mượt và bề ngoài khá vừa mắt. Nhưng, như con mèo của Kipling, nó thuộc dạng thích “lang thang một mình”. Nó giương vuốt chống lại mọi con mèo khác, và những con mèo khác cũng chẳng tha cho nó. Từng tên một, nó đè bẹp hết đám mèo quý tộc trên đại lộ Spofford. Đối với con người, nó chỉ yêu Anne và một mình Anne mà thôi. Không ai khác dám vuốt ve nó. Những ai dám động vào nó sẽ được đón tiếp bằng cú khạc nhổ giận dữ cùng tiếng gừ gừ nghe khá giống như những lời chửi thề tục tằn.

“Điều bộ chảnh chọe của con mèo đó thật không sao chịu đựng nổi,” Stella tuyên bố.

“Nó là một chú mèo già dễ mến, thật mà,” Anne khẳng định biện luận, tay ôm ấp thú cưng của mình.

“Chao ôi, tớ chẳng biết nó và mèo Sarah làm sao sống chung được nữa đây,” Stella bi quan. “Đám mèo xâu xé nhau ngoài vườn ban đêm đã khủng khiếp lắm rồi. Nhưng nếu chuyện ấy xảy ra ngay trong phòng khách thì không thể tưởng tượng nổi.”

Dì Jamesina đã đến nơi đúng hẹn. Anne, Priscilla và Phil trước nay chờ đón dì với tâm trạng khá ngờ vực, nhưng khi dì Jamesina đã lên ngồi trên ghế bập bênh trước lò sưởi, họ gần như khom lưng ngưỡng mộ dì.

Dì Jamesina là một bà già thấp bé có khuôn mặt nhỏ và cằm hơi nhọn, đôi mắt to xanh lơ dịu dàng lấp lánh vẻ trẻ trung vĩnh cửu và tràn đầy hy vọng như một cô gái. Dì có đôi má hồng hào và tóc trắng phau đánh bông thành những lọn xinh xinh bên trên lỗ tai.

“Kiểu này lỗi thời lắm rồi,” dì vừa nói vừa thoãn thoắt đan thứ gì đó trông thanh thoát và phơn phớt hồng như áng mây chiều. “Nhưng ta vốn lạc hậu thế đấy. Quần áo của ta cũng thế, và lý luận tương tự, những suy nghĩ của ta cũng theo nếp xưa nốt. Ta không dám nói nếp xưa tốt hơn lối nay, các cháu nhớ rõ nhé. Thực ra, ta dám chắc nếp xưa tệ hơn khá nhiều. Nhưng thứ gì xưa cũng dễ chịu và dễ dàng hơn. Giày mới đẹp hơn giày cũ thật, nhưng chẳng thoải mái bằng. Ta đủ già để cho phép mình tận hưởng quyền suy nghĩ theo nếp xưa và mang giày cũ. Ở đây, ta muốn mọi chuyện diễn ra thật thoải mái. Ta biết các cháu nghĩ ta sẽ dỗi theo các cháu và bắt các cháu cư xử cho đúng đắn, nhưng ta chẳng làm vậy đâu. Các cháu lớn rồi tự biết nên hành xử thế nào khi cần. Vì vậy, riêng đối với ta,” dì Jamesina kết luận với cái nheo mắt trẻ trung, “các cháu thích quậy phá thế nào cũng được.”

“Ôi, có ai tách mấy con mèo rời nhau không?” Stella rùng mình van vỉ.

Dì Jamesina không những mang theo mèo Sarah mà còn thêm Joseph nữa. Dì giải thích rằng Joseph là con mèo cũ của người bạn thân đã chuyển đến sống tại Vancouver.

“Bà ấy không thể dắt Joseph theo được nên năn nỉ ta nuôi nó. Ta thực sự không thể từ chối được. Nó là một con mèo đáng yêu - ý là tính tình nó khá là đáng yêu. Bà ấy gọi nó là Joseph vì lông của nó đủ màu sắc cả.”

Hắn là thế rồi. Như Stella khinh khỉnh nhận xét, Joseph trông giống như một nùi giẻ rách di động. Không thể nói chính xác lông của nó màu chính là gì. Chân nó màu trắng đốm đen. Lưng nó xám với một mảng màu vàng bên hông bên này và một mảng đen ở hông bên kia. Đuôi nó vàng chóp xám. Một tai đen, một tai vàng. Khoang đen ngay trên một bên mắt khiến nó trông có vẻ ngông nghênh đáng sợ. Trên thực tế, nó ngoan ngoãn và chẳng làm gì đáng chê trách, tính tình hòa nhã dễ gần. Nhưng Joseph đúng là một bông huệ trên đồng, dầu chỉ là về một mặt này: Nó chẳng kéo sợi cũng chẳng dệt vải mà cũng không bắt chuột. Nhưng ngay cả vua Salomon dù vinh hoa tột bậc cũng không được ngủ trên nệm êm, được ăn no nê thức ăn ngon lành bằng nó.

Joseph và mèo Sarah được giao tới trên chuyến tàu tốc hành trong hai thùng riêng biệt. Sau khi được đưa ra ngoài và cho ăn uống no đủ, Joseph chọn tấm nệm và góc phòng vừa ý, còn mèo Sarah uy nghiêm hạ mình nằm xuống trước lò sưởi và bắt đầu liếm láp. Nó là một nàng mèo xám trắng khá lớn và béo tốt, điệu bộ cao quý phi thường không hề bị ảnh hưởng bởi nguồn gốc bình dân của mình. Người thợ giặt của dì Jamesina đã tặng nó cho dì.

“Bà ấy tên là Sarah, do đó, chồng ta luôn luôn gọi nó là mèo Sarah,” dì Jamesina giải thích. “Nó tám tuổi rồi, và bắt chuột rất giỏi. Đừng lo, Stella ạ. Mèo Sarah chẳng bao giờ đánh nhau và Joseph hiếm khi nào ra tay lắm.”

“Ở đây chúng sẽ phải chiến đấu để tự vệ thôi,” Stella nói.

Tại đúng thời điểm này Mốc xuất hiện. Nó tung tăng vui vẻ đi đến giữa phòng cho đến khi nhìn thấy những kẻ xâm nhập. Thế là nó dừng phắt lại; đuôi xù ra cho đến khi to gấp ba cái đuôi bình thường. Lông trên lưng dựng đứng về chống đối; Mốc thấp đầu rít lên một tiếng khùng khiếp đầy hận thù và thách thức, rồi nhảy chồm lên người mèo Sarah.

Con vật oai vệ kia dừng liếm láp và nhìn Mốc vẻ tò mò. Cô nàng vung vuốt sắc khinh thường quét ngang cú tấn công của nó. Mốc bất lực lăn cù mèo trên tấm thảm; nó đứng dậy đầy ngạc nhiên. Loại mèo gì dám bạt tai mình như vậy chứ? Nó ngần ngại quan sát mèo Sarah. Đánh hay không đánh? Mèo Sarah cố ý quay lưng về phía nó và tiếp tục công việc làm vệ sinh của mình. Mốc quyết định không đánh. Và nó chẳng bao giờ ra tay nữa. Từ đó trở đi mèo Sarah là sếp sòng. Mốc không bao giờ động chạm vào cô nàng nữa.

Nhưng Joseph vô tình ngồi dậy ngáp một cái. Mốc, nung nấu quyết tâm rửa sạch mối nhục, đột ngột tấn công nó. Joseph tính tình tuy hiền hòa nhưng khi cần vẫn có thể chiến đấu và chiến đấu khá ngon lành. Kết quả là một loạt trận đấu ngang tay diễn ra. Mỗi ngày Mốc và Joseph hề gặp là bắt đầu lao vào xâu xé. Anne bênh Mốc và ghét Joseph ghê gớm. Stella hoàn toàn tuyệt vọng. Nhưng dì Jamesina chỉ cười.

“Cứ để chúng đánh nhau cho đã đi,” dì nói đầy vẻ bao dung. “Chẳng bao lâu chúng sẽ huề nhau thôi. Joseph cần tập thể dục một chút - nó quá béo rồi. Và Mốc phải học bài học rằng nó không phải là con mèo duy nhất trên thế giới.”

Cuối cùng Joseph và Mốc chấp nhận thực tế và từ kẻ thù truyền kiếp đã trở thành bạn bè truyền kiếp. Chúng ngủ chung trên cùng một cái nệm, chân quàng lấy nhau và nghiêm túc liếm láp cho nhau.

“Chúng mình cũng dần quen việc sống chung với nhau,” Phil nói. “Còn tớ đã học được cách rửa chén đĩa và quét sàn.”

“Nhưng cậu không cần phải cố gắng thuyết phục bọn tớ rằng cậu có thể đánh thuốc mê một con mèo,” Anne cười.

“Tất cả là tại cái khe hở mà,” Phil phản đối.

“Cái khe hở đó tồn tại thế là đúng,” dì Jamesina nói với giọng khá nghiêm túc. “Phải trấn nước lũ mèo con, ta đồng ý điều đó, nếu không thì trái đất sẽ chật chỗ mất. Nhưng không nên giết chết bất cứ con mèo trưởng thành đàng hoàng nào, trừ khi nó ăn trộm trứng.”

“Dì sẽ không cho rằng Mốc đànng hoàng đầu nếu dì nhìn thấy nó lúc mới đến,” Stella nói. “Nó trông y hệt như lão Nick^[14]vậy.”

[14]. Tiếng lóng chỉ quỷ Satan.

“Ta không cho là lão Nick quá sức xấu xí,” dì Jamesina trầm ngâm. “Nếu quả thế thật thì ông ta đầu có gây nhiều chuyện rắc rối đến thế. Ta luôn luôn cho rằng ông ta là một quý ông khá đẹp trai.”

Chương 17: Lá thư của Davy

“Tuyết bắt đầu rơi rồi, các cô nàng ơi,” Phil bước vào nhà trong một buổi chiều tháng Mười một, “những ngôi sao và thánh giá bé xinh đẹp tuyệt trần lấp lánh đầy trên lối đi ngoài vườn kìa. Tớ chưa bao giờ để ý thấy một bông tuyết có thể tinh tế đến vậy. Một cuộc sống giản dị sẽ giúp người ta có thời gian quan tâm đến những điều nhỏ nhất đáng yêu. Chúa ban phước cho các cậu vì đã cho phép tớ sống cuộc sống thế này. Thú vị nhất là khi cảm thấy lo lắng vì giá bơ tăng thêm năm xu một pao.”

“Tăng à?” Stella hỏi, cô có trách nhiệm quản lý chi tiêu trong nhà.

“Chính xác - và đây là bơ của cậu. Tớ đi chợ khá là sành sỏi rồi đấy. Còn vui hơn đi của giai nữa,” Phil nghiêm túc kết luận.

“Tất cả mọi thứ đều tăng giá kinh khủng khiếp,” Stella thở dài.

“Không đến nỗi nào. Tạ ơn Chúa là không khí và sự cứu rỗi vẫn còn miễn phí,” dì Jamesina nói.

“Và tiếng cười nữa,” Anne thêm vào. “Còn không bị đánh thuế nữa chứ, đó là một điểm tốt vì giờ mọi người sắp tha hồ mà cười đây. Tớ sẽ đọc cho các cậu nghe lá thư của Davy. Năm vừa qua, chính tả của cậu bé đã tiến bộ vượt bậc, mặc dù dấu câu vẫn còn loạn xạ, và rõ ràng là cậu bé có khiếu viết thư, lá thư thú vị lắm. Lắng nghe và cười thỏa thích nhé, trước khi bọn mình tập trung gào bài buổi tối.”

“Cô Anne yêu quý,” Davy viết trong thư, “cháu cầm bút để kể cho cô hay rằng bọn cháu đều rất khỏe và hy vọng cô cũng y chang vậy. Hôm nay trời đổ chút tuyết và bà Marilla nói là bà già trên trời đang giữ nệm lông chim. Bà già trên trời là vợ của Chúa phải không cô Anne? Cháu muốn biết.

“Bà Lynde bệnh thiệt bệnh luôn, nhưng giờ thì đỡ rồi. Tuần trước bà bị ngã cầu thang dưới hầm. Khi rơi bà nứu lấy cái kệ đầy xô đựng sữa và nồi hầm, nó bị té quay theo bà và rớt rầm một cái dữ dội. Ban đầu bà Marilla cứ nghĩ là động đất.

“Một cái nồi hầm bị nứt còn bà Lynde bị gãy xương sườn. Bác sĩ đến cho thuốc để chà lên xương sườn, nhưng bà hông hiểu nên uống sạch sành sanh. Bác sĩ nói thật diệu kỳ là bà hông chết nhưng bà hông chết thật và xương sườn của bà vẫn khỏe và bà Lynde nói đám bác sĩ chả biết gì sất. Nhưng bọn cháu hông chữa được cái nồi hầm. Bà Marilla phải vứt nó đi. Tuần trước là lễ Tạ ơn. Hông phải đi học và bọn cháu có một bữa ăn tối tuyệt vời. Cháu ăn bánh pa tê và gà quay và bánh hoa quả và bánh rán và pho mát và mứt và bánh sô cô la. Bà Marilla nói cháu sẽ chết mất nhưng cháu hông có chết. Sau đó thì Dora bị đau tai, chỉ có điều hông phải ở lỗ tai mà là ở bụng. Hông chỗ nào trong người cháu bị đau tai cả.

“Giáo viên mới của bọn cháu là đàn ông. Chuyện gì thầy cũng cười đùa được. Tuần trước thầy bắt bọn con trai lớp ba viết luận dẫn về người vợ mà bọn cháu muốn cưới còn bọn con gái thì viết về người chồng mà chúng nó muốn cưới. Khi đọc bài, thầy cười muốn chết. Đây là bài của cháu. Cháu nghĩ là cô muốn xem.

“Người vợ tôi muốn cưới.

“Cô ấy phải cư xử đàng hoàng và nấu ăn cho tôi đúng giờ và làm theo những gì tôi nói và luôn luôn hết sức lịch sự với tôi. Cô ấy phải đúng mười lăm tuổi. Cô ấy phải tốt với người nghèo và giữ nhà cửa sạch sẽ và tính tình dễ thương và đi nhà thờ đều đặn. Cô ấy phải rất xinh đẹp và có mái tóc xoăn. Nếu tôi có người vợ đúng y như tôi thích tôi sẽ là một người chồng tốt cực kỳ với cô ấy. Tôi nghĩ một phụ nữ nên tốt cực kỳ với chồng. Một số phụ nữ đáng thương chẳng hề có chút chồng nào.

“Hết.’

“Tuần trước cháu đi dự lễ tang của bà Isaac Wright ở White Sands. Chồng của xác chết hết sức buồn bã. Bà Lynde nói ông nội bà Wright từng lấy trộm một con cừu, nhưng bà Marilla nói chúng ta hông nên nói xấu người đã khuất. Tại sao phải thế vậy cô Anne? Cháu muốn biết. Nói xấu người chết thì an toàn quá mà, hông phải vậy sao?

“Hôm nọ bà Lynde phát khùng lên vì cháu hỏi bà có sống trong thời của Noah hông. Cháu hông có ý làm tổn thương bà ấy. Cháu chỉ muốn biết thôi mà. Bà ấy có sống vào thời đó hông hả cô Anne?

“Ông Harrison muốn tống khứ con chó của mình đi. Vì vậy ông treo cổ nó nhưng nó sống lại và chuồn vào kho thóc lúc ông Harrison đào mộ, vì vậy ông treo cổ nó lần nữa và lần này thì nó chết thật. Ông Harrison thuê một người làm mới. Anh này dụng dè khùng khiếp. Ông Harrison nói cả hai tay anh ta đều là tay trái. Người làm cho ông Barry thì lười biếng lắm. Bà Barry nói vậy nhưng ông Barry nói anh ta hông hẳn là lười biếng, chỉ có điều anh ta nghĩ cầu nguyện xin Chúa thì dễ dàng hơn là tự mình làm lấy.

“Con lợn đoạt giải mà bà Harmon Andrews lúc nào cũng khoe khoang lẫn đùng ra chết. Bà Lynde nói rằng trời phạt sự kiêu ngạo của bà ta. Nhưng cháu nghĩ tội cho con lợn quá. Milty Boulter bị bệnh. Bác sĩ cho thuốc khó nuốt kinh khủng. Cháu đề nghị uống thay nó để lấy hai lăm xu nhưng dân nhà Boulter keo dễ sợ. Milty nói nó sẽ tự uống để tiết kiệm tiền. Cháu hỏi bà Boulter làm thế nào để kiếm chồng và bà ấy phát khùng lên và nói là hông biết, bà ấy chả bao giờ theo đuổi đàn ông cả.

“Hội Cải tạo sẽ sơn lại tòa thị chính. Họ chán màu xanh dương của nó lắm rồi.

“Đêm qua mục sư mới tới nhà uống trà. Ông ấy ăn ba miếng bánh. Nếu cháu làm thế thì bà Lynde sẽ gọi cháu là ăn như heo. Và ông ấy ăn nhanh và cắn miếng bự và bà Marilla luôn luôn bảo cháu là đừng làm vậy. Tại sao các mục sư làm được mà các cậu bé lại hông được? Cháu muốn biết.

“Cháu chẳng còn tin tức gì nữa. Dưới đây là sáu cái hôn. xxxxxx. Dora gửi một cái. Của nó nè. x.

“Người bạn yêu thương của cô *David Keith*”

“Tái bút: cô Anne ơi, cha của quý sứ là ai? Cháu muốn biết.”

Chương 18: Cô Josephine nhớ đến Anne

Khi Giáng sinh đến, các cô gái Nhà Patty tán mát trở về mái ấm của riêng mình, nhưng dì Jamesina quyết định ở lại.

“Ta chẳng thể vác ba con mèo đi làm khách được,” dì nói. “Và ta không thể để cho mấy con vật đáng thương này ở nhà một mình gần ba tuần liền đâu. Nếu có bất kỳ nhà hàng xóm đáng hoàng nào chịu cho chúng ăn thì có thể lắm, nhưng trên con đường này chỉ toàn là dân triệu phú thôi. Vì vậy, ta sẽ ở đây giữ ấm Nhà Patty cho các cháu.”

Anne về nhà tràn đầy hân hoan trông đợi như thường lệ, nhưng đáng tiếc là cô không được đáp ứng một cách tương xứng. Cô thấy Avonlea đang chìm trong một mùa đông đến sớm lạnh cóng và bão bùng đến mức “cư dân lâu đời nhất” cũng chưa từng trải qua mùa đông nào tương tự. Những cơn tuyết khổng lồ vây chặt lấy Chái Nhà Xanh. Trong suốt kỳ nghỉ không may đó, hầu như ngày nào trời cũng bão tuyết dữ dội, và ngay cả khi trời đẹp, tuyết đọng cũng bị gió thổi bay dạt dào. Đường vừa được cào tuyết sạch sẽ thì lập tức bị lấp lại như cũ. Gần như chẳng có cách nào ló đầu ra ngoài. Hội Cải tạo Làng quê đã thử, trong ba buổi tối liền, chuẩn bị tiệc chào đón các sinh viên đại học, nhưng lần nào cơn bão cũng ập tới dữ dội đến mức chẳng ai đi được, thế là họ đành từ bỏ trong tuyệt vọng. Anne, mặc tình yêu và lòng trung thành với Chái Nhà Xanh, cũng không thể không lưu luyến nghĩ đến Nhà Patty với lò sưởi ấm cúng, đôi mắt vui tươi của dì Jamesina, ba con mèo, những lời bông đùa vui nhộn của các cô gái, những buổi tối thú Sáu thú vị khi các bạn học ghé qua để bàn luận về những chuyện cả nghiêm túc lẫn không nghiêm túc.

Anne cảm thấy lẻ loi; Diana bị giam trong nhà suốt kỳ nghỉ vì căn bệnh viêm phế quản trầm trọng. Cô không thể tới Chái Nhà Xanh và hiếm khi Anne có thể qua Dốc Vườn Quả vì các cơn tuyết chắn lối quen qua rừng Ma Ám, và đường vòng qua hồ Lấp Lánh cũng tệ hại gần như thế. Ruby Gillis đã yên nghỉ trong nghĩa địa tuyết trắng; còn Jane Andrews thì đang dạy học ở thảo nguyên miền Tây. Đương nhiên, Gilbert trung thành vẫn lội tuyết đi thăm Chái Nhà Xanh mỗi tối khi có thể. Nhưng các cuộc viếng thăm của Gilbert không còn được như xưa nữa. Anne gần như sợ hãi những tối ấy. Thật lúng túng mỗi lần nhìn lên giữa một khoảng im lặng đột ngột và thấy đôi mắt nâu nhạt của Gilbert biểu lộ thứ tình cảm không thể làm lẫn được trong đáy mắt đang chăm chú dõi theo cô, và còn lúng túng hơn nữa khi cô thấy mình đỏ bừng mặt dưới ánh mắt anh, cứ như là, cứ như là, ôi chao, thật là xấu hổ quá đi thôi. Anne ước gì mình đang ở Nhà Patty, nơi luôn có ai đó bên cạnh để lánh tránh các

tình huống nhạy cảm thế này. Tại Chái Nhà Xanh, bà Marilla nhanh chóng đi sang phòng bà Lynde mỗi khi Gilbert đến và nâng nặc đòi dẫn theo hai đứa sinh đôi. Ý nghĩa của hành động này quá sức rõ ràng và Anne dẫu tức giận nhưng cũng đành bất lực.

Tuy nhiên Davy lại hoàn toàn hài lòng. Cậu nhóc khoái chí vì được ra ngoài cào tuyết trên lối đi dẫn ra giếng và chuồng gà mỗi sáng. Nó mê tí các món ngon dịp Giáng sinh mà bà Marilla và bà Lynde đua nhau chuẩn bị cho Anne, và nó đang đọc một câu chuyện vô cùng hấp dẫn trong quyển sách mượn từ thư viện trường, chuyện nói về một vị anh hùng kỳ lạ, với năng lực thần kỳ là thường xuyên dính líu vào các vụ rắc rối, tuy vậy trong bất kỳ vụ nào, anh chàng cũng đều được một trận động đất hay núi lửa bùng nổ bắn tung lên trời, thoát khỏi mọi cản trở, đem lại cho anh ta cả một gia tài và kết thúc câu chuyện một cách cực kỳ sống động.

“Cháu cho cô biết nhé, truyện này hay mê toi luôn, cô Anne ạ,” nó hào hứng kể. “Cháu mê nó hơn Kinh Thánh nữa.”

“Vậy sao?” Anne cười.

Davy liếc nhìn cô vẻ tò mò.

“Cô chẳng có vẻ bị sốc chút nào, cô Anne ơi. Bà Lynde bị sốc khủng khiếp khi cháu nói vậy.”

“Không, cô không bị bất ngờ đâu, Davy ạ. Cô nghĩ rằng một cậu bé chín tuổi đương nhiên sẽ thích đọc truyện phiêu lưu hơn là đọc Kinh Thánh. Nhưng khi cháu lớn hơn một chút, cô hy vọng và cũng tin rằng cháu sẽ hiểu được Kinh Thánh là quyển sách tuyệt vời thế nào.”

“Ồ, cháu nghĩ một số đoạn trong ấy cũng hay đấy chứ,” Davy thừa nhận. “Như câu chuyện về Joseph ấy - hay mê toi luôn. Nhưng nếu cháu là Joseph cháu sẽ không đòi nào tha thứ cho đám anh trai. Không, chắc chắn là không, cô Anne ạ. Cháu sẽ chặt hết đầu bọn họ. Bà Lynde phát khùng lên khi cháu nói thế, bà ấy đóng Kinh Thánh lại và nói rằng sẽ không bao giờ đọc bất kỳ câu chuyện nào cho cháu nghe nếu cháu cứ ăn nói như thế. Vì vậy, cháu không lên tiếng nữa mỗi khi bà ấy đọc Kinh Thánh vào chiều Chủ nhật; cháu chỉ nghĩ trong bụng và hôm sau đến trường kể lại cho Milty

Boulter nghe. Cháu kể câu chuyện về Elisha và đám gấu cho Milty nghe và nó sợ đến nỗi chẳng dám trêu cái đầu hói của ông Harrison thêm lần nào nữa. Có gấu ở đảo Hoàng Tử Edward không hờ cô Anne? Cháu muốn biết.”

“Không, giờ thì không,” Anne vừa lơ đãng đáp lời vừa ngấm ngọn gió ném tuyết vào cửa sổ. “Ôi chao ôi, đến chừng nào thì bão tuyết mới ngừng đây.”

“Có Chúa mới biết,” Davy bâng quơ chêm một câu rồi chuẩn bị đọc truyện tiếp.

Lần này thì Anne bị sốc thật sự.

“Davy!” cô kêu lên đầy trách móc.

“Bà Lynde cũng nói vậy mà,” Davy kháng nghị. “Một đêm cuối tuần vừa rồi, bà Marilla nói ‘Liệu Ludovic Speed và Theodora Dix có đời nào kết hôn được không nhỉ’ và bà Lynde nói, ‘Có Chúa mới biết’ - thần nhiên thế đấy.”

“À, bà ấy nói thế là không đúng,” Anne quyết định chọn cách an toàn hơn để giải quyết vấn đề. “Bất kỳ ai cũng không nên gọi tên Chúa một cách bất cẩn hay bừa bãi, Davy ạ. Đừng bao giờ làm vậy nữa nhé.”

“Ngay cả nếu cháu nói chậm rãi và trang trọng như ông mục sư cũng không được ạ?” Davy nghiêm túc hỏi.

“Không, ngay cả như vậy cũng không được.”

“Vâng, cháu sẽ không nói nữa. Ludovic Speed và Theodora Dix sống ở Trung Grafton và bà Rachel nói anh ấy đã theo đuổi chị ấy cả trăm năm trời rồi. Liệu họ có sắp trở nên quá tuổi kết hôn không hả cô Anne? Cháu hy vọng chú Gilbert sẽ không theo đuổi cô lâu đến thế. Khi nào cô kết hôn vậy hờ cô Anne? Bà Lynde nói đó là chắc chắn rồi.”

“Bà Lynde là một...” Anne bực tức buột miệng nhưng dừng lại kịp lúc. “Bà tám già khủng khiếp,” Davy bình tĩnh nói nốt. “Ai cũng nói bà ấy như vậy mà. Nhưng chắc chắn thật sao hở cô Anne? Cháu muốn biết.”

“Cháu đúng là một cậu bé rất ngớ ngẩn, Davy ạ,” Anne đáp rồi hiên ngang bước ra khỏi phòng. Nhà bếp trống không, cô ngồi xuống bên cửa sổ trong ánh chạng vạng mùa đông đang nhanh chóng nhạt nhòa. Mặt trời lặn, gió cũng dịu bớt. Mặt trăng lạnh giá nhợt nhạt nhô lên khỏi vầng mây tím ở phương Tây. Bầu trời mờ dần, nhưng dải vàng dọc theo đường chân trời phía Tây ngày càng sáng và đậm hơn, như thể tất cả các tia nắng lạc loài đã tập trung cùng một chỗ; những ngọn đồi xa xôi với những hàng sam nghiêm chỉnh viền quanh tối sẫm, nổi bật trên nền sáng chân trời. Anne nhìn lướt qua cánh đồng trắng xóa tĩnh lặng đang vật vờ lạnh giá trong ánh sáng hoàng hôn khắc nghiệt, rồi cô thở dài. Cô cảm thấy rất cô đơn; và tim cô tràn đầy nỗi đau; bởi cô đang tự hỏi liệu mình có thể tiếp tục học ở Redmond vào năm tới hay không. Rất có khả năng là không. Học bổng duy nhất cô có thể lấy trong năm thứ hai không đáng kể chút nào. Cô sẽ không lấy tiền của bà Marilla; và chẳng có mấy cơ hội để kiếm đủ tiền trong kỳ nghỉ hè.

“Chắc mình phải xin nghỉ vào năm tới mất,” cô mệt mỏi tự nhủ, “và dạy trường làng nào đó cho đến khi kiếm được đủ tiền hoàn tất khóa học. Đến lúc đó tất cả bạn cũ của mình đã tốt nghiệp mất rồi và đừng mong tiếp tục được ở trong Nhà Patty nữa. Nhưng thôi nào! Mình sẽ không hèn nhát nữa. Có thể tự kiếm được tiền trang trải khi cần là có phúc lắm rồi.”

“Kìa, ông Harrison đang lộ tuyết nơi lối vào kìa,” Davy reo lên rồi chạy ra ngoài. “Cháu hy vọng ông ấy đem báo tới. Đã ba ngày rồi chẳng có báo chí gì. Cháu muốn biết bọn đảng Tự do đang làm trò gì. Cháu theo đảng Bảo thủ, cô Anne ạ. Và cho cô biết nhé, lúc nào cũng phải trông chừng bọn đảng Tự do.”

Ông Harrison có đem báo tới, và những lá thư vui nhộn của Stella, Priscilla và Phil nhanh chóng làm dịu đi nỗi lo âu của Anne. Dì Jamesina cũng viết thư, nói rằng dì vẫn giữ lò sưởi cháy tốt, mấy con mèo vẫn khỏe, và cây cối vẫn tươi tốt.

“Trời lạnh ghê gớm,” dì viết, “vì vậy ta cho mấy con mèo ngủ trong nhà - Mốc và Joseph trên ghế xô pha trong phòng khách, còn mèo Sarah nằm ở chân giường ta. Thật ấm áp khi nghe tiếng gừ gừ của nó mỗi khi ta tỉnh dậy lúc nửa đêm và nhớ tới đứa con gái đáng thương đang đi truyền đạo ở nơi xa. Nếu không phải ở Ấn Độ thì ta sẽ không lo lắng gì đâu, nhưng nghe nói bọn rắn nơi đó khủng khiếp lắm. Cả đêm

nghe tiếng gù gù của mèo Sarah may ra mới xua đuổi được suy nghĩ về bọn rắn ấy. Ta có đủ đức tin để chiến thắng mọi thứ trừ loài rắn. Ta chẳng hiểu vì sao Chúa trời lại tạo ra chúng nữa. Có đôi khi ta nghĩ chắc không phải Người tạo ra chúng đâu. Ta nghiêng về giả thuyết rằng chính quỷ dữ đã góp một tay vào việc này.”

Anne chừa lá thư mỏng đánh máy lại sau cùng, cho rằng chẳng có gì quan trọng. Đọc xong, cô ngồi yên sững sờ, nước mắt lưng tròng.

“Chuyện gì vậy Anne?” Marilla hỏi.

“Cô Josephine Barry đã qua đời,” Anne hạ giọng.

“Vậy là cuối cùng bà ấy cũng ra đi,” bà Marilla than thở. “Ôi chao, bà ấy bị bệnh hơn một năm trời, và nhà Barry biết bà ấy sẽ qua đời bất cứ lúc nào. Bà ấy được yên nghỉ vậy là tốt, còn hơn sống mà chịu đựng, Anne ạ. Bà ấy luôn luôn đối xử tử tế với cháu.”

“Bà ấy tốt với cháu đến tận phút sau cùng, bác Marilla à. Thư này là luật sư của bà ấy gửi. Bà ấy để lại cho cháu một ngàn đô la trong di chúc.”

“Ôi trời, một khoản tiền to khủng khiếp,” Davy kêu lên. “Đấy là cái bà bị cô và cô Diana lao vào người khi hai người nhảy lên giường trong phòng dành cho khách, phải không? Cô Diana kể cho cháu nghe đấy. Có phải đó là lý do bà ấy cho cô thật nhiều tiền không?”

“Thôi nào, Davy,” Anne nhẹ nhàng suýt cậu bé. Cô lẩn lên gác xép với trái tim nặng trĩu, để lại bà Marilla và bà Lynde tha hồ bàn tán thỏa thích về tin vừa nhận được.

“Thế giờ bà nghĩ cô Anne có lấy chồng nữa không?” Davy lo âu suy đoán. “Khi Dorcas Sloane cưới chồng vào mùa hè vừa rồi, chị ấy nói nếu mình có đủ tiền để sống thì đã chẳng thèm ghé mắt nhìn bọn đàn ông, nhưng một người đàn ông góa vợ với tám đứa con vẫn tốt hơn là sống với một bà chị dâu.”

“Davy Keith, coi chừng cái lưỡi của cháu,” bà Rachel nghiêm khắc quở mắng. “Cách cháu nói chuyện thật quá sức chịu đựng, chẳng giống một cậu bé tí nào, thế đấy.”

Chương 19: Khoảng lặng

“Cứ nghĩ rằng đây là sinh nhật thứ hai mươi của cháu, và thời thiếu niên đã lùi lại đằng sau mãi mãi.” Cuộn người trên tấm thảm trải trước lò sưởi với mèo Mốc trong lòng, Anne than thở với dì Jamesina đang ngồi đọc sách trên chiếc ghế yêu thích. Họ chỉ có một mình trong phòng khách. Stella và Priscilla tham dự một buổi họp còn Phil đang ở trên lầu chải chuốt chuẩn bị đi dự tiệc.

“Ta nghĩ cháu đang cảm thấy nuối tiếc lắm,” dì Jamesina nói. “Thời thiếu niên là một phần hết sức tốt đẹp của cuộc đời. Ta vui vì mình chẳng bao giờ phải rời khỏi thời niên thiếu cả.”

Anne phá lên cười.

“Dì sẽ không bao giờ như vậy đâu. Dì vẫn luôn mười tám đầu tuổi thật là một trăm. Đúng vậy, cháu đang nuối tiếc, và có chút bất mãn nữa. Cô Stacy nói với cháu hồi lâu lắm rồi rằng khi cháu hai mươi, tính cách cháu sẽ được định hình, vĩnh viễn. Cháu không thấy tính cách cháu đủ tốt. Nó đầy khuyết điểm ra đấy.”

“Mọi người cũng thế thôi,” dì Jamesina vui vẻ khuyên nhủ. “Tính tình ta thủng cả trăm chỗ đấy chứ. Cô Stacy của cháu có lẽ muốn nói rằng khi cháu hai mươi, tính cách cháu sẽ vĩnh viễn nghiêng về một hướng nào đó, và sẽ tiếp tục phát triển theo hướng ấy. Đừng quá lo lắng như vậy, Anne ạ. Làm đúng bổn phận của cháu với Chúa, người xung quanh cùng chính bản thân cháu, và cứ tận hưởng cuộc sống đi. Đó là triết lý sống của ta và nó luôn luôn đúng. Đêm nay Phil đi đâu vậy?”

“Cậu ấy đi dự vũ hội, và cậu ấy mặc một chiếc váy tuyệt vời, váy lụa màu vàng kem với đăng ten mỏng tanh như mạng nhện. Rất hợp với sắc nâu của cậu ấy.”

“Hình như từ ‘lụa’ và ‘đăng ten’ chứa đầy ma thuật, phải vậy không?” dì Jamesina hỏi. “Chỉ nghe đến chúng thôi cũng làm ta cảm thấy như đang nhún nhảy theo điệu nhạc rồi. Và còn lụa màu vàng nữa chứ. Nó khiến ta nghĩ tới chiếc váy làm từ nắng trời. Ta luôn muốn mặc một chiếc váy lụa vàng, nhưng hết mẹ rồi đến chồng ta không đồng ý. Việc đầu tiên ta sẽ làm khi đến thiên đàng là kiếm một chiếc váy lụa vàng.”

Giữa tràng cười lạnh lạnh của Anne, Phil xuống lầu kéo theo làn váy bập bênh như mây trời và ngắm nghía mình trong tấm gương bầu dục dài trên tường.

“Một tấm gương biết tôn vẻ đẹp của chủ nhân sẽ làm thế giới này dễ thương hẳn ra,” cô nói. “Chiếc gương trong phòng tớ rõ ràng làm tớ trông xanh xao quá đi mất. Tớ trông có được không hở Anne?”

“Thế cậu có thực sự biết là mình đẹp đến nhường nào không Phil?” Anne hỏi với lòng ngưỡng mộ chân thành.

“Đương nhiên là tớ biết chứ. Nếu không thì gương và các chàng trai dùng để làm gì? Ý tớ không phải là hỏi chuyện đó. Có thứ gì còn thò ra ngoài không? Váy của tớ thẳng thớm chưa? Và đóa hồng này hạ xuống một chút thì sẽ đẹp hơn chứ? Tớ e là mình cài nó quá cao - nó sẽ làm cho tớ trông cứ lệch sang một bên. Nhưng tớ ghét có cái gì cứ cọ cọ vào lỗ tai.”

“Mọi thứ đều đầu vào đó, và lúm đồng tiền ở phía Tây Nam của cậu thật đáng yêu.”

“Anne, có một điều đặc biệt tớ thích ở cậu - cậu hết sức rộng lượng. Chẳng có một tí ti ghen tỵ nào trong cậu cả.”

“Tại sao cô nàng phải ganh tỵ chứ?” dì Jamesina hỏi. “Có lẽ cô nàng không dễ nhìn như cháu, nhưng cái mũi của cô nàng thì hơn xa cháu.”

“Cháu biết điều đó mà,” Phil thừa nhận.

“Cái mũi luôn luôn là niềm an ủi to lớn cho cháu,” Anne thú nhận.

“Và tớ thích nhìn tóc của cậu lò xo trên trán, Anne ạ. Và cái lọn tóc bé xíu kia, lúc nào trông cũng như sắp rũ xuống, nhưng chẳng bao giờ rũ xuống ấy, nhìn ngon mắt quá đi. Nhưng nói đến mũi, đó là nỗi lo lắng đáng sợ của tớ. Tớ biết khi tớ bốn mươi nó sẽ mọc kiểu Byrne cho coi. Cậu nghĩ khi bốn mươi tớ sẽ thế nào hở Anne?”

“Sẽ là một quý bà lớn tuổi đứng đắn đoan trang,” Anne trêu.

“Không đời nào,” Phil kêu lên rồi thoải mái ngồi xuống chờ anh chàng hộ tống tới. “Joseph, con quái vật lờ lợet kia, đừng có nhảy vào lòng ta nghe chưa. Ta sẽ không đi khiêu vũ với chiếc váy đầy lông mèo đâu. Không, Anne ạ, tớ sẽ không có vẻ đứng đắn đoan trang đâu. Nhưng chắc chắn là tớ sẽ lập gia đình.”

“Vớ Alec hay Alonzo?” Anne hỏi.

“Một trong hai người ấy, tớ nghĩ thế,” Phil thờ dãi, “nếu tớ có thể quyết định là lấy ai.”

“Lựa chọn có gì khó khăn chứ,” dì Jamesina trách móc.

“Dì ơi, cháu sinh ra làm kiếp bập bênh, và chẳng có gì có thể giúp cháu không bị dao động cả.”

“Cháu cần phải chín chắn hơn, Philippa ạ.”

“Chín chắn được là tốt nhất, tất nhiên rồi,” Philippa đồng ý, “nhưng như vậy sẽ bỏ lỡ rất nhiều trò vui. Còn chuyện của Alec và Alonzo, nếu biết họ dì sẽ hiểu tại sao chọn một trong hai lại khó khăn đến thế. Họ dễ thương y hệt như nhau.”

“Thế thì chọn ai đó dễ thương hơn họ đi vậy,” dì Jamesina gợi ý. “Có anh chàng năm tư mê tí cháu đấy - Will Leslie thì phải. Anh chàng có đôi mắt to dịu dàng đáng yêu.”

“Chúng quá to và quá dịu dàng - giống như một con bò cái ấy,” Phil tàn nhẫn bình phẩm.

“Thế cháu nghĩ gì về George Parker?”

“Chẳng có gì đáng nghĩ về anh ta ngoại trừ anh ta lúc nào cũng có vẻ như vừa được ủi phẳng và hồ bột.”

“Còn Marr Holworthy nữa. Cháu chẳng thể tìm ra khuyết điểm nào ở anh ta cả.”

“Đúng vậy, anh chàng sẽ trúng tuyển nếu không nghèo như thế. Cháu phải kết hôn với một người giàu có, dì Jamesina ạ. Giàu - và đẹp trai nữa - là phẩm chất không thể thiếu. Cháu sẽ lấy Gilbert Blythe nếu anh chàng giàu có.” “Ôi, vậy sao?” Anne gắng hỏi có phần hơi ác ý.

“Mình chẳng thích ý tưởng đó một chút nào, mặc dù mình thì chẳng cần Gilbert, ôi, không,” Phil chọc gẹo. “Nhưng chúng ta đừng nói những chuyện chán phèo này nữa. Chắc một ngày nào đó cháu cũng phải lấy chồng thôi, nhưng cháu sẽ trì hoãn cái ngày khủng khiếp ấy càng lâu càng tốt.”

“Cháu đừng kết hôn với bất kỳ người nào cháu không yêu, Phil ạ, nói tóm lại là thế,” dì Jamesina khuyên.

“Ôi, trái tim yêu đương theo kiểu cũ, Nay đã lỗi một lắm lắm rồi.”

Phil ngâm nga với giọng mỉa mai. “Xe tới rồi. Cháu bay đây - tạm biệt hai cục cứng lỗi thời nhé.”

Khi Phil đã đi, dì Jamesina nghiêm túc nhìn sang Anne.

“Con bé xinh xắn, ngọt ngào và tốt bụng, nhưng cháu có nghĩ con bé có bị chập mạch không hở Anne?”

“Ôi, cháu nghĩ đầu óc Phil vẫn ổn dì ơi,” Anne cười trộm. “Chỉ là cách nói chuyện của cậu ấy thôi.” Dì Jamesina lắc đầu.

“Ừ, ta hy vọng như vậy, Anne ạ. Ta thực tình hy vọng như vậy, vì ta thương con bé. Nhưng ta chẳng thể hiểu nổi con bé - con bé ấy vượt quá trình độ của ta rồi. Nó chẳng giống như bất kỳ cô gái nào ta biết, hoặc bất kỳ cô gái nào như ta thuở xưa.”

“Thế dì đã từng là bao nhiêu cô gái khác nhau rồi hở dì Jimsie?”

“Cả nửa tá đấy, cưng ạ.”

Chương 20: Gilbert thổ lộ

“Hôm nay là một ngày buồn tẻ chán ngắt,” Phil vừa ngáp vừa vươn người lười biếng trên ghế xô pha, nơi cô vừa xua đuổi hai chú mèo hết sức căm phẫn.

Anne ngẩng lên khỏi quyển Tàng thư hội Pickwick. Giờ kỳ thi mùa xuân đã trôi qua, cô tự thưởng cho mình những tác phẩm của Dickens.

“Đúng là một ngày chán ngán cho chúng ta,” cô trầm ngâm, “nhưng với một số người khác, có thể là một ngày tuyệt vời. Ai đó đã hạnh phúc điên cuồng trong ngày hôm nay. Có lẽ một chiến tích anh hùng đã xảy ra ở nơi nào đó - hoặc một bài thơ tuyệt vời được viết nên - hoặc một vĩ nhân sinh ra đời. Và vài ba trái tim tan vỡ, Phil ạ.”

“Tại sao cậu lại làm hỏng suy nghĩ hay ho của mình bằng cách kéo theo cái câu cuối cùng ấy hử cưng?” Phil cầu nhàu. “Tớ không thích nghĩ tới trái tim tan vỡ - hoặc bất cứ điều khó chịu gì khác.”

“Thế cậu nghĩ rằng mình có thể tránh những điều khó chịu trong suốt cuộc đời hử Phil?”

“Ôi chao, không đâu. Chẳng phải tớ đang đối đầu với bọn chúng ngay bây giờ hay sao? Cậu sẽ không xem Alec và Alonzo là dễ chịu, khi bọn họ cứ quấy rầy cuộc đời tớ thế này chứ?”

“Cậu chẳng bao giờ nghiêm túc với bất cứ chuyện gì cả, Phil à.”

“Tại sao tớ phải nghiêm túc chứ? Quá đủ người như thế rồi. Thế giới cần những người như tớ, Anne ạ, để giúp nó cảm thấy vui vẻ một chút. Thế giới này sẽ là một nơi khủng khiếp nếu tất cả mọi người đều hàn lâm, đứng đắn và nghiêm túc đến chết người. Nhiệm vụ của tớ, như Josiah Allen từng nói, là ‘để hấp dẫn và quyến rũ’. Thú nhận đi. Chẳng phải cuộc sống ở Nhà Patty đã tươi sáng và dễ chịu hơn trong mùa đông vừa qua nhờ tớ lên dây cót cho mọi người sao?”

“Ừ, quả thật là vậy,” Anne thừa nhận.

“Và tất cả các cậu đều yêu tớ - thậm chí cả dì Jamesina nữa, dù dì nghĩ là tớ bị chập mạch. Vậy thì tại sao tớ phải thử sống khác đi chứ? Ôi cưng ơi, tớ buồn ngủ quá. Tớ chong mắt đến một giờ sáng đêm qua để đọc cho xong một câu chuyện ma bí hiểm. Tớ nằm đọc trên giường, và sau khi đọc xong, cậu nghĩ tớ dám ló đầu ra khỏi giường để tắt đèn không? Không! May mà Stella về nhà trễ, nếu không cái đèn ấy sẽ cháy sáng rực cho đến sáng. Khi nghe tiếng Stella tớ bèn gọi ngay, giải thích tình trạng khó khăn của mình, và nhờ cậu ấy tắt đèn. Nếu thò đầu ra thì tớ biết sẽ có cái gì đó tóm lấy chân khi tớ quay trở lại giường. Nhân tiện, Anne ạ, dì Jamesina đã quyết định làm gì mùa hè này chưa?”

“Rồi, dì ấy sẽ ở lại đây. Tớ biết dì làm vậy vì đám mèo may mắn nhà này, mặc dù dì nói dọn dẹp nhà mình thì quá phiền phức mà dì ấy lại ghét đi thăm viếng.”

“Cậu đang đọc gì vậy?”

“Pickwick.”

“Đó là quyển sách luôn luôn làm cho tớ cảm thấy đói,” Phil nói. “Có rất nhiều món ăn ngon trong ấy. Các nhân vật lúc nào cũng đang thưởng thức món giăm bông, trứng và rượu pha sữa. Mỗi khi đọc Pickwick xong, tớ lại đi lục lọi chạn bếp. Nhắc mới nhớ là tớ đang đói meo đây. Có thứ gì ngon lành trong kho thực phẩm không hở Nữ hoàng Anne?”

“Tớ có làm một cái bánh chanh hồi sáng. Cậu cứ cắt một miếng đi.”

Phil chạy ù vào kho thực phẩm và Anne rảo bước đi dạo trong vườn cây cùng với Mốc. Đó là một buổi chiều xuân sớm ẩm ướt và ngập tràn mùi thơm. Tuyết chưa tan hết trong công viên; một lớp tuyết mỏng xám xịt vẫn còn nằm dưới hàng thông ven đường cảng, được che chắn khỏi ánh mặt trời tháng Tư. Nó làm con đường dọc bên cảng trở nên lầy lội và khiến trời chiều se lạnh. Nhưng cỏ đã mọc xanh um ở những góc khuất, và Gilbert đã tìm thấy vài cụm dương mai yếu ớt ngọt ngào trong một góc khuất đầu đó. Anh đi qua lối công viên, tay cầm đầy hoa dương mai.

Anne đang ngồi trên tảng đá lớn màu xám nơi vườn cây, ngắm nhìn hành bạch dương trơ trọi nghiêng nghiêng duyên dáng như một bài thơ giữa ánh hoàng hôn đỏ nhạt. Cô đang xây dựng một tòa lâu đài trên mây - một tòa nhà tuyệt vời với sân ngập nắng và hành lang trang nghiêm ngất ngây mùi nước hoa Ả Rập, nơi cô vừa là chủ nhân vừa là nữ hoàng trị vì. Cô cau mày khi thấy Gilbert băng qua vườn cây. Đạo gần đây, cô luôn tìm được cách không ở một mình bên Gilbert. Nhưng giờ thì anh đã tóm được cô; và thậm chí Mốc cũng bỏ rơi cô.

Gilbert ngồi xuống tảng đá bên cạnh cô và đưa cho cô bó hoa dương mai.

“Chúng có nhắc cậu nhớ tới quê nhà và những cuộc dã ngoại thời học trò của chúng ta không hở Anne?” Anne cầm lấy và dụi mặt vào bó hoa.

“Giờ tớ đang ở ngay trong cánh đồng hoang của ông Silas Sloane,” cô háo hức thốt lên.

“Tớ nghĩ vài ngày nữa cậu sẽ thực sự có mặt ở đó thôi mà?”

“Không đâu, còn hai tuần nữa. Tớ sẽ ghé thăm Phil ở Bolingbroke trước khi về nhà. Cậu sẽ có mặt ở Avonlea trước tớ cho coi.”

“Không, mùa hè này tớ sẽ không về Avonlea đâu, Anne ạ. Tớ tìm được việc ở văn phòng tờ Tin tức hằng ngày và tớ sẽ bắt đầu làm việc.”

“Ôi,” Anne đáp lại mơ hồ. Cô tự hỏi cả mùa hè dài ở Avonlea sẽ thế nào nếu không có Gilbert. Dường như cô không mấy thích viễn cảnh ấy lắm. “Ôi chao,” cô kết luận nhạt phèo, “tốt cho cậu, hẳn thế rồi.”

“Ừ, tớ rất trông mong vào công việc này. Nó sẽ giúp tớ học tiếp sang năm.”

“Cậu đừng làm việc quá sức,” Anne nói mà chẳng rõ là mình đang nói gì. Cô ước ao một cách tuyệt vọng rằng Phil sẽ đi ra vườn. “Cậu đã học hành hết sức chăm chỉ cả mùa đông rồi. Buổi tối nay thú vị quá phải không? Cậu biết không, hôm nay tớ tìm

thấy một cụm hoa violet trắng dưới gốc cái cây vắn vẹo đằng kia. Tớ cảm thấy như thể đã khám phá một mỏ vàng vậy.”

“Cậu lúc nào cũng tìm thấy các mỏ vàng,” Gilbert đáp, cũng lơ đãng không kém.

“Chúng ta hãy đi tìm xem có còn nữa hay không,” Anne hăm hở đề nghị. “Tớ sẽ gọi Phil và...”

“Giờ hãy khoan quan tâm đến Phil và hoa violet, Anne ạ,” Gilbert lặng lẽ nói, giữ chặt lấy tay cô khiến cô chẳng có cách nào giật ra. “Anh muốn nói với em một chuyện.”

“Ôi, đừng nói mà,” Anne van vãn. “Đừng... làm ơn mà, Gilbert.”

“Anh phải nói. Không thể để mọi chuyện dở dang thế này mãi được. Anne, anh yêu em. Em biết mà. Anh... anh không thể nói anh yêu em dường nào. Em có đồng ý làm vợ anh trong tương lai không?”

“Em... tớ không thể,” Anne lắp bắp đau đớn. “Ôi, Gilbert... anh... cậu làm hỏng mọi thứ rồi.”

“Em không thích anh sao?” Sau một khoảng lặng đáng sợ, Gilbert lên tiếng hỏi, Anne cúi đầu không dám nhìn lên.

“Không... không phải theo cách cậu nghĩ. Tớ mến cậu vô cùng nhiều như một người bạn. Nhưng tớ không yêu cậu, Gilbert ạ.”

“Nhưng em không thể cho anh hy vọng rằng một ngày nào đó, em sẽ...?”

“Không, tớ không thể,” Anne kêu lên tuyệt vọng.

“Tớ không bao giờ, không bao giờ có thể yêu cậu - theo cách đó - Gilbert ạ. Cậu đừng bao giờ nhắc lại chuyện này với tớ nữa.”

Một khoảng lặng khác dài và đáng sợ đến mức cuối cùng Anne phải ngẩng đầu lên. Khuôn mặt và kể cả môi Gilbert đều trắng bệch. Và đôi mắt của anh - nhưng Anne rùng mình và nhìn ra chỗ khác. Chẳng có gì lảng mạn ở đây cả. Chẳng lẽ mọi lời cầu hôn nếu không kỳ cục thì sẽ... khủng khiếp như vậy sao? Liệu cô có thể nào quên được khuôn mặt Gilbert lúc này không?

“Có ai khác sao?” cuối cùng anh hạ giọng hỏi.

“Không... không có ai cả,” Anne vội giải thích. “Tôi không quan tâm tới bất kỳ ai theo kiểu như thế - và tôi miễn cưỡng hơn bất kỳ người nào khác trên thế giới này, Gilbert ạ. Và bọn mình phải... bọn mình phải tiếp tục là bạn bè, Gilbert ạ.”

Gilbert cười nhạt cay đắng.

“Bạn bè! Tình bạn của em không thể thỏa mãn được tôi, Anne ạ. Tôi muốn tình yêu của em - mà em lại bảo rằng tôi chẳng bao giờ có được.”

“Tôi xin lỗi. Tha thứ cho tôi, Gilbert,” Anne chỉ có thể nói như vậy. Ôi, bài diễn văn khéo léo đầy cảm kích mà cô từng tưởng tượng ra để từ chối các chàng trai theo đuổi, giờ nó ở đâu rồi?

Gilbert nhẹ nhàng buông tay cô ra.

“Chẳng có gì phải tha thứ cả. Đã có lúc tôi nghĩ rằng em để ý đến tôi. Chẳng qua là tôi tự dối mình thôi. Tạm biệt, Anne.”

Anne quay trở về phòng, ngồi lên bệ cửa sổ dưới tầng thông và òa khóc cay đắng. Cô cảm thấy như thể một thứ gì đó vô cùng quý giá đã rời khỏi cuộc sống của mình. Đương nhiên đó là tình bạn của Gilbert rồi. Ôi, tại sao cô phải mất nó trong hoàn cảnh này chứ?

“Có chuyện gì vậy hả cưng?” Phil bước vào phòng trong ánh trăng lờ mờ.

Anne không trả lời. Vào lúc này, cô ước gì Phil ở cách đây một ngàn dặm.

“Chắc cậu vừa từ chối Gilbert Blythe chứ gì. Cậu là một con ngốc, Anne Shirley!”

“Thế cậu nghĩ từ chối kết hôn với một người đàn ông mà tớ không yêu là ngốc nghếch à?” Anne bị buộc phải đáp lại một cách lạnh lùng.

“Cậu nhìn tình yêu mà không biết đó là tình yêu. Cậu tưởng tượng ra thứ cậu gọi là tình yêu, và cậu cứ hy vọng tình yêu đời thực trông giống y như thế. Thế đấy, đó là câu triết lý đầu tiên trong đời tớ. Chẳng biết làm sao mà tớ nghĩ ra câu đó được nhỉ?”

“Phil,” Anne van vãn, “hãy đi đi và để tớ một mình một lát. Thế giới của tớ đã vỡ tan tành rồi. Tớ muốn tái tạo nó.”

“Mà không có chút bóng dáng nào của Gilbert trong đó ư?” Phil hỏi rồi bỏ đi.

Một thế giới không có chút bóng dáng nào của Gilbert! Anne buồn rầu lặp lại. Thế giới ấy chẳng phải sẽ hết sức cô đơn và hoang vắng hay sao? Ôi, tất cả là lỗi của Gilbert. Anh đã làm hỏng tình bạn đẹp đẽ của họ. Giờ thì cô đành phải học cách sống không có nó mà thôi.

Chương 21: Hoa hồng của ngày hôm qua

Hai tuần ở Bolingbroke hết sức dễ chịu, ngoại trừ chút sóng ngầm của nỗi đau và bất mãn cứ mơ hồ lướt qua mỗi khi Anne nghĩ đến Gilbert. Tuy nhiên, cô cũng chẳng có mấy thời gian mà nghĩ đến anh. “Đỉnh Nhựa Ruồi”, gia trang xinh đẹp lâu đời của nhà Gordon, là một nơi rất sống động, đầy chật bạn bè thuộc cả hai giới của Phil. Hàng loạt buổi đi dạo, khiêu vũ, dã ngoại và chèo thuyền nối liền không ngắt, tất cả được gọi tóm gọn là “liên hoan” theo cách nói của Phil; Alec và Alonzo lúc nào cũng ở sát bên khiến Anne tự hỏi liệu họ có việc gì khác để làm ngoại trừ chạy theo săn đón cô nàng Phil bốc đồng hay thay đổi hay không. Cả hai đều dễ thương và đầy nam tính, nhưng Anne cương quyết không phát biểu ý kiến về chuyện ai tốt hơn ai.

“Vậy mà tớ tưởng có thể nhờ vả cậu giúp tớ quyết định xem nên hứa lấy ai,” Phil rên rỉ.

“Cậu phải tự quyết định lấy. Cậu khá sành sỏi khi quyết định xem người khác nên cưới ai cơ mà,” Anne phản pháo có phần cay độc.

“Ôi, đó là chuyện hoàn toàn khác mà,” Phil thành thực thú nhận.

Nhưng điểm nhấn ngọt ngào nhất trong chuyến đến chơi Bolingbroke kỳ này là hôm cô đến thăm nơi mình sinh ra - căn nhà nhỏ màu vàng xập xệ trên con đường hẻo lánh mà cô đã bao lần mơ tới. Cô nhìn nó với ánh mắt vui mừng khi cùng Phil rẽ vào trước cửa chính.

“Nó trông gần như y hệt trong trí tưởng tượng của tớ,” cô nói. “Không có tầng kim ngân rũ xuống bên cửa sổ, nhưng có một cây tử đinh hương ngoài cổng, và... đúng rồi, rèm cửa sổ bằng vải muslin. Tớ vui sướng biết bao khi nó vẫn sơn màu vàng.”

Một phụ nữ rất cao và gầy ra mở cửa.

“Đúng vậy, gia đình Shirley từng sống ở đây hai mươi năm trước,” bà trả lời câu hỏi của Anne. “Họ thuê căn nhà này. Tôi vẫn còn nhớ rõ họ. Cả hai đều chết vì sốt cao. Thật buồn khủng khiếp. Họ để lại một đứa con. Tôi nghĩ nó đã chết từ lâu rồi. Trông

nó ốm yếu lắm. Vợ chồng lão Thomas nhận nuôi nó - làm như họ không có đủ con cái rồi ấy.”

“Nó chưa chết đâu,” Anne mỉm cười. “Cháu là đứa bé đó.”

“Cô nói gì cơ! Ôi trời, cháu lớn quá,” người phụ nữ kêu lên, như thể bà quá sức ngạc nhiên khi thấy Anne không còn là một đứa bé con nữa. “Nhìn kỹ cháu thì tôi thấy giống đấy. Trông cháu giống hệt cha cháu. Ông ấy cũng có mái tóc màu đỏ. Nhưng mắt và miệng cháu thì giống mẹ. Chị ấy là người nhỏ nhắn dễ thương. Con gái tôi học với chị ấy và gần như phát cuồng vì chị ấy. Họ được chôn chung với nhau và hội đồng nhà trường đặt một bia mộ để tưởng nhớ những đóng góp của họ. Cháu vào nhà chơi nhé?”

“Bà cho cháu đi tham quan một vòng quanh nhà chứ?” Anne hăng hái hỏi.

“Ôi trời, được mà, nếu cháu muốn thế. Chẳng tốn bao nhiêu thời gian đâu - nhà nhỏ xíu thôi. Tôi cứ đòi ông chồng xây căn bếp mới, nhưng ông ấy không tháo vát gì cho cam. Ở kia là phòng khách, trên lầu có hai phòng nữa. Cứ tự đi xem lấy đi. Tôi phải đi trông đứa nhỏ đã. Cháu sinh ra ở gian phòng phía Đông đấy. Tôi nhớ mẹ cháu nói là thích ngắm cảnh mặt trời mọc; và tôi nghe nói cháu sinh ra đúng lúc mặt trời nhô lên, ánh bình minh trên khuôn mặt cháu là thứ đầu tiên mẹ cháu nhìn thấy.”

Anne trèo lên cầu thang ọp ẹp rồi bước vào căn phòng nhỏ phía Đông với một trái tim tràn đầy cảm xúc. Nó chẳng khác gì thánh điện đối với cô. Nơi đây mẹ cô từng mơ những giấc mơ thuần khiết hạnh phúc của người mẹ tương lai; nơi đây ánh bình minh đỏ rực đã chiếu sáng cả hai trong giờ phút thiêng liêng khi cô sinh ra đời; nơi đây mẹ cô đã ra đi. Anne nhìn quanh với vẻ thành kính, nước mắt tràn mi. Đây là một trong những giây phút quý báu trong cuộc đời, và nó sẽ mãi mãi lấp lánh sáng rực trong ký ức cô.

“Nghĩ mà xem, khi sinh mình, mẹ còn trẻ hơn mình bây giờ,” cô thì thầm.

Khi Anne xuống lầu, bà chủ nhà gặp cô nơi hành lang. Bà cầm một gói nhỏ bụi bặm thắt dải ruy băng xanh đã bạc màu.

“Đây là một bó thư từ cũ tôi tìm thấy trong tủ áo trên lầu khi dọn đến đây,” bà nói. “Tôi chẳng biết nội dung của chúng - chẳng rảnh rỗi gì mà lục lọi, nhưng địa chỉ ở lá thư đầu tiên là ‘Cô Bertha Willis’, và đó là tên thời con gái của mẹ cháu. Cháu cứ giữ lấy nếu muốn.”

“Ôi, cảm ơn bà - cảm ơn bà,” Anne kêu lên, vui sướng giữ chặt lấy xấp thư.

“Đó là tất cả những gì còn sót lại,” bà chủ nhà nói.

“Tất cả đồ đạc đều bán hết để trả tiền bác sĩ rồi, và bà Thomas lấy quần áo và mấy đồ lặt vặt của mẹ cháu. Tôi nghĩ chúng không tồn tại được lâu trong tay lũ nhóc nhà Thomas. Như tôi nhớ thì bọn chúng phá phách như thú ấy.”

“Cháu chẳng có thứ gì của mẹ,” Anne nghẹn ngào.

“Cháu... cháu chẳng biết cảm ơn bà thế nào cho đủ.”

“Không có gì mà. Ôi trời, cháu có đôi mắt y hệt như mẹ. Đôi mắt của chị ấy như biết nói ấy. Ba cháu có phần hơi cục mịch, nhưng tốt tính lắm. Tôi nghe người ta nói khi họ kết hôn là chẳng có cặp vợ chồng nào yêu thương nhau nhiều như thế, hai con người đáng thương, tiếc là họ không sống được lâu hơn; nhưng khi còn sống thì họ rất hạnh phúc, và tôi cho rằng vậy cũng khá là đủ rồi.”

Anne khao khát được về nhà ngay để đọc những lá thư quý giá của mình, nhưng trước tiên cô phải thực hiện một cuộc hành hương nho nhỏ. Một mình, cô đi đến góc xanh của nghĩa trang Bolingbroke “cũ”, nơi ba mẹ cô yên nghỉ, và đặt lên mộ những đóa hoa trắng cầm theo. Sau đó cô vội vã quay lại Đỉnh Nhựa Ruồi, giam mình trong phòng, và đọc từng lá thư một. Một số do ba cô viết, một số là mẹ cô viết. Không nhiều lắm - tổng cộng chỉ khoảng chục lá thôi - Walter và Bertha Shirley không thường xa cách nhau trong thời kỳ yêu đương của họ. Những lá thư đã ố vàng, xỉn màu, nhạt nhòa mờ dần theo năm tháng. Không có những nội dung trí tuệ sâu sắc trên những trang giấy lấm lem nhăn nhúm, chỉ có những dòng chữ tràn đầy tình yêu và niềm tin. Vị ngọt ngào của những câu chuyện bị bụi thời gian phủ lấp - những hình dung đáng yêu xa xôi của cặp tình nhân đã qua đời từ lâu. Bertha Shirley có tài viết những lá thư thể hiện được tính cách đáng yêu của người viết và những suy nghĩ vẫn giữ được vẻ đẹp và hương thơm theo thời gian. Những lá thư đều rất dịu dàng,

riêng tư và thiêng liêng. Đối với Anne, ngọt ngào nhất là lá thư mẹ cô viết cho ba cô sau khi cô ra đời và ông phải đi xa trong một khoảng thời gian ngắn. Nó chứa đầy những lời khen ngợi của một bà mẹ trẻ tự hào về “đứa bé” của mình - sự thông minh, tài giỏi, hàng vạn những điều đáng yêu của cô.

“Em yêu con bé nhất khi nó đang ngủ và yêu hơn nghìn lần khi nó thức,” Bertha Shirley đã viết như vậy trong lời tái bút. Có lẽ đó là câu cuối cùng mà bà đặt bút viết. Cái chết đã tiến tới rất gần rồi.

“Đây là ngày đẹp nhất của cuộc đời tớ,” Anne nói với Phil vào đêm đó. “Tớ đã tìm thấy ba mẹ mình. Những bức thư khiến họ trở nên chân thực với tớ. Tớ không còn là một đứa bé mồ côi nữa. Tớ cảm thấy như thể vừa mở ra một cuốn sách và tìm thấy đóa hồng của ngày hôm qua, ngọt ngào và thân thiết, giữa những trang giấy.”

Chương 22: Mùa xuân và Anne quay trở lại Chái Nhà Xanh

Ánh lửa lò sưởi nhảy múa trên tường bếp tại Chái Nhà Xanh, buổi tối đầu xuân se se lạnh; những âm thanh khẽ khàng ngọt ngào ban đêm vẳng lại qua cửa sổ phía Đông đang mở rộng. Bà Marilla đang ngồi bên lò sưởi - ít nhất là cơ thể bà đang ngồi ở đó. Tinh thần bà, với đôi chân nhanh nhạy tuổi thanh xuân, đang rong ruổi trên các nẻo đường kỷ niệm xưa cũ. Đạo gần đây bà Marilla dành khá nhiều thời gian cho việc mơ mộng, trong khi lẽ ra bà phải đan áo cho hai đứa trẻ sinh đôi.

“Chắc là mình đã già rồi,” bà tự nhủ.

Thế nhưng bà Marilla chẳng mấy thay đổi trong chín năm qua, ngoại trừ thân hình có phần gầy guộc và xương xẩu hơn, mái tóc muối tiêu điểm bạc nhiều hơn vẫn được vấn lên theo đúng kiểu cũ, với hai chiếc trâm cài xuyên qua - phải chăng chúng cũng là những chiếc trâm cài của chín năm trước? Nhưng nét mặt của bà đã thay đổi hoàn toàn; nếp nhăn quanh miệng ám chỉ khiêu hài hước nay càng ngày càng mở rộng; đôi mắt hiền hòa hơn, tình cảm hơn, nụ cười thường xuyên hơn và dịu dàng hơn.

Bà Marilla đang ngẫm nghĩ về cả cuộc đời mình, tuổi thơ chật vật nhưng không hẳn thiếu hạnh phúc, những giấc mơ đào sâu chôn chặt, niềm hy vọng sớm thui chột của thời thiếu nữ, sau đó là tuổi trung niên kéo dài đơn điệu, xám xịt, bó hẹp. Và sự xuất hiện của Anne - đứa bé đầy sức sống, giàu trí tưởng tượng, nồng nhiệt với trái tim ngập tràn tình yêu đã tô điểm thêm sắc màu, hơi ấm và ánh hào quang cho thế giới, khiến cuộc sống khô cằn của bà nở rộ như hoa hồng. Bà Marilla cảm thấy trong sáu mươi năm cuộc đời, bà chỉ sống thực sự trong chín năm kể từ ngày Anne xuất hiện. Và tối mai Anne sẽ về nhà.

Cánh cửa bếp mở ra. Bà Marilla nhìn lên cứ nghĩ sẽ thấy bà Lynde. Anne đứng trước mặt bà, cao ráo với đôi mắt lấp lánh, tay ôm đầy hoa dương mai và hoa violet.

“Anne Shirley!” bà Marilla kêu lên. Lần đầu tiên trong đời, bà bất ngờ đến mức quên đi tính dè dặt bẩm sinh; bà ôm lấy cô gái và cả bó hoa áp sát vào trái tim mình, nồng nhiệt hôn lên mái tóc sáng màu và khuôn mặt dịu dàng của Anne. “Ta cứ nghĩ tối mai cháu mới về tới. Cháu đi từ Carmody về bằng cách nào?”

“Đi bộ, bác Marilla yêu quý nhất trên đời ạ. Hồi học trường Queen chẳng phải cháu từng đi như vậy cả mấy chục lần sao? Ngày mai ông đưa thư sẽ đem giúp hòm đồ đạc của cháu về; cháu đột nhiên cảm thấy nhớ nhà quá, nên về sớm hơn một ngày. Và ôi! Cháu đã có một cuộc đi dạo tuyệt vời dưới ánh chạng vạng tháng Năm; cháu dừng lại ở cánh đồng hoang hái những bông hoa dương mai này; cháu băng qua thung lũng Tím, nơi đó giờ chẳng khác gì một cái bát lớn chứa đầy hoa violet, những đóa hoa nhuộm màu trời ngăn ngắt. Người chúng xem, bác Marilla - và đắm chìm trong chúng.”

Marilla chiều ý người người, nhưng bà quan tâm tới Anne hơn là việc đắm chìm trong hoa tím.

“Ngồi xuống nào, bé con. Chắc cháu mệt lắm rồi. Ta sẽ lấy đồ cho cháu ăn tối.”

“Đêm nay mặt trăng đáng yêu nhô lên khỏi những ngọn đồi, bác Marilla ơi, và ôi, dàn đồng ca ếch cất tiếng hát đưa cháu từ Carmody về tận nhà! Cháu thích nghe bài nhạc ếch lắm. Nó dường như gắn liền với tất cả các hồi ức hạnh phúc nhất về các buổi tối mùa xuân xưa cũ. Và nó luôn luôn nhắc cháu nhớ đến đêm đầu tiên cháu đến nơi này. Bác còn nhớ không, bác Marilla?”

“Ừ, có chứ,” bà Marilla nhấn giọng. “Ta chẳng bao giờ quên được đêm đó.”

“Năm ấy bọn chúng cũng gào thét hát hò y như thế trong đầm lầy và ven suối. Lúc hoàng hôn, cháu thường lắng nghe tiếng chúng kêu bên cửa sổ, tự hỏi làm sao giọng chúng lại có thể vừa vui sướng lại vừa buồn bã cùng một lúc được. Ôi, nhưng được về nhà thật tuyệt! Redmond thì lộng lẫy và Bolingbroke thú vị - nhưng Chái Nhà Xanh mới là tổ ấm.”

“Hè này Gilbert không về nhà, ta nghe nói thế,” Marilla nói.

“Vâng ạ.” Có gì đó trong giọng Anne khiến bà Marilla liếc mắt nhìn cô vẻ dò xét, nhưng Anne chỉ vờ như đang chăm chú cắm những đóa hoa violet vào bát. “Nhìn này, trông chúng thật tươi đẹp quá, phải không?” cô nói nhanh. “Năm tháng như một cuốn sách vậy, phải không bác Marilla? Trang mùa xuân được viết bằng hoa dương mai và hoa violet, trang mùa hè bằng hoa hồng, trang mùa thu bằng lá phong đỏ và trang mùa đông bằng cây nhựa ruồi và thường xanh.”

“Thế Gilbert thi có tốt không?” bà Marilla không bỏ cuộc.

“Cực kỳ tốt. Cậu ấy dẫn đầu lớp. Nhưng hai nhóc sinh đôi và bà Lynde đâu?”

“Rachel và Dora ở bên nhà ông Harrison. Davy xuống nhà Boulter chơi. Ta nghe thấy tiếng nó về rồi này.”

Davy sầm sầm chạy vào phòng, thấy Anne, dừng lại, và sau đó lao mạnh vào cô với tiếng rú vui sướng.

“Ôi, cô Anne, cháu mừng quá khi thấy cô! Đây, cô Anne, cháu cao thêm hai phân tính từ mùa thu năm ngoái đấy. Bà Lynde vừa lấy thước đo cho cháu hôm nay, và này, cô Anne, nhìn răng cửa cháu này. Nó rụng rồi. Bà Lynde buộc một đầu sợi chỉ vào nó và đầu kia vào cửa, sau đó đóng sầm cửa lại. Cháu bán cho Milty lấy hai xu. Milty thu mua răng mà.”

“Thế nó mua răng để làm cái quái quỷ gì chứ?” Marilla hỏi.

“Để làm vòng cổ chơi trò tù trưởng da đỏ,” Davy giải thích rồi trèo vào lòng Anne. “Nó kiếm được mười lăm cái rồi, và còn đặt mua trước với mọi người nữa, do vậy, chẳng ai trong bọn cháu thèm thu thập răng làm gì. Cho cô biết nhé, dân nhà Boulter kinh doanh giỏi lắm.”

“Thế cháu có ngoan khi ở nhà bà Boulter không?” bà Marilla đánh giọng gặng hỏi.

“Có; nhưng này, bà Marilla, cháu chán ngoan ngoan lắm rồi. “

“Cháu sẽ còn mau chán hơn nếu hư đấy, bé Davy à,” Anne khuyên.

“Ôi, vui được phút nào thì hay phút nấy, chẳng phải sao?” Davy kỳ kèo. “Sau đó cháu ân hận là được, phải không?”

“Ăn hận không chỉ là hậu quả duy nhất khi hư đâu, Davy ạ. Cháu không nhớ lần trốn học lớp giáo lý mùa hè vừa rồi sao? Cháu bảo cô là hư thế thì chẳng đáng chút nào. Thế cháu và Milty làm gì hôm nay nào?”

“Ồ, chúng cháu câu cá và đuổi con mèo, tìm trứng và quát lại tiếng vọng. Có tiếng vọng to đùng trong lùm cây đằng sau kho nhà Boulter nhé. Này, tiếng vọng là gì hở cô Anne; cháu muốn biết.”

“Tiếng vọng là một nữ thần rừng xinh đẹp, Davy ạ, sống tận sâu trong rừng, và cười cợt thế gian từ giữa những ngọn đồi xa xôi.”

“Thế cô ấy trông thế nào?”

“Tóc và mắt nàng đen tuyền, nhưng cổ và cánh tay nàng trắng như tuyết. Người phàm chẳng thể nhìn thấy nàng đẹp đến nhường nào đâu. Nàng lẩn nhanh hơn cả nai và chúng ta chỉ biết về nàng qua giọng cười trên chọc ấy thôi. Cháu có thể nghe thấy tiếng nàng gọi vào ban đêm, cháu có thể nghe thấy tiếng nàng cười dưới sao trời. Nhưng cháu chẳng bao giờ nhìn thấy nàng được. Nàng lập tức bay nhanh đi nếu cháu đuổi theo và cười cợt cháu từ ngọn đồi phía trước.”

“Thế có thật không hở cô Anne? Hay đó chỉ là xạ sự thôi?” Davy nhìn chăm chăm vào cô.

“Davy,” Anne kêu lên tuyệt vọng, “cháu không đủ lý trí để phân biệt đâu là truyện cổ tích đâu là lời nói dối sao?”

“Thế cái gì cứ xoen xoét từ lùm cây nhà Boulter vậy? Cháu muốn biết,” Davy kỳ kèo.

“Khi cháu lớn hơn một chút, Davy, cô sẽ giải thích cho cháu nghe.”

Nhắc đến chuyện tuổi tác rõ ràng đã chuyển hướng suy nghĩ của Davy, bởi sau vài ba giây trầm tư, cậu bé thì thầm một cách nghiêm túc:

“Cô Anne, cháu sẽ cưới vợ.”

“Khi nào vậy?” Anne hỏi với giọng nghiêm túc không kém.

“Ồ, đương nhiên là khi cháu lớn rồi.”

“Ôi, thật nhẹ cả người, Davy ạ. Ai có vinh dự ấy vậy?”

“Stella Fletcher; bạn ấy học chung lớp với cháu ở trường. Và cho cô Anne biết nhé, bạn ấy là cô gái đẹp nhất mà cô từng thấy đấy. Nếu cháu chết trước khi lớn cô sẽ coi chừng bạn ấy giúp cháu nhé cô?”

“Davy Keith, đừng có nói nhảm nhí nữa,” bà Marilla trầm giọng trách móc.

“Có nhảm nhí đâu mà,” Davy phản đối với giọng bị tổn thương. “Bạn ấy là vợ chưa cưới của cháu, và nếu cháu chết bạn ấy sẽ là góa phụ chưa cưới của cháu, phải không cô? Mà bạn ấy thì chẳng có lấy người nào chăm sóc ngoại trừ người bà già nua.”

“Thôi đi ăn tối đi, Anne,” bà Marilla khuyên, “và đừng khuyến khích thằng bé ấy nói những chuyện ngớ ngẩn nữa.”

Chương 23: Paul không tìm lại được những người trên vách đá

Cuộc sống ở Avonlea diễn ra rất dễ chịu suốt mùa hè đó, mặc dù giữa tất cả những niềm vui sướng trong kỳ nghỉ, Anne vẫn bị ám ảnh bởi cảm giác “có thứ gì gần gũi đã mất đi”. Cô không đời nào thú nhận, ngay cả trong suy nghĩ thầm kín nhất, rằng đó là do sự vắng mặt của Gilbert. Nhưng khi cô phải đi bộ về nhà một mình từ các buổi họp cầu nguyện và các cuộc họp hành của Hội Cải tạo Làng quê, trong khi Diana đi cùng Fred, và nhiều cặp nam nữ vui vẻ khác tha thẩn đi dọc theo con đường làng mờ ảo dưới ánh sao, trái tim cô nhói lên một nỗi đau cô đơn kỳ lạ mà cô chẳng cách nào giải thích được. Gilbert thậm chí chẳng thèm viết thư cho cô như cô nghĩ. Cô biết anh thỉnh thoảng có gửi thư cho Diana, nhưng cô cương quyết không hỏi thăm gì về anh; và Diana, cho rằng Anne vẫn thường xuyên liên lạc với Gilbert, chẳng kể gì lại với cô. Mẹ Gilbert, một quý bà vui tính nhẹ dạ thẳng thắn và chẳng mấy tế nhị, có thói quen hay hỏi thăm Anne có hay liên lạc với Gilbert không bằng giọng đầy ám chỉ và luôn hỏi trước mặt đám đông khiến Anne cảm thấy hết sức xấu hổ. Anne đáng thương chỉ biết đỏ bừng mặt và lẩm bẩm, “Đạo gần đây thì không liên lạc ạ”, khiến cho mọi người, kể cả bà Blythe, cho rằng cô trả lời như vậy chỉ vì tính thẹn thùng của thiếu nữ mà thôi.

Ngoại trừ chuyện đó ra, Anne hoàn toàn tận hưởng mùa hè. Priscilla đến thăm một chuyến vui nhộn vào tháng Sáu; và, khi cô đi, ông bà Irving, Paul và Charlotta Đệ Tứ về “nhà” chơi trong tháng Bảy và tháng Tám.

Nhà Vọng một lần nữa lại tràn đầy niềm vui, và tiếng vọng bên kia sông bận bịu bắt chước những tiếng cười rộn rã trong khu vườn cũ sau hàng vân sam.

“Cô Lavendar” chẳng hề thay đổi gì, thậm chí còn trở nên xinh đẹp và dịu dàng hơn. Paul ngưỡng mộ cô, và tình bạn giữa họ ai cũng thấy là thật đẹp.

“Nhưng em không gọi cô ấy bằng ‘mẹ’,” cậu giải thích với Anne. “Cô biết mà, cách gọi ấy chỉ thuộc về người mẹ thân thương của em, và em không thể dành nó cho bất kỳ ai khác. Cô hiểu mà, cô giáo. Nhưng em gọi cô ấy là ‘mẹ Lavendar’ và em yêu cô ấy chỉ kém mỗi ba em mà thôi. Em... em còn yêu cô ấy nhiều hơn cô một tí xíu nữa, cô giáo ạ.”

“Phải như vậy mới đúng chứ,” Anne an ủi.

Paul giờ đã mười ba tuổi và khá cao so với tuổi của mình. Khuôn mặt và đôi mắt cậu bé vẫn đẹp như thuở nào, và trí tưởng tượng của cậu vẫn y hệt như một chiếc kính vạn hoa, biến tất cả mọi thứ rơi vào đó thành cầu vồng. Cậu và Anne có nhiều chuyến đi lang thang thú vị trong rừng, trên đồng cỏ và ngoài bãi biển. Chưa bao giờ có hai người “tri âm tri kỷ” đến mức vậy.

Charlotta Đệ Tứ đã trở mã thành một thiếu nữ. Giờ cô bé chải ngược tóc ra sau thành một búi to đùng và bỏ hẳn những chiếc nơ ruy băng xanh thời xưa cũ, nhưng khuôn mặt của cô vẫn lấm tấm tàn nhang, mũi vẫn tẹt, miệng và nụ cười vẫn rộng như trước giờ.

“Cô có nghĩ là giọng cháu giống bọn Yankee không, thưa cô Shirley?” cô bé lo lắng hỏi.

“Cô không thấy vậy, Charlotta ạ.”

“Cháu mừng quá. Ở nhà họ bảo là cháu nói giọng Yankee, nhưng cháu nghĩ chắc họ muốn chọc tức cháu thôi. Cháu chẳng ưa cái giọng Yankee chút nào. Nhưng cháu không có gì phản đối người Yankee cả, thưa cô Shirley. Họ cư xử đàng hoàng lắm. Nhưng chẳng bằng một góc đảo Hoàng Tử Edward.”

Paul dành hai tuần đầu tiên của kỳ nghỉ để đến chơi nhà bà ngoại Irving tại Avonlea. Anne đến đón cậu khi cậu mới tới, và thấy cậu đang phát cuồng lên vì nôn nóng đi ra bãi biển - Nora và Cô Gái Vàng và cặp Thủy Thủ song sinh đang ở nơi ấy. Khó khăn lắm cậu mới đợi đến khi ăn xong bữa tối. Chẳng phải cậu đã nhìn thấy khuôn mặt tinh quái của Nora thò ra quanh khúc ngoặt, mong mỗi đón chờ cậu sao? Nhưng cậu bé Paul tay không quay về trầm lặng từ bãi biển trong ánh hoàng hôn.

“Em không tìm thấy những người trên vách đá nữa sao?” Anne hỏi.

Paul lúc lắc những lọn tóc màu hạt dẻ của mình một cách buồn thảm.

“Cặp Thủy Thủ Song Sinh và Cô Gái Vàng không hề lộ mặt,” cậu đáp. “Nora có tới - nhưng Nora không giống như trước nữa, cô giáo ơi. Cô bé ấy đã thay đổi rồi.”

“Ôi, Paul ơi, chính em mới là người thay đổi,” Anne giải thích. “Em đã quá với những người trên vách đá rồi. Họ chỉ thích chơi với trẻ em thôi. Cô e là cặp Thủy Thủ Song Sinh sẽ không bao giờ đến tìm em trên con thuyền ánh trăng ma thuật lấp lánh ánh ngọc trai nữa; và Cô Gái Vàng sẽ không còn ngân nga tiếng đàn hạc vàng óng cho em nghe nữa. Ngay cả Nora cũng chẳng còn gặp em được lâu nữa đâu. Em phải trả cái giá của tuổi trưởng thành, Paul ạ. Em phải bỏ xứ thần tiên ở sau lưng.”

“Hai người nói chuyện ngớ ngẩn chưa từng thấy,” bà Irving lên tiếng, nửa nuông chiều, nửa trách móc.

“Ồ, không đâu, không đời nào,” Anne nghiêm túc lắc đầu. “Chúng cháu đang trở nên hết sức, hết sức khôn ngoan, và điều đó thật đáng tiếc quá. Chúng cháu chẳng còn thú vị bằng một nửa khi xưa, kể từ khi học được rằng ngôn ngữ được sinh ra là để giúp người ta che giấu suy nghĩ thật của mình.”

“Nhưng thế là không đúng - nó dùng để giúp chúng ta diễn đạt suy nghĩ của mình chứ,” bà Irving nghiêm túc phản bác. Bà chưa hề nghe đến nhà ngoại giao tài tình Talleyrand và không hiểu cách nói dí dỏm.

Anne ở chơi suốt hai tuần yên bình tại Nhà Vọng ngay giữa mùa vàng chói lọi tháng Tám. Trong thời gian đó, cô vô tình góp phần giúp Ludovic Speed tăng tốc theo đuổi Theodora Dix, chuyện này đã được ghi lại trung thực trong Biên niên sử Avonlea^[15]. Arnold Sherman, một ông bạn vong niên của nhà Irving, cũng ghé chơi và thêm không ít thú vị cho cuộc sống nơi đó.

[15]. Tuyển tập truyện ngắn của L. M. Montgomery về những nhân vật xung quanh Anne.

“Ôi thời gian vừa qua thật đáng tận hưởng quá,” Anne nói. “Cháu cảm thấy toàn thân như được tái sinh ấy. Và chỉ cần đợi hai tuần nữa là cháu trở lại Kingsport, cùng Redmond và Nhà Patty. Nhà Patty là nơi đáng yêu nhất trên đời, cô Lavendar ạ. Cháu cảm thấy như thể mình có hai mái ấm - một ở Chái Nhà Xanh và một ở Nhà Patty. Nhưng mùa hè đi đâu rồi đấy nhỉ? Dường như chỉ mới có một ngày trôi qua kể từ

buổi tối cháu về nhà với bó hoa dương mai trên tay. Khi cháu còn nhỏ, cháu chẳng thể nhìn thấy mùa hè dài từ đâu đến đâu. Nó dằng dặc như vô tận. Giờ thì thời gian 'trôi nhanh như tên bắn' ấy."

"Anne, cháu và Gilbert Blythe vẫn là bạn tốt như trước giờ phải không?" cô Lavendar khẽ hỏi.

"Cháu lúc nào cũng là bạn của Gilbert cả, cô Lavendar ạ."

Cô Lavendar lắc đầu.

"Tôi thấy có gì đó không ổn, Anne ạ. Tôi sẽ thóc mách và hỏi thẳng cháu đây. Hai cháu cãi nhau à?"

"Không; chỉ là Gilbert muốn nhiều hơn tình bạn và cháu không thể cho cậu ấy nhiều hơn thế."

"Thế cháu có chắc chắn về điều đó không hở Anne?"

"Hoàn toàn chắc chắn."

"Chà, thật tiếc quá."

"Cháu tự hỏi vì sao tất cả mọi người cứ nghĩ rằng cháu nên kết hôn với Gilbert Blythe," Anne hờn dỗi thốt lên.

"Bởi vì hai cháu được sinh ra là để dành cho nhau, Anne ạ - đó chính là lý do. Cháu không cần lắc đầu quầy quậy vậy đâu. Đó là sự thực."

Chương 24: Jonas xuất hiện

“Mũi Hy Vọng, ngày 20 tháng 8.

“Gửi Anne-có-một-chữ-e,” Phil viết, “tớ phải chống mí mắt lên đủ lâu để viết thư cho cậu. Tớ đã lờ tịt cậu một cách đáng xấu hổ trong mùa hè này, cưng à, nhưng tớ cũng bỏ rơi tất tần tật đám bạn bè còn lại. Một chồng thư dày cộm đang chờ tớ trả lời, vì vậy tớ phải lên dây cót tinh thần và xông ra cày cuốc thôi. Tha cho mớ bong bong ẩn dụ của tớ nhé. Tớ buồn ngủ khủng khiếp. Tối qua dì họ Emily và tớ đi thăm hàng xóm. Ở đó có vài ba người khác, và ngay khi những kẻ không may đó đi khỏi rồi, bà chủ nhà và ba cô con gái bắt đầu xỉa xói bọn họ tan nát. Tớ biết họ sẽ bắt đầu tấn công dì họ Emily và tớ ngay sau khi bọn tớ bước ra khỏi cửa. Khi chúng tớ về nhà bà Lilly thông báo rằng cậu bé làm thuê của chính cái nhà hàng xóm đấy hình như đang ngã lăn ra vì bệnh sốt ban đỏ. Cậu luôn luôn có thể trông cậy bà Lilly sẽ đưa ra những thông tin vui vẻ như thế. Tớ sợ sốt ban đỏ kinh dị luôn. Tớ không thể ngủ nổi khi trèo lên giường vì cứ mãi nghĩ về nó. Tớ hết lăn qua rồi lại lăn lại, hể chớp mắt được một phút là lại mơ thấy những giấc mơ khủng khiếp; và lúc ba giờ tớ tỉnh dậy, bị sốt, đau họng và nhức đầu dữ dội. Tớ biết ngay là tớ bị sốt ban đỏ rồi; tớ bật dậy trong cơn hoảng loạn và lùng cho được quyển ‘sách y khoa’ của dì họ Emily để tìm hiểu các triệu chứng của nó. Anne à, tớ có đủ mọi triệu chứng. Vì vậy, tớ quay trở lại giường, và biết chuyện tồi tệ nhất đã xảy ra, tớ ngủ say như khúc gỗ suốt thời gian còn lại. Mặc dù tớ chẳng hiểu nổi lý do tại sao một khúc gỗ lại ngủ say hơn tất cả các thể loại ví von còn lại. Nhưng sáng nay tớ cảm thấy khá dễ chịu, do đó, chắc chẳng phải là do mắc bệnh. Tớ nghĩ dẫu tối qua có bị lây thì tớ cũng chẳng phát bệnh được nhanh đến thế. Ban ngày thì tớ nhớ ra chuyện đó, chứ vào lúc ba giờ đêm đầu óc tớ cứ lú lẫn hết cả.

“Tớ chắc cậu đang tự hỏi tớ làm cái quái gì ở Mũi Hy Vọng. À, tớ luôn muốn nghỉ ngơi bên bờ biển trong một tháng mùa hè, và ba nằng nặc bảo tớ đi tới ‘nhà trọ chất lượng cao’ của dì họ Emily ở Mũi Hy Vọng. Vì vậy hai tuần trước, tớ đến nơi này như thường lệ. Và như thường lệ, ‘ông bác Mark Miller’ đón tớ từ nhà ga với chiếc xe cổ xưa và con vật mà ông gọi là chú ngựa ‘đa dụng’. Ông ấy là một ông già dễ thương và cho tớ một nắm kẹo bạc hà màu hồng. Tớ luôn coi kẹo bạc hà là loại kẹo đậm chất tôn giáo - tớ nghĩ rằng đó là bởi vì bà nội Gordon luôn cho tớ món đó trong nhà thờ khi tớ còn bé tí. Một lần tớ còn hỏi về mùi bạc hà, ‘Đó có phải là mùi của thần thánh hay không?’ Tớ không thích ăn kẹo bạc hà của bác Mark bởi vì ông ấy rút cả nắm ra khỏi túi, và phải nhặt bớt vài chiếc đinh gỉ cùng vài vật thể lạ ra trước khi đưa cho tớ. Nhưng tớ chẳng bao giờ muốn làm tổn thương bác ấy vì bất cứ lý do gì, thế là tớ cẩn thận gieo chúng xuống đất trên suốt quãng đường đi. Khi chiếc cuối cùng đã ra đi,

bác Mark lên tiếng có chút trách móc, ‘Cô không nên ngốn sạch kẹo một lần, cô Phil ạ. Cô sẽ bị đau bụng đấy.’

“Dì họ Emily chỉ có năm khách trọ khác ngoài tớ - bốn bà già và một chàng trai trẻ. Hàng xóm bên tay phải của tớ là bà Lilly. Bà thuộc loại người dường như có một sở thích khủng khiếp là liệt kê chi tiết tất cả những cơn nhức mỏi, đau đớn và bệnh hoạn của mình. Chỉ cần cậu nhắc đến bất cứ một bệnh gì đó là bà ấy lắc đầu, ‘À, tôi biết quá rõ đó là thể nào’ - và sau đó cậu sẽ được kể tường tận mọi chi tiết về căn bệnh đó. Jonas tuyên bố anh ấy có lần tình cờ nhắc đến bệnh rối loạn vận động và bà ấy nói ngay rằng mình biết quá rõ đó là thể nào. Bà ấy chịu đựng căn bệnh suốt mười năm ròng và cuối cùng được chữa khỏi bởi một thầy lang rong.

“Ai là Jonas? Đợi đấy, Anne Shirley. Cậu sẽ được kể mọi điều về Jonas khi tới thời gian và địa điểm thích hợp. Không thể trộn lẫn anh ấy với các quý bà đáng mến được.

“Hàng xóm bên trái của tớ ở bàn ăn là bà Phinney. Bà ấy luôn luôn nói chuyện bằng giọng than vãn đau thương - khiến cậu run rẩy chờ mong cảnh bà ấy òa lên khóc nức nở bất kỳ lúc nào. Bà ấy gây cho cậu ấn tượng rằng cuộc đời đúng là một thung lũng nước mắt, và một nụ cười mỉm, chứ đừng nói gì đến cười lớn tiếng, là một hành vi phù phiếm đáng quở trách. Bà ấy còn đánh giá tớ tệ hơn cả dì Jamesina, và bà ấy cũng không yêu tớ đủ để sống chung với những khuyết điểm của tớ như dì J.

“Cô Maria Grimsby ngồi xéo đối diện tớ. Ngày đầu tiên tớ đến tớ nhận xét với cô Maria rằng hình như trời có mưa một chút - và cô Maria phá lên cười. Tớ nói rằng con đường từ nhà ga trông rất đẹp - và cô Maria phá lên cười. Tớ nói dường như có vài ba con muỗi còn sót lại - và cô Maria phá lên cười. Tớ nói rằng Mũi Hy Vọng vẫn đẹp như thuở nào - và cô Maria phá lên cười. Nếu tớ nói với cô Maria rằng, ‘cha cháu treo cổ tự tử, mẹ cháu uống thuốc độc, anh cháu ở tù, và cháu đang mắc bệnh lao phổi giai đoạn cuối,’ cô Maria sẽ phá lên cười. Cô không thể làm gì khác - cô sinh ra đã như vậy rồi; nhưng thật buồn và khủng khiếp quá.

“Bà già thứ năm là bà Grant. Bà ấy là một bà già dễ thương; nhưng bà chẳng bao giờ nói xấu bất kỳ ai, thế nên những cuộc nói chuyện với bà chán phèo phèo.

“Và bây giờ đến lượt Jonas, Anne ạ.

“Vào ngày đầu tiên khi đến nơi, tớ thấy một thanh niên ngồi đối diện với tớ ở bàn ăn, mỉm cười với tớ như thể anh ta đã quen tớ từ thuở trong nôi. Tớ biết, vì bác Mark có kể qua, rằng anh ấy tên là Jonas Blake, rằng anh ấy là sinh viên thần học từ St. Columbia đến, và rằng anh ấy chịu trách nhiệm giảng đạo cho xứ đạo Mũi Hy Vọng trong mùa hè.

“Anh ấy là một chàng trai trẻ rất xấu trai - thực sự đấy, anh chàng xấu trai nhất mà tớ từng thấy. Thân hình anh ấy to đùng, các khớp nổi lủng lẻo, với đôi chân dài đến mức lở bịch. Tóc anh ấy lò xo màu vàng nhạt, mắt anh ấy màu xanh lá, miệng to đùng, và đôi tai của anh ấy - nhưng tớ luôn cố gắng hết mức không nghĩ về đôi tai của anh ấy. “Anh ấy có một giọng nói rất thu hút - nếu cậu nhắm mắt lại anh ấy sẽ rất hấp dẫn - và chắc chắn là anh ấy có tính tình dễ thương và một tâm hồn cao thượng.

“Bọn tớ thân với nhau ngay tắp lự. Tất nhiên anh ấy từng tốt nghiệp Redmond, và điều đó nối kết bọn tớ. Bọn tớ đi câu cá và chèo thuyền chung, và đi dạo trên bãi cát dưới ánh trăng. Dưới ánh trăng trông anh ấy không đến nỗi xấu trai lắm, và ôi, anh ấy dễ thương biết bao. Sự dễ thương gần như lan tỏa ra từ anh ấy. Các quý bà lớn tuổi - ngoại trừ bà Grant - không ưa Jonas, vì anh ấy cười cợt và đùa giỡn - và vì rõ ràng anh ấy thích ở chung với cô nàng hời hợt như tớ hơn là bọn họ.

“Chẳng biết vì sao, Anne ạ, tớ không muốn anh ấy nghĩ rằng tớ hời hợt. Thật ngớ ngẩn quá. Vì sao tớ phải quan tâm đến suy nghĩ của một anh chàng tóc vàng nhạt tên Jonas, kẻ tớ chưa từng gặp bao giờ trước đây?

“Hôm Chủ nhật vừa rồi Jonas giảng đạo ở nhà thờ làng. Tớ đã đi, tất nhiên rồi, nhưng tớ không nhận ra rằng Jonas sẽ giảng đạo. Sự thực rằng anh ấy là một mục sư - hoặc sẽ là một mục sư - cứ như là một trò đùa khủng khiếp đối với tớ.

“Thế đấy, Jonas giảng đạo. Và, khi anh ấy giảng được khoảng mười phút, tớ cảm thấy mình nhỏ nòi và không đáng kể đến mức mắt thường không nhìn thấy được. Jonas không nhắc đến một từ về phụ nữ và anh ấy chẳng nhìn sang tớ. Nhưng chính vào lúc ấy tớ nhận ra rằng mình chỉ là một con bướm bé nhỏ hời hợt với tâm hồn hạn hẹp, và chắc là khác hẳn với người phụ nữ lý tưởng của Jonas. Cô ấy sẽ rất xuất chúng, mạnh mẽ và cao thượng. Anh ấy thì rất chân thành, dịu dàng và trung thực. Anh ấy có tất cả mọi đức tính nên có của một mục sư. Tớ tự hỏi làm thế nào tớ có thể nghĩ rằng anh ấy xấu trai - nhưng anh ấy thực sự xấu trai mà! - với đôi mắt phần chấn và vàng trán đầy trí tuệ bị mái tóc lò xo che lấp suốt tuần.

“Đó là một bài giảng tuyệt vời, tớ có thể lắng nghe nó mãi mãi, và nó làm cho tớ cảm thấy cực kỳ khổ sở. Ôi, tớ ước gì tớ được như cậu, Anne ạ.

“Anh ấy bắt kịp tớ trên đường về và nhăn răng cười vui vẻ như mọi khi. Nhưng nụ cười của anh ấy chẳng thể nào lừa dối tớ được nữa. Tớ đã nhìn thấy Jonas thực sự. Tớ tự hỏi có bao giờ anh ấy nhìn thấy cô nàng Phil thực sự - kẻ mà không ai, thậm chí kể cả cậu, Anne, từng gặp qua.

“‘Jonas,’ tớ gọi - tớ quên gọi anh ấy là ông Blake. Đáng sợ quá phải không? Nhưng có những lúc phép tắc xã giao không còn quan trọng nữa - ‘Jonas, anh sinh ra là để làm mục sư. Anh không thể làm bất cứ nghề gì khác.’

“‘Ừ, đúng thế,’ anh ấy nghiêm túc đáp. ‘Anh từng cố gắng đi theo hướng khác trong một thời gian dài - anh không muốn làm mục sư. Nhưng cuối cùng anh nhận thấy đó là thiên hướng của anh - và có Chúa che chở, anh sẽ cố gắng thực hiện vai trò của mình.’

“Giọng anh ấy trầm thấp và thành kính. Tớ nghĩ rằng anh ấy sẽ hoàn thành tốt công việc của mình một cách cao quý; và hạnh phúc thay cho cô gái có năng lực và bản tính phù hợp giúp anh thực hiện vai trò của mình. Cô ấy sẽ không phải là một cái lông ngỗng cứ mãi đu đưa theo từng làn gió đỏng đảnh. Cô ấy luôn luôn biết rõ mình phải đội cái mũ nào. Có lẽ cô ấy sẽ chỉ có mỗi một cái thôi. Mục sư không bao giờ có nhiều tiền. Nhưng cô ấy sẽ không quan tâm đến chuyện có mỗi một cái mũ hay thậm chí chẳng có cái nào, bởi vì cô ấy sẽ có được Jonas.

“Anne Shirley, cấm cậu nói hoặc ám chỉ hoặc nghĩ thầm rằng tớ yêu anh Blake. Tớ có thể đem lòng yêu một anh chàng thần học xấu trai, nghèo khó và tóc lòa xòa tên là Jonas hay không? Như bác Mark nói, ‘không đời nào, và không thể nào’.

“Ngủ ngon nhé, Phil.

“Tái bút: Không thể nào - nhưng tớ vô cùng sợ rằng đó là sự thật. Tớ vừa hạnh phúc, vừa đau đớn và sợ hãi. Anh ấy sẽ chẳng bao giờ đem lòng yêu tớ, tớ biết. Cậu có nghĩ rằng tớ có thể phấn đấu trở thành người vợ tạm tạm ổn của một mục sư không hở Anne? Và liệu người ta có bắt tớ chủ xướng cầu nguyện không? P G.”

Chương 25: Bạch mã hoàng tử xuất hiện

“Cháu đang cân nhắc xem ngồi thảnh thơi trong nhà thích hơn hay ra ngoài chơi thích hơn,” Anne nhìn qua cửa sổ của Nhà Patty ngắm hàng thông công viên ở đằng xa.

“Cháu có cả một buổi chiều để tha hồ vẫn vợ thơ thẩn, dì Jimsie ạ. Cháu nên ở lại đây bên ngọn lửa ấm cúng, một đĩa đầy táo ngon tuyệt, ba chú mèo gừ gừ hiền hòa, và hai con chó sừ hoàn hảo lỗ mũi màu xanh lá cây. Hay cháu nên ra công viên, có cánh rừng mờ ảo cùng làn nước xám vỗ về đá tảng đầy cuốn hút?”

“Nếu ta vẫn còn trẻ như cháu, ta sẽ chọn công viên,” dì Jamesina đáp, dùng kim đan gãi bên tai màu vàng của mèo Joseph.

“Cháu tưởng dì từng nói dì trẻ chẳng kém bọn cháu cơ mà,” Anne trêu.

“Ừ, chỉ trong tâm hồn thôi. Nhưng ta phải thừa nhận là chân ta không còn trẻ như chân các cháu. Cháu đi mà hít thở chút không khí trong lành, Anne à. Dạo này trông cháu nhợt nhạt lắm.”

“Chắc cháu sẽ ra công viên thôi,” Anne đáp vẻ bồn chồn. “Hôm nay cháu không cảm được niềm vui ru rú xó nhà. Cháu muốn được cô độc, tự do và hoang dã. Công viên chắc vắng hoe, vì ai cũng đi xem đá bóng hết mà.”

“Tại sao cháu không đi?”

“‘Chẳng ai mời tôi, thưa quý ngài, cô nàng đáp’ - ít nhất thì cũng chẳng ai ngoại trừ anh chàng Dan Ranger thấp bé khó ưa. Cháu chẳng đời nào đi đâu với anh ta; nhưng để tránh làm tổn thương mớ tình cảm yếu ớt đáng tội nghiệp của anh ta, cháu nói rằng mình không định đi xem đá bóng. Chẳng phiền gì đâu. Dù gì thì hôm nay cháu chẳng có tâm trạng gì mà coi đá bóng.”

“Cháu đi hít thở ít không khí trong lành đi,” dì Jamesina nhắc lại, “nhưng nhớ cầm theo ô, ta nghĩ trời sẽ mưa đó. Chân ta bắt đầu thấp khớp rồi.”

“Chỉ có người già mới bị thấp khớp thôi, dì ạ.”

“Ai cũng không tránh khỏi chứng thấp khớp ở chân, Anne ạ. Chỉ là người già thì hay bị mắc bệnh thấp khớp trong linh hồn thôi. Tạ ơn Chúa, ta chưa bị bệnh đó bao giờ. Khi bị bệnh thấp khớp trong linh hồn thì cháu đi lựa quan tài cho mình được rồi.”

Hiện giờ là tháng Mười một - tháng của hoàng hôn đỏ sậm, chim di cư, bài thánh ca của biển lắng đọng buồn thương và làn gió đăm mê ca hát giữa hàng thông. Anne đi lang thang xuyên qua rừng thông trong công viên, và như cô nói, để cho cơn gió mạnh mẽ xua tan sương mù khỏi linh hồn. Anne vốn chẳng bao giờ phải băn khoăn vì sương mù trong linh hồn. Tuy nhiên, chẳng hiểu vì sao, kể từ khi cô quay lại Redmond học năm thứ ba, cuộc sống không còn phản chiếu nét trong sáng lấp lánh hoàn hảo vào tinh thần cô như trước nữa.

Bề ngoài, cuộc sống nơi Nhà Patty vẫn trôi qua theo vòng quay dễ chịu của công việc, học tập và giải trí như trước giờ. Vào các buổi tối thứ Sáu, phòng khách lớn sáng rực đầy chật khách viếng thăm với tiếng cười đùa bất tận, dưới sự quan sát vui vẻ của dì Jamesina. “Jonas” trong lá thư của Phil đến chơi thường xuyên, đến bằng chuyến tàu sớm từ St. Columbia và trở về bằng chuyến tàu cuối ngày. Anh rất được quý mến ở Nhà Patty, dẫu dì Jamesina lắc đầu và phàn nàn rằng các sinh viên thần học càng ngày càng tệ.

“Anh ta rất dễ thương, bé cưng ạ,” dì nói với Phil, “nhưng các mục sư thì nên nghiêm túc và trang trọng hơn.”

“Chẳng lẽ một người đàn ông thích cười đùa không thể là một tín đồ ngoan đạo sao?” Phil vặn lại.

“Ôi, đàn ông - thì đúng. Nhưng ta đang nói chuyện về mục sư cơ mà, bé cưng,” dì Jamesina phản pháo. “Và cháu không nên đồng đưa với anh Blake như thế - thực sự đấy.”

“Cháu có đồng đưa gì với anh ấy đâu,” Phil phản đối.

Chẳng ai tin cô, ngoại trừ Anne. Những người khác nghĩ rằng cô chỉ đùa giỡn như thường lệ, và nghiêm khắc trách móc hành vi của cô.

“Anh Blake không phải là loại người như Alec và Alonzo, Phil ạ,” Stella nghiêm nghị khuyên bảo. “Anh ấy rất chân thành. Cậu có thể làm tim anh ấy tan vỡ.”

“Thế cậu thực sự nghĩ rằng tớ có thể làm vậy sao?” Phil hỏi lại. “Được thế thì thích quá.”

“Philippa Gordon! Tớ không bao giờ nghĩ rằng cậu sắt đá vô cảm đến thế. Cứ nghĩ đến chuyện cậu nói rằng muốn làm tan vỡ trái tim của một người đàn ông!”

“Tớ có nói vậy đâu, cô nàng đáng yêu. Trích dẫn cũng phải trích dẫn cho chính xác chứ. Tớ nói là có thể làm tan vỡ trái tim anh ấy thì thật thích. Tớ chỉ muốn biết là tớ có đủ sức để làm điều đó thôi.”

“Tớ chẳng hiểu nổi cậu, Phil ạ. Cậu cố ý đưa anh ấy vào tròng - và cậu biết rõ rằng mình chẳng có ý định gì nghiêm túc cả.”

“Tớ có ý định ép anh ấy cầu hôn tớ, nếu có thể,” Phil bình tĩnh nói.

“Tớ đầu hàng cậu,” Stella tuyệt vọng kêu lên.

Gilbert thỉnh thoảng cũng đến chơi vào tối thứ Sáu. Anh dường như lúc nào cũng vui vẻ, và không hề thua kém trong các cuộc trêu đùa và tranh luận. Anh không tìm kiếm cũng không lẫn tránh Anne. Khi tình cờ gặp nhau anh nói chuyện với cô một cách vui vẻ và lịch sự như đối với bất kỳ người mới quen nào. Tình bạn thân lâu năm đã biến mất hoàn toàn. Anne hết sức nuối tiếc; nhưng cô tự nhủ rằng mình rất vui mừng và biết ơn vì Gilbert đã hoàn toàn vượt qua nỗi thất vọng do cô gây nên. Vào buổi chiều tháng Tư ấy trong vườn cây, cô thực sự rất lo sợ rằng cô đã làm anh tổn thương khủng khiếp và vết thương sẽ còn ứa máu trong một thời gian dài. Giờ cô thấy mình chẳng cần phải lo lắng nữa. Đàn ông chết làm mỗi cho giun không sao đếm được nhưng họ đâu có chết vì tình. Gilbert rõ ràng không có nguy cơ tự tử vì tình rồi.

Anh biết cách tận hưởng cuộc sống, và đang tràn đầy tham vọng và đam mê. Với anh, thật lãng phí thời gian khi buồn bã khóc thương vì một cô nàng xinh đẹp tuyệt tình. Trong lúc lắng nghe những lời đối đáp chan chát giữa anh và Phil, cô tự hỏi có phải mình đã tưởng tượng ra vẻ tuyệt vọng trong mắt anh khi nghe cô nói rằng chẳng thể nào yêu anh được.

Không ít kẻ sẵn sàng bước vào vị trí bỏ trống của Gilbert. Nhưng Anne từ chối tất cả, không sợ hãi, không nuối tiếc. Nếu bạch mã hoàng tử thực sự không bao giờ đến, cô cũng không cần kẻ thay thế. Vào ngày xám xịt hôm đó, cô nghiêm khắc tự nhủ như vậy trong công viên lộng gió.

Đột nhiên trận mưa dì Jamesina tiên đoán ào ào ập tới. Anne giương ô và vội vã đi xuống dốc. Khi cô rẽ sang đường cản một cơn gió lồng lộn tạt ngang. Ngay lập tức ô của cô bật ngược lại. Anne bấu chặt lấy nó trong tuyệt vọng. Và rồi... một giọng nói vang lên bên cạnh cô.

“Xin lỗi... tôi có thể che ô cho cô được không?”

Anne ngẩng lên. Cao, đẹp trai, bề ngoài ấn tượng - đôi mắt sẫm màu, u buồn bí hiểm - giọng nói du dương đầy cảm thông khiến người nghe tan chảy - vâng, người hùng trong những giấc mơ cô đang đứng đó bằng xương bằng thịt. Anh chàng giống với người tình lý tưởng của cô đến từng chi tiết một.

“Cảm ơn anh,” cô bối rối đáp.

“Tốt nhất chúng ta nên đi nhanh đến chòi nghỉ mát trên đỉnh,” chàng trai xa lạ đề nghị. “Chúng ta có thể đợi ở đó chờ cho cơn mưa rào này trôi qua. Trời chẳng thể mưa nặng hạt như thế này mãi được.”

Lời nói rất bình thường, nhưng chao ôi, giọng điệu của chàng! Và nụ cười đi kèm nữa chứ! Anne cảm thấy trái tim đập loạn.

Họ cùng nhau lúp xúp chạy đến chòi nghỉ mát rồi hỗn hển ngồi xuống dưới mái nhà thân thiện. Anne phá lên cười, giơ cao chiếc ô hồng.

“Khi chiếc ô của tôi bật ngược ra, thì tôi hoàn toàn tin tưởng vào tính vô đạo lý của thế giới vô tri giác,” cô vui vẻ nhận xét.

Những giọt nước mưa lấp lánh trên mái tóc mượt mà của cô, những lọn tóc loăn xoăn xõa ra quanh cổ và trán. Má cô đỏ ửng, đôi mắt to lấp lánh tựa sao trời. Người bạn đồng hành ngắm cô vẻ ngưỡng mộ. Cô cảm thấy mình đỏ mặt dưới ánh mắt của anh. Anh ấy có thể là ai được nhỉ? Ô kìa, huy hiệu Redmond trắng đỏ tươi đính trên vạt áo khoác của anh ấy. Thế mà cô cứ nghĩ rằng mình quen, ít nhất là biết mặt, tất cả sinh viên Redmond ngoại trừ sinh viên năm nhất. Và anh chàng điển trai này chắc chắn không phải là sinh viên năm nhất.

“Chúng ta học chung trường, rõ là thế,” anh nói, mỉm cười nhìn huy hiệu của Anne. “Như thế coi như là quen biết rồi. Anh là Royal Gardner. Và em là cô nàng Shirley người đọc bài luận về Tennyson trong giờ Yêu Tri thức chiều hôm trước, phải không?”

“Vâng; nhưng em không nhận ra anh,” Anne thẳng thắn đáp. “Nào, thế anh thực sự ở đâu?”

“Anh cảm thấy như thể mình chẳng thực sự thuộc về nơi nào cả. Anh học xong năm nhất và năm hai ở Redmond hai năm về trước. Rồi sau đó anh sang châu Âu. Bây giờ anh trở lại để học cho xong đại học.”

“Năm nay em cũng học năm ba,” Anne nói.

“Vậy là chúng ta vừa học cùng trường, vừa học cùng lớp. Giờ anh đã cảm thấy biết ơn những năm tháng bị châu chấu ăn mất,” người bạn đồng hành của cô lên tiếng, đôi mắt thu hút tràn đầy ẩn ý.

Trời mưa như trút nước suốt gần cả giờ đồng hồ sau đó. Nhưng thời gian dường như trôi qua rất nhanh. Khi những đám mây tản đi và ánh nắng tháng Mười một nhạt nhòa chiếu xiên qua bến cảng và hàng thông, Anne và người bạn đồng hành cùng đi bộ về nhà. Khi họ dừng bước trước cổng Nhà Patty, anh chàng kịp xin phép được ghé chơi và Anne đã đồng ý. Anne vào nhà với đôi má nóng rực và tim đập mạnh đến nỗi những ngón tay cô run lấy bầy. Nhảy vào lòng và cố hôn cô, Mốc chỉ

được tiếp đón hết sức lạnh nhạt. Anne, linh hồn còn đang run rẩy lãng mạn, chẳng chừa chút quan tâm nào cho một chú mèo cộc tai.

Vào buổi tối hôm đó, một gói quà được gửi tới Nhà Patty cho cô Shirley. Quà là cái hộp chứa một chục đĩa hồng tuyệt đẹp. Phil bất chấp ý tứ chụp lấy tấm thiệp rơi ra ngoài, đọc tên người tặng và câu trích dẫn đầy chất thơ viết ở mặt sau.

“Royal Gardner!” cô kêu lên. “Ôi chao, Anne, tớ không ngờ là cậu quen với Roy Gardner!”

“Tớ gặp anh ấy ở công viên chiều nay trong cơn mưa,” Anne vội giải thích. “Cái ô của tớ bật ngược và anh ấy đã đến giúp tớ.”

“Ôi!” Phil tò mò liếc nhìn Anne. “Và sự cố cực kỳ bình thường ấy là lý do khiến cho anh chàng gửi tặng chúng ta một chục đĩa hồng dài cảnh tuyệt đẹp với lời đề tặng cực kỳ sướt mướt? Hay tại sao chúng ta nên đổ bưng mặt đây e ấp khi đọc tấm thiệp của anh chàng? Anne, khuôn mặt người đã phản bội người rồi.”

“Đừng nói nhảm nhí, Phil à. Cậu biết anh Gardner hả?”

“Tớ đã gặp hai cô em gái của anh ta, và có nghe nói đến anh ta. Cũng như tất cả những kẻ danh giá khác ở Kingsport. Nhà Gardner là một trong những gia đình giàu có nhất, lâu đời nhất ở Nova Scotia. Roy đẹp trai và thông minh một cách đáng ngưỡng mộ. Hai năm trước, mẹ anh ta bị bệnh nên anh ta phải nghỉ học để ra nước ngoài với mẹ - cha anh ta qua đời rồi. Hẳn anh ta hết sức thất vọng khi phải nghỉ học, nhưng người ta đồn anh ta tỏ vẻ hoàn toàn thoải mái về việc này. Là lá la, Anne ơi là Anne. Tớ đánh hơi thấy mùi lãng mạn rồi đấy. Tớ gần như ghen tỵ với cậu, nhưng không hoàn toàn. Dù sao chẳng nữa, Roy Gardner cũng không phải là Jonas.”

“Cô bạn ngọc của tớ!” Anne vênh vác đáp lại. Nhưng cô nằm trần trọc suốt đêm hôm đó mà chẳng hề muốn chớp mắt. Chàng trai kiêu mầu bằng xương bằng thịt hấp dẫn hơn so với bất kỳ giấc mơ ảo mộng nào. Chẳng lẽ hoàng tử thực sự cuối cùng cũng đến rồi sao? Nhớ lại đôi mắt đen sẫm tuyệt đẹp nhìn sâu vào mắt cô, Anne thực sự rất muốn nghĩ rằng đó là sự thực.

Chương 26: Christine xuất hiện

Các cô gái Nhà Patty đã mặc quần áo sẵn sàng cho buổi tiệc chiêu đãi sinh viên năm ba do sinh viên năm dưới tổ chức vào tháng Hai. Trong căn phòng xanh, Anne ngắm nghía mình trong gương với nỗi vui sướng rất nữ tính. Cô đang mặc một chiếc váy đẹp lạ lùng. Ban đầu, nó chỉ là một chiếc váy trơn bằng lụa màu kem với lớp choàng the bên ngoài. Nhưng Phil nằng nặc đem nó về nhà trong dịp lễ Giáng sinh và thêu đầy những nụ hồng nhỏ xíu lên lớp the. Phil rất khéo tay, và kết quả là một chiếc váy khiến mọi cô gái Redmond đều ghen tỵ. Ngay cả Allie Boone, kẻ chuyên mặc váy mua từ Paris, cũng phải ngắm nhìn lớp váy phối đầy nụ hồng bằng ánh mắt khao khát trong lúc Anne yếu điệu bước lên cầu thang ở Redmond.

Anne đang thử cài một đóa lan trắng trên mái tóc. Roy Gardner đã gửi tặng cô hoa lan trắng cho buổi tiệc hôm nay, và cô biết chắc không có cô gái Redmond nào khác có được loại hoa này. Phil bước vào phòng với vẻ thán phục.

“Anne, đêm nay chắc chắn là đêm xinh đẹp của cậu. Chín trong mười đêm tớ dễ dàng vượt qua cậu. Nhưng đêm thứ mười cậu đột ngột tỏa sáng che lấp tớ hoàn toàn. Cậu làm sao mà đẹp được như thế nhỉ?”

“Chỉ nhờ chiếc váy thôi, cưng à. Người đẹp vì lụa mà.”

“Không đâu. Buổi tối gần đây nhất khi vẻ đẹp của cậu bốc lửa, cậu chỉ mặc chiếc váy cổ lật cũ màu xanh lơ do bà Lynde may. Nếu Roy chưa mất hồn mất vía vì cậu thì đêm nay anh ta sẽ chết đứ đừ thôi. Nhưng tớ không thích cậu cài hoa lan, Anne ạ. Không phải là ganh tỵ đâu. Hoa lan có vẻ không phù hợp với cậu. Trông quá ngoại lai - quá nóng bỏng - quá xấu xược. Dù sao chẳng nữa, đừng cài nó lên tóc.”

“Ừ, không đâu. Phải thừa nhận là bản thân tớ cũng không thích phong lan. Tớ không cảm thấy gần gũi với chúng. Roy không hay gửi loại này - anh ấy biết tớ thích những loài hoa thân thuộc với mình. Hoa lan chỉ là khách qua đường mà thôi.”

“Jonas gửi cho tớ mấy nụ hồng màu nhạt rất dễ thương - nhưng... anh ấy không đến. Anh nói phải tổ chức một cuộc họp cầu nguyện ở khu ổ chuột! Tớ không nghĩ anh ấy muốn đến. Anne, tớ sợ khủng khiếp rằng Jonas thực sự chẳng ưa tớ chút nào.”

Và tớ đang cố gắng quyết định xem nên ố o tiêu tụy mà chết hay nên tiếp tục sống lấy bằng đại học và trở thành một người lý trí và hữu ích.”

“Cậu chẳng thể trở thành một người lý trí và hữu ích đâu, Phil ạ, do đó, tốt nhất là cậu cứ nên tiêu tụy đến chết đi thôi,” Anne tàn nhẫn nhận xét.

“Anne độc ác!”

“Phil ngốc nghếch! Cậu biết quá rõ là Jonas yêu cậu mà.”

“Nhưng - anh ấy không bày tỏ với tớ. Và tớ chẳng thể ép anh ấy được. Anh ấy có vẻ yêu tớ, tớ thừa nhận là thế. Nhưng bày-tỏ-tình-yêu-qua-ánh-mắt không phải là một lý do thực sự đáng tin cậy để bắt đầu thêu khăn lót và móc khăn bàn. Tớ không muốn bắt đầu chuẩn bị của hồi môn cho đến khi thực sự đính hôn. Làm trước bước không qua mà.”

“Anh Blake không dám hỏi cưới cậu, Phil à. Anh ấy nghèo và không thể cho cậu một mái ấm như ngôi nhà hiện thời của cậu. Cậu biết đó là lý do duy nhất khiến anh ấy chưa ngỏ lời mà.”

“Tớ cho là thế,” Phil ngoan ngoãn đồng ý. “À” - mặt cô bừng sáng - “nếu anh ấy không chịu hỏi cưới tớ thì tớ sẽ hỏi cưới anh ấy, thế đấy. Vậy là mọi chuyện sẽ ổn thỏa hết cả. Tớ chả phải lo lắng nữa. Nhân tiện, dạo này Gilbert Blythe hay đi chung với Christine Stuart lắm. Cậu biết không?”

Anne đang cố cài sợi dây chuyền vàng quanh cổ. Cô đột nhiên cảm thấy cái khóa thật khó cài. Chuyện gì xảy ra với nó vậy - hay chuyện gì đã khiến ngón tay cô run?

“Không,” cô thờ ơ đáp. “Christine Stuart là ai?”

“Em của Ronald. Cô nàng đến học âm nhạc ở Kingsport mùa đông này. Tớ chưa gặp cô nàng nhưng nghe đồn cô nàng rất đẹp và Gilbert phát cuồng vì cô nàng. Khi cậu từ chối Gilbert, tớ đã giận điên lên, Anne ạ. Nhưng Roy Gardner là duyên tiền định của cậu rồi. Giờ thì tớ thấy rõ điều đó. Cuối cùng thì cậu cũng đúng.”

Anne không đỏ mặt như thường lệ khi nghe mấy cô bạn cứ cho rằng mình chắc chắn sẽ lấy Roy Gardner. Cùng lúc đó, cô cảm thấy thờ thẩn cả người. Những chuyện tầm phào Phil kể chẳng có gì thu hút, và buổi tiệc chiêu đãi chán phèo phèo. Cô búng lỗ tai con mèo Mốc đáng thương.

“Cút khỏi cái đệm ngay lập tức, con mèo nhà người! Tại sao không ở vào đúng chỗ của mi dưới đất chứ hả?”

Anne cầm lấy bó hoa lan và bước xuống nhà, nơi dì Jamesina đang hơi ấm một dây áo khoác bên lò sưởi. Roy Gardner đang đứng chờ Anne và nhân tiện trêu chọc mèo Sarah. Mèo Sarah không ưa anh chàng. Nó luôn luôn quay lưng về phía anh. Nhưng tất cả mọi người khác tại Nhà Patty đều mến anh. Dì Jamesina, mê tí tác phong nhã nhặn đầy tin cậy và cung kính cùng giọng nói hân hoan tha thiết của Roy, tuyên bố anh là chàng trai dễ thương nhất mà dì biết, và Anne thật may mắn mới có được anh. Những lời phát biểu như vậy khiến Anne cảm thấy bực tức. Cách thức tán tỉnh của Roy dư lãng mạn cho mọi trái tim thiếu nữ, nhưng... cô ước gì dì Jamesina và các cô bạn đừng coi đó là điều đương nhiên. Khi Roy khẽ nói một lời khen đầy chất thơ khi giúp cô mặc áo khoác, cô không đỏ mặt và hồi hộp như bình thường; và anh thấy cô có vẻ khá trầm lặng trong suốt quãng đi bộ ngắn đến Redmond. Anh nghĩ cô hơi nhột nhột một chút khi bước ra khỏi phòng thay đồ nữ; nhưng khi họ bước vào phòng tiệc, vẻ hồng hào rạng rỡ đột nhiên quay trở lại với cô. Cô quay sang Roy với vẻ mặt vui vẻ tột độ. Anh mỉm cười đáp lại với nụ cười mà Phil gọi là “mượt như nhung, đen tuyền và sâu thẳm”. Nhưng thực tế trong mắt cô không hề có Roy. Cô ý thức rõ ràng rằng Gilbert đang đứng dưới hàng cọ ngay bên kia phòng nói chuyện với một cô gái khác, hẳn là Christine Stuart.

Cô nàng rất xinh đẹp kiểu đường bệ, vẻ đường bệ này nhất định sẽ trở thành bệ vệ vào độ tuổi trung niên. Cô nàng cao, đôi mắt to xanh sậm, làn da trắng ngà và mái tóc mượt mà đen thẫm tựa bóng đêm.

“Cô nàng có vẻ đẹp mà mình luôn khao khát,” Anne cảm thương tự nhủ. “Da như cánh hồng - mắt tím như sao - tóc đen như mun - ừ, cô nàng có tất tần tật. Thật là lạ khi cô nàng không lấy tên Cordelia Fitzgerald luôn! Nhưng mình không nghĩ rằng cô nàng có thân hình đẹp như mình, và mũi của cô nàng chắc chắn là xấu hơn mình rồi.”

Kết luận này làm Anne cảm thấy an lòng được một chút.

Chương 27: Trao đổi tâm sự

Mùa đông ấy, tháng Ba đến một cách rụt rè và nhút nhát như chú cừ non, đem lại những chuỗi ngày giòn tan vàng rực đầy kích thích, nối tiếp ngay sau đó là buổi hoàng hôn sương giá ửng hồng rồi dần dần chìm trong ánh trăng mờ ma thuật.

Bóng ma của kỳ thi tháng Tư ập xuống đầu các cô gái tại Nhà Patty. Họ học tập chăm chỉ; ngay cả Phil cũng cắm đầu vào sách vở với vẻ gan lì trái bản chất.

“Tớ nhắm tới học bổng Johnson cho môn toán,” cô bình tĩnh thông báo. “Tớ có thể dễ dàng lấy học bổng cho môn tiếng Hy Lạp, nhưng tớ chọn môn toán để chứng minh cho Jonas thấy tớ thực sự thông minh khủng khiếp.”

“Jonas thích đôi mắt nâu to đùng và nụ cười nhếch mép hơn hẳn bộ óc nằm dưới lớp tóc xoắn của cậu,” Anne nói.

“Khi ta còn bé, toán học không phải là thứ trang nhã dành cho các quý cô,” dì Jamesina nhận xét. “Nhưng thời thế đã thay đổi rồi. Chẳng biết như vậy là tốt hay xấu nữa. Cháu nấu ăn được không Phil?”

“Không, cháu chưa bao giờ nấu bất cứ thứ gì trong đời ngoại trừ món bánh gừng và nó đã thất bại thảm hại - ở giữa phẳng lì và các mép thì gồ ghề. Dì dư biết mà. Tuy nhiên, dì ơi, khi cháu bắt đầu nghiêm túc học nấu ăn, dì có nghĩ rằng bộ não giúp cháu giành học bổng toán học sẽ giúp cháu nấu ăn thành công không?”

“Có thể lắm,” dì Jamesina dè dặt đáp. “Ta không chê bai việc phụ nữ học lên cao. Con gái của ta là thạc sĩ. Nó cũng biết nấu ăn. Nhưng ta dạy nó nấu ăn trước khi cho phép giáo sư đại học dạy toán cho nó.”

Giữa tháng Ba, bà Patty Spofford gửi thư, nói là bà và cô Maria đã quyết định ở lại nước ngoài thêm một năm nữa.

“Vì vậy các cô có thể thuê Nhà Patty cho mùa đông tới,” bà viết. “Maria và tôi sẽ chạy một vòng Ai Cập. Tôi muốn nhìn thấy tượng nhân sư một lần trước khi chết.”

“Cứ nghĩ cảnh hai quý bà ấy ‘chạy một vòng Ai Cập’! Tớ tự hỏi họ có đan len dưới tượng nhân sư hay không,” Priscilla phá lên cười.

“Tớ mừng vì chúng mình có thể thuê Nhà Patty thêm một năm nữa,” Stella nói. “Tớ cứ sợ họ sẽ trở lại. Và khi đó cái ổ hạnh phúc bé bỏng của chúng mình sẽ tan vỡ - và các cô gái non nớt chưa đủ lông đủ cánh sẽ bị ném ra thế giới tàn nhẫn của các nhà trọ thêm một lần nữa.”

“Tớ đi lang thang một chút ngoài công viên đây,” Phil tuyên bố, quảng cuốn sách ra một bên. “Tớ nghĩ rằng khi tớ tám mươi tớ sẽ rất vui vì đã đi dạo trong công viên tối nay.”

“Ý cậu là sao?” Anne hỏi.

“Đi với tớ khắc biết, cô nàng ngọt ngào ạ.”

Trong chuyến đi dạo hai người thu vào tầm mắt mọi bí ẩn và ma thuật của một buổi tối tháng Ba. Buổi chiều thật dịu dàng và yên ắng, gói trong một lớp tĩnh mịch trắng menh mang - lớp tĩnh mịch lại được đan dệt bởi vô số những sợi âm thanh mảnh dẻ óng ánh bạc, những âm thanh có thể cảm nhận được thông qua tâm hồn chứ không phải đôi tai. Các cô gái lang thang đi dọc lối mòn uốn khúc giữa rừng thông, lối mòn ấy dường như dẫn thẳng vào lòng buổi hoàng hôn mùa đông rừng rực lửa.

“Tớ sẽ về nhà viết một bài thơ ngay giây phút huyền diệu này nếu như tớ biết làm thơ,” Phil tuyên bố, dừng chân ở khoảng đất trống nơi ánh chiều hồng nhuộm đỏ đỉnh thông xanh. “Ở đây tất cả đều thật tuyệt vời - sự yên tĩnh trắng menh mang cùng những thân cây tối sẫm lúc nào cũng có vẻ trầm tư.”

“Rừng là những đền đài đầu tiên của Thiên Chúa”^[16], Anne khẽ đọc một câu thơ. “Ở một nơi thế này, chúng ta không thể không cảm thấy ngưỡng mộ và thành kính. Tớ luôn cảm thấy như đang ở rất gần Người khi đi bộ giữa những hàng thông.”

[16]. *“Thánh ca trong rừng”, thơ William Cullen Bryant.*

“Anne ơi, tớ là cô gái hạnh phúc nhất trên thế giới này,” Phil đột nhiên thổ lộ.

“Vậy là anh Blake cuối cùng cũng đã cầu hôn cậu sao?” Anne bình tĩnh hỏi.

“Đúng rồi. Và tớ ách xì đến ba lần trong lúc anh ấy cầu hôn. Tệ hại quá phải không? Nhưng tớ nói ‘vâng’ gần như trước khi anh kịp dứt lời - tớ cứ sợ anh ấy đổi ý và không nói nữa. Tớ đang hạnh phúc đến phát cuồng lên. Trước giờ tớ không thể tin nổi Jonas sẽ yêu một cô nàng phù phiếm như tớ.”

“Phil, cậu không thực sự phù phiếm đâu,” Anne nghiêm túc nói. “Tận sâu bên dưới lớp vỏ ngoài phù phiếm ấy, cậu có một tâm hồn đầy nữ tính, rất đáng yêu và chân thành. Tại sao cậu phải che giấu nó chứ?”

“Tớ chẳng làm khác được, Nữ hoàng Anne à. Cậu nói đúng - bản chất tớ không phù phiếm. Nhưng linh hồn tớ khoác một lớp da phù phiếm mà tớ không sao cởi ra được. Như bà Poyser nói, phải được ấp nỏ thêm một lần nữa theo cách khác hẳn thì tớ mới thay đổi được. Nhưng Jonas nhìn thấy bản chất thực sự của tớ và yêu tớ, mặc cho tớ có phù phiếm hay không. Và tớ yêu anh ấy. Trong đời tớ chưa bao giờ ngạc nhiên như khi phát hiện ra tớ đã yêu anh ấy. Tớ chưa bao giờ nghĩ mình có thể đem lòng yêu một người đàn ông xấu xí. Cứ nghĩ đến chuyện tớ loại bỏ tất cả chỉ còn một người theo đuổi duy nhất. Và người đó còn tên là Jonas nữa chứ! Nhưng tớ định gọi anh ấy là Jo thôi. Một cái tên ngắn dễ thương dứt khoát. Xưa tớ không thể rút ngắn tên Alonzo được.”

“Thế Alec và Alonzo thì sao?”

“Ồ, hồi Giáng sinh tớ nói với họ là tớ chẳng thể lấy ai trong hai người họ. Thật tức cười khi nghĩ ngày xưa tớ từng cho rằng mình có thể lấy bọn họ. Họ cảm thấy buồn đến mức tớ chỉ biết òa lên khóc trước mặt họ - gào lên thì mới đúng. Nhưng tớ biết chỉ có một người đàn ông duy nhất trên thế giới này tớ muốn cưới mà thôi. Cuối cùng cũng có một lần tớ quyết tâm, và điều đó thật là dễ dàng. Thật phấn khởi khi cảm thấy hoàn toàn chắc chắn, và biết sự chắc chắn đó xuất phát từ chính bản thân tớ chứ không phải từ người khác.”

“Thế cậu nghĩ là mình có thể giữ vững được không?”

“Ý cậu là thói quen hạ quyết tâm á? Tớ chẳng biết nữa, nhưng Jo chỉ cho tớ một quy tắc tuyệt vời. Anh ấy nói khi tớ bối rối, hãy làm điều mà lúc tám mươi tuổi, tớ sẽ ước mình đã làm trong quá khứ. Nhưng dù sao, Jo quyết định rất nhanh, mà trong nhà có quá nhiều quyết tâm thì cũng không thoải mái cho lắm.”

“Thế ba mẹ cậu sẽ nói gì?”

“Ba sẽ không phàn nàn gì đâu. Ông ấy cho rằng mọi thứ tớ làm đều đúng. Nhưng mẹ tớ sẽ lảng nhảng cho coi. Ôi, cái lưỡi của bà cũng Byrne y hệt cái mũi. Nhưng cuối cùng mọi chuyện sẽ ổn thôi.”

“Cậu sẽ phải từ bỏ rất nhiều thứ mà cậu luôn có trước giờ khi cậu lập gia đình với anh Blake, Phil ạ.”

“Nhưng tớ sẽ có anh ấy. Tớ sẽ không tiếc nuối gì những thứ khác đâu. Chúng tớ định sẽ kết hôn vào tháng Sáu năm tới. Mùa xuân này Jo sẽ tốt nghiệp trường St. Columbia, cậu biết đấy. Sau đó anh ấy sẽ nhận một nhà thờ truyền giáo nhỏ trên đường Patterson trong khu ổ chuột. Tưởng tượng cảnh tớ sống trong khu ổ chuột đi! Nhưng tớ sẵn sàng đi đến đó hoặc đến cả núi băng Bắc cực với anh ấy.”

“Và đây là cô gái từng nói sẽ không bao giờ kết hôn với một người đàn ông không giàu có,” Anne kể tội với một cây thông non.

“Ôi, đừng nhắc lại những sai lầm thời thơ ấu của tớ. Tớ sẽ sống cảnh nghèo một cách vui vẻ chẳng kém như khi tớ giàu. Cậu cứ chờ xem. Tớ sẽ học cách nấu ăn và may áo váy. Tớ đã học được cách đi chợ kể từ khi đến sống ở Nhà Patty; và tớ từng dạy một lớp giáo lý suốt cả mùa hè. Dì Jamesina nói tớ sẽ hủy hoại sự nghiệp của Jo nếu kết hôn với anh ấy. Nhưng không đâu. Tớ biết tớ chẳng có bao nhiêu lý trí hay chín chắn, nhưng tớ có thứ còn tốt hơn hẳn - tài khiến mọi người quý mến. Có một ông già Bolingbroke nói ngọng nhưng luôn phát biểu trong các cuộc họp cầu nguyện. Ông nói, ‘Nếu các bạn không thể sáng như trăng thì cứ sáng như đèn cầy cũng được.’ Tớ sẽ là ngọn nến bé nhỏ của Jo.”

“Phil, cậu thật chẳng thay đổi gì cả. Ôi, tớ thương cậu nhiều đến mức chẳng thể phát biểu chúc mừng thật vui vẻ hay ho cho cậu. Nhưng trái tim tớ hết sức vui mừng trước hạnh phúc của cậu.”

“Tớ biết. Đôi mắt lớn màu xám của cậu ngập tràn tình bạn chân thành, Anne ạ. Một ngày nào đó tớ sẽ nhìn cậu bằng ánh mắt y hệt. Cậu sẽ kết hôn với Roy, phải vậy không hở Anne?”

“Philippa thân mến, cậu đã bao giờ nghe nói đến cô nàng Betty Baxter nổi tiếng, người đã ‘từ chối một người đàn ông trước khi anh ta kịp hỏi cưới’ chưa? Tớ sẽ không bắt chước quý cô lừng danh ấy mà từ chối hoặc chấp nhận ai đó trước khi anh ta kịp ‘hỏi’ tớ.”

“Cả Redmond này biết rõ Roy phát điên lên vì cậu,” Phil nói khá thẳng thắn. “Và cậu thực sự yêu anh ta, phải không Anne?”

“Tớ... tớ cho rằng như vậy,” Anne miễn cưỡng đáp. Cô nghĩ mình nên đỏ mặt một chút khi thú nhận điều đó, nhưng lại không; mặt khác, cô lúc nào cũng nóng mặt khi có ai đó nhắc đến Gilbert Blythe hay Christine Stuart trong tầm tai. Gilbert Blythe và Christine Stuart chẳng có ý nghĩa gì với cô cả - hoàn toàn không. Nhưng Anne đã từ bỏ nỗ lực tìm cách phân tích lý do mình nóng mặt như thế. Còn về Roy, đương nhiên là cô yêu anh rồi - yêu điên cuồng ấy chứ. Làm sao mà không yêu được? Anh ấy chẳng phải là người tình lý tưởng của cô sao? Ai có thể chống lại đôi mắt sẫm màu tuyệt đẹp cùng giọng nói thiết tha ấy chứ? Chẳng phải phân nửa nữ sinh Redmond phát điên vì ganh tỵ sao? Và bài thơ ngắn hết sức quyến rũ anh gửi tặng cô vào ngày sinh nhật, kèm theo một hộp đầy hoa violet nữa chứ! Anne thuộc lòng từng chữ của bài thơ rồi. Đó cũng là một bài thơ tình rất có chất lượng. Không hẳn là đạt đến tầm của Keats hay Shakespeare - Anne chưa yêu nhiều đến mức đi so sánh như vậy. Nhưng nó cũng là một bài thơ đại chúng khá êm tai. Và nó viết dành riêng cho cô - không phải cho Laura hoặc Beatrice hay cô gái Athens nào, mà cho cô, Anne Shirley. Được ca ngợi bằng những vần thơ có cánh rằng đôi mắt của cô sáng tựa sao mai - má cô ứng màu hồng của ánh bình minh - rằng đôi môi cô đỏ thắm hơn cả hoa hồng chốn thiên đường, lãng mạn đến rùng cả mình đấy chứ. Gilbert sẽ không bao giờ nghĩ tới việc viết một bài thơ về đôi lông mày của cô. Nhưng Gilbert có thể hiểu được chuyện hài hước. Cô từng kể cho Roy nghe một câu chuyện cười - và anh chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì cả. Cô nhớ lại những tiếng cười ấm áp từng vang lên giữa cô và Gilbert khi nghe câu chuyện này, và tự hỏi đầy bất an rằng sống cả đời với một người không có khiếu hài hước thì về lâu dài có quá buồn chán hay không. Nhưng làm sao

có thể mong đợi một người hùng u sầu bí ẩn hiểu được khía cạnh hài hước của sự vật cơ chứ? Vậy chẳng phải quá sức bất hợp lý sao?

Chương 28: Một chiều tháng Sáu

“Cháu tự hỏi sống trong thế giới lúc nào cũng là tháng Sáu thì sẽ thế nào,” Anne nói khi cô băng qua vườn cây ăn trái trở hoa thơm nức rồi đặt chân lên bậc cửa chính, nơi bà Marilla và bà Rachel ngồi nói chuyện về tang lễ của bà Samson Coates mà họ vừa đi dự về. Dora ngồi giữa họ, chăm chỉ học bài; nhưng Davy ngồi đờ người trên bãi cỏ, với vẻ ảm đạm và chán nản hết mức mà cái lúm đồng tiền duy nhất trên má cậu cho phép.

“Cháu sẽ chán thôi,” bà Marilla thở dài.

“Hẳn là thế; nhưng giờ cháu chỉ cảm thấy còn lâu lắm cháu mới chán được, nếu lúc nào trời cũng tuyệt như ngày hôm nay. Ai cũng yêu tháng Sáu cả. Này cậu Davy, sao lại có khuôn mặt u buồn tháng Mười một vào lúc hoa nở tung bùng chứ?”

“Cháu chỉ mệt mỏi và chán sống thôi,” cậu bé con bi quan thốt lên.

“Vào hồi mười tuổi ư? Ôi chao, thật tệ quá thế!”

“Cháu không đùa đâu,” Davy chững chạc đáp trả. “Cháu đang ngả... ngả... ngả lòng,” - cuối cùng cậu cũng thốt ra được cái từ phức tạp ấy với nỗ lực hết sức anh dũng.

“Tại sao và vì sao?” Anne hỏi và ngồi xuống cạnh cậu bé.

“Bởi vì, cô giáo mới đến dạy thay cho thầy Holmes đang ốm đã giao cho cháu mười bài toán phải nộp vào thứ Hai. Cháu phải mất cả ngày mai để làm bài. Thật không công bằng khi phải làm việc ngày thứ Bảy. Milty Boulter nói nó sẽ không làm đâu, nhưng bà Marilla buộc cháu làm. Cháu không thích cô Carson chút nào.”

“Đừng có nói về thầy cô bằng cái giọng đấy, Davy Keith,” bà Rachel nghiêm khắc cảnh cậu bé. “Cô Carson là cô giáo rất tốt. Cô ấy không vớ vẩn tí nào.”

“Nghe thì chẳng hấp dẫn gì cả,” Anne phá lên cười. “Cháu thích những người thỉnh thoảng phải vớ vẩn một chút cơ. Nhưng cháu có nhận xét về cô Carson tốt hơn bà đấy. Tối qua cháu gặp cô ấy trong buổi họp cầu nguyện, đôi mắt cô ấy chẳng thể lúc nào cũng có vẻ nghiêm túc được. Bây giờ, cậu bé Davy, lên đây có tinh thần nào. ‘Ngày mai sẽ là một ngày mới’ và cô sẽ dốc hết sức giúp cháu làm toán. Đừng lãng phí giờ phút đáng yêu khi ngày và đêm trọn lẫn này vào môn số học.”

“Vâng, cháu không buồn đâu,” Davy sáng mắt. “Nếu cô giúp cháu làm toán thì cháu sẽ làm xong sớm để đi câu cá với Milty. Cháu ước gì lễ tang của dì Atossa diễn ra vào ngày mai thay vì hôm nay. Cháu muốn xem thử vì Milty bảo mẹ nó nói dì Atossa nhất định sẽ bật dậy khỏi quan tài để nói xiên xỏ những người đến xem cảnh bà ấy xuống mồ. Tuy nhiên bà Marilla nói bà ta không làm vậy.”

“Chị Atossa tội nghiệp nằm yên bình trong quan tài,” bà Lynde nghiêm túc khẳng định. “Tôi chưa bao giờ thấy chị ấy thoải mái như thế, thế đấy. Đàng nào cũng chẳng có mấy người nhỏ nước mắt cho chị ấy, linh hồn tội nghiệp. Nhà Elisha Wright rất mừng khi thoát khỏi chị ấy, và tôi không thể trách họ tí xíu nào được.”

“Đối với cháu điều đáng sợ nhất là rời khỏi thế giới này mà chẳng ai nuối tiếc khi cháu ra đi,” Anne rùng mình.

“Chẳng ai ngoại trừ ba mẹ của chị ấy yêu thương Atossa tội nghiệp, chắc chắn là thế, ông chồng của chị ấy cũng vậy,” bà Lynde quả quyết. “Chị ấy là bà vợ thứ tư. Ông ta quen với việc kết hôn rồi. Cưới xong chị ấy thì ông ta chỉ sống thêm được mấy năm nữa. Các bác sĩ nói ông ta qua đời vì chứng khó tiêu, nhưng tôi luôn luôn cho rằng ông ta chết vì cái lưỡi của Atossa, thế đấy. Một người đáng thương, chị ấy luôn biết tất cả mọi chuyện về hàng xóm, nhưng lại chẳng hiểu rõ chính bản thân mình. Ôi chao, dù sao thì chị ấy cũng ra đi rồi; và tôi cho rằng đám cưới của Diana sẽ là tiêu điểm của mọi chú ý tiếp theo.”

“Nghĩ tới chuyện Diana sắp kết hôn, cháu vừa cảm thấy buồn cười vừa cảm thấy khủng khiếp,” Anne thở dài, ôm lấy đầu gối và nhìn xuyên qua khe hở trong rừng Ma Ám sang căn phòng sáng đèn của Diana.

“Ta chẳng thấy có gì khủng khiếp cả khi con bé kiếm được một mối tốt,” bà Lynde nhấn mạnh. “Fred Wright có một trang trại ngon lành và cậu ta là một thanh niên gương mẫu.”

“Anh ấy rõ ràng không phải là chàng trai trẻ hư hỏng, táo bạo và hoang dại mà Diana từng muốn đi theo,”

Anne mỉm cười. “Fred tốt quá mức.”

“Thế mới phải chứ. Bộ cháu muốn Diana kết hôn với một người đàn ông hư hỏng sao? Hay cháu muốn lấy một người như thế?”

“Ồ, không đâu. Cháu sẽ không muốn kết hôn với một kẻ hư hỏng, nhưng ý cháu là cháu sẽ thích nếu anh ta có thể hư hỏng nhưng không thêm làm. Còn Fred thì tốt một cách tuyệt vọng.”

“Một ngày nào đó cháu sẽ lý trí hơn, ta hy vọng thế,” bà Marilla nhận xét.

Bà Marilla nói với giọng khá cay đắng. Bà thất vọng khủng khiếp. Bà biết Anne đã từ chối Gilbert Blythe. Hội bà tám Avonlea rối rít lên vì tin này, nhưng chẳng ai biết làm sao tin này lại rò rỉ ra được. Có lẽ Charlie Sloane đoán và nói cứ như thật. Có lẽ Diana đã tiết lộ cho Fred và Fred không được kín đáo cho lắm. Bằng cách nào đi nữa, tin này cũng lộ ra ngoài; bà Blythe không còn hỏi Anne, dấu công khai hay riêng tư, là đạo này cô có nhận được tin gì từ Gilbert không nữa, bà chỉ đi ngang qua cô với cái gật đầu lạnh lùng. Anne lúc nào cũng mến người mẹ vui vẻ trẻ trung của Gilbert nên âm thầm đau đớn vì chuyện này. Bà Marilla không nói gì; nhưng bà Lynde chỉ trích Anne một cách cay nghiệt, cho đến khi quý bà đáng trọng này nhận được tin đồn mới nhất thông qua mẹ của Spurgeon MacPherson, rằng Anne có một “anh chàng” khác ở trường đại học, vừa giàu vừa đẹp trai vừa tốt tính. Sau đó bà Rachel kiểm chế cái lưỡi của mình, mặc dù sâu thẳm trong trái tim, bà vẫn mong Anne chấp nhận Gilbert. Giàu có thì rất tốt; nhưng ngay cả con người thực tế như bà Rachel cũng không cho đó là một yêu cầu cơ bản. Nếu Anne “ung” anh chàng Đẹp Trai Xa Lạ đó hơn Gilbert thì chẳng có gì để nói; nhưng bà Rachel hết sức lo sợ rằng Anne sẽ phạm phải sai lầm kết hôn vì tiền bạc. Bà Marilla biết Anne quá rõ nên không lo lắng vì chuyện này; nhưng bà cảm thấy rằng có sai lầm khủng khiếp nào đó đã xảy ra trong quy hoạch tổng thể của cuộc đời.

“Những gì nên đến thì sẽ đến thôi,” bà Rachel u ám tuyên bố, “và những gì không thể xảy ra đôi khi cũng xảy ra. Tôi đành phải chấp nhận rằng trường hợp của Anne sẽ

giống như thế, nếu Chúa trời không can thiệp, thế đấy.” Bà Rachel thở dài. Bà sợ Chúa trời không can thiệp; còn bà thì không dám can thiệp rồi.

Anne thì đang thơ thẩn đi dạo dọc suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng và co người giữa bụi dương xỉ dưới gốc cây bạch dương trắng cổ thụ, nơi cô và Gilbert hay ngồi trong những mùa hè xưa cũ. Vào dịp nghỉ, anh lại tiếp tục làm việc ở văn phòng báo chí, và Avonlea dường như trở nên rất buồn chán khi không có anh. Anh chẳng hề viết thư cho cô, và Anne cứ mãi trông ngóng những lá thư không bao giờ đến. Đương nhiên Roy viết thư hai lần một tuần; những lá thư của anh là những bài luận trau chuốt cầu kỳ rất thích hợp xuất hiện trong một cuốn hồi ký hoặc tiểu sử. Khi đọc những lá thư đó, Anne cảm thấy mình yêu anh hơn bao giờ hết; nhưng trái tim cô không bao giờ lỗi nhịp vì chúng, không như lần tim cô nhói đau kỳ lạ khi bà Hiram Sloane trao cho cô một lá thư với địa chỉ ghi bằng nét bút màu đen, ngay hàng thẳng lối của Gilbert.

Anne vội vã về nhà, trèo lên gác Đông và hăm hở mở ra - để rồi nhìn thấy một bản báo cáo đánh máy của hội đoàn đại học nào đấy - “chỉ có thể và chẳng còn gì hơn.” Anne quẳng bức công văn vô tội qua bên kia phòng và ngồi xuống sáng tác một bức thư đặc biệt tình cảm cho Roy.

Năm ngày nữa Diana sẽ kết hôn. Ngôi nhà xám ở Dốc Vườn Quả lộn tưng phèo hết nường, luộc rồi xào nấu, bởi đây sẽ là một đám cưới lớn theo kiểu truyền thống. Anne, tất nhiên, sẽ là phù dâu, như đã được quyết định từ khi họ mới mười hai tuổi, và Gilbert sắp trở về từ Kingsport làm phù rể. Anne tận hưởng niềm phấn khích khi tham gia các công việc chuẩn bị cho tiệc cưới, nhưng tim cô vẫn ngấm ngấm đau xót. Theo một nghĩa nào đó, cô sắp mất đi người bạn thân thiết từ thuở nhỏ; ngôi nhà mới của Diana cách Chái Nhà Xanh những hai dặm, và tình bạn thân thiết không hề chia cách sẽ chẳng còn như xưa. Anne nhìn lên ánh đèn trong phòng Diana và nghĩ rằng nó từng nhấp nhánh ra hiệu cho cô suốt nhiều năm liền; nhưng ngay sắp tới thôi, nó sẽ chẳng còn chiếu xuyên qua buổi chiều hè chập choạng nữa. Hai giọt nước mắt lớn đau xót dâng trào trong đôi mắt xám của cô.

“Ôi,” cô nghĩ, “thật khủng khiếp là mọi người phải trưởng thành - phải kết hôn - và phải thay đổi!”

Chương 29: Đám cưới của Diana

“Nói gì thì nói, hoa hồng thực sự phải là màu hồng,”

Anne thắt dải ruy băng trắng quanh bó hoa cầm tay của Diana trong căn gác nhìn về phía Tây của Dốc Vườn Quả. “Đây là hoa của tình yêu và niềm tin.”

Diana hồi hộp đứng giữa phòng, khoác lên mình chiếc áo cô dâu trắng muốt, tấm khăn voan mỏng manh phủ trắng những lọn tóc đen của cô. Anne vừa tự tay cài tấm khăn voan đó theo đúng thỏa thuận thân tình giữa hai người nhiều năm về trước.

“Y hệt như tớ từng tưởng tượng rất nhiều năm trước đây, khi tớ òa lên khóc vì cuộc hôn nhân nhất định phải diễn ra của cậu và sự chia tay của chúng ta ngay sau đó,” cô phá lên cười. “Cậu là cô dâu trong mơ của tớ, Diana ạ, với ‘tấm khăn voan phơ phất mỹ miều’; và tớ là phù dâu của cậu. Nhưng, chao ơi! Tớ không mặc áo đầm tay phòng - mặc dù cái tay ngắn thêu ren này còn đẹp hơn thế. Trái tim tớ không hoàn toàn tan vỡ và tớ cũng không hẳn là ghét Fred.”

“Chúng mình có chia tay thực đâu mà, Anne,” Diana phản đối. “Tớ có đi đâu xa đâu. Chúng mình sẽ vẫn yêu mến nhau như trước giờ. Chúng mình chẳng phải vẫn luôn giữ lời ‘tuyên ngôn’ tình bạn từng thề thốt nhiều năm về trước, đó sao?”

“Ừ. Chúng mình luôn trung thành với lời thề ấy. Chúng mình có một tình bạn đẹp, Diana ạ. Chúng mình chẳng hề làm hỏng nó vì một lần cãi nhau, giận hờn hay những lời bực tức; và tớ hy vọng sẽ luôn luôn được như vậy. Nhưng mọi thứ sẽ chẳng còn được như xưa nữa sau đám cưới này. Cậu sẽ có những mối quan tâm khác. Tớ chỉ đứng bên ngoài thôi. Nhưng ‘đời là thế’ như bà Rachel vẫn nói. Bà Rachel tặng cậu một trong những tấm chăn len yêu quý đan theo mẫu ‘thuốc lá sọc’ đấy, và bà ấy nói sẽ tặng cho tớ một tấm khác khi tớ cưới.”

“Điều chán nhất trong lễ cưới của cậu là tớ không thể làm phù dâu cho cậu,” Diana than thở.

“Tớ sẽ làm phù dâu cho Phil vào tháng Sáu năm tới, khi cậu ấy kết hôn với anh Blake, sau đó tớ phải dừng lại thôi, vì cậu biết câu tục ngữ ‘ba lần phù dâu, đừng hòng cô dâu’ mà”, Anne nói rồi nhìn trộm qua khe cửa xuống khu vườn ăn trái nở rộ hoa đủ màu hồng trắng bên dưới. “Mục sư tới rồi, Diana ơi.”

“Ôi, Anne ơi,” Diana thở dồn dập, mặt đột nhiên tái nhợt và bắt đầu run rẩy. “Ôi, Anne ơi - tớ run quá - tớ không thể đợi hết lễ được đâu - Anne, chắc tớ sẽ ngất đi mất.”

“Nếu cậu ngất tớ sẽ kéo cậu ra máng nước mưa và tống cậu vào đó,” Anne nói một cách tàn nhẫn. “Vui lên nào, cưng yêu nhất trần đời. Kết hôn không đến nỗi khủng khiếp như vậy đâu, rất nhiều người sống sót qua buổi lễ mà. Nhìn bộ dạng thần nhiên và thoải mái của tớ này, và đừng cảm lên.”

“Đợi đến lượt cậu đi rồi hẵng ba hoa, thưa quý cô Anne. Ồ, Anne ơi, tớ nghe tiếng ba tớ lên lầu rồi. Đưa tớ bó hoa nào. Khăn voan của tớ cài thắt thớm chưa? Mặt tớ trông nhợt nhạt lắm hả?”

“Cậu trông đáng yêu lắm. Di, bạn yêu quý, hôn tạm biệt tớ lần cuối nào. Diana Barry sẽ không bao giờ hôn tớ thêm lần nào nữa.”

“Nhưng Diana Wright sẽ hôn cậu mà. Thôi, mẹ tớ gọi rồi. Đi nào.”

Sau đó, theo đúng phong tục truyền thống, Anne bước vào phòng khách, tay khoác tay với Gilbert. Họ gặp nhau ở đầu cầu thang, và đó là lần đầu tiên gặp nhau kể từ khi họ rời Kingsport, bởi Gilbert vừa về tới ngay ngày hôm đó. Gilbert lịch sự bắt tay cô. Anh trông có vẻ khỏe mạnh dẫu Anne nhận thấy ngay rằng anh có gầy đi đôi chút. Nhưng mặt anh không nhợt nhạt; má anh đỏ ửng lên khi Anne đi dọc theo hành lang về phía anh, trong chiếc váy trắng mềm rủ xuống, hoa lan chuông cài trên mái tóc bồng bênh bóng mượt. Khi họ tiến vào phòng khách chật ních người, những tiếng xì xào ngưỡng mộ vang lên khắp phòng. “Chúng thật đẹp đôi,” bà Rachel thì thầm về kích động với bà Marilla.

Fred chậm chậm bước vào một mình, khuôn mặt đỏ bừng, và rồi Diana lướt vào phòng tựa vào tay của ba cô. Cô không ngất xỉu, và chẳng có chuyện gì bất thường xảy ra làm gián đoạn buổi lễ. Chè chén và lễ hội tiếp sau đó; rồi lúc chiều tàn, Fred và

Diana đánh xe về ngôi nhà mới dưới ánh trăng, và Gilbert tháp tùng Anne về lại Chái Nhà Xanh.

Một chút gì đó của tình bạn thân cũ đã trở lại trong bầu không khí vui vẻ gần gũi hồi chiều. Ôi, thật tuyệt khi được đi bộ trên con đường quen thuộc này với Gilbert một lần nữa!

Đêm tĩnh lặng đến mức có thể nghe được tiếng thì thầm của những bông hồng nở rộ - tiếng cười của hoa cúc - tiếng cỏ ngân nga - nhiều âm thanh ngọt ngào hòa quyện với nhau. Ánh trăng gieo rắc vẻ mỹ miều lên những cánh đồng quen thuộc.

“Hay là chúng mình đi lang thang một chút lên đường Tình Nhân trước khi cậu về nhà nhé?” Gilbert đề nghị khi họ băng qua cây cầu bắc qua hồ Lấp Lánh nơi bóng mặt trăng tựa như một đóa hoa vàng đắm nước to đùng.

Anne đồng ý ngay. Đường Tình Nhân đêm đó quả là một lối đi của xứ thần tiên - lung linh bí ẩn, đầy phép màu dưới lớp ma thuật trắng muốt dệt từ ánh trăng. Có hồi việc đi dạo với Gilbert trên đường Tình Nhân là quá sức nguy hiểm. Nhưng giờ Roy và Christine đã giúp nó trở nên rất an toàn. Anne thấy mình hay nghĩ về Christine trong lúc nói chuyện vui vẻ với Gilbert. Cô đã gặp cô nàng mấy lần trước khi rời Kingsport, và đối xử với cô nàng đặc biệt tử tế. Christine cũng hết sức tử tế với cô. Thật vậy, hai người họ đối xử với nhau lịch sự hết mức có thể. Nhưng dù sao chẳng nữa, sự quen biết của họ chưa đủ chín để thành tình bạn. Rõ ràng, Christine không phải là tri âm tri kỷ rồi.

“Thế cậu có ở lại Avonlea suốt mùa hè không?” Gilbert hỏi.

“Không. Tớ sẽ đi về phía Đông đến Đường Thung Lũng vào tuần tới. Esther Haythorne nhờ tớ dạy học giúp trong tháng Bảy và tháng Tám. Trường ở đó có khóa mùa hè, và Esther không khỏe lắm. Vì vậy tớ sẽ dạy thay cho cậu ấy. Tớ không phiền đâu, về một mặt nào đó. Cậu biết không, bây giờ tớ bắt đầu cảm thấy có chút lạ lẫm ở Avonlea. Điều này làm tớ cảm thấy buồn - nhưng đó là sự thật. Thật ngỡ ngàng khi thấy số lượng trẻ con đã nhảy vọt thành các thiếu niên thiếu nữ - các chàng trai cô gái thực sự - trong hai năm vừa qua. Một nửa số học sinh của tớ đã trưởng thành. Tớ cảm thấy già nua khủng khiếp khi nhìn thấy chúng ở những nơi cậu và tớ và bạn bè của chúng mình hay vui đùa.”

Anne cười và thở dài. Cô cảm thấy rất già nua, trưởng thành và từng trải - điều đó cho thấy cô vẫn còn non nớt thế nào. Cô tự nhủ rằng cô khao khát được trở về những ngày vui vẻ xa xưa, luôn nhìn cuộc sống qua lớp sương màu hồng của hy vọng và ảo tưởng, những ngày ấy có một thứ gì đó không xác định nổi nay đã rời đi mãi mãi.

Vinh quang và ước mơ, giờ chúng đã biến đâu?

“Thế là thế giới vẫy tay từ biệt,” Gilbert trích dẫn với vẻ thực tế và còn hơi lơ đãng. Anne tự hỏi có phải anh đang nhớ tới Christine không. Ôi, Avonlea giờ sẽ trở nên cô đơn hơn bao giờ hết - khi Diana đã rời đi!

Chương 30: Chuyện tình của bà Skinner

Anne bước ra khỏi xe lửa tại ga Đường Thung Lũng và nhìn quanh xem có ai đón mình không. Cô sẽ trọ ở nhà một cô Janet Sweet nào đó, nhưng cô thấy không có ai trông giống như tưởng tượng của cô về quý cô ấy, theo như mô tả trong lá thư của Esther. Người duy nhất trong tầm mắt cô là một phụ nữ lớn tuổi ngồi trên xe ngựa chở hàng chất đầy túi đựng thư. Cân nặng của bà tính nhẹ nhất cũng khoảng chín mươi cân; khuôn mặt bà tròn và đỏ ửng như trứng rằm, và gần như cũng nhăn nhui như thế. Bà mặc một chiếc váy cashmere đen bó chặt, theo kiểu thời trang của mười năm về trước, đội mũ rơm nhỏ màu đen bản có đính nơ thắt vàng và găng tay đăng ten đen đã bạc màu.

“Đây này, cô bé,” bà gọi và vung roi ra hiệu cho Anne.

“Cô là cô giáo mới ở Đường Thung Lũng phải không?”

“Vâng.”

“À, tôi đoán ra ngay mà. Đường Thung Lũng nổi tiếng với các cô giáo xinh đẹp, cũng như Millersville chỉ có toàn mấy cô trông chán phèo vậy. Sáng nay Janet Sweet nhờ tôi đi đón cô. Tôi đáp ngay, ‘Đừng nhiên là đực, nếu cô ta không phiền ngồi chật chút. Cái xe của tôi chất quá nhiều túi thư, mà tôi thì lại mập hơn Thomas kha khá!’ Đợi một chút, cô giáo, tôi sẽ sắp xếp mấy cái túi này lại và nhét cô vào một chỗ nào đó. Đi hai dặm là tới nhà Janet. Cậu bé làm thuê của nhà hàng xóm sẽ đi lấy hòm hành lý cho cô tối nay. Tôi tên là Skinner - Sarah Skinner.”

Cuối cùng Anne cũng được nhét vào xe, cô không ngừng cười thầm trong bụng trong suốt thời gian đó.

“Đi nào, ngựa ô,” bà Skinner ra lệnh, đôi tay ú nụ nắm lấy dây cương. “Đây là chuyến đi đầu tiên của tôi trên đường giao thư. Hôm nay Thomas muốn đi cuốc đất trồng củ cải, nên nhờ tôi đi giùm. Thế là tôi chuẩn bị sẵn sàng, ăn vội ba bốn miếng rồi lên đường. Tôi cũng khá thích công việc này. Đừng nhiên là nó khá nhàm chán. Một khoảng thời gian tôi ngồi ngẫm nghĩ, khoảng còn lại tôi chỉ ngồi chơi thôi. Đi nào,

ngựa ô. Tôi muốn về nhà sớm. Tôi không có nhà thì Thomas sẽ cô đơn lắm. Cô biết đấy, chúng tôi mới kết hôn gần đây thôi.” “Ồ!” Anne lịch sự thốt.

“Chỉ mới một tháng. Tuy Thomas cũng theo đuổi tôi khá lâu đấy. Lãng mạn lắm.” Anne cố gắng hình dung cảnh bà Skinner gắn liền với chuyện tình lãng mạn, nhưng cô thất bại thảm hại.

“Ồ?” cô thốt lên lần nữa.

“Ừ. Cô biết đấy, có một người đàn ông khác cũng theo đuổi tôi. Đi nào, ngựa ô. Tôi ở góa lâu lắm rồi, đến mức chẳng ai nghĩ là tôi sẽ kết hôn thêm lần nữa. Nhưng khi con gái tôi - nó cũng là cô giáo giống cô - đi miền Tây dạy học, tôi cảm thấy thật cô đơn và không mấy phản đối chuyện tái hôn nữa. Lúc đó, Thomas bắt đầu đến chơi và tay kia cũng thế - tên ông ta là William Obadiah Seaman. Trong một thời gian dài tôi không thể quyết định được nên lấy ai, bọn họ thì cứ tới chơi tới chơi, tôi thì lo lắng lo lắng. Cô biết đấy, W.O. nhà giàu - ông ta có một ngôi nhà đẹp và bộ dạng dễ coi. Tính ra cứ ông ta là lợi nhất. Đi nào, ngựa ô.”

“Thế sao bà không lấy ông ta?” Anne hỏi.

“À, cô biết đấy, ông ta không yêu tôi,” bà Skinner nghiêm túc đáp.

Anne mở to mắt nhìn bà Skinner. Nhưng không có tí xíu hài hước nào trên khuôn mặt của quý bà này. Rõ ràng bà Skinner thấy chẳng có gì đáng buồn cười trong trường hợp của mình.

“Ông ấy góa vợ ba năm rồi, có bà chị trông coi nhà cửa giùm. Sau đó, bà ta lập gia đình nên ông ta chỉ muốn tìm ai đó để coi chừng nhà. Cô phải biết nhé, căn nhà đó đáng được coi chừng lắm. Nó là một ngôi nhà rất đẹp. Đi nào, ngựa ô. Còn Thomas, ông ấy nghèo, còn căn nhà của ông ấy, giỏi lắm cũng chỉ đủ để không bị dột vào mùa khô thôi, mặc dù trông nó hợp cảnh lắm. Nhưng, cô biết đấy, tôi yêu Thomas, và tôi chẳng quan tâm xu nào đến W.O. Vì vậy, tôi tự tranh luận với bản thân. ‘Sarah Crowe,’ tôi nói - ông chồng trước của tôi họ Crowe - ‘mi có thể kết hôn với người đàn ông giàu có nếu thích, nhưng mi sẽ không hạnh phúc. Chẳng thể sống được với nhau trong thế giới này mà không có một chút tình yêu. Tốt nhất là mi gắn bó với Thomas, bởi ông ấy yêu thương mi và mi yêu ông ấy và chẳng có gì khác làm mi hài lòng hơn

thế đực.’ Đi nào, ngựa ô. Thế là tôi bảo Thomas là tôi ưng ông ấy. Suốt thời gian nung nấu quyết tâm, tôi chẳng dám đánh xe qua nhà W.O. vì sợ chỉ cần nhìn ngôi nhà đẹp đẽ đó cũng đủ làm tôi dao động. Nhưng bây giờ tôi chẳng nghĩ về nó tí nào nữa, và tôi chỉ cảm thấy thoải mái và hài lòng với Thomas. Đi nào, ngựa ô.”

“Thế William Obadiah tiếp nhận sự thật thế nào?” Anne hỏi.

“Ồ, ông ta om sòm một thời gian. Nhưng giờ thì ông ta đã đi cửa cấm một bà cô già ốm o ở Millersville, và tôi đoán bà ta sẽ gật đầu nhanh thôi. Bà ta sẽ là một người vợ tốt hơn bà vợ đầu của ông ta. W.O. chẳng bao giờ mún kết hôn với bà vợ đầu. Ông ta hỏi cưới chỉ vì ba ông ta muốn thế, cứ ngỡ là bà ta sẽ từ chối. Tuy nhiên, cô biết không, bà ta nói ‘đồng ý’. Gay go chưa! Đi nào, ngựa ô. Bà ta là một quản gia tuyệt vời, nhưng keo kiệt khủng khiếp. Bà ta đội mỗi một cái mũ suốt mười tám năm liền. Sau đó, bà ta mua một cái mới và W.O. gặp bà ta ngoài đường mà không nhận ra. Đi nào, ngựa ô. Tôi cảm thấy như mình vừa thoát chết ấy. Tôi có thể kết hôn với ông ta và khổ sở khủng khiếp như bà chị họ đáng thương Jane Ann của tôi. Jane Ann kết hôn với một người đàn ông giàu có mà chị ấy không yêu thương, và chị ấy sống như bà hoàng ấy nhé. Chị ấy đến thăm tôi tuần trước và nói, ‘Sarah Skinner, chị ghen tỵ với em. Chị thà sống trong túp lều nhỏ bên đường với người đàn ông chị thích còn hơn sống trong căn nhà lớn này với người chồng hiện giờ.’ Chồng của Jane Ann cũng không phải là người xấu, mặc dù ông ta trái tính trái nết đến mức mặc áo lông thú khi nhiệt kế chỉ ba mươi hai độ bách phân. Cách duy nhất bắt ông ta làm chuyện gì đó là dụ ông ta làm điều ngược lại. Nhưng chẳng có mấy tình yêu lót đường, và sống vậy thì khổ quá. Đi nào, ngựa ô. Kia là nhà của Janet trong thung lũng, ‘Vùng Ven’, chị ấy gọi nó như vậy đấy. Đẹp như tranh vẽ vậy, phải không? Tôi đoán cô sẽ rất vui đực xuống xe liền, thoát khỏi đồng túi thư chồng chất xung quanh.”

“Vâng, nhưng cháu rất vui được đi chung với bà,” Anne chân thành đáp.

“Ôi chào lại nữa!” bà Skinner hãnh diện thốt lên. “Tôi sẽ kể cho Thomas nghe lời khen của cô. Ông ấy luôn cảm thấy tức cừ muốn chết mỗi khi tôi đực khen. Đi nào, ngựa ô. Chào ôi, đến nơi rồi. Tôi hy vọng cô sẽ dạy học thoải mái, cô giáo. Có một đường tắt đến rừng băng qua đầm lầy sau nhà Janet. Nếu cô đi đường đó thì phải hết sức cẩn thận đấy. Nếu bị kẹt trong đám bùn đen đó, cô sẽ bị hút ngay xúng và chẳng bao giờ lộ dạng cho tới ngày phán xét cuối cùng, y hệt như con bò cái nhà Adam Palmer. Đi nào, ngựa ô.”

Chương 31: Anne gửi Philippa

“Anne Shirley gửi Philippa Gordon, chào cậu.

“Này bạn yêu quý, đến phiên tớ viết thư cho cậu rồi đây. Bây giờ, tớ lại trở thành ‘cô giáo làng’ thêm một lần nữa ở Đường Thung Lũng, ở trọ tại ‘Vùng Ven’, nhà của chị Janet Sweet. Janet rất dễ thương và đẹp dáng, cao nhưng không quá cao, đậm người nhưng với sự kiềm chế trong hình dáng cho thấy một tâm hồn cần kiệm, chẳng bao giờ vung tay quá trán kể cả trong vấn đề cân nặng. Chị ấy có búi tóc nâu mềm gọn sóng với vài sợi bạc, khuôn mặt tươi tắn với đôi má hồng, đôi mắt to dịu dàng xanh lơ màu hoa lưu ly. Ngoài ra, chị ấy còn thuộc về giới đầu bếp thú vị theo quan điểm truyền thống, chẳng quan tâm gì đến việc hủy hoại hệ tiêu hóa của tớ miễn là có thể chế biến cho tớ những bữa đại tiệc mỡ màng.

“Tớ thích chị ấy; và chị ấy cũng thích tớ - lý do chính có vẻ là chị ấy từng có một cô em gái tên Anne đã mất sớm.

“Chị rất vui khi được gặp em,’ chị nói ngay khi tớ vừa đặt chân vào sân nhà. ‘Ôi chao, trông em chẳng hề giống như chị tưởng tượng. Chị cứ chắc rằng em tóc đen - cô em gái Anne của chị tóc đen mà. Vậy mà em lại tóc đỏ!’

“Trong một vài phút, tớ nghĩ mình khó mà mến Janet nhiều như đã mong đợi ở cái nhìn đầu tiên. Nhưng rồi tớ nhắc nhở bản thân rằng mình nên đủ lý trí để tránh có định kiến với chị ấy chỉ đơn giản vì chị ấy cho rằng tóc tớ màu đỏ. Có lẽ từ ‘nâu sẫm’ không nằm trong vốn từ vựng của chị Janet.

“‘Vùng Ven’ là một chốn nhỏ dễ thương. Ngôi nhà bé tí ti sơn trắng, nằm trong một thung lũng nhỏ xinh chệch khỏi đường chính. Vườn cây ăn trái và vườn hoa nằm xen kẽ với nhau giữa nhà và đường cái. Hai bên lối đi vào cửa chính được viền bằng vỏ sò quahog - chị Janet gọi chúng là ‘qua hốc’ - kim ngân phơ phất trước hiên và rêu phủ đầy mái nhà. Phòng của tớ nằm ở góc khuất ‘cách xa phòng khách’^[17] - chỉ đủ chỗ cho cái giường và tớ. Trên đầu giường treo ảnh Robby Burns đứng trước mộ nàng Mary cao nguyên, dưới bóng một cây liễu rủ khổng lồ^[18]. Khuôn mặt Robby buồn thảm đến mức tớ gặp toàn những giấc mơ tệ hại. Ôi chao, ngay đêm đầu tiên ở đây tớ đã mơ thấy cảnh tớ không thể cười.

[17]. Theo cách nói của *Umbara Heep* trong tiểu thuyết *David Copperfield*.

[18]. Robert Burns, nhà thơ Anh, tác giả bài thơ “*Nàng Mary Cao nguyên*”, tưởng nhớ *Mary Campbell*, người tình của ông đã mất sớm.

“Phòng khách nhỏ và gọn gàng. Cửa sổ duy nhất bị một cây liễu khổng lồ che khuất, khiến căn phòng lờ mờ ánh sáng xanh lục bảo như trong một hang động. Ghế được phủ một lớp lót đẹp tuyệt, những tấm thảm vui mắt trải lên sàn, sách và thiệp được xếp ngăn nắp trên chiếc bàn tròn, những lọ cỏ khô bày trên bệ lò sưởi. Giữa những lọ cỏ khô là bộ sưu tập vui mắt những tấm biển quan tài - tổng cộng có năm tấm, lần lượt thuộc về cha mẹ của chị Janet, ông anh trai, cô em gái Anne và một người giúp việc đã qua đời ở đây! Nếu tở đột nhiên phát điên vào một ngày nào đó ‘hãy để thư này ghi lại với muôn đời’ rằng những tấm biển quan tài này là nguyên nhân chính.

“Nhưng chúng trông khá vui mắt và tở đã phát biểu đúng như thế. Janet mê tở ngay vì lời nói đó, tương tự như chuyện chị ấy ghét Esther tội nghiệp vì cậu ấy nói nhiều bóng râm quá thì không vệ sinh, và phản đối nằm ngủ trên nệm nhồi lông. Còn tở, tở tôn thờ giường nệm lông, và chúng càng mất vệ sinh, càng nhiều lông thì tở càng tôn thờ. Janet nói nhìn tở ăn thật đến sượng; chị ấy rất sợ tở cũng giống như cô Haythorne, chỉ dùng mỗi trái cây và nước nóng cho bữa sáng và cố thuyết phục Janet bỏ các món chiên xào. Esther thực ra là một cô gái đáng yêu, nhưng cậu ấy hơi kỳ quặc một tí. Vấn đề nằm ở chỗ cậu ấy không có đủ trí tưởng tượng mà lại có chứng khó tiêu.

“Janet nói là tở có thể dùng phòng khách để tiếp các chàng trai trẻ đến chơi! Tở không nghĩ rằng mình sẽ có nhiều khách đến chơi đâu. Tở chưa thấy một chàng trai trẻ nào ở Đường Thung Lũng, ngoại trừ anh chàng làm thuê cho nhà lán giềng - Sam Toliver, một thanh niên cao gầy, tóc bồm xồm. Anh ta đến chơi vào một buổi chiều nọ và ngồi suốt một giờ trên hàng rào chỗ gần hàng hiên đằng trước, nơi Janet và tở ngồi thêu thùa. Lời phát biểu duy nhất moi ra được từ miệng anh ta trong suốt thời gian đó là, ‘En kẹo bạc hà đi, cô giáo! Nhảy đi - trị răng sâu tốt lắm í, bạc hà’, và ‘Túi nay nhiều chiu chiu quá xá. Úi.’

“Nhưng có một chuyện tình đang diễn ra ở đây. Có vẻ như tở luôn có may mắn được góp tay, dẫn chủ động hay bị động, vào các câu chuyện tình của người lớn. Ông bà Irving luôn nói rằng tở đã giúp bọn họ đến với nhau. Bà Stephen Clark ở Carmody vẫn khẳng khái biết ơn tở về lời đề nghị mà nếu tở không nghĩ tới thì cũng có

người khác nói ra thôi. Tuy nhiên, tớ thực sự tin rằng Ludovic Speed sẽ không bao giờ tiến xa hơn giai đoạn cửa cấm rụt rè nếu tớ không giúp anh ta và Theodora Dix một tay.

“Trong vấn đề hiện tại, tớ chỉ là một khán giả bị động. Tớ đã thử ra tay thúc đẩy tiến độ một lần và khiến mọi thứ rối tung beng lên. Vì vậy tớ sẽ không can thiệp thêm lần nào nữa. Tớ sẽ kể hết cho cậu nghe khi chúng mình gặp nhau.”

Chương 32: Tiệc trà với bà Douglas

Vào tối thứ Năm đầu tiên của Anne ở Đường Thung Lũng, Janet rủ cô đi cùng đến buổi họp cầu nguyện. Janet ăn diện điệu đà như một đóa hồng khi đi dự buổi họp cầu nguyện đó. Chị mặc một chiếc váy muslin màu xanh nhạt lấm tấm hoa păng xê, chiếc váy có nhiều diềm đăng ten đến nỗi chẳng ai ngờ nàng Janet tiết kiệm lại dám phung phí như thế, chị còn đội một chiếc mũ rơm trắng đính hoa hồng màu hồng nhạt và ba chiếc lông đà điểu. Anne ngạc nhiên ghê gớm. Sau đó, cô mới phát hiện ra động lực ăn diện của Janet - một động lực xưa như vườn Địa Đàng.

Các buổi họp cầu nguyện ở Đường Thung Lũng dường như chỉ gồm toàn phụ nữ. Ở đó, có ba mươi hai phụ nữ, hai cậu choai choai và một người đàn ông duy nhất ngoại trừ viên mục sư. Anne để ý quan sát người đàn ông này. Ông ta không được đẹp trai, trẻ trung hay duyên dáng; ông ta có đôi chân dài thượt - đến mức chỉ có thể gập lại và cất dưới gầm ghế - và lưng còn bị gù nữa chứ. Bàn tay của ông ta to đùng, tóc cần đi cắt gấp, và bộ ria chẳng hề tỉa tót. Nhưng Anne nghĩ mình mẩn khuôn mặt của ông ta; khuôn mặt ấy tốt bụng, chân thành và dịu dàng; còn có một nét gì khác nữa ở đó - chỉ có điều Anne khó có thể xác định được nó là gì. Cô rút ra kết luận cuối cùng rằng người đàn ông này đã kiên cường chịu đựng nhiều đau khổ, và điều đó thể hiện rõ trên khuôn mặt của ông ta. Nét mặt ông có vẻ chịu đựng bền bỉ và hóm hỉnh, cho thấy ông sẵn sàng đấu tranh đến cùng nếu cần, nhưng sẽ luôn giữ vẻ hòa nhã cho đến khi không còn chịu đựng nổi.

Khi buổi họp cầu nguyện chấm dứt, người đàn ông này đi đến bên Janet và hỏi:

“Tôi đưa em về nhà nhé, Janet?”

Janet đưa tay khoác tay ông - “đoan trang và then thùng như thể mới mười sáu tuổi, lần đầu tiên được bạn trai đưa về nhà,” sau này, Anne kể với các cô bạn ở Nhà Patty như vậy.

“Cô Shirley, cho phép tôi giới thiệu anh Douglas,” chị trang trọng nói.

Ông Douglas gật đầu chào và nói, “Tôi đã nhìn thấy cô trong buổi họp cầu nguyện, thưa quý cô, tôi đã thầm nghĩ cô đúng là một cô gái bé bỏng dễ thương.”

Một lời nhận xét tương tự của chín mươi chín phần trăm người khác sẽ khiến Anne bực bội chua chát; nhưng cách ông Douglas nói chuyện khiến cô cảm thấy mình đã nhận được một lời khen tặng vừa ý hết sức chân thành. Cô mỉm cười tán thành với ông và cố ý lùi lại đằng sau trên con đường lấp lánh ánh trăng.

Vậy là Janet có bạn trai! Anne rất vui mừng. Janet sẽ trở thành một người vợ mẫu mực - vui vẻ, tiết kiệm, khoan dung, và một đầu bếp hạng nhất. Nếu chị cứ tiếp tục là một cô gái già thì đó đúng là một sự lãng phí trắng trợn của thiên nhiên.

“John Douglas nhờ chị dẫn em đến thăm mẹ anh ấy,” chị Janet nói vào ngày hôm sau. “Bà ấy nằm liệt giường thường xuyên và chẳng bao giờ đi ra khỏi nhà. Tuy vậy, bà ấy vô cùng thích có khách đến chơi và luôn luôn muốn gặp các khách trọ của chị. Chiều nay em đi được không?”

Anne đồng ý; nhưng ngay ngày hôm đó, ông Douglas thay mặt mẹ tới mời họ đến uống trà vào chiều thứ Bảy.

“Ồ, sao chị không mặc chiếc váy đẹp đính hoa păng xê?” Anne hỏi khi họ rời nhà. Trời hôm đó nóng nực, và chị Janet đáng thương trông như bị luộc sống trong chiếc váy cashmere đen nặng nề và sự hồi hộp của bản thân.

“Chị e là bà cụ Douglas sẽ cho rằng nó cực kỳ phù phiếm và không phù hợp. Nhưng John thì thích chiếc váy đó lắm,” chị thêm vào vẻ ước ao.

Cơ ngơi lâu đời của nhà Douglas cách ‘Vùng Ven’ nửa dặm, nằm trên đỉnh một ngọn đồi lộng gió. Căn nhà rộng rãi thoải mái, đủ cổ xưa để khoác lên vẻ trang nghiêm, và nằm giữa rừng phong và vườn cây ăn trái. Đằng sau là chuỗi nhà kho ngăn nắp rộng rãi, mọi thứ đều mang đậm dấu ấn thịnh vượng. Anne tự nhủ, vậy là nét chịu đựng kiên nhẫn trên khuôn mặt ông Douglas dù là gì đi nữa thì cũng không phải do các khoản nợ nần gây nên.

John Douglas đón họ ngay cửa và dẫn họ vào trong phòng khách, nơi mẹ ông ngự trị trên chiếc ghế bành.

Anne cứ nghĩ bà cụ Douglas sẽ cao và gầy, vì ông Douglas cũng như thế. Trái lại, bà là một phụ nữ nhỏ con, đôi má hồng nhạt, đôi mắt xanh lơ và miệng chúm chím như em bé. Mặc chiếc váy lụa đen đẹp đẽ đúng một cùng chiếc khăn choàng lông màu trắng phủ lên vai, mái tóc bạc nằm gọn trong chiếc mũ ren đỏm dáng, bà trông chẳng khác gì một búp bê bà ngoại.

“Cháu thế nào, Janet thân yêu?” bà ngọt ngào hỏi. “Tôi rất vui được gặp lại cháu, cháu yêu ạ.” Bà đưa khuôn mặt già nua nhưng vẫn rất xinh đẹp cho Janet hôn. “Và đây là cô giáo mới của chúng ta đấy. Tôi rất vui mừng được gặp cô. Con trai tôi cứ khen cô rồi rít cho đến khi tôi suýt phát ghen lên, và tôi chắc chắn Janet nên bắt đầu ghen tỵ đi là vừa.”

Janet đáng thương đỏ mặt, Anne nói vài câu ứng đối lịch sự cho qua chuyện, và sau đó mọi người ngồi xuống tìm chủ đề nói với nhau. Đó là một công việc khó khăn, thậm chí với cả Anne, bởi không ai có vẻ thoải mái ngoại trừ bà cụ Douglas, người rõ ràng không gặp vấn đề khó khăn gì khi trò chuyện. Bà buộc Janet ngồi kế bên và thỉnh thoảng lại vuốt ve tay chị. Janet chỉ biết ngồi mỉm cười, trông đầy ngượng ngập trong bộ váy xấu kinh khủng, còn John Douglas bộ mặt đăm đăm không chút nét cười.

Ở bàn trà bà Douglas nhã nhặn nhờ Janet rót trà cho mọi người. Mặt Janet đỏ bừng như chưa bao giờ được đỏ, nhưng rồi chị cũng rót trà. Anne viết thư mô tả bữa ăn đó cho Stella.

“Chúng tớ ăn món lườn lợn, gà và mút dâu, bánh nướng nhân chanh, bánh hấp nhân chanh, bánh sô cô la, bánh quy nho khô, bánh bột đường, bánh trái cây - và một vài món khác nữa, tính luôn cả bánh nướng - à tớ nghĩ đó là bánh nướng caramen. Sau khi tớ ăn gấp đôi mức tớ nên tiêu thụ, bà Douglas thở dài và nói là rất tiếc vì chẳng có món nào vừa miệng tớ.

“Tôi sợ tài nấu ăn của Janet thân yêu đã khiến cô chẳng còn ăn được bất cứ món gì khác,” bà ngọt ngào nói. “Đương nhiên chẳng ai ở Đường Thung Lũng dám cạnh tranh với cô ấy cả. Cô không muốn dùng thêm miếng bánh nướng nữa sao, cô Shirley? Cô chẳng ăn được tí nào cả.”

“Stella ạ, đấy là tớ đã ăn một phần lườn lợn, một phần gà, ba cái bánh quy, một lượng mút lớn, một miếng bánh nướng, một cái bánh hấp và một góc bánh sô cô la!”

Sau bữa trà bà Douglas mỉm cười phúc hậu bảo John dẫn “Janet thân yêu” ra vườn và tặng cho chị ấy mấy đóa hoa hồng. “Cô Shirley sẽ ngồi chơi với mẹ khi các con ra ngoài chơi - phải không cô Shirley?” bà ai oán. Rồi bà an vị nơi ghế bành với một tiếng thở dài.

“Tôi là một bà già yếu ớt, cô Shirley ạ. Suốt hơn hai mươi năm trời, tôi phải chịu đựng bệnh tật. Trong hai mươi năm dài đằng dặc, tôi chết đi từng tấc từng tấc một.”

“Ôi chắc bà đau đớn lắm!” Anne đáp, cố gắng để lộ vẻ cảm thông nhưng chỉ làm cho mình cảm thấy ngốc nghếch.

“Có hàng chục đêm người ta đã nghĩ rằng tôi có thể chẳng còn sống đến lúc bình minh,” bà Douglas nghiêm nghị nói tiếp. “Chẳng ai biết những gì tôi phải trải qua - chẳng ai ngoại trừ bản thân tôi. Ôi, giờ thì không còn quá lâu nữa đâu. Cuộc hành hương mệt mỏi của tôi sẽ sớm trôi qua thôi, cô Shirley ạ. Tôi rất yên tâm khi biết John sẽ có một người vợ tốt để chăm sóc cho nó khi mẹ nó ra đi - hết sức yên lòng, cô Shirley ạ.”

“Janet là một phụ nữ đáng yêu,” Anne nồng nhiệt đáp.

“Đáng yêu! Tốt tính nữa,” bà Douglas nhấn mạnh. “Và là một bà quản gia hoàn hảo - điều mà tôi không bao giờ làm được. Sức khỏe của tôi không cho phép, cô Shirley ạ. Tôi thực sự biết ơn Chúa khi John đã có lựa chọn khôn ngoan. Tôi hy vọng và tin rằng nó sẽ được hạnh phúc. Nó là con trai duy nhất của tôi, cô Shirley ạ, và hạnh phúc của nó lúc nào cũng canh cánh bên lòng tôi.”

“Đương nhiên là thế,” Anne đáp lại một cách ngớ ngẩn. Lần đầu tiên trong đời, cô ngẩn ra chẳng biết làm sao. Nhưng cô không thể hình dung nổi lý do. Cô dường như hoàn toàn không có gì để nói với bà cụ ngọt ngào, tươi cười và thánh thiện đang thân mật vỗ vỗ lên tay cô.

“Lần sau nhớ đến thăm bác sớm nhé, Janet yêu quý,” bà Douglas âu yếm dặn dò khi họ ra về. “Cháu đến chẳng thường xuyên bằng một nửa mong muốn của bác. Nhưng bác nghĩ một ngày nào đó John sẽ đưa cháu đến ở nơi này mãi mãi.” Vô tình

nhìn lướt qua, Anne giật nảy mình bắn khoăn trước bộ dạng John Douglas khi mẹ ông nói điều đó. Ông trông như một người bị tra tấn cong người chuẩn bị nhận hình phạt khủng khiếp cuối cùng. Cô chắc là ông không được khỏe lắm và vội vã dẫn chị Janet đáng thương mặt đỏ bừng rời đi.

“Bà cụ Douglas thật hiền hậu phải không?” Janet hỏi khi họ đi trên đường.

“À ừm,” Anne lơ đãng đáp. Cô đang tự hỏi tại sao John Douglas lại có vẻ mặt như vậy.

“Bà ấy phải chịu đau đớn khủng khiếp,” Janet nói đầy cảm thông. “Bà ấy thường phát bệnh rất dữ dội. Điều đó khiến John lúc nào cũng lo lắng. Anh ấy không dám rời nhà vì sợ mẹ phát bệnh mà trong nhà chẳng có ai ngoại trừ cô bé giúp việc.”

Chương 33: “Anh ấy cứ tới chơi tới chơi”

Ba ngày sau Anne từ trường về nhà và thấy Janet đang khóc. Nước mắt và Janet dường như chẳng hề có chút liên hệ gì với nhau nên Anne thực sự phát hoảng lên.

“Ôi, chuyện gì vậy?” cô kêu lên lo lắng.

“Chị... chị hôm nay đã bốn mươi tuổi rồi,” Janet nức nở.

“Ôi, hôm qua chị cũng gần bốn mươi mà đâu bị đau đớn gì đâu,” Anne an ủi và cố gắng nhin cười.

“Nhưng... nhưng,” Janet nắc mạnh, “John Douglas sẽ không bao giờ hỏi cưới chị.”

“Ôi, ông ấy sẽ hỏi thôi mà,” Anne lấp bắp. “Chị phải cho ông ấy thời gian, Janet ạ.”

“Thời gian!” Janet kêu lên với vẻ khinh miệt không diễn tả được. “Anh ấy đã có hai mươi năm trời rồi. Anh ấy cần bao nhiêu thời gian nữa đây?”

“Chị nói là John Douglas đã theo đuổi chị suốt hai mươi năm rồi sao?”

“Đúng vậy. Và anh ấy chẳng bao giờ đề cập gì đến chuyện cưới xin với chị. Và giờ thì chị không tin rằng anh ấy sẽ hỏi cưới chị nữa. Chị chưa bao giờ hé răng với bất cứ ai về chuyện này, nhưng chắc là cuối cùng chị phải kể với ai đó, không thì chị điên mất. John Douglas bắt đầu đến chơi với chị hai mươi năm về trước, trước khi mẹ chị qua đời. Ừ, anh ấy cứ tới chơi tới chơi, và sau một quãng thời gian, chị bắt đầu khâu chần mền và những món tương tự; nhưng anh ấy chẳng bao giờ đề cập đến chuyện cưới xin, chỉ tới chơi tới chơi hoài. Chị chẳng làm được gì cả. Mẹ chị mất khi bọn chị đi lại với nhau được tám năm. Chị nghĩ rằng lúc ấy anh ấy sẽ cầu hôn, vì thấy chị chỉ còn một mình trên thế gian này. Anh ấy rất tử tế và cảm thông, làm tất cả những gì có thể làm cho chị, nhưng anh ấy chẳng bao giờ cầu hôn. Và chuyện cứ diễn ra như thế từ đó tới giờ. Mọi người đổ lỗi cho chị về chuyện này. Họ nói chị không chịu kết hôn với anh ấy, vì mẹ anh ấy quá ốm yếu và chị không muốn mất thời gian chăm sóc bà ấy. Trời ạ, chị khao khát được chăm sóc mẹ của John! Nhưng chị cứ mặc cho họ

nghĩ như vậy. Chị thà để họ trách chị còn hơn là thương hại chị! Thật mất mặt khủng khiếp khi John chẳng chịu cầu hôn. Và vì sao anh ấy lại như thế? Với chị, chỉ cần biết lý do của anh ấy thôi thì chị sẽ chẳng phiền đến thế đâu.”

“Có lẽ mẹ ông ấy không muốn con mình kết hôn,” Anne gợi ý.

“Ồ, bà ấy muốn chứ. Bà ấy nói đi nói lại với chị rằng bà ấy rất muốn John ổn định gia đình trước khi bà ấy ra đi. Bà ấy luôn khéo léo nhắc nhở John - em cũng chính tai nghe thấy ngày hôm trước đấy thôi. Lúc ấy chị ước chị chui xuống đất được.”

“Điều này thật ngoài sức tưởng tượng của em,” Anne bắt lực nói. Cô nghĩ đến Ludovic Speed. Nhưng hai trường hợp này không giống nhau. John Douglas không phải là loại người như Ludovic.

“Chị nên mạnh mẽ hơn một chút, Janet ạ,” cô kiên quyết khuyên. “Tại sao chị không từ chối dây dưa với ông ta từ sớm đi cho rồi?”

“Chị không làm thế được,” Janet tội nghiệp buồn bã đáp. “Em biết mà, Anne, chị lúc nào cũng rất mến John. Anh ấy cứ đến như thế thôi cũng tốt, bởi chị chẳng bao giờ cần có ai khác ngoài anh ấy, vì vậy chẳng có gì quan trọng đâu.”

“Nhưng làm thế có thể ép ông ta thổ lộ với chị như một người đàn ông thực thụ,” Anne nói đốc vào.

Janet lắc đầu.

“Không, chị nghĩ là không đâu. Dù sao thì chị cũng không dám thử, vì sợ anh ấy nghĩ là chị thực sự muốn vậy và bỏ đi luôn. Chị biết chị là một kẻ hèn nhát, nhưng đó là cảm nhận của chị. Và chị không thể làm khác được.”

“Ôi, chị có thể làm khác mà, Janet. Vẫn chưa quá muộn đâu. Phải kiên quyết vào. Để cho tay đàn ông ấy biết chị không thể chịu đựng nổi thái độ lấp la lấp lửng của ông ta hơn được nữa. Em sẽ giúp chị.”

“Chị không biết nữa,” Janet tuyệt vọng kêu lên. “Chị không biết liệu mình đủ gan làm việc đó không. Chuyện đã lừng lững lơ lơ lâu lắm rồi. Nhưng chị sẽ suy nghĩ kỹ lại.”

Anne cảm thấy rất thất vọng về John Douglas. Cô đã rất mến ông ta, và cô không hề tưởng tượng nổi rằng ông ta lại là người chơi trò đuổi bắt lấp lửng với tình cảm của một người phụ nữ suốt hai mươi năm trời. Chắc hẳn ông ta cần được dạy cho một bài học, và Anne cay cú nghĩ rằng mình sẽ rất vui khi được nhìn thấy cảnh đó. Vì vậy lúc họ đi đến buổi họp cầu nguyện vào đêm hôm sau, cô rất vui khi Janet nói rằng mình quyết tâm sẽ “gan dạ” hơn.

“Chị sẽ cho John Douglas thấy là mình không đáng bị tiếp tục giẫm đạp lên như thế.”

“Chị làm vậy là hoàn toàn đúng,” Anne ủng hộ.

Khi buổi họp cầu nguyện chấm dứt, John Douglas bước đến với lời đề nghị thường lệ. Janet lộ vẻ run rẩy nhưng kiên quyết.

“Không, cảm ơn,” cô lạnh lùng đáp. “Tôi biết đường về nhà khá rõ. Hẳn là thế bởi tôi đã đi trên đó suốt bốn mươi năm ròng ròi. Cho nên chẳng dám phiền ông đâu, ông Douglas ạ.”

Anne quan sát John Douglas; và, dưới ánh trăng lộng lẫy, cô lại nhìn thấy vẻ đau đớn tội độ của kẻ bị tra tấn.

Không nói lại lời nào, ông quay người và rảo bước bỏ đi.

“Dừng lại! Dừng lại!” Anne gọi rối rít đằng sau, không để ý gì đến vẻ sững sờ của những người xung quanh. “Ông Douglas, dừng lại! Làm ơn quay lại.”

John Douglas dừng bước, nhưng ông không quay lại. Anne chạy như bay tới, nắm lấy tay ông và gần như kéo ông quay lại với Janet.

“Ông phải quay lại,” cô van vãn. “Đó chỉ là một hiểu lầm thôi, ông Douglas - tất cả là lỗi của tôi. Tôi ép Janet làm như vậy. Chị ấy không muốn đâu - nhưng bây giờ mọi chuyện đã ổn rồi, phải không Janet?”

Không nói lời nào Janet khoác lấy cánh tay ông và bước đi. Anne ngoan ngoãn theo họ về nhà và lên vào qua cửa sau.

“Ôi, em đúng là một lựa chọn tuyệt vời để ủng hộ chị,” Janet mỉm cười.

“Em chẳng làm khác được, Janet ạ,” Anne ân hận đáp. “Em chỉ cảm thấy như thể mình đang tận mắt chứng kiến một vụ giết người vậy. Em phải đuổi theo ông ấy.”

“Ôi, chị rất vui khi em làm vậy. Khi chị thấy John Douglas bỏ đi trên con đường ấy, chị cảm thấy như thể mọi mảnh vụn của niềm vui và hạnh phúc còn sót lại trong đời cũng rời đi theo anh ấy luôn. Đó là một cảm giác thật khủng khiếp.”

“Thế ông ấy có hỏi vì sao chị lại cư xử như vậy không?” Anne hỏi.

“Không, anh ấy chẳng nhắc một tiếng nào về chuyện ấy,” Jane buồn bã đáp.

Chương 34: John Douglas cuối cùng cũng cầu hôn

Anne vẫn còn chút hy vọng le lói rằng sau đó mọi chuyện sẽ có chút thay đổi. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. John Douglas đến chơi, đánh xe chở Janet dạo chơi và đi bộ từ buổi họp cầu nguyện về nhà như vẫn làm suốt hai mươi năm nay, và rất có thể ông sẽ tiếp tục làm vậy trong hai mươi năm kế tiếp. Mùa hè dần trôi. Anne dạy học, viết thư cho bạn bè và tự học một chút. Những chuyến đi bộ đến trường và về nhà rất thích thú. Cô luôn luôn đi theo lối đầm lầy; đó là một nơi đáng yêu - mặt đất lầy lội với những ngọn đồi thấp phủ rêu xanh mượt đến mức chẳng thể xanh hơn thế được, một dòng suối trắng bạc len lỏi qua đó, những cây vân sam đứng ưỡn người, thân cành phủ một lớp rêu xám xanh, trên rễ mọc tràn đủ lá hoa duyên dáng của miền rừng núi.

Tuy nhiên, Anne thấy cuộc sống ở Đường Thung Lũng có chút đơn điệu. Đương nhiên, cũng có một sự cố tức cười xảy ra.

Cô đã không hề gặp chàng trai cao gầy tóc bồm xồm Samuel với món kẹo bạc hà kể từ chuyến thăm duy nhất vào buổi chiều nọ, ngoại trừ những lần vô tình nhìn thấy trên đường đi. Nhưng vào một đêm tháng Tám ấm áp, anh ta xuất hiện và nghiêm túc ngồi xuống băng ghế thô sơ dựng trước hàng hiên. Anh ta mặc bộ đồ làm việc ngày thường, bao gồm chiếc quần vá nham nhở, áo sơ mi lao động màu xanh xấn tới tận khuỷu tay và chiếc mũ rơm tả tơi. Miệng anh ta ngậm một cọng rơm và anh ta cứ nhai nhai nó trong lúc nhìn Anne với vẻ rất nghiêm túc. Anne đặt quyển sách xuống bên cạnh mình kèm theo tiếng thở dài và cầm tấm khăn lót lên. Nói chuyện với Sam thực sự hoàn toàn nằm ngoài mong muốn của cô.

Sau một khoảng im lặng dài Sam đột nhiên lên tiếng.

“Tôi sắp nghĩ làm đấng kia,” anh ta nói cộc lốc, chỉ cọng rơm sang căn nhà láng giềng.

“Ồ, vậy ư?” Anne lịch sự đáp lại.

“Ừi.”

“Và anh định đi đâu?”

“Ừi, tôi đang nghĩ đến chuyện tìm một chỗ riêng cho mình. Có một cái hợp ý tôi ở Millersville. Nhưng nếu tôi thuê nó tôi sẽ cần một phụ nữ.”

“Có lẽ vậy,” Anne ơ hờ đáp.

“Ừi.”

Lại một khoảng lặng dài. Cuối cùng Sam rút cọng rơm ra lần nữa và nói:

“Im chịu cúì tôi chứ?”

“Cá-á-i-g-ì!” Anne thở hắt ra.

“Im chịu cúì tôi chứ?”

“Anh muốn nói là - cưới anh?” Anne tội nghiệp yếu ớt hỏi lại.

“Ừi.”

“Tại sao chứ, tôi có mấỵ thân với anh đâu,” Anne kêu lên tức tối.

“Nhưng im sẽ thụn với tôi sau khi chúng ta lập gia đình mà,” Sam đáp.

Anne cố vun vén lại lòng tự trọng tả tơi.

“Chắc chắn tôi sẽ không cưới anh,” cô cao ngạo nói.

“Ừi, im còn có thể gúp tẹ hơn đấỵ,” Sam tìm cách lý luận. “Tôi làm việc tốt và tôi có tiền trong ngân hàng.”

“Đừng bao giờ hỏi tôi lần nào nữa. Ai đã nhét ý tưởng đó vào đầu anh vậy?” Khiếu hài hước của Anne đã chiến thắng được cơn tức giận. Đây là một tình huống ngỡ ngẩn chưa từng có.

“Im là một cô gái trông kha khá đẹp và địu bộ thông minh,” Sam đáp. “Tôi không cần phụ nữ lười biếng. Nghĩ kỹ đi. Tôi sẽ không đổi ý liền. Ừi, tôi phải đi đây. Phải vắt sữa bò.”

Những ảo tưởng của Anne về cảnh cầu hôn đã chịu nhiều tổn thương trong mấy năm gần đây và rơi rụng không ít. Vì vậy, cô có thể phá lên cười thoải mái trước lần cầu hôn này mà không bị nổi đau nhói thẳm kín nào làm day dứt. Cô nhại lại những lời của Sam tội nghiệp cho Janet nghe vào đêm đó, và cả hai người họ phá lên cười lăn cười bò trước cú cầu hôn liều của anh ta.

Một buổi chiều nọ, khi Anne sắp kết thúc thời kỳ sống ở Đường Thung Lũng, Alec Ward vội vã đánh xe xuống “Vùng Ven” và nôn nóng tìm Janet.

“Họ muốn chị mau đến nhà Douglas,” ông nói. “Tôi thực sự tin rằng bà cụ Douglas cuối cùng cũng chịu ra đi, sau khi giả vờ hấp hối suốt hai mươi năm ròng.”

Janet chạy ừa vào lấy mũ. Anne hỏi xem có phải bà Douglas phát bệnh nặng hơn bình thường không.

“Bà ấy đau chỉ bằng phân nửa lúc bình thường,” Alec nghiêm trọng đáp, “và đó là lý do tôi cho rằng bệnh tình kỳ này khá nghiêm trọng. Những lần trước bà ấy gào thét và lăn lộn khắp nơi. Lần này bà ta nằm yên một chỗ và im phăng phắc. Khi bà Douglas không nói gì là bà ta bệnh nặng đấy, tôi cá thể.”

“Ông không thích bà cụ Douglas sao?” Anne tò mò hỏi.

“Tôi thích mèo làm mèo. Tôi không thích mèo làm phụ nữ,” Alec trả lời bí hiểm.

Lúc hoàng hôn Janet về đến nhà.

“Bà Douglas đã qua đời,” chị mệt mỏi kể. “Bà ấy chết ngay sau khi chị đến. Bà ấy chỉ nói với chị một câu - ‘Giờ tôi nghĩ cô sẽ cưới John chứ gì?’ Lời nói đó đâm thẳng vào tim chị, Anne ạ. Cứ nghĩ chính mẹ John cũng nghĩ rằng chị không chịu kết hôn với anh ấy là vì bà! Chị chẳng thể nói được tiếng nào - có vài người phụ nữ khác ở đó. Chị biết ơn Chúa là John đã đi ra ngoài.”

Janet bắt đầu òa lên khóc nức nở. Nhưng Anne an ủi chị bằng một ly trà gừng nóng. Thực ra, sau đó Anne phát hiện ra mình đã dùng tiêu trắng thay vì gừng; nhưng Janet chẳng bao giờ biết đến sự khác biệt này.

Buổi chiều sau tang lễ, Janet và Anne ngồi trên bậc thềm dưới hàng hiên ngắm cảnh hoàng hôn. Gió đã ngủ lịm trong rừng thông và những tia chớp xanh lè đáng sợ chập chờn trên bầu trời phía Bắc. Janet mặc bộ váy đen xấu xí, trông hết sức thảm thương, mắt và mũi đỏ ngầu vì khóc. Họ chẳng trò chuyện gì nhiều, bởi Janet dường như muốn phản kháng lại nỗ lực của Anne định làm chị vui.

Rõ ràng chị thích được khổ sở hơn.

Đột nhiên chốt cửa kêu lách tách và John Douglas rảo bước đi vào vườn. Ông đi về phía hai người họ, bước thẳng qua luống phong lữ. Janet đứng dậy. Anne cũng thế. Anne khá cao và mặc bộ váy trắng; nhưng John Douglas không hề nhìn thấy cô.

“Janet,” ông nói, “em đồng ý lấy anh chứ?”

Câu hỏi bật ra như thể đã khao khát được thốt lên suốt hai mươi năm nay và phải được nói ra ngay bây giờ, trước bất cứ điều gì khác.

Khuôn mặt Janet đỏ ửng vì khóc đến mức chẳng thể đỏ hơn nữa, do đó, nó chuyển sang màu tím khá khó nhìn.

“Vì sao trước giờ anh không hỏi em?” chị chậm rãi hỏi.

“Anh không thể. Bà bắt anh hứa - mẹ anh buộc anh không được hỏi cưới em. Mười chín năm về trước, bà bị một cơn bệnh nặng. Bọn anh nghĩ rằng bà không vượt qua được. Bà van nài anh phải hứa là không hỏi cưới em khi bà còn sống. Anh không muốn hứa một điều như thế, dẫu mọi người nghĩ rằng bà chẳng sống được bao lâu nữa - bác sĩ nói chỉ còn sáu tháng thôi. Nhưng bà quỳ xuống trước mặt anh, bệnh hoạn và đau đớn. Anh đã phải hứa.”

“Thế mẹ anh ghét em ở điểm nào?” Janet kêu lên.

“Chẳng có lý do nào - chẳng có lý do nào. Bà chỉ không muốn một phụ nữ khác - bất kỳ phụ nữ nào - ở trong nhà khi bà vẫn còn sống. Bà nói nếu anh không hứa thì bà sẽ chết ngay tại chỗ và anh là thủ phạm giết chết bà. Vì vậy, anh phải hứa. Và bà buộc anh giữ lời hứa đó dẫu sau này đến lượt anh quỳ gối van xin bà cho anh rút lại.”

“Vì sao anh không cho em biết?” Janet nghẹn ngào hỏi. “Chỉ cần em biết lý do thôi! Vì sao anh không nói cho em?”

“Bà bắt anh hứa không được nói với bất kỳ ai,” John khàn khàn đáp. “Bà buộc anh thề trên Kinh Thánh; Janet, anh sẽ không bao giờ hứa như vậy nếu biết là phải chờ đợi lâu đến thế. Janet, em không biết anh đau khổ thế nào suốt mười chín năm nay đâu. Anh biết là đã làm em đau khổ theo, nhưng cuối cùng em sẽ đồng ý lấy anh chứ, Janet? Ôi, Janet, em đồng ý chứ? Anh đến đây ngay khi có thể để hỏi em.”

Vào giây phút này cô nàng Anne sững sờ đã tỉnh táo lại đôi chút và nhận ra mình chẳng có lý do gì để có mặt ở đây. Cô lẳng lặng bỏ đi và không gặp Janet cho đến sáng hôm sau, khi Janet kể cho cô nghe phần còn lại của câu chuyện.

“Bà già ấy thật tàn nhẫn, độc ác và dối trá!” Anne kêu lên.

“Suyt - bà ấy đã chết rồi,” Janet nghiêm túc nói. “Nếu bà ấy chưa chết - nhưng bà ấy đã chết thật. Cho nên chúng ta không nên nói xấu bà ấy. Nhưng cuối cùng chị cũng hạnh phúc, Anne ạ. Và giá mà chị đã biết lý do từ trước thì có phải đợi lâu như vậy cũng không sao.”

“Khi nào anh chị cưới?”

“Tháng tới. Đương nhiên là đám cưới sẽ rất lặng lẽ thôi. Chị nghĩ mọi người sẽ bàn tán xôn xao. Họ sẽ nói rằng chị nhanh tay chớp lấy John ngay khi bà mẹ đáng thương của anh ấy khuất bóng. John muốn mọi người biết sự thật, nhưng chị nói, ‘Không, John ạ, dù sao chẳng nữa bà cũng là mẹ của anh, chúng ta sẽ giữ bí mật này cho riêng mình và không làm vấy bẩn ký ức về bà. Em chẳng quan tâm đến lời đồn, một khi biết được sự thật. Nó chẳng quan trọng tí ti nào. Hãy để tất cả chôn cùng với người quá khứ,’ chị nói vậy với anh ấy. Thế là chị kéo nài buộc anh ấy đồng ý với mình.”

“Chị khoan dung hơn mức tối đa của em nhiều đấy,” Anne nhận xét có phần bực tức.

“Em sẽ cảm thấy khác hẳn về rất nhiều chuyện khi đến tuổi của chị,” Janet bao dung nói. “Đó là một trong những điều bọn chị học được khi già đi - biết cách tha thứ. Ở tuổi bốn mươi điều đó dễ dàng hơn khi mới hai mươi nhiều.”

Chương 35: Năm cuối cùng ở Redmond bắt đầu

“Thế là cả đám bọn mình đều có mặt, trở lại đây một lần nữa, râm nắng một cách duyên dáng và phấn khích như một chàng trai mạnh mẽ bắt đầu cuộc đua nước rút,” Phil ngồi xuống một chiếc va li và thở dài vui sướng. “Thật hứng khởi quá khi được gặp lại Nhà Patty - và dì - và lũ mèo, phải không nào? Mèo Mốc lại sút thêm một miếng tai nữa, phải không?”

“Mốc dẫu không có tai thì vẫn là chú mèo đáng yêu nhất trên thế giới này,” Anne tuyên bố một cách trung thành từ hòm đồ mà cô đang ngồi, Mốc thì ưỡn ẹo trong lòng cô đầy vui sướng chào đón cô trở lại.

“Thế dì không vui khi bọn cháu quay về à?” Phil hỏi.

“Có chứ. Nhưng ta ước gì các cháu dọn đồ cho gọn vào,” dì Jamesina than vãn khi nhìn đồng rương hòm và va li hỗn loạn xung quanh bốn cô gái đang ríu rít trò chuyện với nhau. “Dọn xong thì nói chuyện cũng được mà. Việc trước chơi sau từng là câu cách ngôn của ta khi còn trẻ.”

“Ôi, thời này thì bọn cháu đã đảo ngược câu nói đó rồi, dì ạ. Phương châm của bọn cháu là chơi trước cày sau. Dì có thể hoàn thành công việc tốt hơn hẳn nếu được chơi đùa xả ga từ trước.”

“Nếu cháu định cưới một mục sư,” dì Jamesina ẵm Joseph, cầm bộ đồ đan lên rồi giơ tay đầu hàng cuộc chiến không thể thắng nổi, với vẻ duyên dáng yêu kiều đã biến dì thành nữ hoàng của các bà nuôi dạy trẻ, “cháu phải bỏ lối nói kiểu ‘xả ga’ đi nhé.”

“Vì sao chứ?” Phil rên rỉ. “Ôi, vì sao vợ mục sư chỉ được thốt lên những lời đứng đắn đạo mạo? Cháu sẽ không thể đâu. Tất cả mọi người ở đường Patterson đều dùng tiếng lóng - nói cách khác là ngôn ngữ ẩn dụ - và nếu cháu không nói y thế thì họ sẽ nghĩ là cháu kiêu căng và ngạo mạn không chịu nổi.”

“Thế cậu báo tin cho gia đình chưa?” Priscilla vừa hỏi vừa lấy ít đồ ăn trong giỏ đồ ăn trưa cho mèo Sarah.

Phil gật đầu.

“Thế họ đón nhận tin đó ra sao?”

“Ôi, mẹ tớ tức điên lên. Nhưng tớ đứng yên không lay chuyển - chính tớ, Philippa Gordon, cô nàng trước đây chẳng hề quyết tâm lấy một chuyện gì. Ba tớ bình tĩnh hơn. Ba của ông cũng là mục sư, do vậy, ba vẫn có chút mềm lòng trước những người giảng đạo, cậu biết đấy. Tớ dẫn Jo đến Đỉnh Nhựa Ruồi, sau khi mẹ tớ bình tĩnh được một chút, và cả hai người đều mến anh ấy. Nhưng mẹ tớ luôn chèn vào những lời gợi ý đáng sợ trong mỗi cuộc nói chuyện liên quan đến những kỳ vọng mẹ dành cho tớ. Ôi, lộ trình kỳ nghỉ của tớ không hẳn trải đầy hoa hồng đâu, các cô nàng thân yêu ạ. Nhưng... tớ đã chiến thắng và tớ có Jo. Chẳng có gì quan trọng hơn thế.”

“Đối với cháu thôi,” dì Jamesina u ám nói.

“Đối với Jo cũng thế,” Phil bật lại. “Dì cứ thương hại anh ấy mãi thế. Vì sao nào? Cháu nghĩ anh ấy đáng được ganh tỵ đấy chứ. Lấy cháu là anh ấy có được trí thông minh, sắc đẹp và một trái tim vàng.”

“Cũng may là bọn ta đã quen với mấy bài phát biểu của cháu,” dì Jamesina kiên nhẫn giải thích. “Ta hy vọng cháu không nói như vậy trước mặt người lạ. Họ sẽ nghĩ gì đây?”

“Ôi, cháu chẳng cần biết họ nghĩ gì. Cháu không muốn nhìn bản thân mình bằng mắt của người khác. Chắc chắn đa số thời gian làm thế sẽ cực kỳ khó chịu. Cháu chẳng tin ngài thi sĩ Robert Burns thật lòng tin vào lời cầu nguyện ấy của mình đâu.”

“Ôi, ta dám chắc chúng ta ai cũng cầu xin những điều mình chưa hẳn đã mong muốn, nếu dám thành thật nhìn thẳng vào tim mình,” dì Jamesina thẳng thắn thú nhận, “Theo ý ta thì những lời cầu nguyện như thế chẳng đi đến đâu đâu. Ta cũng từng cầu nguyện rằng ta có thể cho phép mình tha thứ một người nợ, nhưng giờ thì ta biết hồi đó mình thực sự không muốn tha thứ cho bà ta. Đến lúc nhận ra rằng ta muốn tha thứ thực sự rồi thì ta cứ thế tha thứ mà chả phải cầu nguyện.”

“Cháu không thể tưởng tượng ra bộ dạng kiên quyết không tha thứ của dì,” Stella thốt lên.

“Ôi dào, lúc trước ta toàn thế. Nhưng càng già đi thì càng thấy rằng ôm mãi mỗi hận thù thì chẳng đáng chút nào.”

“Điều đó làm cháu nhớ ra chuyện này,” Anne kêu lên và kể cho mọi người nghe câu chuyện của John và Janet.

“Và giờ thì hãy kể cho bọn tớ nghe về cảnh lãng mạn mà cậu ám chỉ một cách rùng rợn trong thư đi,” Phil yêu cầu.

Anne hùng hồn diễn lại cảnh cầu hôn của Samuel.

Các cô gái rú lên cười và dì Jamesina tủm tỉm cười.

“Kể xấu về các chàng trai theo đuổi thì không ra dáng chút nào,” dì nghiêm khắc khuyên. “Tuy nhiên,” dì bình tĩnh thêm, “ta lúc nào cũng làm như thế.”

“Kể cho chúng cháu nghe về các chàng trai của dì đi,” Phil kéo nài. “Dì chắc hẳn từng có rất nhiều chàng trai theo đuổi.”

“Bọn họ không chỉ ở trong thời quá khứ đâu,” dì Jamesina bật lại. “Đến giờ ta vẫn còn có người dòm ngó đấy nhé. Đạo gần đây có ba ông già góa vợ ở nhà cứ ngẩn ngơ nhìn theo ta. Đám trẻ các cháu đừng tưởng là mình sở hữu tất cả lãng mạn trên thế giới này.”

“Góa vợ và nhìn ngẩn ngơ nghe chẳng lãng mạn lắm, dì ạ.”

“À, thì không; nhưng đám trai trẻ cũng chẳng phải lúc nào cũng lãng mạn. Một số chàng trai của ta rõ ràng là không thế rồi. Ta từng cười nhạo bọn họ khủng khiếp, ôi các cậu trai đáng thương. Một người tên là Jim Elwood - anh ta lúc nào cũng mơ mơ màng màng - chẳng bao giờ ý thức được chuyện gì đang diễn ra. Anh ta không nhận ra được thực tế rằng ta đã nói ‘không’ cho đến một năm sau đó. Khi anh ta lập gia

đình, vợ anh ta rơi ra khỏi xe trượt vào một đêm khi họ đánh xe về từ nhà thờ mà anh ta cũng chẳng để ý nữa. Sau đó thì đến Dan Winston. Anh ta biết tuốt. Anh ta biết tất cả mọi điều trên thế giới này và hầu hết mọi điều trong thế giới sau. Anh ta có thể trả lời bất cứ câu hỏi nào, ngay cả nếu cháu hỏi khi nào là ngày tận thế. Milton Edwards thì rất dễ thương và ta thích nhưng không cưới anh ta. Một phần vì anh ta mất một tuần mới hiểu một lời nói đùa, và một phần vì anh ta chưa hề mở lời hỏi cưới. Horatio Reeve là chàng trai thú vị nhất từng theo đuổi ta. Nhưng khi kể chuyện, anh ta thêm vào nhiều hoa hòe hoa sói quá đến mức ta chẳng biết được thực sự câu chuyện ra sao. Ta chẳng bao giờ có thể xác định được là anh ta nói xạo hay chỉ để trí tưởng tượng chấp cánh bay.”

“Và những người khác thì sao hở dì?”

“Đi dỡ đồ đạc đi,” dì Jamesina vẫy vẫy cây kim đan trước mặt họ. “Những người còn lại quá đáng yêu không nên bị trêu chọc. Ta sẽ tôn trọng những ký ức về họ. Có một hộp hoa trong phòng cháu đấy, Anne. Gửi đến khoảng cách đây một tiếng.”

Sau tuần đầu tiên, các cô gái của Nhà Patty bắt đầu hòa mình vào guồng quay học tập đều đặn; vì đây là năm cuối của họ tại Redmond và phải chiến đấu dai dẳng để đạt được bằng tốt nghiệp danh dự. Anne đắm mình vào môn Văn chương, Priscilla nghiên cứu Văn học Hy La và Philippa vật lộn với môn toán. Đôi khi họ mệt mỏi, đôi khi họ nản lòng, đôi khi thấy chẳng có gì đáng để bỏ công bỏ sức ra giành giật cả. Trong một lần tâm trạng như vậy, Stella lang thang đến căn phòng màu xanh vào một chiều mưa tháng Mười một. Anne ngồi trên sàn nhà trong một vòng tròn ánh sáng nho nhỏ tỏa ra từ bóng đèn bên cạnh cô, giữa một đám bản thảo nhàu nhĩ rải rác xung quanh.

“Cậu đang làm cái quái gì thế?”

“Chỉ đọc lại mấy truyện vớ vẩn ở câu lạc bộ sáng tác hồi xưa mà thôi. Tớ muốn kiếm thứ gì đó vui vẻ và mụ cả đầu càng tốt. Tớ học bài nhiều đến mức thế giới trở nên xám xịt hết cả. Thế là tớ lên đây và bới mấy thứ này ra khỏi rương. Những câu chuyện này ngập trong nước mắt và bi kịch khiến chúng trở nên buồn cười khủng khiếp.”

“Tớ cũng đang chán đời và nản lòng đây,” Stella nói rồi quăng mình lên chiếc ghế dài. “Chẳng thứ gì đáng giá để làm cả. Đến suy nghĩ của tớ cũng cũ mèm. Tớ nghĩ ra chúng từ lâu lắm rồi. Cuối cùng thì sống để làm gì vậy hở Anne?”

“Cưng à, chỉ vì não hoạt động quá sức nên chúng ta mới cảm thấy như vậy thôi, và thời tiết nữa. Một chiều mưa như trút nước thế này, tiếp sau một ngày học hành vất vả, sẽ giẫm bẹp bất kỳ ai trừ anh chàng Mark Tapley^[19]. Cậu biết rõ được sống là hết sức đáng giá mà.”

[19]. Anh chàng lạc quan trong quyển *Martin Chuzzlewit* của Charles Dickens.

“Ồ, tớ cũng cho là thế. Nhưng giờ thì tớ không thể chứng minh điều đó cho bản thân được.”

“Chỉ cần nghĩ đến những bậc vĩ nhân cao quý đã sống và làm việc trên thế giới này,” Anne mơ màng nói.

“Chẳng phải thật đáng giá khi được tiếp bước họ và kế thừa những gì họ sở hữu và dạy dỗ sao? Chẳng phải thật đáng giá khi nghĩ rằng chúng ta có thể chia sẻ lý tưởng của họ? Và rồi còn những con người vĩ đại sẽ xuất hiện trong tương lai nữa chứ? Chẳng phải thật đáng giá khi nỗ lực thêm một chút và mở đường cho họ - giúp họ bước thêm một bước dễ dàng hơn trên đường dẫn tới vinh quang?”

“Ồi, tâm trí của tớ đồng ý với cậu, Anne ạ. Nhưng linh hồn tớ vẫn buồn thảm và chẳng có chút cảm hứng nào. Tớ lúc nào cũng ỉu xìu lụi xụi trong những đêm mưa.”

“Trong một vài đêm tớ cũng thích mưa - tớ thích nằm trên giường và nghe tiếng mưa lộp độp trên mái nhà và lướt thướt qua hàng thông.”

“Tớ thích mưa khi nó chịu ở trên mái nhà,” Stella nói. “Nhưng không phải luôn luôn được như thế. Tớ đã trải qua một đêm khủng khiếp tại một trang trại cũ ở nông thôn vào mùa hè năm ngoái. Mái nhà bị dột và mưa cứ nhỏ giọt lộp độp xuống giường của tớ. Khi ấy thì chẳng có gì nên thơ cả. Tớ đã phải lò dò thức dậy vào ‘nửa đêm u ám’ và chạy vòng vòng để kéo giường ra khỏi chỗ dột - và đó là cái loại giường nguyên khối kiểu cổ nặng áng chừng đến cả tấn ấy. Và sau đó nước cứ nhỏ giọt lộp

độp lộp độp suốt cả đêm cho đến khi dây thần kinh của tớ đứt hết cả. Cậu không tưởng tượng nổi thứ âm thanh quái dị mà một giọt mưa to dùng tạo ra khi nó mềm oặt rơi xuống sàn gỗ giữa đêm đông. Nghe như tiếng bước chân ma quái và các thể loại tương tự. Cậu đang cười gì vậy hở Anne?”

“Cười mấy câu chuyện này. Theo cách Phil nói thì chúng thật chết người - theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, vì trong truyện ai cũng chết hết cả. Chúng tớ đã sáng tác ra các nhân vật nữ chính dễ thương và hào nhoáng đến chùng nào - và chúng tớ trang điểm cho bọn họ nữa chứ! Lụa là - xa tanh - nhung - trang sức - đăng ten - họ chẳng bao giờ mặc thứ gì khác ngoài mấy thứ đó. Đây là một trong những truyện Jane Andrews viết miêu tả nữ chính ngủ trong chiếc váy xa tanh trắng tuyết đẹp dính đầy ngọc trai con.”

“Tiếp đi,” Stella giục. “Tớ bắt đầu cảm thấy đời là đáng sống khi có tiếng cười trong đó.”

“Đây là một truyện tớ viết. Nữ chính đang vui đùa ở một vũ hội, ‘toàn thân lấp lánh những viên kim cương lớn hạng nhất’. Nhưng đằng sau nhan sắc và trang phục lộng lẫy là gì? ‘Đường vinh quang chỉ dẫn đến nấm mồ.’^[20] Họ hoặc là bị giết hoặc chết vì thất tình. Chẳng còn lối thoát nào khác cả.”

[20]. Thơ Thomas Grey.

“Để tớ đọc vài ba câu chuyện cậu viết nào.”

“Được thôi, đây là kiệt tác của tớ. Lưu ý tiêu đề vui vẻ của nó - ‘Những ngôi mộ của tôi’. Tớ nhỏ hàng lít nước mắt khi viết và các cô bạn gái khác rơi hàng thùng lệ khi nghe tớ đọc. Mẹ Jane Andrews mắng cậu ấy một trận gay gắt vì tuần đó cậu ấy đem quá nhiều khăn tay đi giặt. Đó là một câu chuyện bi thảm về các chuyến lãng du của một cô vợ mục sư đạo Giám Lý. Tớ để cho cô ấy là tín đồ Giám Lý vì đây là lý do cần thiết cho những chuyến đi lãng du của cô ấy. Nơi nào đến sống, cô ấy cũng chôn một đứa con. Tổng cộng có chín đứa bé và mộ của chúng nằm rải rác trải dài từ Newfoundland đến Vancouver. Tớ mô tả từng đứa bé một, hình dung cảnh hấp hối, vẽ ra chi tiết những bia mộ và lời văn bia. Tớ định chôn cả chín đứa nhưng khi mới xử lý xong có tám thì nguồn sáng tác những chuyện lạnh xương sống của tớ đã cạn kiệt, thế là tớ cho phép đứa thứ chín sống sót làm một kẻ tàn tật không hy vọng.”

Trong khi Stella đọc Những ngôi mộ của tôi, đánh dấu những đoạn văn bi thảm với tiếng cười khúc khích, và Mốc ngủ giấc ngủ của chú mèo vất vả bên ngoài suốt đêm, cuộn mình trên bản thảo câu chuyện của Jane Andrews viết về một cô gái xinh đẹp mười lăm tuổi đi làm y tá ở một khu người bị bệnh cùi - đương nhiên là cuối cùng cô nàng cũng chết vì căn bệnh đáng tửm đó, Anne đọc lướt qua vài bản thảo khác và nhớ lại những năm tháng cũ ở trường Avonlea khi các thành viên của câu lạc bộ sáng tác ngồi viết lách dưới gốc vân sam hoặc giữa đám dương xỉ bên dòng suối. Hồi đó họ chơi vui đến dường nào! Ánh nắng và niềm vui của những mùa hè xưa cũ chợt ùa về theo từng dòng chữ. Vinh quang Hy Lạp cổ hay Rome xưa hào nhoáng cũng chưa hẳn có thể dẹt nên cảm xúc đầy ma thuật như những câu chuyện đầy nước mắt buồn cười của câu lạc bộ sáng tác thuở ấy. Giữa đồng bản thảo Anne tìm thấy một truyện ngắn viết trên tờ giấy gói. Nét cười gọn sóng dâng đầy đôi mắt xám khi cô nhớ lại thời gian và địa điểm mà nó ra đời. Đó chỉ là vài dòng phác thảo được viết vào ngày cô lọt xuống mái chuồng vịt nhà Cobb trên đường Bảo Thủ.

Anne liếc qua rồi bắt đầu chăm chú đọc. Đó là một đoạn đối thoại ngắn giữa cúc tây, đậu hoa, chim bạch yến đại trên bụi tử đinh hương và vị thần giám hộ khu vườn. Sau khi đọc xong, cô ngồi đăm đăm nhìn vào khoảng không; và khi Stella rời đi cô vuốt phẳng bản thảo nhăn nhúm.

“Mình tin rằng mình sẽ thành công,” cô thốt lên đầy quyết tâm.

Chương 36: Nhà Gardner đến thăm

“Đây là một lá thư dán con tem Ấn Độ gửi dì, dì Jimsie ạ,” Phil nói. “Có ba lá của Stella, hai của Pris, và một lá thư dày cộm tuyệt vời Jo gửi cho tớ. Chẳng có gì cho cậu cả, Anne ạ, ngoại trừ một lá thư quảng cáo.”

Không ai để ý thấy vẻ mặt hồi hộp của Anne khi đón lá thư mỏng dính mà Phil thờ ơ quẳng sang. Nhưng vài phút sau đó Phil ngẩng lên và nhìn thấy một cô nàng Anne hoàn toàn thay đổi.

“Cung à, chuyện gì hay ho xảy ra thế?”

“Tạp chí Bạn trẻ đã chấp nhận một bản thảo ngắn tớ gửi hồi hai tuần trước,” Anne đáp, cố gắng hết sức giữ giọng thản nhiên như thể cô quá quen với việc nhận thư chấp nhận bản thảo, nhưng không mấy thành công.

“Anne Shirley! Thật là vinh dự quá! Viết về cái gì vậy? Khi nào được xuất bản? Họ có trả tiền cho cậu không?”

“Có; họ gửi một tấm séc mười đô la, và ông biên tập viết rằng muốn tớ gửi thêm nữa. Quý ông thân mến, ông sẽ sớm nhận được thôi. Đó là một bản phác thảo cũ tớ tìm thấy trong hòm. Tớ viết lại và gửi đi - nhưng tớ chẳng bao giờ thực sự nghĩ rằng nó được chấp nhận bởi vì nó không có cốt truyện gì cả,” Anne nhớ lại những kinh nghiệm cay đắng của truyện ngắn Averil chuộc lỗi.

“Thế cậu sẽ làm gì với số tiền mười đô la ấy hở Anne? Tất cả bọn mình hãy lên phố và nhậu một trận say sưa nhé,” Phil đề nghị.

“Tớ sẽ tiêu phung phí số tiền đó cho một buổi liên hoan kiểu điên cuồng nháng nhít nào đấy,” Anne vui vẻ tuyên bố. “Dù sao chẳng nữa nó không phải là đồng tiền bẩn thỉu - như tấm séc tớ nhận từ cái công ty Bột Nở Đáng Tin Cây khủng khiếp đấy. Tớ tiêu nó vào khoản quần áo cần thiết và ghét cay ghét đắng mỗi khi phải mặc chúng.”

“Cứ nghĩ đến chuyện có một tác gia thực thụ đang sống ở Nhà Patty,” Priscilla kêu lên.

“Đó là một trách nhiệm rất lớn đấy,” dì Jamesina long trọng nói.

“Quả thật là vậy,” Pris đồng ý với giọng trang trọng chẳng kém. “Tác gia là những tay khó chơi. Chúng ta chẳng biết được khi nào họ phát khùng lên và như thế nào. Anne có thể sẽ dùng chúng ta làm hình mẫu đấy.”

“Ý ta muốn nói là việc viết lách cho báo chí vốn là một trách nhiệm rất lớn,” dì Jamesina nghiêm túc giải thích, “và ta hy vọng Anne nhận ra điều đó. Con gái ta vẫn hay viết lách trước khi đi nước ngoài, nhưng giờ thì nó đã tập trung vào những việc cao quý hơn. Nó bảo phương châm của nó là ‘không bao giờ viết những gì khiến ta mất mặt khi được đọc lên ở tang lễ của chính mình.’ Tốt nhất cháu hãy luôn nhớ đến phương châm đó, Anne ạ, nếu cháu chọn con đường văn chương. Tuy nhiên, cũng phải nói thêm là,” dì Jamesina có chút bối rối tiếp, “Elizabeth luôn luôn phá lên cười mỗi khi nói câu đó. Lúc nào nó cũng cười cợt khiến ta chẳng hiểu vì sao nó có thể đi đến quyết định trở thành nhà truyền giáo. Ta tạ ơn Chúa vì nó lựa chọn như vậy - ta từng cầu nguyện để nó có thể làm được như thế - nhưng... ta ước gì nó cứ ở nhà thôi.”

Sau đó dì Jamesina tự hỏi vì sao mấy cô gái phù phiếm này lại phá lên cười.

Đôi mắt Anne sáng rỡ trong suốt ngày hôm đó; tham vọng văn chương như mầm nở hoa trong óc cô; niềm phấn khởi ấy đi cùng cô suốt buổi đi chơi do Jennie Cooper tổ chức, và ngay cả khi nhìn thấy Gilbert và Christine đi bộ phía trước cô và Roy, hào quang của những hy vọng sáng như sao trời kia cũng không hề mờ đi. Tuy nhiên, cô cũng không hoàn toàn thoát ly hiện thực đến mức không chú ý thấy dáng đi bộ của Christine chẳng có chút duyên dáng nào.

“Nhưng mình cho rằng Gilbert chỉ nhìn vào khuôn mặt của cô nàng thôi. Đàn ông là thế,” Anne nghĩ bụng đầy khinh miệt.

“Thế chiều thứ Bảy này em có ở nhà không?” Roy hỏi.

“Có.”

“Mẹ và hai em gái của anh sẽ đến thăm em,” Roy hạ giọng.

Có gì đó lướt qua Anne, có thể coi đó là nỗi phẫn khích, nhưng khó có thể coi đó là nỗi phẫn khích tích cực. Cô chưa bao giờ gặp bất kỳ ai trong gia đình Roy; cô nhận ra hàm ý đằng sau lời đề nghị của anh; và sự kiện ấy dường như hoàn toàn dứt khoát khiến cô lạnh người.

“Em sẽ rất vui được tiếp họ,” cô nói ngay và sau đó tự hỏi liệu mình có thực sự vui mừng hay không. Đương nhiên là cô nên vui rồi. Nhưng đó chẳng phải sẽ là một thử thách ghê gớm hay sao? Lời đồn chất lọc đã cho Anne biết thái độ nhà Gardner về ‘tình yêu cuồng dại’ của con và anh của họ. Roy hẳn phải nỗ lực lắm mới có được chuyến viếng thăm này. Anne biết cô sẽ được cân nhắc đánh giá lần này. Từ thực tế rằng họ đã đồng ý đến thăm, cô hiểu, dẫu vừa ý hay không, họ đã coi cô có khả năng là một thành viên tương lai của gia tộc.

“Mình sẽ chỉ là chính mình thôi. Mình sẽ không cố gây ấn tượng tốt,” Anne cao ngạo tự nhủ. Nhưng cô băn khoăn không biết nên mặc chiếc váy nào vào chiều thứ Bảy, và liệu kiểu tóc búi cao có hợp với cô hơn kiểu cũ không, cuối cùng, cô chẳng tận hưởng buổi đi bộ được nữa. Đến tối, cô đã quyết định rằng vào thứ Bảy cô sẽ mặc chiếc váy the màu nâu, nhưng sẽ búi tóc thấp.

Chiều thứ Sáu hôm đó, chẳng cô gái nào có giờ học ở Redmond. Stella tận dụng thời gian để viết bài cho hội Yêu Tri thức, cô ngồi trên bàn ở góc phòng khách với các tờ giấy ghi chú và bản thảo vút đầy xung quanh. Stella luôn luôn tuyên bố rằng cô chẳng bao giờ viết được gì trừ phi viết xong tờ nào là ném ngay tờ đó xuống đất. Anne, trong chiếc áo flanen và váy vải xéc, tóc có phần rối bời sau chuyến đi lộng gió về nhà, đang ngồi khoanh chân trên sàn nhà, dùng một chạc xương đòn trêu chọc mèo Sarah. Joseph và Mốc đều nằm cuộn trong lòng cô. Mùi hương mạn sực nức cả căn nhà, vì Priscilla đang nấu nướng trong bếp. Bây giờ cô vừa bước vào phòng, người phủ kín trong một chiếc tạp dề khổng lồ, mũi lấm lem bột, và khoe với dì Jamesina chiếc bánh sô cô la mà cô vừa mới phết kem lên.

Vào đúng thời điểm tốt đẹp ấy, có tiếng gõ cửa. Chẳng ai quan tâm đến tiếng gõ cửa trừ Phil, cô bật dậy ra mở cửa, cứ tưởng cậu bé giao hàng đem tới chiếc mũ mới mua hồi sáng. Trên bậc cửa là bà Gardner và hai cô con gái đang đứng.

Anne bằng cách nào đó cũng lúi húi đứng dậy được, hất hai chú mèo bất bình ra khỏi người, máy móc chuyển chạc xương từ tay phải sang tay trái. Priscilla, phải băng qua phòng khác mới chui vào bếp được, nhất thời bối rối chẳng biết làm sao, cô vội vã nhét chiếc bánh sô cô la vào dưới nệm ghế xô pha bên góc lò sưởi và chạy vụt lên lầu. Stella luống cuống thu dọn đồng bản thảo. Chỉ có dì Jamesina và Phil vẫn giữ được vẻ thản nhiên. Nhờ vào họ, tất cả mọi người mau chóng được ngồi xuống một cách thoải mái, kể cả Anne. Priscilla xuống lầu, không còn tạt dề lẫn vết bột nơi mũi, Stella dọn dẹp góc học tập ngăn nắp và Phil cứu vãn tình hình bằng chuỗi chuyện tầm phào không dứt.

Bà Gardner cao gầy và đẹp đẽ, vận quần áo sang trọng, vẻ lịch thiệp có phần hơi gượng gạo. Aline Gardner là một phiên bản trẻ của mẹ, trừ đi vẻ lịch thiệp. Cô cố tỏ ra dễ thương nhưng chỉ thành công ở mức kiêu căng và kẻ cả. Dorothy Gardner mảnh dẻ, vui tính và có vẻ nghịch ngợm như con trai. Anne biết cô là cô em gái yêu quý nhất của Roy và tỏ vẻ nồng nhiệt với cô. Cô sẽ trông giống hệt Roy nếu có đôi mắt đen mơ màng thay vì đôi mắt nâu lục nhạt tinh nghịch. Nhờ vào cô và Phil, chuyến viếng thăm diễn ra hết sức thuận lợi, ngoại trừ bầu không khí có chút căng thẳng và hai sự cố khá rủi ro. Mốc và Joseph bị bỏ rơi, bắt đầu trò chơi đuổi bắt và nhảy bổ vào hõm vải lụa trên lòng bà Gardner rồi lại phóng ra ngoài trong trò chơi hoang dã của mình. Bà Gardner nâng kính cầm tay lên và nhìn theo dáng phóng như bay của chúng như thể chưa bao giờ nhìn thấy mèo lần nào, và Anne, cố nuốt tiếng cười bối rối, vội xin lỗi rồi rút.

“Cô thích mèo à?” bà Gardner hỏi với một giọng điệu thoảng có vẻ sừng sốt một cách khoan dung.

Anne, mặc dù rất thương Mốc, chẳng mấy ưa lũ mèo nói chung, nhưng giọng điệu của bà Gardner làm cô khó chịu. Chẳng hiểu vì sao, cô liên tưởng tới chuyện bà John Blythe mê mèo đến mức bà nuôi tới mức tối đa mà chồng bà có thể chấp nhận được mới thôi.

“Chúng là giống vật đáng yêu, phải thế không ạ?” cô tinh quái hỏi lại.

“Ta chẳng bao giờ ưa được mèo,” bà Gardner lạnh lùng tuyên bố.

“Em thương chúng lắm,” Dorothy xen vào. “Chúng vừa dễ thương vừa ích kỷ. Chó thì quá tốt và quên mình. Chúng làm em cảm thấy khó chịu. Nhưng mèo là bản sao đẹp đẽ của con người.”

“Chị có hai con chó sứ dễ thương quá. Tôi có thể nhìn kỹ chúng không?” Aline băng qua phòng đi về phía lò sưởi và do đó trở thành nguyên nhân vô thức của sự cố thứ nhì. Nhắc Magog lên, cô ngồi bẹp lên tấm đệm mà Priscilla giấu cái bánh kem sô cô la bên dưới. Priscilla và Anne trao đổi những ánh mắt tuyệt vọng nhưng chẳng thể làm gì được. Cô nàng Aline nghiêm ngắc tiếp tục ngồi trên tấm đệm và thảo luận về các loại chó sứ cho đến lúc cáo từ.

Dorothy nán lại một chút để siết chặt tay Anne và hấp tấp thì thầm.

“Em biết là chị và em sẽ hợp với nhau lắm. Ôi, anh Roy đã kể với em mọi điều về chị. Em là người duy nhất trong gia đình mà anh ấy có thể nói chuyện, anh trai đáng thương - chẳng ai có thể tâm sự với mẹ và Aline nổi, chị biết mà. Các chị ở đây thật là sung sướng quá! Chị sẽ cho em đến chơi thường xuyên và tham gia những trò vui của các chị nhé?”

“Cứ đến chơi thoải mái như em muốn,” Anne chân thành đáp, tạ ơn Chúa vì ít nhất cô có thể thích một trong các cô em gái của Roy. Cô không bao giờ ưa nổi Aline, chắc chắn là thế; và Aline sẽ không bao giờ mến cô, mặc dù cô có thể thu phục được bà Gardner. Nhìn chung, Anne thở dài nhẹ nhõm khi thử thách đã trôi qua.

“Giá như là từ buồn bã nhất mà con người có thể thốt lên.”^[21]

[21]. Trích từ bài thơ “Maud Muller” của nhà thơ Mỹ John Greenleaf Whittier.

Priscilla trích dẫn đầy bi thảm trong lúc nhắc đệm ghế lên. “Cái bánh giờ là thứ mà người ta hay gọi là thất bại bẹp gì đây. Và cái đệm chắc cũng hết đường cứu chữa rồi. Đừng bao giờ bảo tở là thứ Sáu không xui xẻo nữa nhé.”

“Bất cứ ai nhẵn lời sẽ đến chơi vào ngày thứ Bảy thì không nên đến vào ngày thứ Sáu mới phải,” dì Jamesina tuyên bố.

“Cháu nghiêng về giả thiết đó là lỗi của Roy,” Phil nói. “Cậu trai ấy không nên chịu trách nhiệm về những điều mình nói, khi đang mê mẩn bên Anne. Thế Anne ở đâu rồi?”

Anne đã đi lên lầu. Cô cảm thấy như muốn òa lên khóc. Nhưng cô buộc mình phá lên cười. Mèo Mốc và Joseph quá sức hư hỏng! Và Dorothy thật đáng yêu.

Chương 37: Cử nhân chính thức

“Tớ ước gì được chết quách đi, hoặc ước gì bây giờ là tối mai,” Phil rên rí.

“Nếu cậu sống đủ lâu thì cả hai điều ước này đều sẽ trở thành sự thật,” Anne bình tĩnh khuyên nhủ.

“Cậu thì quá dễ dàng thanh thản rồi. Cậu là trùm môn triết học. Tớ thì không - và cứ nghĩ đến bài thi khủng khiếp ngày mai là tớ run bần bật. Nếu tớ thi rớt thì Jo sẽ nói gì?”

“Cậu sẽ không rớt đâu mà lo. Thế hôm nay cậu làm bài môn tiếng Hy Lạp thế nào?”

“Tớ chẳng biết. Có thể đó là một bài luận tốt, có thể nó đủ khủng khiếp để Homer bật dậy khỏi mồ. Tớ đã đọc thuộc lòng và nhai như cháo nội dung ghi trong vở, cho đến khi tớ chẳng có khả năng đưa ra một ý kiến riêng về bất cứ chuyện gì nữa. Phil bé bỏng sẽ cảm thấy hạnh phúc biết bao khi tất cả các cuộc khảo tra tấn này trôi qua.”

“Khảo tra tấn? Tớ chưa bao giờ nghe thấy từ này.”

“Ôi chao, tớ không có quyền chế tạo từ ngữ như mọi người khác vẫn làm hay sao?” Phil vặn lại.

“Từ ngữ không phải được chế tạo - chúng từ từ lớn lên,” Anne không đồng ý.

“Chẳng quan trọng - tớ bắt đầu đánh hơi thấy chân trời yên bình khi không bị guồng quay thi cử đe dọa rồi. Các cô nàng ơi, các cậu có nhận ra - có thể nhận ra rằng cuộc sống Redmond của chúng ta sắp kết thúc rồi không?”

“Tớ không thể,” Anne buồn bã đáp. “Dường như chỉ mới hôm qua Pris và tớ còn đang cô đơn giữa đám đông sinh viên năm nhất tại Redmond. Mà bây giờ chúng ta đã là sinh viên năm cuối trước kỳ thi cuối cùng rồi.”

“Các sinh viên năm cuối tài giỏi, khôn ngoan, và đáng tôn kính’,[22]” Phil trích dẫn. “Cậu có cho rằng chúng mình thực sự khôn ngoan hơn tí chút so với khi mới đến Redmond không?”

[22]. Nhại lời Othello trong kịch Shakespeare.

“Cháu thì không hành động theo kiểu khôn ngoan hơn thật,” dì Jamesina chỉ trích.

“Ôi, dì Jimsie ơi, chẳng phải nhìn chung, chúng cháu đã là những cô gái khá ngoan ngoãn sao, nhất là trong ba mùa đông rông rã được dì chặn dắt?” Phil van ví.

“Các cháu là bốn cô gái đáng yêu nhất, ngọt ngào nhất, ngoan ngoãn nhất từng cùng nhau đi qua trường đại học,” dì Jamesina đồng ý, dì chẳng bao giờ tiết kiệm lời khen khi không cần thiết cả.

“Nhưng ta nghi ngờ rằng các cháu vẫn chưa có đầy đủ lý trí đâu. Điều đó là đương nhiên thôi. Kinh nghiệm rèn luyện lý trí mà. Các cháu không thể học nó trong một khóa học ở đại học được. Các cháu đã đi học đại học bốn năm mà ta thì không có cơ hội đó, nhưng ta biết nhiều hơn hẳn các cháu, thừa các quý cô trẻ tuổi.”

“Có rất nhiều điều không theo quy tắc. Có hàng đồng kiến thức không nhật được ở đại học. Có vô số điều không bao giờ học được ở trường.” Stella trích dẫn.

“Thế các cháu có học được điều gì tại Redmond ngoại trừ những ngôn ngữ chết, hình học và những thứ vô ích tương tự không?” dì Jamesina hỏi.

“Ồ, có chứ. Cháu nghĩ là chúng cháu học được nhiều thứ lắm, dì ạ,” Anne phản đối.

“Chúng cháu học được chân lý mà giáo sư Woodleigh dạy vào giờ Yêu Tri thức cuối cùng,” Phil tiếp. “Thầy nói, ‘Hài hước là gia vị thơm tho nhất trong các bữa tiệc cuộc sống. Cười mỉa vào những sai sót của các bạn nhưng hãy học hỏi từ chúng, cười nhạo trước khó khăn của các bạn nhưng rút ra sức mạnh từ chúng, đùa cợt những

khó khăn của các bạn nhưng phải khắc phục được chúng.’ Chân lý đó có đáng học tập không hở dì Jimsie?”

“Đáng, đáng lắm, cưng à. Khi học được cách cười cợt những chuyện nên cười, và không cười vào mũi những điều không nên cười, các cháu đã có được trí khôn ngoan và sự hiểu biết.”

“Thế cậu rút ra được những gì từ những khóa học Redmond hở Anne?” Priscilla thì thầm hỏi riêng.

“Tớ nghĩ,” Anne chậm rãi đáp, “rằng tớ thực sự đã học được cách nhìn mỗi trở ngại nho nhỏ như một trò đùa và mỗi trở ngại khổng lồ như một chiến thắng sắp đến gần. Tóm lại, tớ nghĩ rằng đó là những gì Redmond đã dạy tớ.”

“Tớ sẽ phải trích dẫn lại lời khác của giáo sư Woodleigh để diễn tả những gì Redmond đem lại cho tớ,” Priscilla tiếp. “Cậu nhớ thầy nói gì trong bài phát biểu không, ‘Có rất nhiều thứ trên thế giới này dành cho tất cả chúng ta, chỉ cần chúng ta có mắt để nhìn thấy, có trái tim để yêu thương, và có bàn tay để thu thập - có rất nhiều điều đáng quý ở đàn ông và đàn bà, trong nghệ thuật và trong văn học, và ở khắp mọi nơi quanh ta, chúng ta phải biết ơn Chúa vì những điều đó.’ Tớ nghĩ Redmond đã giúp tớ hiểu được điều đó phần nào, Anne ạ.”

“Dựa vào những điều các cháu nói,” dì Jamesina nhận xét, “tóm tắt cơ bản là những kiến thức có thể học được - nếu các cháu đủ tháo vát bẩm sinh - trong bốn năm tại trường đại học cũng bằng với hai mươi năm vốn sống mà cuộc đời có thể dạy cho các cháu. Chà, điều đó khẳng định giá trị của việc học cao đối với ta. Đó là vấn đề trước giờ ta luôn nghi ngờ.”

“Nhưng còn những người không tháo vát bẩm sinh thì sao hở dì Jimsie?”

“Những kẻ không tháo vát bẩm sinh thì chẳng bao giờ học được gì,” dì Jamesina vặn lại, “kể cả tại trường đại học lẫn trong cuộc sống. Cho dù có sống đến một trăm tuổi, họ cũng chẳng biết được gì nhiều hơn so với lúc mới sinh ra. Đó là nỗi bất hạnh chứ không phải là lỗi của bọn họ, những kẻ đáng thương làm sao. Nhưng những người có chút ít tháo vát phải cảm ơn Chúa về điều đó.”

“Thế thì có thể vui lòng định nghĩa cho bọn cháu biết tháo vát là gì không hở dì Jimsie?” Phil hỏi.

“Không, ta không định nghĩa đâu, cô gái trẻ ạ. Bất kỳ ai có được sự tháo vát đều biết rõ nó là gì, và kẻ không tháo vát thì chẳng hiểu được nó đâu. Vì vậy, không cần định nghĩa làm gì.”

Những ngày bận rộn trôi nhanh và kỳ thi đã chấm dứt. Anne đạt điểm danh dự xuất sắc trong môn văn chương. Priscilla đạt danh dự trong văn học Hy Lạp, và Phil đạt danh dự trong môn toán học. Stella đạt kết quả khả quan trong tất cả các môn. Sau đó là đến lễ tốt nghiệp.

“Đây là thời điểm mà ngày xưa tớ sẽ gọi là giây phút khởi đầu của một kỷ nguyên mới trong cuộc đời,” Anne nói khi nhắc bó hoa violet Roy tặng ra khỏi hộp và nhìn chúng về trầm tư. Cô định cầm chúng theo, tất nhiên rồi, nhưng đôi mắt cô lại lướt qua một cái hộp khác đặt trên bàn. Trong đó để đầy hoa huệ chuông, tươi tắn và thơm ngát như những đóa hoa nở rộ trong vườn Chái Nhà Xanh khi tháng Sáu ghé thăm Avonlea. Tấm thiệp của Gilbert Blythe nằm ngay bên cạnh.

Anne tự hỏi vì sao Gilbert lại gửi hoa tặng mình vào lễ tốt nghiệp. Cô rất ít khi gặp anh trong mùa đông vừa qua. Anh chỉ đến chơi Nhà Patty vào một tối thứ Sáu duy nhất kể từ dịp lễ Giáng sinh, và họ hiếm khi gặp nhau ở nơi khác. Cô biết anh học tập rất chăm chỉ, nhắm vào giải danh dự cao nhất và giải thưởng Cooper, vì vậy anh rất ít tham gia các hoạt động xã hội ở Redmond. Mùa đông của Anne thì lại rất vui vẻ về mặt xã giao. Cô thường xuyên gặp nhà Gardner; cô và Dorothy rất thân nhau; giới sinh viên cho rằng sẽ sớm nhận được tin cô đính hôn với Roy.

Anne cũng chờ đợi điều đó. Nhưng ngay trước khi rời Nhà Patty đến lễ tốt nghiệp, cô quẳng bó hoa violet của Roy sang một bên và ôm bó huệ chuông của Gilbert thay vào đó. Cô chẳng hiểu được vì sao mình lại làm vậy. Có lẽ vì những ngày kỷ niệm cùng những giấc mơ xưa ở Avonlea trở nên rất gần gũi với cô trong giây phút đạt thành tham vọng dài ấp ủ của mình. Cô và Gilbert đã có lần cùng tưởng tượng ra ngày hạnh phúc khi họ đội mũ và mặc áo choàng tốt nghiệp nhận bằng Cử nhân văn chương. Ngày tuyệt vời ấy đã đến và bó hoa violet của Roy không có chỗ trong đó. Chỉ có bó hoa của người bạn lâu năm mới thực sự gắn bó với thành quả của những hy vọng nở hoa thời xưa cũ mà anh từng chia sẻ với cô.

Suốt nhiều năm liền, ngày hôm nay đã vẫy gọi và lôi cuốn cô, nhưng khi nó đến thì ký ức mãnh liệt vĩnh hằng duy nhất còn đọng lại nơi cô không phải là khoảnh khắc nghệt thở khi vị hiệu trưởng trang nghiêm của Redmond đội mũ, cấp bằng và tuyên bố cô trở thành Cử nhân Văn chương; không phải là ánh mắt Gilbert lóe lên khi nhìn thấy bó hoa huệ, cũng không phải cái nhìn đau lòng hoang mang của Roy khi anh đi lướt qua cô trên khán đài. Cũng không phải lời chúc mừng mà Aline Gardner hạ cố hé môi, hay lời chia vui nồng nhiệt bốc đồng của Dorothy. Đó là một nỗi đau kỳ lạ không nguyên do làm hỏng cả ngày mà cô trông đợi bấy nay, để lại nơi cô vị cay đắng tuy nhạt nhòa nhưng mãi vẫn vít không nguôi.

Các sinh viên Nhân văn tốt nghiệp đã tổ chức một buổi vũ hội ăn mừng vào đêm hôm đó. Khi Anne ăn diện cho buổi vũ hội, cô quẳng chuỗi ngọc trai thường đeo qua một bên và lục trong rương tìm chiếc hộp nhỏ được gửi đến Chái Nhà Xanh vào ngày Giáng sinh. Đó là một sợi dây chuyền vàng thật mịn với mặt là một trái tim sứ màu hồng bé xíu. Tấm thiệp đi kèm viết, “Những lời chúc tốt đẹp nhất từ người bạn cũ của cậu, Gilbert.” Anne bật cười khi trái tim sứ ấy gợi nhớ ký ức của cái ngày định mệnh khi Gilbert gọi cô là “Cà rốt” và rồi cố tìm cách làm lành với một cây kẹo mút hình trái tim hồng. Cô chu đáo viết thư cảm ơn anh nhưng chẳng bao giờ đeo món trang sức ấy. Đêm nay, cô đeo nó quanh chiếc cổ trắng muốt với nụ cười mơ màng.

Cô và Phil cùng nhau đi bộ đến Redmond. Anne bước đi trong im lặng; Phil huyền thuyên đủ chuyện trên đời. Đột nhiên cô nói:

“Hôm nay tớ nghe nói chuyện Gilbert Blythe đính hôn với Christine Stuart sẽ được công bố ngay sau lễ tốt nghiệp. Cậu có biết gì về chuyện này không?”

“Không,” Anne đáp.

“Tớ cho rằng đúng thế đấy,” Phil thản nhiên nói.

Anne không đáp lại. Trong bóng tối, cô cảm thấy khuôn mặt mình nóng bừng lên. Cô thò tay vào trong cổ áo nắm lấy sợi dây chuyền vàng. Xoắn mạnh một cái là nó đã đứt rời. Anne nhét sợi dây chuyền đứt làm đôi vào túi.

Bàn tay cô run lấy bầy và đôi mắt cô nhức nhối.

Nhưng cô là cô gái vui vẻ nhất trong đám người chơi bài vui vẻ đêm đó, và trả lời thẳng thừng với Gilbert rằng mình không còn điệu nhảy nào trống khi anh đến mời cô nhảy một bản. Sau đó, khi ngồi cạnh các cô bạn trước lò sưởi tro tàn ở Nhà Patty, loại bỏ hơi lạnh mùa xuân khỏi làn da mịn như xa tanh, chẳng ai huyền thuyên vô tâm vô tính như cô về những sự kiện diễn ra trong ngày.

“Tối nay Moody Spurgeon MacPherson đến chơi sau khi các cháu đi,” dì Jamesina kể, dì đã ngồi đợi để giữ lửa trong lò sưởi. “Cậu ta chẳng hay biết gì về buổi dạ hội tốt nghiệp. Cậu trai đó nên ngủ với một băng cao su quanh đầu để sửa cho đôi tai của mình không bị thò ra. Một chàng trai của ta từng làm vậy và nó giúp cải thiện nhan sắc đáng kể cho anh chàng đấy. Chính ta đề nghị anh chàng làm thế, anh chàng cũng nghe theo nhưng chẳng bao giờ chịu tha thứ cho ta vì điều đó.”

“Moody Spurgeon là anh chàng rất nghiêm túc,” Priscilla ngáp dài. “Cậu ấy quan tâm đến những vấn đề quan trọng hơn hai lỗ tai của mình nhiều. Cậu ấy sẽ trở thành mục sư, dì biết đấy.”

“À, ta cho rằng Chúa cũng không nhìn tai người ta mà chọn đâu,” dì Jamesina nghiêm túc gật đầu, bỏ qua không thêm bất cứ lời chỉ trích nào về Moody Spurgeon. Dì Jamesina luôn tôn trọng giới tu sĩ, kể cả trong trường hợp một mục sư chưa tốt nghiệp.

Chương 38: Bình minh huyệt

“Chỉ cần tưởng tượng giờ này tuần sau tớ sẽ có mặt ở Avonlea - quá tuyệt vời!” Anne nói, cúi mình trên hộp đồ mà cô đang đóng gói những tấm mền bông của bà Rachel Lynde. “Nhưng chỉ cần tưởng tượng giờ này tuần sau tớ sẽ rời xa Nhà Patty mãi mãi - thật kinh khủng!”

“Tớ tự hỏi, liệu bóng ma những tiếng cười của chúng ta có vắng lại trong những giấc mơ thời con gái của bà Patty và cô Maria hay không,” Phil suy tư.

Bà Patty và cô Maria đang trở về nhà, sau khi đặt chân lên phần lớn lục địa có người ở trên trái đất.

“Chúng tôi sẽ trở lại vào tuần thứ hai trong tháng Năm,” bà Patty viết. “Tôi cho rằng Nhà Patty sẽ có vẻ khá nhỏ bé so với Sảnh Các Vua tại Karnak, nhưng dù gì thì tôi cũng chẳng thích sống ở những nơi quá rộng rãi. Và tôi sẽ rất vui khi được quay trở về nhà. Khi các cô bắt đầu đi du lịch vào cuối cuộc đời, các cô sẽ có khuynh hướng tận hưởng tối đa vì biết rằng mình chẳng còn lại bao nhiêu thời gian nữa, và rồi đó sẽ trở thành thói quen. Tôi e là Maria sẽ không bao giờ còn cảm thấy hài lòng với hiện tại.”

“Tớ sẽ để lại đây những mộng ước và giấc mơ để chúc phúc cho người chủ kế tiếp,” Anne nói và băng khuâng nhìn xung quanh gian phòng màu xanh - gian phòng đẹp đẽ mà cô đã tận hưởng ba năm hạnh phúc. Cô từng quỳ xuống bên cửa sổ để cầu nguyện và chòm người qua đó ngắm ánh hoàng hôn phía sau hàng thông. Cô đã lắng nghe tiếng mưa thu rào rạt tạt vào cửa và chào đón những chú chim cổ đỏ mùa xuân nơi ngưỡng cửa. Cô tự hỏi liệu những giấc mơ xưa cũ có thể ám ảnh gian phòng được không - khi một ai đó mãi mãi rời khỏi gian phòng nơi cô từng hạnh phúc và đau khổ, mỉm cười và nhỏ lệ, một thứ gì đó của cô, mơ hồ và vô hình, nhưng vẫn hết sức chân thực, liệu có mãi ở lại đằng sau như một ký ức ngân nga.

“Tớ nghĩ,” Phil nói, “rằng một căn phòng nơi ta mơ mộng, buồn đau, vui sướng, và tận hưởng cuộc sống sẽ trở nên gắn bó không rời với chủ nhân của nó, và dần sẽ có được một cá tính riêng. Tớ chắc rằng nếu tớ trở lại gian phòng này vào năm mười năm nữa, nó sẽ nói ‘Anne, Anne’ với tớ. Cưng ơi, chúng ta đã sống một cuộc đời tuyệt vời ở đây! Trò chuyện, cười đùa và những buổi liên hoan thân thiết biết bao! Ôi trời

đất ơi! Tớ sẽ lập gia đình với Jo vào tháng Sáu và tớ biết mình sẽ hạnh phúc đến điên cuồng. Nhưng ngay bây giờ tớ cảm thấy như mình chỉ mong muốn cuộc sống đáng yêu ở Redmond kéo dài mãi mãi.”

“Chính tớ bây giờ cũng rất trái ngang và chỉ ước gì đó là sự thật,” Anne thừa nhận. “Dẫu bao niềm vui sâu đậm sẽ đến với chúng ta về sau, chúng ta sẽ không bao giờ có lại được cuộc sống đầy thú vị và vô tư lự như từng có ở nơi này. Nó đã chấm dứt mãi mãi rồi, Phil ạ.”

“Thế cậu sẽ làm gì với Mốc?” Phil hỏi khi chú mèo đặc biệt ấy đứng đỉnh bước vào phòng.

“Ta sẽ đưa nó về nhà với ta, Joseph và mèo Sarah,” dì Jamesina tuyên bố, bước vào sau lưng Mốc. “Thật đáng ghét nếu phải tách rời lũ mèo bây giờ khi chúng đã học được cách sống với nhau. Đó là một bài học khó khăn cho cả mèo lẫn con người.”

“Tớ rất buồn khi phải xa Mốc,” Anne tiếc nuối, “nhưng đưa nó về Chái Nhà Xanh thì chẳng ổn chút nào. Marilla ghét mèo, và Davy sẽ trêu nó đến chết. Bên cạnh đó, tớ không nghĩ rằng mình sẽ ở nhà được lâu. Tớ đã được mời làm hiệu trưởng trường trung học Summerside.” “Thế cậu đồng ý chứ?” Phil hỏi.

“Tớ... tớ chưa quyết định được nữa,” Anne trả lời với vẻ mặt ửng hồng bối rối.

Phil gật đầu thông cảm. Đương nhiên Anne chưa thể quyết định được kế hoạch rõ ràng cho đến khi Roy cầu hôn. Anh ta sẽ sớm cầu hôn thôi – chẳng có gì phải nghi ngờ về điều đó. Và cũng chẳng có gì để nghi ngờ rằng Anne sẽ nói “vâng” khi anh ta hỏi “Em có bằng lòng không?” Chính bản thân Anne cũng nhìn sự tình với vẻ hài lòng bình thản. Cô chìm đắm trong tình yêu với Roy. Đúng, tình yêu đó không giống như thứ cô từng tưởng tượng. Nhưng, Anne tự hỏi đầy chán nản, có thứ gì trong cuộc sống y hệt như trong trí tưởng tượng đâu? Một lần vỡ mộng nữa lặp lại lần vỡ mộng về kim cương hồi thơ ấu - cảm giác thất vọng tương tự khi lần đầu tiên cô nhìn thấy ánh lấp lánh lạnh lẽo của kim cương thay vì màu tím lộng lẫy như cô từng chờ đợi. “Đó không phải là kim cương như cháu nghĩ,” cô đã nói như thế. Nhưng Roy là một cậu trai đáng mến và họ sẽ sống rất hạnh phúc bên nhau, ngay cả khi một niềm say mê khó định nghĩa nào đó lại mất tích khỏi cuộc đời. Khi Roy ghé qua chiều hôm đó và rủ Anne đi dạo công viên, mọi thành viên trong Nhà Patty đều biết anh định nói gì, và ai cũng biết, hoặc nghĩ rằng họ biết, câu trả lời sắp tới của Anne.

“Anne là một cô gái rất may mắn,” dì Jamesina nhận xét.

“Cháu cho là thế,” Stella nhún vai. “Roy là một chàng trai dễ thương và có vô số ưu điểm khác nữa. Nhưng thực sự anh ta chả có gì hay cả.”

“Nghe rất giống một lời nhận xét ghen tỵ, Stella Maynard ạ,” dì Jamesina trách móc.

“Đúng thế - nhưng cháu không ghen đâu,” Stella bình tĩnh đáp. “Cháu thương Anne và cháu thích Roy. Tất cả mọi người nói rằng cậu ấy đã kiếm được một mối tuyệt vời, thậm chí cả bà Gardner giờ cũng nghĩ cậu ấy thật quyến rũ. Nghe như là một mối lương duyên tiền định, nhưng cháu vẫn thấy bất an. Tối đa cũng chỉ vậy thôi, dì Jamesina ạ.”

Roy cầu hôn Anne nơi chòi nghỉ mát trên bãi biển trước cảng, nơi họ từng trò chuyện giữa cơn mưa vào lần gặp đầu tiên. Anne nghĩ rằng anh thật lãng mạn khi chọn vị trí này. Và lời cầu hôn của anh hết sức bóng bẩy như thể được sao chép từ quyển Hướng dẫn tán tỉnh và kết hôn như một anh chàng theo đuổi Ruby Gillis từng làm. Toàn bộ hiệu ứng không chệ vào đâu được. Và cũng chân thành nữa. Không chút nghi ngờ nào rằng Roy không thực lòng nghĩ như vậy. Không có nốt nhạc lạc điệu nào làm hỏng bản giao hưởng. Anne cảm thấy lẽ ra mình phải kích động run rẩy từ đầu đến chân. Nhưng không; cô cảm thấy thần nhiên khủng khiếp. Khi Roy dừng lại chờ câu trả lời, cô mở miệng chuẩn bị nói câu “vâng” định mệnh. Và rồi - cô thấy mình run lấy bầy như thể đang đứng vắt vẻo nơi vách đá. Cô đối mặt với một trong những khoảnh khắc khi mọi thứ chợt sáng bừng chói lóa, và ta hiểu được nhiều hơn những gì học được từ vô số năm trước. Cô rút tay ra khỏi tay Roy.

“Ôi, em không thể kết hôn với anh - em không thể - em không thể,” cô kêu lên lạc cả giọng.

Roy tái mặt - và trông có vẻ khá ngẩn ngơ. Anh cứ tưởng - khó mà trách anh được - là chuyện đã chắc như bấp.

“Ý em là sao?” anh lắp bắp.

“Em muốn nói là em không thể lấy anh được,” Anne lặp lại đầy tuyệt vọng. “Em đã tưởng rằng em có thể - nhưng em không thể.”

“Tại sao lại không?” Roy hỏi lại với vẻ bình tĩnh hơn.

“Bởi vì... em không yêu anh nhiều đến thế.” Mặt Roy chuyển sang màu tím sậm.

“Thế là em chỉ đùa cho vui suốt hai năm nay sao?” anh chậm rãi hỏi lại.

“Không, không có, em không phải như thế,” Anne đáng thương thút thít. Ôi, cô nên giải thích thế nào đây. Cô không thể giải thích được. Có một số điều không thể nào giải thích được. “Em đã nghĩ rằng em yêu anh - thực sự là thế - nhưng giờ thì em biết là em không đủ tình yêu.” “Em đã hủy hoại cuộc đời tôi,” Roy cay đắng thốt lên.

“Tha thứ cho em,” Anne khổ sở van vỉ, đôi má nóng bừng và mắt cay sè.

Roy quay đi và đứng yên một lát nhìn ra biển. Khi trở lại bên Anne, mặt anh lại tái nhợt.

“Em không thể cho tôi chút hy vọng nào sao?” anh hỏi.

Anne lắc đầu câm lặng.

“Vậy thì... vĩnh biệt,” Roy nói. “Tôi không thể hiểu được - tôi không thể tin nổi rằng em không phải là người như tôi tưởng. Nhưng giữa hai chúng ta, trách móc cũng chẳng để làm gì. Em là người phụ nữ duy nhất mà tôi có thể yêu. Ít ra thì tôi cũng cảm ơn tình bạn của em. Vĩnh biệt, Anne.”

“Vĩnh biệt,” Anne nghẹn ngào. Khi Roy đi rồi, cô ngồi thật lâu trong chòi nghỉ mát, ngắm lớp sương mù trắng đục dần dần lan tỏa và tàn nhẫn lấn dần về phía bên cảng. Đây là giờ phút cô cảm thấy nhục nhã, xấu hổ và khinh bỉ bản thân. Làn sóng tự trách bao trùm lấy cô. Thế nhưng, bên dưới tất cả, là một cảm giác hồi phục tự do kỳ lạ.

Cô lẩn vào Nhà Patty trong ánh hoàng hôn và trốn lên phòng. Nhưng Phil ở đó ngồi ngay trên bệ cửa sổ.

“Đợi đã,” Anne nói, mặt đỏ bừng đoán biết được mình phải đối diện những gì. “Đợi đến khi cậu nghe tớ nói xong. Phil, Roy cầu hôn tớ - và tớ đã từ chối.” “Cậu... cậu từ chối anh ta?” Phil sửng sờ.

“Ừ.”

“Anne Shirley, cậu có tỉnh táo không?”

“Tớ nghĩ là có,” Anne mệt mỏi đáp. “Ôi, Phil, đừng mắng tớ. Cậu không hiểu đâu.”

“Chắc chắn là tớ không hiểu được rồi. Cậu đã khuyến khích Roy Gardner trên mọi phương diện suốt hai năm - thế mà giờ cậu bảo tớ cậu đã từ chối anh ta. Thế là cậu chỉ đùa cợt một cách đáng xấu hổ với anh ta thôi ư. Anne, tớ không thể tin rằng cậu lại tệ thế.”

“Tớ không hề đùa cợt anh ấy - tớ thành thật nghĩ rằng tớ yêu anh ấy đến phút cuối cùng - và sau đó - ôi chao, tớ chỉ biết là tớ không bao giờ có thể kết hôn với anh ấy.”

“Tớ nghĩ,” Phil tàn nhẫn nói, “cậu định lấy anh ta vì tiền, và sau đó lương tâm cậu trở dậy và ngăn cản cậu làm điều đó.”

“Không phải thế. Tớ chẳng bao giờ nghĩ đến tiền của anh ấy. Ôi, tớ không thể giải thích điều đó cho cậu cũng như tớ chẳng thể giải thích cho anh ấy hiểu.”

“Úi chà, tớ thực sự nghĩ rằng cậu cư xử rất tệ bạc với Roy,” Phil cáu tiết. “Anh ta đẹp trai, thông minh, giàu có và tốt tính. Cậu còn muốn gì hơn nữa?”

“Tớ chỉ cần một người thuộc về cuộc đời tớ. Anh ấy thì không thể. Ban đầu tớ bị cuốn đi bởi vẻ đẹp trai và tài nói những lời tán tỉnh lãng mạn của anh ấy; và sau đó tớ nghĩ rằng tớ phải yêu anh ấy vì anh ấy là hình mẫu mắt sẫm màu của tớ.”

“Tớ nổi tiếng tệ vì không biết mình muốn gì, nhưng cậu còn tồi tệ hơn,” Phil kêu lên.

“Tớ biết mình muốn gì,” Anne phản đối. “Vấn đề là, ý muốn tớ thay đổi và sau đó tớ phải làm quen với cái muốn ấy lại từ đầu.”

“Ôi chao, tớ cho rằng có nói gì với cậu cũng vô ích thôi.”

“Không cần đâu, Phil. Tớ đang chìm trong bùn đen. Chuyện này đã làm hỏng mọi thứ từ trước đến giờ. Tớ không thể nào nghĩ đến những ngày ở Redmond mà không nhớ đến nỗi nhục nhã vào chiều hôm nay. Roy khinh bỉ tớ - cậu khinh bỉ tớ - và tớ cũng khinh bỉ chính bản thân mình.”

“Ôi bé cưng tội nghiệp,” Phil xiêu lòng. “Lại đây để tớ an ủi cậu nào. Tớ chẳng có quyền gì mà mắng cậu. Tớ hẳn sẽ cưới Alec hoặc Alonzo nếu không gặp Jo thôi. Ôi, Anne ơi, trong đời thực mọi thứ cứ lộn tung phèo lên. Chúng không hề rõ ràng đâu vào đó như trong tiểu thuyết.”

“Tớ hy vọng rằng không ai thềm cầu hôn tớ nữa trong suốt cuộc đời còn lại,” Anne đáng thương nức nở, tin tưởng mù quáng rằng mình thực sự nghĩ như vậy.

Chương 39: Vất vả với các đám cưới

Anne cảm thấy cuộc sống trở nên chán nản đến cực điểm suốt vài tuần đầu tiên khi vừa trở lại Chái Nhà Xanh. Cô nhớ tình bạn vui nhộn ở Nhà Patty. Cô từng ấp ủ vài giấc mơ vĩ đại trong mùa đông vừa qua và bây giờ chúng nằm bám bụi xung quanh cô. Trong tâm trạng chán ghét bản thân hiện giờ, cô không thể lập tức quay lại mơ mộng được nữa. Và cô phát hiện ra rằng, nếu cảnh cô độc có kèm những ước mơ có vẻ vinh quang bao nhiêu, thì cô độc mà không có ước mơ lại chẳng mấy thú vị.

Cô không gặp Roy thêm lần nào kể từ lần chia tay đau đớn nơi chòi nghỉ mát ở công viên; nhưng Dorothy có đến thăm cô trước khi cô rời Kingsport.

“Em buồn khủng khiếp khi chị không kết hôn với anh Roy,” cô bé nói. “Em muốn chị làm chị gái của em. Nhưng chị làm vậy là đúng. Anh ấy sẽ làm chị chán đến chết thôi. Em thương anh Roy, và anh ấy là một chàng trai ngọt ngào dễ thương, nhưng thực sự anh ấy chẳng có gì thú vị cả. Anh ấy trông bề ngoài thì hay hay, nhưng thực sự thì không.”

“Chuyện này sẽ không làm hỏng tình bạn của chúng ta chứ Dorothy?” Anne khao khát hỏi.

“Không đâu, thực đấy. Em chẳng thể đánh mất người bạn quá tuyệt như chị. Nếu chị không thể làm chị gái thì em muốn chị hãy mãi là bạn thân của em vậy. Và đừng lo lắng cho anh Roy. Giờ thì anh ấy cảm thấy rất khổ sở - em phải nghe anh ấy than thở mỗi ngày - nhưng anh ấy sẽ vượt qua thôi. Lần nào cũng vậy mà.”

“Ôi - lần nào?” giọng Anne có chút thay đổi. “Vậy là anh ấy từng ‘vượt qua’ trước đây rồi sao?”

“Ôi chao, chính xác,” Dorothy thẳng thắn đáp. “Hai lần rồi. Và lần nào anh ấy cũng khóc lóc với em hết như thế. Không hẳn là hai cô kia từ chối thẳng anh ấy - họ chỉ thông báo đính hôn với người khác thôi. Tất nhiên, khi gặp chị, anh ấy thề với em rằng anh ấy chưa yêu thực sự như thế này bao giờ - rằng các cuộc tình trước đó chẳng qua là niềm hứng khởi nhất thời của tuổi trẻ thôi. Nhưng em không nghĩ chị cần lo lắng cho anh ấy.”

Anne quyết định không cần lo lắng nữa. Cô cảm thấy vừa thoải mái vừa hậm hực. Roy rõ ràng đã nói với cô rằng cô là người duy nhất anh ta từng yêu. Không có gì để nghi ngờ chuyện anh ta tin chắc vào điều mình nói. Nhưng thật nhẹ người khi biết rằng cô không có khả năng hủy hoại cuộc đời anh ta. Còn có nhiều nữ thần khác, và Roy, theo lời Dorothy, luôn có nhu cầu thờ phụng ở một ngôi đền nào đó. Tuy nhiên, vài ba ảo tưởng nữa đã bị gạt bỏ khỏi cuộc sống, và Anne bắt đầu chán nản cho rằng cuộc sống thực ra khá trơ trọi.

Cô bước xuống từ gian gác xép nhìn ra hàng hiên vào bữa chiều ngày quay trở về với một khuôn mặt buồn bã. “Chuyện gì đã xảy ra với cây táo Nữ Hoàng Tuyết vậy hở bác Marilla?”

“Ôi, ta biết là cháu sẽ cảm thấy buồn lắm,” Marilla nói. “Chính ta còn buồn nữa là. Cái cây đó mọc ở đây kể từ khi ta còn trẻ. Nó bị bật gốc trong trận bão hồi tháng Ba. Thân nó mục nát hết rồi.”

“Cháu sẽ nhớ nó lắm,” Anne tiếc thương. “Căn gác nhìn ra hàng hiên chẳng còn như xưa khi không có nó. Cháu sẽ không bao giờ nhìn ra cửa sổ mà không cảm thấy mất mát. Và ôi, cháu chưa bao giờ về đến Chái Nhà Xanh mà Diana không có mặt để chào đón cháu.”

“Diana giờ có chuyện khác để quan tâm rồi,” bà Lynde nói đầy ẩn ý.

“Chao ôi, kể cho cháu nghe mọi tin tức của Avonlea đi,” Anne nói và ngồi xuống bậc thềm dưới hàng hiên, nơi nắng chiều rọi lên mái tóc cô tựa như làn mưa bụi vàng óng.

“Ở đây chẳng có gì mới ngoại trừ những chuyện chúng tôi kể trong thư,” bà Lynde cho biết. “Tôi nghĩ cháu chưa nghe tin Simon Fletcher bị gãy chân hồi tuần vừa rồi. Đó là một điều tuyệt vời cho gia đình của lão ta. Họ tùy ý làm hàng trăm việc mà trước giờ dù muốn họ cũng không thể vì lão ta luẩn quẩn xung quanh, đồ già mắc dịch khó tính.”

“Lão ta xuất thân từ một gia đình khó tính khó chịu,” bà Marilla nhận xét.

“Khó tính khó chịu? Ôi chao, chỉ thế thôi á! Mẹ lão thường đứng dậy trong các buổi họp cầu nguyện, phát biểu về những thiếu sót của lũ con và xin mọi người cầu nguyện cho chúng. Đương nhiên, điều đó làm chúng phát điên và còn hư hơn bao giờ hết.”

“Chị chưa kể cho Anne tin tức mới về Jane đấy,” Marilla nhắc.

“Ôi, Jane,” bà Lynde khịt mũi. “Ừ,” bà thừa nhận miễn cưỡng, “Jane Andrews trở về từ miền Tây - hồi tuần trước - và cô ả sắp kết hôn với một triệu phú ở Winnipeg. Cháu có thể chắc chắn rằng bà Harmon lập tức rêu rao tin này khắp bốn phương tám hướng.”

“Bạn cũ Jane yêu dấu - cháu mừng quá,” Anne chân thành thốt lên. “Cậu ấy xứng đáng được hưởng mọi điều tốt đẹp của cuộc sống.”

“Ôi, tôi chẳng có gì không ưa Jane cả. Cô ả là một cô gái khá tốt. Nhưng cô ả không thuộc giai cấp triệu phú, và cháu sẽ thấy gã đàn ông ấy chẳng có gì hay ngoại trừ đồng tiền của mình, thế đấy. Bà Harmon kể hẳn là một người Anh kiếm một mớ bộn từ quặng mỏ nhưng tôi tin chắc hẳn sẽ lộ mặt là một gã Yankee. Rõ ràng là hẳn có nhiều tiền lắm, vì hẳn phủ kín Jane bằng trang sức mà. Nhấn đính hôn của cô ả đính một cụm kim cương to đùng, trông như miếng vữa trát trên bàn tay ú nụ vậy.”

Bà Lynde không thể không giữ chút chua chát trong giọng điệu. Jane Andrews, cô nàng nhà quê nhỏ bé tầm thường, đã đính hôn với một anh chàng triệu phú, trong khi Anne, dường như, chẳng được ai hỏi tới, dẫu giàu hay nghèo. Và bà Harmon Andrews đúng là khoe khoang khoác lác không thể nào chịu đựng nổi.

“Thế Gilbert Blythe học hành thế nào ở trường đại học?” bà Marilla hỏi. “Ta thấy cậu chàng khi cậu ta về nhà tuần rồi, trông vừa gầy vừa xanh xao đến mức hầu như không thể nhận ra cậu ta.”

“Cậu ấy học hành rất chăm chỉ mùa đông vừa rồi,” Anne đáp. “Cô biết không, cậu ấy đoạt điểm danh dự cao nhất trong môn Hy La và nhận giải thưởng Cooper. Chưa

ai giành được nó suốt năm năm nay! Vì vậy, cháu nghĩ cậu ấy khá kiệt sức. Bọn cháu ai cũng mệt lả ra cả.”

“Nhưng dù sao chẳng nữa, cháu là cử nhân và Jane Andrews không phải và chẳng bao giờ có thể thành cử nhân nổi,” bà Lynde tuyên bố với vẻ hài lòng âm ỉ.

Vài buổi chiều sau đó Anne ghé thăm Jane, nhưng cô bạn đã đi Charlottetown rồi - “may đo quần áo”, bà Harmon tự hào thông báo cho Anne biết. “Trong tình hình thế này thì đương nhiên thợ may Avonlea không đủ sức để may vá cho Jane rồi.”

“Cháu nghe nói Jane rất hạnh phúc,” Anne nói.

“Ừ, Jane đã kiếm được một mối khá tốt, ngay cả khi nó không phải là cử nhân,” bà Harmon tán đồng, đầu hất lên. “Ông Inglis đáng giá cả triệu đô, và hai đứa nó định đi trăng mật ở châu Âu đấy. Khi trở lại, hai đứa sẽ sống trong một lâu đài cẩm thạch tuyệt vời ở Winnipeg. Jane chỉ có một vấn đề nho nhỏ thôi - nó nấu ăn rất ngon thế mà chồng nó không cho nó nấu ăn. Anh ta giàu đến nỗi thuê luôn cả đầu bếp. Nhà nó sẽ thuê một đầu bếp, hai cô giúp việc, một người đánh xe và một tay giúp việc lật vật. Nhưng cháu thì sao hở Anne? Tôi chẳng nghe tin gì về chuyện cưới xin của cháu, sau bao nhiêu năm ở trường đại học.”

“Ôi,” Anne phá lên cười, “cháu sẽ trở thành một bà cô độc thân. Thực sự thì cháu chẳng tìm được ai hợp cả.” Lời nói này của cô khá tinh quái. Cô cố ý nhắc nhở bà Andrews là dẫu cô có ở vậy không lấy chồng thì cũng không phải bởi vì chẳng có ít nhất một cơ hội nào. Nhưng bà Harmon đã nhanh chóng tìm ra cách trả đũa.

“Ôi chao, mấy cô nàng quá khó tính thì sẽ ế thôi, tôi để ý thấy thế. Và tôi còn nghe đồn Gilbert Blythe đã đính hôn với cô Stuart nào đó nữa? Charlie Sloane kể với tôi là cô nàng đẹp tuyệt vời. Có đúng vậy không?”

“Cháu không biết là cậu ấy có đính hôn với cô Stuart hay không,” Anne trả lời với vẻ phớt tỉnh, “nhưng đúng là cô ấy hết sức đáng yêu.”

“Tôi từng nghĩ rằng cháu và Gilbert là một đôi cơ đấy,” bà Harmon nói. “Nếu cháu không cẩn thận, Anne ạ, tất cả các anh chàng theo đuổi sẽ lọt khỏi tay cháu đấy.”

Anne quyết định không tiếp tục cuộc đấu tay đôi với bà Harmon nữa. Không thể đánh kiếm với một đối thủ luôn dùng rìu nặng đón đỡ những chiêu đâm hiểm.

“Jane đã không có nhà,” cô kiêu hãnh đứng dậy, “thì cháu nghĩ hôm nay cháu không thể ở chơi lâu hơn nữa. Cháu sẽ xuống thăm lần nữa khi cậu ấy về vậy.”

“Cứ đến đi,” bà Harmon nồng nhiệt chào mời. “Jane chẳng có chút kên kiệu nào đâu. Nó vẫn muốn chơi với bạn bè cũ như thuở nào. Nó sẽ rất vui khi gặp lại cháu.”

Anh chàng triệu phú của Jane đến vào cuối tháng

Năm và dẫn cô đi sau chuỗi tiệc tùng hào nhoáng. Bà Lynde rất hài lòng về ác ý khi phát hiện ra ông Inglis xấp xỉ bốn mươi, lùn, gầy và trông xám xịt. Có thể chắc chắn là bà Lynde không bỏ qua bất cứ khuyết điểm nào của anh chàng.

“Anh ta cần lấy toàn bộ vàng bạc ra thì mới che hết được khuyết điểm của mình, thế đấy,” bà Rachel long trọng tuyên bố.

“Anh ta trông có vẻ tử tế và tốt bụng,” Anne chân thành nhận xét, “và cháu chắc chắn rằng anh ta yêu Jane bằng cả thế giới này.”

“Hừm!” bà Rachel đáp trả.

Phil Gordon sẽ kết hôn vào tuần tới và Anne đến Bolingbroke để làm phù dâu. Phil trong vai cô dâu duyên dáng như một nàng tiên, và mục sư Jo rạng rỡ trông hạnh phúc đến mức chẳng ai nghĩ rằng anh chàng xấu trai cả.

“Bọn tớ sẽ tung tăng tung tẩy như đôi chim câu qua miền đất của nàng Evangeline^[23],” Phil nói, “và sau đó định cư ở đường Patterson. Mẹ nghĩ ở đây thật khủng khiếp - bà cho rằng ít nhất Jo cũng nên nhận một nhà thờ ở chỗ làng hoang nào đó. Nhưng với tớ chỉ cần có mặt Jo thì khu ổ chuột Patterson hoang dại cũng sẽ nở đầy hoa hồng. Ôi, Anne ơi, tớ hạnh phúc đến mức tim nhói đau.”

[23]. Tên truyện thơ dài của Henry Wadsworth Longfellow, kể chuyện nàng Evangeline bị chia cắt khỏi người yêu trong cuộc trục xuất người Acadia gốc Pháp khỏi Nova Scotia.

Anne luôn luôn vui mừng trước hạnh phúc của bạn bè; nhưng đôi khi cô cũng cảm thấy có chút cô đơn khi khắp nơi quanh cô toàn là hạnh phúc không phải là của riêng mình. Và cô cảm thấy y như thế khi trở lại Avonlea. Lần này đến lượt Diana tắm mình trong hào quang tuyệt vời của người phụ nữ khi đưa con đầu lòng nằm ngay cạnh bên. Anne ngắm bà mẹ trẻ nhợt nhạt với cảm giác ngưỡng mộ mà cô chưa từng cảm thấy ở Diana trước đây. Người phụ nữ nhợt nhạt với ánh mắt hạnh phúc tốt đỉnh ấy có phải là cô bé Diana tóc đen xoăn tít, má đỏ hồng từng chơi đùa với cô trong những ngày thơ ấu đã qua hay không? Cô có một cảm giác cô đơn kỳ lạ rằng hình như mình chỉ thuộc về những năm tháng đã qua và chẳng có việc gì để làm trong thời hiện tại cả.

“Chẳng phải nó đẹp đến hoàn hảo sao?” Diana tự hào hỏi.

Cậu bé mũm mĩm trông giống Fred đến mức đáng kinh ngạc - cũng tròn vo và da đỏ au y như thế. Anne không thể trung thực với lương tâm khi cho rằng cậu bé thật đẹp, nhưng cô thề đầy chân thành rằng trông cậu bé rất dễ thương, nhìn là muốn hôn và nói chung là rất tuyệt.

“Trước khi thằng bé ra đời, tớ muốn có một đứa con gái, để tớ có thể đặt tên nó là Anne,” Diana nói. “Nhưng bây giờ khi bé Fred nằm đây rồi tớ sẽ không đổi thằng bé lấy cả triệu cô bé gái khác. Thằng bé chỉ cần là chính bản thân mình cũng quá đủ tuyệt vời rồi.”

“‘Mỗi đứa bé sơ sinh đều ngọt ngào nhất và tuyệt vời nhất,’” bà Allan vui vẻ trích dẫn. “Nếu bé Anne thực sự ra đời em sẽ cảm thấy y hệt như vậy về cô bé.”

Bà Allan trở về thăm lại Avonlea lần đầu tiên kể từ khi rời đi. Bà vẫn vui vẻ, ngọt ngào và đầy cảm thông như ngày xưa. Các cô bạn gái cũ của bà vui sướng chào đón bà trở lại. Vợ của vị mục sư hiện tại là một quý bà đáng trọng, nhưng bà ta không hẳn là tri âm tri kỷ.

“Tớ khó mà chờ đợi nổi đến khi thằng bé đủ lớn để nói chuyện,” Diana thở dài. “Tớ khao khát được nghe nó gọi ‘mẹ’. Và ôi chao, tớ quyết tâm để cho ký ức đầu tiên của

thằng bé về tớ sẽ là một kỷ niệm đẹp. Kỷ niệm đầu tiên của tớ về mẹ là việc mẹ tát tớ vì một tội gì đó. Tớ chắc rằng thế là đáng tội, và mẹ luôn luôn là một người mẹ tốt và tớ yêu mẹ nhiều lắm. Nhưng tớ ước gì kỷ niệm đầu tiên về mẹ tốt đẹp hơn thế.”

“Tôi có chỉ là một kỷ niệm duy nhất về mẹ và đó là kỷ niệm ngọt ngào nhất của tôi,” bà Allan kể. “Lúc ấy tôi mới năm tuổi, và được phép đi học với hai chị gái. Khi tan trường, hai bà chị đi về nhà trong hai nhóm khác nhau, ai cũng đình ninh tôi đi với người kia. Thay vào đó, tôi chạy theo một cô bạn nhỏ chơi cùng trong giờ giải lao. Chúng tôi về nhà cô bạn, nơi đó khá gần trường học, và bắt đầu vọc bùn. Chúng tôi nô đùa thỏa thích cho đến khi gái tôi chạy tới, thở hổn hển đầy tức giận.

“‘Con bé hư kia,’ chị kêu lên, giật lấy bàn tay miễn cưỡng của tôi. ‘Về nhà ngay. Ồ, em sẽ no đòn! Mẹ bực khùng khiếp. Mẹ sẽ đánh em một trận ra trò.’

“Tôi chưa ăn đòn lần nào. Nỗi sợ hãi khủng khiếp đầy ắp trái tim bé bỏng tội nghiệp của tôi. Cả đời tôi chưa bao giờ đau khổ như khi đi bộ về nhà hôm đó. Tôi đâu có ý định hư đâu. Phemy Cameron rủ tôi về nhà với cậu ấy và tôi không biết như vậy là sai. Và bây giờ tôi sắp bị ăn đòn vì chuyện đó. Khi về đến nhà, bà chị kéo tôi vào bếp, nơi mẹ đang ngồi cạnh lò sưởi dưới ánh chiều chạng vạng. Đôi chân bé bỏng đáng thương của tôi run lẩy bẩy đến mức đứng không vững. Và mẹ - mẹ chỉ ôm chầm tôi trong vòng tay, không có một lời khiển trách hoặc mắng mỏ, mẹ hôn tôi và áp tôi sát vào tim. ‘Mẹ sợ quá tưởng con đi lạc mất, cưng à,’ mẹ dịu dàng nói. Tôi có thể nhìn thấy tình yêu thương rục rịch chảy trong mắt mẹ khi mẹ nhìn xuống tôi. Mẹ không hề mắng hay trách móc tôi về chuyện tôi đã làm - chỉ dặn rằng tôi không được đi nơi khác mà chưa xin phép. Mẹ mất ngay sau đó. Đó là kỷ niệm duy nhất của tôi về mẹ. Kỷ niệm ấy thật đẹp phải không?”

Anne cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết khi đi dọc theo lối Bạch Dương và hồ Liễu Rủ về nhà. Cô đã không đi theo lối đó nhiều tháng nay. Đó là một buổi tối tím sẫm thắm đẫm mùi thơm. Mùi hoa sục nức trong không khí - gần như quá nồng nặc. Mọi giác quan chùn lại trước mùi hương ấy như thể né tránh một chén rượu quá đầy. Những cây bạch dương đã lớn vọt từ những chồi non uyển chuyển. Tất cả mọi thứ đã thay đổi. Anne nghĩ mình sẽ rất vui khi mùa hè trôi qua và cô bắt đầu bắt tay làm việc. Có lẽ cuộc sống khi đó sẽ không còn quá trống rỗng nữa.

“‘Tôi đã thử ném mùi thế giới

Nó chẳng còn vị lãng mạn khi xưa.”

Anne thở dài - và ngay lập tức cảm thấy được an ủi bởi suy nghĩ lãng mạn rằng thế giới này đã bị tước đi mọi nỗi lãng mạn!

Chương 40: Sách Khải huyền

Gia đình Irving trở lại Nhà Vọng trong dịp hè, và Anne ở chơi ba tuần vui vẻ nơi đó vào tháng Bảy. Cô Lavendar vẫn không thay đổi; Charlotta Đệ Tứ giờ đã là một quý cô trẻ tuổi trưởng thành, nhưng cô bé vẫn rất chân thành gương mặt Anne.

“Suy đi tính lại, thưa cô Shirley, cháu chẳng thấy bất kỳ ai ở Boston sánh bằng cô,” cô bé thẳng thắn tuyên bố.

Paul cũng gần như là người lớn rồi. Cậu bé mười sáu tuổi, những lọn tóc hạt dẻ của cậu đã được thay thế bởi mái tóc nâu cắt sát, và cậu quan tâm đến bóng đá hơn là các nàng tiên. Nhưng mối dây liên hệ giữa cậu và cô giáo cũ vẫn gắn bó như xưa. Tri âm tri kỷ không bị ảnh hưởng bởi năm tháng đổi thay.

Anne trở lại Chái Nhà Xanh vào một buổi tối tháng Bảy ẩm ướt, ẩm đạm, và khắc nghiệt. Một trong những cơn bão mùa hè khốc liệt thường hay quét ngang qua vùng vịnh hiện đang hoành hành ngoài biển. Khi Anne bước vào nhà, những giọt mưa đầu tiên tạt mạnh vào cửa kính.

“Có phải Paul đưa cháu về không?” bà Marilla hỏi. “Sao cháu không bảo thằng bé nghỉ lại qua đêm. Tối nay thời tiết tệ lắm.”

“Cậu bé sẽ về tới Nhà Vọng trước khi mưa bắt đầu nặng hạt, cháu nghĩ thế. Dù sao, cậu bé cũng muốn về nhà tối nay. Chao ôi, cháu đã có một chuyến đi chơi tuyệt vời nhưng cháu rất vui khi được gặp lại mọi người thân yêu trong nhà. ‘Ở Đông hay ở Tây, ao nhà vẫn nhất.’ Davy, dạo gần đây cháu lớn tướng lên đấy nhỉ?”

“Cháu đã cao lên hẳn ba phân kể từ khi cô đi nhé,” Davy tự hào thông báo. “Giờ cháu cao bằng Milty Boulter rồi. Cháu vui quá xá. Giờ nó phải dứt trò huênh hoang là mình cao hơn rồi. Nay cô Anne, cô có biết chuyện Gilbert Blythe sắp chết không?” Anne sững ra im lặng và bất động, nhìn chằm chằm Davy. Khuôn mặt cô tái nhợt đến mức bà Marilla nghĩ cô sắp ngất xỉu.

“Davy, giữ mồm giữ miệng nào,” bà Rachel giận dữ mắng. “Anne, đừng như thế - đừng làm vẻ mặt như thế! Chúng tôi không định cho cháu biết một cách đột ngột như vậy.”

“Thật - vậy - sao?” Anne hỏi với giọng như không phải của mình.

“Gilbert bệnh rất nặng,” bà Lynde trầm trọng kể. “Cháu ta bị sốt thương hàn ngay sau khi cháu đi Nhà Vọng. Cháu không nghe tin đó sao?”

“Không,” giọng xa lạ ấy trả lời.

“Ngay từ đầu đó đã là một ca khá nặng. Bác sĩ nói cháu ta yếu quá rồi. Họ mời một y tá chuyên nghiệp và làm mọi điều có thể. Đừng như thế mà Anne. Còn sống thì còn hy vọng.”

“Ông Harrison ghé qua hồi chiều và nói rằng anh ấy chẳng còn hy vọng gì cả,” Davy nhắc lại.

Bà Marilla, với vẻ già nua, rã rời và mệt mỏi, đứng dậy và dứt khoát tống cổ Davy ra khỏi bếp.

“Ô, đừng như thế, bé thân yêu,” bà Rachel kêu lên, âu yếm khoác đôi tay già nua quanh cô gái mặt tái nhợt. “Tôi vẫn chưa hết hy vọng, thực sự là vẫn chưa hết mà. Cháu ấy vốn khỏe như voi, nhà Blythe là vậy mà, thế đấy.”

Anne nhẹ nhàng gỡ tay bà Lynde ra, thần thờ đi băng qua gian bếp, xuyên qua hành lang, lên cầu thang vào phòng mình. Bên cửa sổ, cô quỳ xuống, nhìn chăm chăm ra ngoài nhưng chẳng thấy được gì. Trời tối om. Mưa xối xả xuống cánh đồng sũng nước. Rừng Ma Ám lờng lộng tiếng rên rỉ của những thân cây vụn vẹo trong cơn bão, bầu không khí hỗn hển với tiếng sóng dữ ầm ầm ngoài bãi biển đằng xa. Và Gilbert đang hấp hối!

Đời ai cũng có một chương sách Khải huyền, như chương cuối trong Kinh Thánh. Lời mạc khải đến với Anne vào cái đêm chua chát ấy, khi cô khắc khoải thức chờ đợi

suốt thời gian bão táp và bóng tối. Cô yêu Gilbert - vẫn luôn yêu anh từ trước đến giờ! Giờ cô đã biết điều đó. Cô biết rằng mình chẳng thể vứt bỏ anh khỏi đời mà không phải quần quai đau đớn, cũng như cô chẳng thể cắt bỏ bàn tay phải của mình vậy. Và cô nhận ra điều này quá muộn - quá muộn thậm chí không có cả niềm an ủi cay đắng khi được ở cạnh anh cho đến giây phút cuối cùng. Nếu cô không mù quáng như vậy - không ngu ngốc như vậy - cô đã có quyền được ở bên cạnh anh bây giờ rồi. Nhưng anh sẽ không bao giờ biết chuyện cô yêu anh - anh sẽ rời khỏi cuộc đời này, nghĩ rằng cô chẳng hề quan tâm đến mình. Ôi, những năm tháng đen tối trông vắng dài dằng dặc trước mặt! Cô không thể trải qua chúng được - cô không thể! Cô sụm người bên cửa sổ, và ước ao, lần đầu tiên trong quãng đời trẻ trung vô tư lự, rằng mình có thể cũng chết đi theo anh. Nếu Gilbert bỏ cô mà đi, không có lời nào, dấu hiệu nào hay lời nhắn nào, cô không thể sống tiếp được. Chẳng thứ gì đáng giá khi không có anh. Cô thuộc về anh và anh thuộc về cô. Trong giây phút đau đớn đến cực điểm, cô không nghĩ ngợi gì về điều đó. Anh không yêu Christine Stuart - chưa bao giờ yêu Christine Stuart. Ôi, cô thật ngốc nghếch khi không nhận ra bản chất mối dây liên hệ giữa cô và Gilbert - khi nghĩ rằng cảm giác thú vị được tặng bốc khi ở với Roy Gardner là tình yêu. Và bây giờ cô phải trả giá cho sự ngu ngốc của mình như trả giá cho một tội ác.

Bà Lynde và bà Marilla rón rén đến bên cửa phòng cô trước khi đi ngủ, thăm lặng lắc đầu nhìn nhau, rồi rời đi. Con bão hoành hành suốt đêm, nhưng khi bình minh đến nó cũng kịp chấm dứt. Anne thấy một luồng sáng thần tiên lóe lên khỏi diềm bóng tối. Chẳng bao lâu sau, đỉnh đồi phía Đông đã được viền một đường lửa đỏ rực như hồng ngọc. Những đám mây cuộn mình thành những mảng trắng mềm mại menh mang nơi chân trời; bầu trời xanh lấp lánh ánh bạc. Thế giới chìm đắm trong tĩnh lặng.

Anne đứng dậy và lên xuống lầu. Làn gió sau cơn mưa tươi mát thổi vào khuôn mặt tái nhợt của cô khi cô bước ra sân và làm dịu đi đôi mắt nóng rực khô lệt. Một tiếng huýt sáo vui nhộn ngân nga ngoài đường. Ngay sau đó Pacifique Buote xuất hiện.

Bao sức lực của Anne chợt rời bỏ cô. Nếu không níu lấy một nhánh liễu sà thấp, chắc cô đã ngã quỵ. Pacifique làm thuê cho George Fletcher, láng giềng nhà Blythe. Bà Fletcher là dì của Gilbert. Pacifique sẽ biết liệu... liệu... Pacifique sẽ biết điều gì cần biết.

Pacifique rảo bước ung dung trên con đường đất đỏ, miệng huýt sáo. Anh ta không nhìn thấy Anne. Cô cố gọi anh ta ba lần nhưng thất bại. Anh ta gần như đi khuất hẳn trước khi cô kịp run rẩy cất tiếng gọi, “Pacifique!”

Pacifique quay lại với một nụ cười tươi rói và lời chúc buổi sáng tốt lành.

“Pacifique,” Anne thì thào, “anh có ghé qua nhà George Fletcher hồi sáng phải không?”

“Đương nhiên,” Pacifique vui vẻ đáp. “Tối qua tui nhận được tin ba tui bị bệnh. Bão lớn quá tui không thể đi ngay được, nên sáng sớm nay tui mới lên đường. Tui đi đường tắt xuyên qua rừng.”

“Thế anh có biết sáng nay tình hình Gilbert Blythe thế nào không?” Nỗi tuyệt vọng buộc Anne phải hỏi thẳng. Thà biết được tin tệ hại nhất còn hơn chịu đựng cảnh hồi hộp lửng lơ khủng khiếp này.

“Cậu ta khỏe hơn rồi,” Pacifique đáp. “Tối qua cậu ta đã vượt qua giai đoạn tệ hại nhất. Bác sĩ nói giờ thì cậu ta sẽ nhanh chóng khỏe lại thôi. Nhưng cũng suýt chết đấy! Cậu chàng này tự giết mình ở đại học mà. Ôi, tui phải đi nhanh thôi. Ông già nhà tui chắc đang chờ tui dữ lắm.” Pacifique tiếp tục huýt sáo và bước đi. Anne nhìn theo anh ta, trong đôi mắt cô, niềm vui đã nhấn chìm bao khắc khoải bồn chồn đêm tối. Anh ta là một thanh niên gầy gò, ăn mặc luộm thuộm và rất xấu trai. Nhưng trong mắt cô, anh ta đẹp như người loan báo tin mừng trên đồi núi^[24]. Suốt cuộc đời này, mỗi lần nhìn thấy khuôn mặt tròn rám nắng tóc đen của Pacifique, Anne luôn lùi ngùi nhớ lại giây phút anh ta đem lại niềm vui sướng khôn ngần cho cô sau giây phút bàng hoàng tang tóc.

[24]. Cựu ước, sách Isaiah 52:7: “Đẹp thay trên đồi núi, bước chân người loan báo tin mừng, công bố bình an, người loan tin hạnh phúc, công bố ơn cứu độ.”

Thật lâu sau khi tiếng huýt sáo vui tươi của Pacifique đã nhạt đi thành điệu nhạc ngân nga rồi chìm trong sự tĩnh mịch của những cây phong trên đường Tình Nhân, Anne vẫn đứng dưới hàng liễu, nếm vị ngọt gắt của cuộc đời khi nỗi đe dọa khủng khiếp đã rời đi. Buổi sáng là một tách trà đông đầy sương mờ mê hoặc. Ở một góc gần đó là cụm hoa hồng mới nở ngỡ ngàng, lóng lánh sương sớm. Trên tàng cây cổ

thụ, chim chóc ca hát líu lo với giai điệu hết sức phù hợp với tâm trạng của cô bây giờ. Một câu từ một chương sách hết sức cổ xưa, chân thật và tuyệt vời dâng lên nơi đôi môi cô:

“Nước mắt ngậm ngùi suốt đêm, nhưng niềm vui bước đến vào sáng sớm.”^[25]

[25]. Cựu ước, sách Thánh vịnh 30:5.

Chương 41: Tình yêu lấp đầy khoảng cách thời gian

“Chiều nay cậu đi ngao du đâu đó với tớ trong rừng tháng Chín hay ‘trên đồi ngào ngạt hương thơm’ [26], như thuở trước nhé,” Gilbert rủ rê, anh đột ngột xuất hiện ở góc hàng hiên. “Chúng mình ghé thăm khu vườn của Hester Gray thử xem.”

[26]. *Thơ Isaac Watts.*

Anne, ngồi trên thềm đá với một mớ xanh nhạt mỏng mảnh bồng bềnh trong lòng, ngẩng đầu lên sững sờ.

“Ôi, giá như tớ đi được,” cô chậm rãi đáp, “nhưng tớ thực sự không rảnh, Gilbert ạ. Chiều nay tớ phải đi dự đám cưới của Alice Penhallow, cậu biết mà. Tớ phải sửa sang chiếc váy này một chút, khi sửa xong thì đến lúc tớ phải đi chuẩn bị dự tiệc rồi. Tớ rất lấy làm tiếc. Tớ muốn đi lắm.”

“Ôi dào, thế cậu có thể đi vào chiều mai không?” Gilbert hỏi với vẻ không mấy thất vọng.

“Được chứ, tớ nghĩ thế.”

“Trong trường hợp đó, tớ sẽ về nhà ngay để thu xếp vài ba chuyện lẽ ra phải làm vào ngày mai. Vậy là tối nay Alice Penhallow sẽ kết hôn. Cậu dự đến ba đám cưới trong một mùa hè, Anne ạ - đám cưới của Phil, Alice và Jane. Tớ sẽ không bao giờ tha thứ cho Jane vì không mời tớ đến đám cưới.”

“Cậu thực sự không thể trách cậu ấy khi nhớ tới số khách mời đông đảo của họ hàng nhà Andrews. Căn nhà hầu như không có đủ chỗ cho tất cả mọi người nữa là. Tớ được mời là nhờ vào tình bạn lâu năm với Jane thôi - ít nhất đó là lý do của Jane. Tớ cho rằng động cơ của bà Harmon là cho tớ chứng kiến vẻ huy hoàng tột đỉnh của Jane.”

“Có phải cậu ấy đeo nhiều kim cương đến mức cậu không nhìn thấy được Jane bên dưới không?” Anne phá lên cười.

“Cậu ấy rõ ràng là đeo không ít rồi. Với tất cả các viên kim cương, xa tanh trắng, ren, đăng ten, hoa hồng và hoa cam, cô nàng Jane nghiêm nghị bé nhỏ gần như bị dè bẹp. Nhưng cậu ấy đã rất hạnh phúc, anh Inglis cũng thế - và bà Harmon cũng vậy.”

“Đó có phải là bộ váy cậu định mặc đêm nay không?” Gilbert nhìn xuống đồng lòng phùng xếp nếp đăng ten trên tay cô.

“Ừ. Đẹp không? Và tớ sẽ cài hoa sao trên tóc. Mùa hè này rừng Ma Âm đầy nhóc hoa sao.”

Gilbert chợt tưởng tượng ra cảnh Anne khoác bộ váy màu xanh non, lộ cánh tay trần và cẳng cổ cao trong sáng, những đóa hoa sao trắng muốt lấp lánh trên búi tóc đỏ sẫm. Cảnh tượng ấy khiến anh như nghẹn thở. Nhưng anh nhẹ nhàng quay đi.

“Ừ, mai tớ sẽ tới. Hy vọng tối nay cậu sẽ đi chơi thật vui.”

Anne nhìn theo khi anh rảo bước rời đi, rồi cô thở dài. Gilbert cư xử thân thiện với cô - rất thân thiện - quá mức thân thiện. Sau khi khỏi bệnh, anh rất thường ghé thăm Chái Nhà Xanh, và một chút gì đó của tình bạn lâu năm đã quay trở lại. Nhưng Anne không còn cảm thấy hài lòng với nó nữa. Đóa hồng tình yêu khiến bông hoa tình bạn trở nên nhạt nhòa và thiếu hương thơm. Và Anne một lần nữa bắt đầu nghi ngờ rằng giờ Gilbert chỉ còn lại mỗi tình bạn với cô. Trong ánh sáng bình thường của một ngày tầm thường, sự tin chắc rạng ngời vào buổi sáng đầy hạnh phúc đó bắt đầu nhạt nhòa đi. Cô bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ khủng khiếp rằng chẳng còn cơ hội để sửa chữa sai lầm của cô nữa. Rất có khả năng cuối cùng thì Christine mới là người mà Gilbert yêu. Có lẽ anh thậm chí đã đính hôn với cô ta. Anne từng cố gắng đẩy tất cả những mong mỏi nhận nhạo ấy ra khỏi trái tim, và buộc mình chấp nhận một tương lai nơi công việc và tham vọng sẽ thế chỗ cho tình yêu. Với nghề dạy học cô có thể trở thành một con người có ích, dẫu chưa hẳn là cao quý, những bản thảo nho nhỏ của cô bắt đầu đạt được nhiều thành công nơi phòng làm việc của vài ba nhà biên tập, có vẻ là điềm tốt cho những giấc mơ văn học vừa chớm nở của cô. Nhưng... nhưng... Anne cầm chiếc váy màu xanh lá lên và thở dài một lần nữa.

Chiều hôm sau, khi Gilbert đến nơi, anh thấy Anne đang chờ sẵn, tươi mát như bình minh và đom đóm như ánh sao, sau một đêm náo nhiệt tưng bừng. Cô mặc một

chiếc váy màu xanh lá cây - không phải chiếc váy đi dự đám cưới, đó là một chiếc váy cũ mà Gilbert từng khen xuýt xoa tại một buổi tiệc ở Redmond. Màu xanh lá cây ấy làm nổi bật mái tóc rực rỡ đa sắc điệu, đôi mắt xám lấp lánh và làn da mịn màng như hoa diên vĩ của cô. Gilbert liếc sang cô khi họ đi dọc theo một con đường rừng âm u, và nghĩ rằng cô chưa bao giờ đáng yêu đến vậy. Anne thỉnh thoảng cũng lại liếc sang Gilbert, nghĩ bụng anh đã trưởng thành biết bao kể từ sau cơn bệnh. Đường như anh đã bỏ lại thời niên thiếu đằng sau mãi mãi.

Ngày hôm đó rất đẹp và cảnh bên đường thật tuyệt vời. Anne có chút tiếc nuối khi họ đã đến khu vườn của Hester Gray, và ngồi xuống trên băng ghế cũ. Nhưng khu vườn cũng rất đẹp - y hệt như chuyến Dã Ngoại Tuyệt Vời thuở xưa cũ, khi Diana, Jane, Priscilla và cô tìm thấy nó. Lúc ấy nó thực đáng yêu với hoa thủy tiên và hoa violet; giờ đây khóm cúc hoàng anh đã thấp sáng những ngọn đuốc yếu điệu nơi góc vườn điểm xuyết những đóa cúc tây xanh lơ. Tiếng suối gọi róc rách vẫn mê hoặc như thuở nào, văng lại từ thung lũng bạch dương băng qua cánh rừng; tiếng biển cả thì ào lấn trong bầu không khí ngọt lịm; ngoài kia là những cánh đồng được viền quanh bởi dãy hàng rào xám bạc màu nắng thời gian, và những đám mây thu tỏa bóng vắt vẻo trên những ngọn đồi dài dằng dặc, gió Tây thổi lại kéo theo những giấc mơ xưa.

“Tớ nghĩ,” Anne khẽ khàng, “vùng đất nơi ước mơ thành hiện thực’ nằm ở lớp sương mù xanh lam đằng kia, bên ngoài thung lũng bé xíu ấy.”

“Thế cậu có giấc mơ nào chưa thành hiện thực không hở Anne?” Gilbert hỏi.

Có chút gì đó trong giọng điệu của anh - chút gì đó mà cô chưa được nghe lại kể từ buổi chiều đầy đặn vật nơi khu vườn ăn trái ở Nhà Patty - khiến tim Anne thổn thức dồn dập. Nhưng cô chỉ đáp lại một cách vui tươi.

“Đương nhiên rồi. Ai chẳng thế. Nếu mọi giấc mơ đều thành hiện thực cả thì chẳng có gì hay ho cả. Nếu không có gì để mơ ước nữa thì thà chết còn hay hơn. Mùi hương mặt trời chiều đang chiết xuất từ cúc tây và dương xỉ thật thơm ngọt quá. Tớ ước gì ta có thể vừa ngửi thấy vừa nhìn thấy mùi hương. Tớ chắc chắn rằng chúng sẽ rất mỹ lệ.”

Gilbert không để bị đánh trống lảng đi như vậy.

“Tớ có một giấc mơ,” anh chậm rãi nói. “Tớ cứ cứng đầu mơ mộng giấc mơ ấy, đầu nhiều lúc tớ cứ ngỡ nó chẳng thể nào thành hiện thực. Tớ mơ về một ngôi nhà với bếp lửa đỏ hồng ấm cúng, một chú mèo và một chú chó, bước chân bạn bè rộn rã - và em!”

Anne muốn lên tiếng nhưng cô chẳng thể tìm thấy từ ngữ nào. Hạnh phúc vỡ òa trong cô như một làn sóng. Nó gần như khiến cô khiếp hãi.

“Anh từng hỏi em hai năm về trước, Anne ạ. Nếu hôm nay anh hỏi em lần nữa, em sẽ cho anh câu trả lời khác chứ?”

Anne vẫn không thể thốt nên lời. Nhưng cô ngược mắt lên, đôi mắt sáng bừng với niềm hạnh phúc của bao nhiêu thế hệ đã qua, và đăm đăm nhìn vào mắt anh một thoáng. Anh chẳng cần câu trả lời nào khác nữa.

Họ tha thẩn trong khu vườn hoang cho đến lúc ánh chiều chạng vạng, ngọt ngào chẳng kém buổi hoàng hôn ở vườn Địa Đàng, rón rén đến bên. Có rất nhiều điều để kể, để ôn lại - những điều đã nói, đã làm, đã nghe, đã nghĩ, đã cảm nhận và đã hiểu lầm.

“Em cứ ngỡ anh yêu Christine Stuart,” Anne nói một cách trách móc như thể cô chẳng hề cho anh vô số lý do để tin rằng cô yêu Roy Gardner.

Gilbert cười bẽn lễn.

“Christine đã đính hôn với ai đó ở quê nhà từ trước rồi. Anh biết chuyện đó, và cô ấy biết là anh biết. Khi anh trai cô ấy tốt nghiệp, cậu ta bảo anh là em gái mình sắp đến Kingsport vào mùa đông tới để học nhạc, và nhờ anh để ý một chút, bởi cô ấy chẳng quen ai và sẽ rất cô đơn. Thế là anh giúp cô ấy. Và rồi anh mến Christine vì chính tính cách của cô ấy. Cô ấy là một trong những cô gái dễ thương nhất mà anh đã từng biết. Anh biết đám bạn đại học đồn đãi rằng bọn anh yêu nhau. Anh chẳng quan tâm. Quãng thời gian ấy, chẳng gì có ý nghĩa với anh cả, sau khi em nói là chẳng bao giờ có thể yêu anh, Anne ạ. Không có ai khác cả - với anh chẳng thể có ai khác ngoại trừ em. Anh đã yêu em kể từ ngày em đập tấm bảng lên đầu anh trong giờ học.”

“Em chẳng hiểu vì sao anh có thể mãi yêu em khi em cứ là một con ngốc như thế,” Anne than thở.

“Ừ thì anh đã cố gắng dừng lại,” Gilbert thẳng thắn đáp, “không phải vì anh nghĩ về em như em nói, nhưng vì anh chắc chắn rằng mình chẳng còn cơ hội nào sau khi Gardner xuất hiện. Nhưng anh không dừng được - và anh cũng chẳng thể diễn đạt được cảm nhận của mình trong hai năm ròng rã vừa qua, tin chắc rằng em sẽ cưới anh ta, và tuần nào cũng nghe vài ba tay nhiều chuyện bảo rằng em sắp công bố tin tức đính hôn. Anh hoàn toàn tin vào điều đó cho đến một ngày may mắn nọ khi ngồi dậy sau cơn sốt. Anh nhận được một lá thư từ Phil Gordon - giờ thì đã là Phil Blake - trong thư, cậu ấy bảo rằng thực ra chẳng có gì xảy ra giữa em và Roy, và khuyên anh nên ‘thử lại’. Ôi chao, bác sĩ đã rất ngạc nhiên trước sự hồi phục nhanh chóng của anh sau đó.”

Anne phá lên cười - rồi rùng mình.

“Em không bao giờ quên được cái đêm mà em tưởng anh đang hấp hối, Gilbert ạ. Ôi, em biết - khi đó em đã vỡ lẽ ra - và em nghĩ rằng đã quá muộn.”

“Nhưng không phải vậy mà, em yêu. Ôi, Anne, giây phút này đã đủ bù đắp lại tất cả rồi, chẳng phải vậy sao? Chúng ta hãy quyết tâm giữ gìn vẻ đẹp hoàn hảo của ngày thiêng liêng này trong cả cuộc đời, bởi món quà quý giá mà nó mang lại cho chúng ta.”

“Hôm nay là ngày mà hạnh phúc của chúng ta ra đời,” Anne khẽ khàng tiếp. “Em luôn luôn yêu mến khu vườn cũ này của Hester Gray, và giờ nó càng trở nên thân thương hơn bao giờ hết.”

“Nhưng anh phải xin em đợi một thời gian dài, Anne ạ,” Gilbert buồn bã nói. “Khóa học y của anh kéo dài đến tận ba năm. Và ngay cả khi đó, sẽ không có trang sức kim cương lấp lánh và lâu đài lát đá cẩm thạch đâu.” Anne phá lên cười.

“Em chẳng cần trang sức lẫn lâu đài. Em chỉ cần anh thôi. Anh thấy không, em cũng không biết xấu hổ chẳng kém gì Phil. Trang sức và lâu đài cẩm thạch nói chung thì tuyệt thật, nhưng không có chúng thì càng có nhiều ‘khoảng trống cho trí tưởng tượng’ mà. Còn chuyện chờ đợi thì chẳng quan trọng gì đâu. Chúng mình sẽ luôn

hạnh phúc, chờ đợi và phấn đấu vì nhau - và mơ mộng nữa. Ôi, giờ thì những giấc mơ sẽ ngọt ngào biết mấy.”

Gilbert kéo cô lại gần và hôn cô. Sau đó họ đi về nhà trong ánh chiều tà như vua và hoàng hậu vừa bước lên ngai vàng của vương quốc tình yêu, dọc theo lối đi quanh co, những đóa hoa ngọt ngào nhất nở rộ, và ngoài kia nơi cánh đồng mờ ảo, gió của hy vọng và kỷ niệm reo vui.

-Hết-

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>